



Champaka 12

ဇာတိကုဏ္ဍိယ ဝိသုဒ္ဓိ ဝိသုဒ္ဓိ ဝိသုဒ္ဓိ ဝိသုဒ္ဓိ ဝိသုဒ္ဓိ ဝိသုဒ္ဓိ



Vương quốc Champa

Lịch sử 33 năm cuối cùng
(1802-1835)

Pgs. Ts. Po Dharma

Ấn hành dưới sự bảo trợ của

The Council for the Social-Cultural Development of Champa

International Office of Champa

San Jose, California, USA

2013

Pgs. Ts. Po Dharma



Vương quốc Champa

Lịch sử 33 năm cuối cùng (1802-1835)

Pgs. Ts. Po Dharma là người Chăm Ninh Thuận, tốt nghiệp tiến sĩ tại trường đại học Sorbonne (Paris) vào năm 1986 về ngành sử học, chuyên về lịch sử và nền văn minh Champa. Ông đã từng viết 12 tác phẩm và làm chủ biên 7 công trình nghiên cứu xuất bản bằng tiếng Pháp và tiếng Mã. Ngoài ra ông còn là tác giả của 45 bài khảo luận được đăng trên các báo chí khoa học trên thế giới.

Tác phẩm mang tựa đề *Vương Quốc Champa: Lịch sử 33 năm cuối cùng* là đề tài luận án tiến sĩ của ông được Viện Viễn Đông Pháp ấn hành vào năm 1987 tại Paris. Trong tác phẩm này, tác giả dựa vào nguồn tư liệu viết bằng tiếng Chăm và biên niên sử Việt Nam để phát họa lại những gì đã xảy ra ở Champa từ năm 1802 đến năm 1835. Đây là khoảng thời gian 33 năm với bao sự thăng trầm trong mối liên hệ giữa Champa và triều đình Huế, trước khi vua Minh Mệnh quyết định xóa bỏ danh xưng vương quốc này trên bản đồ vào năm 1832 về tội theo Lê Văn Duyệt và không phục tùng uy quyền của nhà nước Việt Nam.



Champaka 12

ဇာတက ဓဇာ ဃုဒ္ဓါ ဗာကာဇာက ဓဇာ ဣဇာဇာ ဗာဇာ

Pgs. Ts. Po Dharma

Vương Quốc Champa

Lịch sử 33 năm cuối cùng
(1802-1835)

Ấn hành dưới sự bảo trợ của

**The Council for the Social-Cultural
Development of Champa**

International Office of Champa

San Jose, California, USA

2013

Qui chế Champaka

Champaka là trung tâm khoa học hình thành vào năm 1999, tập trung những chuyên gia trên thế giới nhằm góp phần vào công trình nghiên cứu về lịch sử và nền văn minh của vương quốc Champa.

Sáng lập viên

Hassan Poklaun, Po Dharma

Tổng biên tập

Pgs. Ts. Po Dharma (Viện Viễn Đông Pháp)

Ban biên tập

Gs.. Ts. Danny Wong Tze-Ken (Đại học Malaya, Mã Lai)

Ts. Nicolas Weber (Viện INALCO, Paris)

Ts. Shine Toshihiko (Đại học Kyoto, Nhật Bản)

Pgs. Ts. Liu Zhi Qiang (Đại học Dân Tộc, Quảng Tây)

Pts. Emiko Stok (Đại học Nanterre, Paris)

Abdul Karim (Viện Bảo Tàng Quốc Gia, Mã Lai)

Trụ sở biên tập

56 Square des Bauves

95140 Garges Les Gonesse, France

Email: champaka.info@club-internet.fr

Web: <http://www.champaka.info>

Trụ sở cơ quan ấn hành

International Office of Champa (IOC-Champa)

PO Box 28024, Anaheim, CA 92809, USA

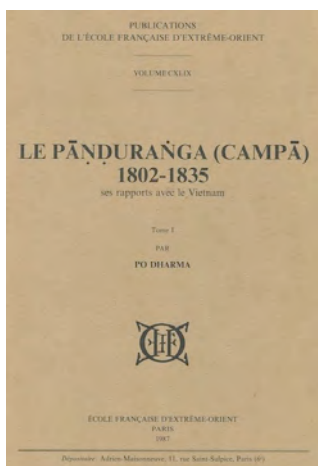
© **Champaka 2013**

Hình bìa: Ấn triện Champa thế kỷ XVIII

(Photo: Po Dharma)

Vương Quốc Champa

Lịch sử 33 năm cuối cùng (1802-1835)



Vương quốc Champa : Lịch sử 33 năm cuối cùng (1802-1835) là tác phẩm viết bằng tiếng Pháp với tựa đề : *Le Panduranga (Campa). Ses rapports avec le Vietnam (1802-1835)* do Viện Viễn Đông Pháp ấn hành tại Paris vào năm 1987 gồm hai tập (198 + 273 tr.), được phép chuyển ngữ sang tiếng Việt, có phần sửa chữa và phong cách trình bày mới.

Đây là giấy phép của Viện Viễn Đông Pháp ngày 18/03/2013:

Cher Po Dharma,

Je suis heureux de constater que *Le Panduranga* entend bien continuer à intéresser un vaste lectorat.

Sa traduction en vietnamien par la revue *Champak* sera la bienvenue: autorisation accordée!

Bien cordialement,

François LAGIRARDE
Directeur des publications
École française d'Extrême-Orient
22, avenue du Président Wilson
75116 Paris, France

Tập san Champaka: 14 ấn phẩm nghiên cứu về Champa

Champaka là tập san nghiên cứu được ấn hành bởi International Office of Campa (IOC-Campa), do Trung tá, PGS.TS. Po Dharma làm Tổng Biên tập. Từ khi ra đời cho đến khi Po Dharma qua đời tại Pháp vào ngày 22 tháng 2 năm 2019, tập san Champaka đã xuất bản tổng cộng 14 số, được đặt tên từ Champaka 1 đến Champaka 14.

Trong thời gian 12 năm công tác và học tập tại Thailand, Singapore và Malaysia, TS. Putra Podam đã có nhiều dịp cộng tác nghiên cứu với TS. Po Dharma. Đặc biệt, trong quá trình thực hiện nghiên cứu Tiến sĩ lần thứ hai chuyên ngành Công nghệ Giáo dục, TS. Po Dharma đã tham gia với vai trò người hướng dẫn thứ hai, phụ trách chuyên đề liên quan đến tiếng Cham cổ.

Website Kauthara.org, được thành lập tại Malaysia do TS. Putra Podam làm Trưởng Ban Biên tập, đã nhận được sự ủng hộ và khuyến khích từ TS. Po Dharma ngay từ những ngày đầu hoạt động.

Sau 10 năm hoạt động, website Kauthara.org đã được đổi tên miền và nâng cấp thành website Champa.one, nhằm mở rộng nội dung và phạm vi phục vụ độc giả. Website Champa.one hiện chuyển tải nhiều chuyên mục liên quan đến văn hóa, ngôn ngữ, tôn giáo và công nghệ của cộng đồng Cham.

Trong khuôn khổ hoạt động này, Champa.one sẽ giới thiệu đầy đủ 14 tập san Champaka trên website để phục vụ độc giả quan tâm đến nghiên cứu Champa.

Toàn bộ 14 tập san Champaka sẽ được TS. Putra Podam biên tập và kết nối các nội dung rời rạc thành các tệp PDF hoàn chỉnh, giúp độc giả thuận tiện trong việc tra cứu và tiếp cận.

TS. Putra Podam

Chịu trách nhiệm biên tập và phát hành bản PDF của tập san Champaka.

Lời cảm ơn

Xuất thân từ gia đình nông dân nghèo của Palei Baoh Dana (thôn Chất Thường, tỉnh Ninh Thuận), con xin dâng lời kính cảm đến ba mẹ, người đã ban cho con quyền tự quyết để tham gia phong trào đấu tranh hầu mang lại một chút gì cho quê hương đồ nát.

Trong suốt 5 năm bôn ba trên bãi chiến trường và hơn bốn thập niên lưu vong ở hải ngoại, con chưa làm được việc gì lớn lao cho xã hội, ngoài việc con đã nhận diện rõ thế nào là nghĩa vụ của một người Chăm không quê hương và tổ quốc.

Cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến cố Gs. P-B. Lafont (1926-2008), người đã bỏ nhiều công lao để hướng dẫn tôi, từ một người Chăm học trường làng cho đến ngày tốt nghiệp tiến sĩ tại Đại Học Sorbonne (Paris), đã truyền đạt cho tôi những kiến thức và kinh nghiệm quý báu trong suốt những chặng đường học tập và nghiên cứu để chuyển tải những thành tựu khoa học về di sản văn hóa, lịch sử và nền văn minh Champa đến với mọi người.

Sau cùng, tôi xin chân thành cảm ơn Ja Karo, người đã bỏ nhiều thời gian và công sức để đọc lại bản thảo và sửa bản in của tác phẩm này.

Lời mở đầu

Mục tiêu của tác phẩm này là điem lại những biến cố chính trị đã xảy ra giữa năm 1802 và 1835 ở Champa¹, một quốc gia hùng mạnh đã từng tồn tại trong quá khứ ở miền trung Việt nam với một qui chế độc lập cho đến khi triều đình Huế quyết định sáp nhập vương quốc này vào lãnh thổ của mình và xóa bỏ danh xưng Champa trên bản đồ Đông Dương vào năm 1832 để thành lập hai đơn vị hành chính của Việt nam: huyện Phan Lý Chàm và An Phước².

Công trình nghiên cứu khoa học với nhan đề *Vương quốc Champa: Lịch sử 33 năm cuối cùng (1802-1835)* đã diễn ra trong một thời gian cố định, đó là giữa năm 1802-1835. Việc giới hạn thời gian này có một nguyên nhân chính yếu: 1802 là năm lên ngôi của Nguyễn Ánh tại Huế với danh hiệu Gia Long, người đã có công tái lập lại cơ chế độc lập của Champa, một vương quốc đã bị xóa tên trên bản đồ vào thời kỳ chiến tranh giữa Tây Sơn và Nguyễn Ánh (1771-1802). Năm 1835 chỉ là niên đại đánh dấu sự suy tàn của cuộc khởi nghĩa cuối cùng do Ja Thak Wa lãnh đạo nhằm phục hưng lại Champa độc lập, sau khi vua Minh Mạng quyết định xâm chiếm phần lãnh thổ còn lại của vương quốc Champa vào năm 1832. Sự thất bại của cuộc vùng dậy do Ja Thak Wa lãnh đạo vào năm 1835 đã ghi lại một dấu ấn trong lịch sử một cách

¹ Hệ thống phiên âm La Tinh trong tác phẩm này là hệ thống của Viện Viễn Đông Pháp. Xem Po Dharma, Abd. Karim, G. Moussay, 1997.

² Thể chế chính trị mà triều đình Huế dành cho vương quốc Champa vào năm 1802-1832 có nhiều điểm tương đồng với thể chế của Việt Nam dưới thời Pháp thuộc. Chính vì thế, chúng tôi thường dùng thuật ngữ “thuộc địa” hay “bảo hộ” để ám chỉ cho mối liên hệ chính trị giữa Champa và triều đình Huế vào thời điểm đó.

Lời mở đầu

dứt điếm, đó là trận chiến cuối cùng của dân tộc Champa chống lại triều đình Huế sau ngày vương quốc Champa bị xóa tên trên bản đồ.

Dựa vào bia ký viết bằng chữ Chăm cổ³ và Phạn ngữ được tìm thấy trên khu vực miền trung Việt Nam, những tư liệu Trung Quốc, tư liệu Việt Nam và Kampuchia, các chuyên gia lịch sử học đã kiến tạo lại vào cuối thế kỷ thứ XIX⁴ lịch sử vương quốc Champa từ ngày lập quốc vào thế kỷ thứ II cho đến 1471, năm đánh dấu sự thất thủ của kinh đô Vijaya (Đồ Bàn). Sau năm 1471, bia ký viết bằng tiếng Chăm cổ và Phạn ngữ đã biến mất trên lãnh thổ Champa. Viện lý do thiếu tư liệu, các nhà nghiên cứu không còn chú tâm đến lịch sử Champa sau thế kỷ thứ XV. Đây không phải là lý do chính đáng, vì trong khu vực tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận và nhất là trong các thư viện Âu Châu⁵ còn lưu lại nhiều biên niên sử Chăm (*sakarai dak rai patao*) và tư liệu viết bằng chữ Chăm hiện đại thường đề cập đến lịch sử Champa trước và sau thế kỷ thứ 15.

E. Aymonier là nhà nghiên cứu Pháp đầu tiên, vì không nắm vững thể chế chính trị của vương quốc Champa, đã nhận định vào năm 1890 rằng biên niên sử Chăm (*sakarai dak rai patao*) chỉ là một câu chuyện huyền sử nói về vương

³ Chúng tôi dùng thuật ngữ chữ Chăm cổ để ám chỉ chữ viết Chăm trên bia ký; chữ Chăm hiện đại ám chỉ cho chữ viết Chăm hôm nay; chữ Chăm trung đại ám chỉ cho chữ viết Chăm giữ thời kỳ cổ đại và hiện đại.

⁴ Công trình nghiên cứu về Champa bắt đầu hình thành vào cuối thế kỷ thứ XIX. Kể từ năm 1920, các nhà nghiên cứu ít quan tâm hơn đến Champa, có thể vì địa bàn nghiên cứu về Champa quá giới hạn so với các nước láng giềng như Campuchia, Thái Lan, v.v. Sau đệ nhị thế chiến, chương trình nghiên cứu về Champa bắt đầu hồi sinh lại và ngày càng phát triển mạnh. Xem P-B. Lafont, 1981, tr. 11-27.

⁵ Cộng Hòa Pháp và Hoa Kỳ là hai quốc gia duy nhất ở hải ngoại lưu trữ nhiều tư liệu viết bằng tiếng Chăm. Các tư liệu viết bằng tiếng Chăm lưu trữ tại Cộng Hòa Pháp đã được làm thư tịch và ấn hành vào năm 1977 và 1981. Xem P-B. Lafont, Po Dharma & Nara Vija, 1977; Po Dharma, 1981.

Lời mở đầu

quốc Champa⁶. Vì rằng, những chi tiết của biên cố, niên đại và tên vua chúa trong biên niên sử Chăm không có sự liên hệ gì với yếu tố lịch sử của vua chúa Champa đóng đô ở Vijaya (Bình Định). Tiếc rằng E. Aymonier đã quên đi một số yếu tố quan trọng: *Sakarai dak rai patao* là biên niên sử của tiểu vương quốc Panduranga ở miền nam Champa chứ không phải là biên niên sử của liên bang Champa. Từ đó các tác giả nghiên cứu sau này cứ lập đi lập lại những nhận định sai lầm của E. Aymonier để rồi quên đi công tác kiểm chứng hầu định giá lại quan điểm của E. Aymonier có đúng sự thật hay không?

Mười lăm năm sau, ông E. Durand, một nhà nghiên cứu về Champa, đã đưa ra quan điểm về biên niên sử Champa vào năm 1905 hoàn toàn đi ngược lại giả thuyết của ông E. Aymonier. Theo E. Durand, những biên niên sử Champa viết bằng chữ Chăm hiện đại không phải là "những chuyện hoang đường và vô giá trị" như E. Aymonier nêu ra. Đây là một tư liệu vô cùng quan trọng liên quan đến lịch sử của vua chúa Panduranga, tiểu vương quốc ở miền nam Champa, chứ không phải lịch sử vua chúa liên bang Champa ở miền bắc (Vijaya), tức là trung tâm chính trị của quốc gia này vào giữa thế kỷ XI và thế kỷ thứ XV.

Dựa vào giả thuyết của E. Durand, chúng tôi tập trung tất cả tư liệu lịch sử viết bằng tiếng Chăm để làm đề tài cho luận án cử nhân tại đại học Sorbonne-Paris vào năm 1978 mang tựa đề: *Biên niên sử Panduranga*⁷. Trong luận án này, chúng tôi đưa ra kết luận rằng biên niên sử Panduranga (*sakarai dak rai patao*) viết bằng tiếng Chăm là tư liệu lịch sử có giá trị, vì nhiều chi tiết về biên cố và niên đại nằm trong biên niên sử này được xác nhận bởi tư liệu lịch sử Việt Nam⁸. Biên niên sử Panduranga không bao giờ đề cập đến miền bắc

⁶ E. Aymonier, 1889.

⁷ Po Dharma, 1979.

⁸ P-B. Lafont, 1980.

Lời mở đầu

như Amaravati, Vijaya, v.v. mà chỉ nêu ra những biến cố đã xảy ra tại Panduranga, một tiểu vương quốc ở miền nam được xem như cái nôi của nền văn minh Champa và cũng là nơi xuất thân của một thị tộc hoàng gia đã từng đóng vai trò quan trọng trong quá trình hình thành lịch sử Champa, lúc nào cũng tìm cách bảo vệ quyền tự quyết và tự quản trong khu vực miền nam của vương quốc này.

Sau ngày thất thủ thành Đồ Bàn vào thế kỷ XV, một số tư liệu lịch sử Việt Nam và văn bản viết bằng tiếng Chăm cho rằng lãnh thổ Champa chỉ tập trung trong hai tiểu vương quốc: Kauthara (Phú Yên-Khánh Hòa) và Panduranga (Ninh Thuận-Bình Thuận). Tuy nhiên nhiều tư liệu khác của Việt Nam và Trung Hoa vẫn tiếp tục gọi vương quốc này là Chiêm Thành, tên địa danh phát xuất từ tiếng Chăm: Champapura. Chiêm là từ phiên âm của Champa trong khi đó Thành là từ dịch sang tiếng Việt của Pura “đô thị, thủ đô”. Trước đả Nam Tiến của dân tộc Việt, nhà Nguyễn đã xâm chiếm toàn bộ khu vực Kauthara vào năm 1653. Kể từ đó, vương quốc Champa bị thu hẹp lại trên lãnh thổ của tiểu vương quốc Panduranga và tìm cách đương đầu với láng giềng miền bắc để bảo vệ cho qui chế tự trị của mình, mặc dù quyền hành chính trị và quân sự ngày càng suy yếu và lệ thuộc vào chính sách đối ngoại của nhà Nguyễn.

Trong tác phẩm này, chúng tôi chứng minh rằng Champa không phải là vương quốc có thể chế trung ương tập quyền như Đại Việt và Trung Hoa, mà là quốc gia liên bang (fédération) hay liên hiệp quốc gia (confédération)⁹. Chúng tôi cũng bác bỏ quan điểm của một số nhà nghiên cứu cho rằng Champa là vương quốc của người Chăm và do người Chăm cai trị. Vì rằng, những tư liệu viết trên bia đá Champa trước thế kỷ thứ XV thường nói về *Nagara Champa* “vương quốc Champa” và *Urang Champa* “dân tộc Champa”, nhưng

⁹ Kết quả của những bài nghiên cứu gần đây cho thấy Champa là quốc gia liên bang (fédération) hơn là liên hiệp quốc gia (confédération).

Lời mở đầu

không bao giờ nhắc đến người Chăm. Biên niên sử Việt Nam cũng lập đi lập lại thuật ngữ Chiêm Thành Vương “vua Champa” và Chiêm Thành Minh “nhân dân Champa”, chứ không nói về người Chiêm. Trong văn chương Việt Nam, cụm từ người Chiêm, người Chăm hay người Chăm chỉ xuất hiện sau thế kỷ thứ XIX. Điều đáng chú ý, đó là tài liệu hoàng gia Champa (1702-1810) hiện còn lưu trữ trong thư viện của Société Asiatique de Paris chứng minh rằng Champa là vương quốc đa chủng tộc, tập trung 3 thành phần tộc người: dân tộc Churu, dân tộc Raglai, dân tộc Kaho (ám chỉ cho nhóm người nói tiếng Mon-Khmer như Chil, Mạ, Kaho, Stieng) và dân tộc Chăm. Tài liệu hoàng gia Champa còn cho biết có nhiều quan lại nắm quyền hành quan trọng trong triều đình Champa thời đó là dân tộc Churu, Raglai, v.v.

Sau khi nghiên cứu và thẩm định lại giá trị của hai tác phẩm viết bằng tiếng Chăm: CAM MICROFILM 17 (1) và CM 29 (1), đề cập đến lịch sử Champa từ năm 1802 đến 1835, và nhiều tư liệu khác nói về cuộc khởi nghĩa của dân tộc Champa chống lại âm mưu đô hộ của nhà Nguyễn vào năm 1826, 1833-1834, 1834-1835, chúng tôi đưa ra nhận định rằng đó là những tư liệu lịch sử đáng được đưa ra phân tích và nghiên cứu. Mặt khác, chúng tôi còn đối chiếu với các tư liệu Việt Nam viết bằng tiếng Hán và kết quả cho thấy rằng các sách Chăm cổ viết bằng tiếng Chăm liên quan đến tiểu vương quốc Champa là những tư liệu đáng tin cậy mà chúng tôi dựa vào đó để phát họa lại lịch sử cận đại của vương quốc này.

Theo biên niên sử Chăm (*sakarai dak rai patao*), vương quốc Champa với danh nghĩa là quốc gia độc lập có chủ quyền kéo dài từ triều đại Sri Agarang (1193-1205/1235-1247) cho đến triều đại Po Saong Nhung Ceng (1799-1822), tức là vị vua cuối cùng được ghi trong biên niên sử này. Tuy nhiên, sau khi tham khảo những tư liệu khác viết về Champa, chúng tôi đưa ra kết luận rằng vương quốc Champa vẫn còn tồn tại cho đến năm 1832 dưới triều Minh Mệnh. Mười năm đối với lịch sử chỉ là khoảng thời gian rất ngắn ngủi, nhưng mười năm đó rất quan trọng, vì nó khẳng định một lần nữa

Lời mở đầu

Champa là một quốc gia độc lập nhưng đặt dưới sự bảo hộ của nhà Nguyễn vào đầu thế kỷ 19 và qui chế độc lập này vẫn còn tồn tại dưới triều đại của vua Minh Mệnh (1820-1841), một vị quốc vương chỉ nghĩ đến chính sách trung ương tập quyền, không bao giờ chấp nhận một thể chế tự trị của quốc gia láng giềng nằm trong không gian biên giới chính trị của mình. Đây cũng là một khúc quanh lịch sử ở khu vực Đông Dương mà các nhà nghiên cứu cần phân tích và nghiên cứu lại, nhất là đặt ra câu hỏi tại sao vua Minh Mệnh chấp nhận cho sự tồn tại của Champa với danh nghĩa của một quốc gia độc lập cho đến năm 1832.

Trong tác phẩm này, chúng tôi cũng chứng minh rằng biên niên sử Chăm (*sakarai dak rai patao*) là tư liệu lịch sử chỉ nói đến gia phả của các vua chúa thuộc tiểu vương quốc Champa ở miền Nam (Panduranga) cho đến năm 1820 mà thôi. Ngược lại, nhiều tư liệu khác viết bằng tiếng Chăm mà chúng tôi sử dụng trong chủ đề này, không những chỉ đề cập đến gia phả của vua chúa, bối cảnh lịch sử xã hội, kinh tế của nhân dân Champa, mà cả mối liên hệ chính trị và quân sự giữa Champa và triều đình Huế trong khoảng thời gian ba mươi năm, từ năm 1802-1832. Nội dung của tư liệu này đã giúp độc giả nắm vững một số yếu tố quan trọng về bối cảnh lịch sử Đông Dương vào đầu thế kỷ thứ XIX. Vì trong khoảng thời gian 30 năm đó (1802-1832), triều đình Huế bắt đầu tìm cách đặt quyền ảnh hưởng của mình trong nội bộ của Champa để rồi cuối cùng sáp nhập vương quốc nhỏ bé này vào lãnh thổ Việt Nam vào năm 1832. Thêm vào đó, những văn bản viết bằng tiếng Chăm mà chúng tôi khai thác và sử dụng giúp độc giả hiểu được thế nào là chiến lược mà triều đình Huế đã áp dụng để xâm chiếm Champa cũng như chính sách Việt Hóa dân tộc Champa thời đó.

Trước bàn cờ chính trị xâm lăng của triều đình Huế, chúng tôi đã đặt ra một câu hỏi ngắn gọn: có chăng chính sách đô hộ và chủ thuyết Việt Hóa vương quốc Champa mà các văn bản tiếng Chăm đã kể lại, chỉ là một sự kiện lịch sử mang

Lời mở đầu

tính cách ngoại lệ trong quá trình hình thành quốc gia Việt Nam hay là một truyền thống văn hóa của người Việt, một dân tộc duy nhất ở khu vực Đông Nam Á thường nâng cao chủ thuyết Nam tiến lên hàng đầu để xâm chiếm lãnh thổ của quốc gia láng giềng ở phía nam, tức là Champa và Campuchia? Trả lời cho câu hỏi này dĩ nhiên là việc làm vô cùng khó khăn, vì các tư liệu tiếng Chăm này chỉ do bàn tay của quan lại Champa biên soạn mà thôi. Theo chúng tôi, dù tác giả này là quan lại gốc người Chăm đi nữa, nhưng nội dung của những tư liệu này đáng được tin cậy vì truyền thống dân tộc Chăm không bao giờ sử dụng văn chương chính trị nhằm qui tội cho đối tượng của mình.

Dựa vào văn bản tiếng Chăm đề cập đến thời kỳ 1802-1832, chúng tôi cố gắng phác họa lại lịch sử Champa trong suốt ba mươi ba năm đó, một bối cảnh chính trị chưa bao giờ được nhắc đến trong quá trình lịch sử Việt Nam. Hầu mang lại cho bối cảnh lịch sử này một bức tranh sáng sủa hơn, chúng tôi chỉ sử dụng những đoạn viết bằng tiếng Chăm có sự xác minh trong biên niên sử Việt Nam. Chính vì sự gò bó của phương pháp khoa học, chúng tôi chỉ dựa vào những tư liệu tiếng Chăm có sự kiểm chứng với tư liệu lịch sử của các nước láng giềng hầu triển khai những biến cố trọng đại đã xảy ra tại vương quốc Champa. Vì rằng, mọi quan điểm nhằm bào chữa cho vương quốc Champa có thể đi ngược lại hoàn toàn với yếu tố lịch sử, nếu các nhà nghiên cứu đưa ra kết luận vội vàng bằng cách dựa vào sự suy luận riêng tư của mình. Theo chúng tôi, chỉ cần viết sơ lược lịch sử Champa rút gọn trong ba mươi năm đó, nhưng lịch sử sơ lược này phải được đặt trên một nền tảng khoa học vững chắc, hoàn toàn dựa vào những tư liệu lịch sử thuyết phục, còn hơn là thực hiện một công trình nghiên cứu đồ sộ, nhưng lại khó đứng vững trước những bài bình luận lịch sử trong tương lai.

Song song với những biến cố lịch sử đã xảy ra, chúng tôi cũng đề cập đến mối bang giao chính trị giữa vương quốc Champa và triều đình Huế cũng như mối liên hệ xã hội giữa

Lời mở đầu

quần chúng Champa và dân cư người Kinh sinh sống trên lãnh thổ Champa.

Mối quan hệ chính trị giữa Champa và triều đình Huế là một vấn đề rất phức tạp đối với những ai không am hiểu lịch sử Việt Nam vào thời kỳ đó. Lý do chính đáng là vương quốc Champa ngày càng bị bóp nghẹt về mặt chính trị trong suốt ba mươi ba năm (1802-1832), vì hoàn cảnh địa lý của mình: phía bắc và phía nam lại giáp giới với Việt Nam, phía tây giáp giới với Kampuchia, quốc gia cũng đặt dưới quyền đô hộ của triều đình Huế. Thêm vào đó, vương quốc Champa bị lôi kéo vào các cuộc tranh giành quyền lực trong nội bộ Việt Nam, nhất là từ năm 1820 đến năm 1832. Ở đây, chúng tôi muốn nói đến sự tranh chấp giữa Lê Văn Duyệt, tổng trấn Gia Định Thành ở miền nam và hoàng đế Minh Mệnh ở Huế. Sự tranh chấp này đã bao lần đưa đẩy vương quốc Champa thành nạn nhân của cuộc chiến giữa người Việt. Liên quan đến biên cố này, chúng tôi không viết lại bối cảnh lịch sử Việt Nam thời đó vì nhiều sử gia đã đề cập¹⁰. Ngược lại, chúng tôi cũng không quên nhắc đến một số sự kiện quan trọng trong lịch sử Việt Nam có ảnh hưởng trực tiếp đến tương lai sống còn của Champa, một vương quốc đã từng đóng vai trò quan trọng trên bàn cờ chính trị của triều đình Huế thời đó.

Vấn đề mối quan hệ xã hội giữa nhân dân Champa và cư dân người Kinh sống trong lãnh thổ này nói chung cũng như thái độ của một số quan lại của triều đình Huế ở Champa thời đó nói riêng đã trở thành một khúc mắt chính trị vô cùng quan trọng trong suốt ba mươi ba năm cuối cùng của vương quốc này. Sự kiện này đã trở thành một yếu tố thường ghi lại trong các biên niên sử viết bằng tiếng Chăm, nhưng xuất hiện rất ít trong những biên niên sử Việt Nam. Chính vì thế nhiều độc giả có quyền nghĩ rằng có chăng đây chỉ là sự thổi phồng quá đáng của các tác giả người Chăm viết biên niên sử bằng

¹⁰ Như E. Luro, 1878; Trương Vĩnh Ký, 1879; A. Launay, 1884; A. Schreiner, 1900; M. Gaultier, 1935; Le Thanh Khoi, 1955; Phạm Văn Sơn, 1961; Trương Bá Phát, 1970; Trần Trọng Kim, 1971.

Lời mở đầu

tiếng Chăm nhằm kết án chính sách của triều đình Huế đối với vương quốc Champa?

Đứng trên phương diện khoa học mà phân tích, đây không phải là sự thổi phồng mang màu cờ chính trị, mà là sự kiện lịch sử có minh chứng. Một thí dụ cụ thể mà chúng tôi muốn đưa ra ở đây, đó là nhiều tư liệu lịch sử Việt Nam như Minh Mệnh Chính Yếu, Quốc Triều Chính Biên chẳng hạn, đã xác nhận sự kiện này khi nói đến cách cư xử quá kiêu ngạo hay thái độ thực dân của một số quan lại người Kinh mà triều đình Huế đã gửi đến Champa nhằm áp dụng chính sách Việt Nam Hóa tại vương quốc này¹¹. Minh Mệnh Chính Yếu không ngần ngại đứng ra cảnh cáo cách cư xử thô bạo của Việt kiều cư trú ở phủ Bình Thuận, chỉ biết dựa vào quyền lực nhằm tước đoạt tài sản nhân dân Champa thời đó.

Đọc qua chủ đề nghiên cứu của chúng tôi, độc giả có thể đoán rằng phương pháp trình bày nội dung của tác phẩm *Vương quốc Champa: Lịch sử 33 năm cuối cùng (1802-1835)* dường như được vạch sẵn, tức là dựa vào sự diễn tiến của biến cố theo tuần tự của thời gian. Vì rằng lịch sử Champa và mối bang giao chính trị xã hội giữa vương quốc này và Việt Nam vào giai đoạn 1802-1835 chưa được bao giờ nghiên cứu. Tuy nhiên, phương pháp biên soạn để trình bày nội dung của tác phẩm này theo sự tuần tự của thời gian (chronologie) cũng cần có một định hướng rõ rệt. Điều mà chúng tôi đã nghĩ đến đó là có cần thiết hay không phải đăng toàn bộ những đoạn biên niên sử Việt Nam và những ký sự bằng tiếng Chăm có liên quan đến giai đoạn này? Nếu đưa tất cả các chi tiết lịch sử, chúng tôi đã tính ra rằng chỉ riêng về biên niên sử Việt Nam sẽ tăng thêm hơn một trăm trang trong tác phẩm. Và lại việc đó chỉ làm cho các mạch văn sẽ luôn luôn bị ngắt đoạn và độc giả sẽ gặp khó khăn hơn khi đọc cuốn sách này. Chính vì thế, chúng tôi chỉ trình bày chi tiết những biến cố đã xảy ra trong phần phụ bản với những đoạn dịch sang tiếng Pháp có chú giải của hai tư liệu viết bằng tiếng Chăm mang mã số

¹¹ DNTLCB, XVI, tr. 82.

Lời mở đầu

CAM MICROFILM 17(1) và CM 29(1) mà chúng tôi sử dụng nhiều nhất. Đây là lần đầu tiên mà văn bản viết bằng tiếng Chăm được công bố kèm theo những bài dịch sang tiếng Pháp. Việc làm này tạo thuận lợi cho sự tra khảo nguồn gốc văn bản Chăm một cách trực tiếp. Mặt khác, về những chi tiết trong biên niên sử Việt Nam, chúng tôi chỉ ghi chú trong phần chú giải nhằm làm sáng tỏ thêm vấn đề hay khẳng định bản văn viết bằng tiếng Chăm. Vì đa số biên niên sử Việt Nam đã được dịch sang quốc ngữ và đã được xuất bản.

Nhằm giúp độc giả có một khái niệm tổng quát về giá trị tư liệu liên quan đến giai đoạn này, chúng tôi đặt ngay ở đoạn đầu của tác phẩm một danh sách tập trung những tư liệu mà chúng tôi đã dùng để viết chủ đề này. Danh sách này tập trung ba nguồn tư liệu. Tư liệu đầu tiên đó là biên niên sử và ký sự bằng tiếng Chăm. Tư liệu thứ hai là biên niên sử Việt Nam. Tư liệu thứ ba là những tác phẩm và bài báo cáo khoa học mà chúng tôi trích dẫn trong công trình nghiên cứu này.

Tác phẩm *Vương quốc Champa: Lịch sử 33 năm cuối cùng (1802-1835)* chia thành nhiều tiết mục:

Tổng luận đầu sách

Tổng luận đầu sách (prolégomène) là phần nhằm trình bày khái quát lịch sử Champa trước năm 1802. Sự nhập đề này xét thấy rất cần thiết, vì lịch sử cổ đại của Champa rất ít người biết đến. Chương này sẽ cung cấp hai phần không cân xứng cho lắm về tổng số trang. Phần tóm lược lịch sử Champa là phần ngắn nhất, từ ngày lập quốc vào thế kỷ thứ II đến ngày thất thủ của Vijaya (Đồ Bàn) vào năm 1471. Trong phần này, chúng tôi nhấn mạnh vai trò của tiểu vương quốc Panduranga trong quá trình hình thành lịch sử liên bang Champa mà chỉ có một vài báo cáo khoa học đã đề cập đến mà thôi. Vì rằng đa số các tác giả nghiên cứu về Champa trước năm 1471 rất ít đề ý đến lịch sử Panduranga, một tiểu vương quốc ở miền nam Champa. Phần thứ hai, chúng tôi

Lời mở đầu

trình bày lịch sử khái quát của Panduranga từ cuối thế kỷ thứ 15 đến cuối thế kỷ thứ 18. Phần này quan trọng hơn và đáng được triển khai đúng mức vì cho đến ngày hôm nay rất ít các nhà khoa học quan tâm đến.

Theo chúng tôi, tóm lược lịch sử Panduranga trong tác phẩm này là điều bổ ích, vì nhiều biến cố lịch sử xảy ra dồn dập kể từ thế kỷ thứ 17 ở Panduranga có ảnh hưởng trực tiếp đến giai đoạn 1802-1832 trong công trình nghiên cứu của chúng tôi.

Chương I

Champa dưới triều đại Po Saong Nyung Ceng (1779-1822)

Chương thứ nhất cũng là chương khởi đầu của tác phẩm, đề cập đến lịch sử Champa dưới triều đại Po Saong Nyung Ceng, nhất là từ năm 1802 đến 1822. Trong khoảng thời gian hai mươi năm này, Champa là một vương quốc độc lập đặt dưới quyền "bảo hộ" của quốc vương Gia Long và phó vương Lê Văn Duyệt, tổng trấn Gia Định Thành. Cũng trong thời gian này, Champa được đặt dưới sự quản lý của Po Saong Nyung Ceng, vị vua gốc người Chăm đã hưởng một quy chế tự trị mọi mặt về hành chính, chính trị và quân sự. Trong thời gian này, Ngài đã đem lại cho nhân dân Champa một sự thanh bình gần như toàn diện.

Sau ngày từ trần của vua Gia Long vào năm 1820, tình hình chính trị ở Panduranga-Champa bắt đầu đi vào một khúc quanh mới. Thể chế độc lập của vương quốc này trở thành một vấn đề gai góc đối với vua Minh Mệnh vừa mới lên ngôi. Vì rằng hoàng đế Minh Mệnh là ông vua quân chủ chuyên chế, không bao giờ chấp nhận những chế độ cá thể của địa phương nào nằm trên lãnh thổ của mình và từ chối quyền tự trị hay tự quản mà vị vua cha (Gia Long) đã ban cho một số vùng như Gia Định Thành và Bắc Thành hay quốc gia láng giềng đặt dưới quyền bảo hộ của triều đình Huế, trong đó có Champa. Mặt khác, nhằm dập tắt cuộc đấu tranh ngầm ngấm của Lê Văn Duyệt (phó vương Gia Định Thành) chống lại

Lời mở đầu

triều đình Huế về quan điểm phân chia quyền chính trị ở miền nam, vua Minh Mệnh quyết định nắm lấy quyền kiểm soát trực tiếp trên lãnh thổ của Champa bằng cách đặt vương quốc này dưới sự bảo hộ duy nhất của triều đình Huế

Chương II

Champa dưới triều đại Po Klan Thu (1822-1828)

Năm 1822, Po Saong Nyung Ceng băng hà. Thế là cuộc tranh chấp giữa vua Minh Mệnh và Lê Văn Duyệt nhằm đưa nhân vật thân cận của mình lên nối ngôi bắt đầu bùng nổ. Cuối cùng vua Minh Mệnh chấp nhận cho Po Klan Thu là người thân cận của Lê Văn Duyệt lên nối ngôi Champa, nhưng không ngừng tìm cách xóa bỏ cơ chế tự trị của Champa do vua Gia Long ban hành vào năm 1802. Chính sách mới của Minh Mệnh đã đẩy lên hai cuộc vùng dậy của nhân dân Champa lần thứ nhất vào năm 1822 nhằm chống lại chính sách chuyên chế của triều đình Huế và lần thứ hai vào năm 1826 nhằm phản đối chính quyền Champa mà nhân dân Champa kết tội là chỉ biết làm tay sai cho vua Minh Mệnh và triều đình Huế.

Chương III

Champa dưới triều đại Po Phaok The (1828-1832)

Chương thứ ba của tác phẩm trình bày những biến cố trong những năm 1828-1832 và phản ánh về tình hình xáo trộn chính trị ở triều đình Huế mà Lê Văn Duyệt lợi dụng những hoàn cảnh thuận lợi để đặt một người Chăm thân cận của mình là Po Phaok The lên nắm chính quyền ở Champa. Kể từ đó, Lê Văn Duyệt tìm cách tách rời vương quốc này ra khỏi sự bảo hộ của triều đình Huế để đặt dưới quyền kiểm soát duy nhất của mình ở Gia Định Thành. Nhưng chiến lược của Lê Văn Duyệt không giải quyết được những sự rạn nứt

Lời mở đầu

trầm trọng trong mối quan hệ giữa cư dân Kinh định cư trên lãnh thổ Champa và nhân dân Champa thời đó. Và chính sách này cũng không tìm ra một giải pháp hữu hiệu nào nhằm giải tỏa mối căng thẳng giữa triều đình Huế đang tìm cách Việt Hóa dân tộc Champa với bất cứ giá nào và nguyện vọng của nhân dân Champa không bao giờ chấp nhận chính sách đồng hóa do vua Minh Mệnh đề ra.

Chương IV

Minh Mệnh trừng phạt dân tộc Champa (1832-1833)

Sau khi Lê Văn Duyệt băng hà vào năm 1832, Minh Mệnh xóa bỏ danh xưng Champa trên bản đồ, ra lệnh đàn áp và trừng phạt thẳng tay dân tộc Champa không thi hành bốn phận và nghĩa vụ đối với triều đình Huế.

Trước những hình phạt của vua Minh Mệnh dành cho quan lại người Kinh trung thành với Lê Văn Duyệt và bản án đào mồ của phó vương này vào năm 1835, người ta cũng không ngạc nhiên gì về chính sách đàn áp dân tộc Chăm của triều đình Huế. Biên niên sử Chăm đã nêu ra những chỉ thị của vua Minh Mệnh chủ mưu trừng trị dân tộc Chăm về tội không qui phục triều đình Huế, cụ thể là Minh Mệnh ra lệnh cho vị quan Khâm Mạng đến Champa hầu thực thi chính sách trừng phạt này vào năm 1832 .

Chương V

Phong trào Hồi Giáo của Katip Sumat (1833-1834)

Chương thứ năm nhằm triển khai những tình hình chính trị sau ngày từ trần của Lê Văn Duyệt vào 1832, năm đã đưa vương quốc Panduranga-Champa vào một khúc quanh mới trong mối liên hệ chính trị với triều đình Huế.

Được tin Lê Văn Duyệt từ trần ở Sài Gòn vào năm 1832, vua Minh Mệnh lợi dụng cơ hội xô quân xâm chiếm

Lời mở đầu

Champa, xóa bỏ danh xưng vương quốc này trên bản đồ Đông Dương và trừng phạt gắt gao những quan chức Champa đã phục tùng phó vương Lê Văn Duyệt trong bốn năm qua, hay những quan chức Champa không tôn trọng uy quyền của triều đình Huế. Thêm vào đó, vua Minh Mệnh ra lệnh tăng cường chính sách Việt hóa nhân dân Champa nhằm biến dân tộc này thành người Việt thật sự. Trước biến cố này, nhân dân Champa không còn trông cậy vào ai để bảo vệ quyền lợi của họ nữa. Cuộc sống của họ hoàn toàn rơi vào ách thống trị độc đoán và tham ô thối nát của các vị quan lại người Kinh do triều đình Huế gởi đến. Họ bị đè nén bởi những thuế cao và tạp dịch khốn cùng. Chẳng những họ bị cưỡng đoạt tất cả những đất đai và tài sản của mình, mà còn phải bị lưu đày về phía núi rừng ở hướng Tây (khu vực Đồng Nai-Lâm Đồng) để nhường chỗ cho những người Kinh vừa mới nhập cư vào phủ Bình Thuận.

Dựa vào uy quyền của phủ Bình Thuận, tức là đơn vị hành chính của triều đình Huế nằm trên lãnh thổ Champa, những cư dân người Kinh không ngần ngại ép buộc nhân dân Champa phải phục dịch cho họ và đôi lúc biến dân bản xứ Champa này thành những người nô lệ của mình. Sự kiện này đã từng xảy ra trước mắt của các vị quan lại triều đình Huế tại chức ở phủ Bình Thuận. Trước bối cảnh lịch sử này, nhân dân Champa không còn hy vọng gì để đấu tranh phục hưng lại nền độc lập của họ nữa. Đối với họ, tương lai sống còn của Champa chỉ là một bức tranh ảo vọng, ngoại trừ sự vùng dậy đẫm máu.

Sự vùng dậy lần thứ nhất nhằm phục hưng nền độc lập Champa đã diễn ra vào năm 1833, đặt dưới sự lãnh đạo của ông Katip Sumat, gốc Chăm Hồi Giáo ở Kampuchia, đã từng sống lâu năm ở Makah, thánh địa Hồi Giáo ám chỉ đến tiểu vương quốc Kelantan, Mã Lai. Sự vùng dậy của Katip Sumat có mục tiêu đánh đuổi quân xâm lược của triều đình Huế nhằm giải phóng đất đai Champa ra khỏi ách nô lệ của Việt Nam. Để hướng đến mục tiêu này, Katip Sumat tìm cách biến mặt trận đấu tranh vũ trang của mình thành phong trào "thánh chiến Hồi giáo" chống lại quân xâm lược ở Champa. Tiếc

Lời mở đầu

rằng, chiến lược “thánh chiến” này đã đưa đến sự thất bại nhanh chóng trước đoàn quân hùng mạnh của triều đình Huế.

Chương VI

Cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa (1834-1835)

Chương thứ sáu đề cập đến cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa, một nhân vật đã từng đóng vai trò quan trọng trong mặt trận của Katip Sumat. Sự khởi nghĩa của Ja Thak Wa có chiến lược hoàn toàn khác biệt với ba cuộc nổi dậy vào năm 1822, 1826 và 1833, đã gây bao chấn động trên bàn cờ chính trị Việt Nam thời đó. Vì rằng Ja Thak Wa, lần đầu tiên trong lịch sử đấu tranh ở Champa, đã biến sự vùng dậy của mình thành một mặt trận giải phóng trong nghĩa rộng của nó. Trước tiên, Ja Thak Wa bắt đầu tổ chức trong khu vực giải phóng ở Champa, một bộ phận chính trị mang thể chế "chính quyền Champa lâm thời".

Sẵn có một lực lượng quân sự trong tay, Ja Thak Wa tiến hành chiến tranh giải phóng thật sự chống lại quân xâm lược của triều đình Huế. Đối với vua Minh Mệnh, sự phản nghịch này là một dự án ly khai sẽ tạo ra mối đe dọa thật sự cho oai quyền của triều đình Huế. Thêm vào đó, sự vùng dậy của Ja Thak Wa đã đưa mối quan hệ giữa hai cộng đồng người Kinh và Chăm vào những cuộc bạo động không lối thoát và kéo dài trong suốt hai năm trường. Chính vì thế, vua Minh Mệnh quyết định phải dập tắt nhanh chóng phong trào Ja Thak Wa với bất cứ giá nào.

Vào năm 1835, Ja Thak Wa đã hy sinh trên bãi chiến trường. Việc hai vị lãnh đạo chính trị và quân sự (Katip Sumat và Ja Thak Wa) cùng tử trận ở chiến trường đã giáng cho cuộc nổi dậy này một đòn chí tử. Vua Minh Mệnh, bấy lâu nay rất lo âu đối với hai cuộc vùng dậy này, đã lợi dụng cái chết của Katip Sumat và Ja Thak Wa nhằm lật lại thế cờ mới và dùng những biện pháp thích đáng để ngăn chặn dân chúng Panduranga không còn nổi dậy thêm lần nữa.

Lời mở đầu

Thay lời kết luận

Trong phần thay lời kết luận, chúng tôi đúc kết lại những biến cố đã xảy ra nhằm làm sáng tỏ thêm lịch sử Champa thời đó. Cũng trong phần này, chúng tôi cố gắng tìm hiểu tại sao những nhà nghiên cứu về Champa và Việt Nam không bao giờ quan tâm đến những yếu tố vô cùng quan trọng nằm trong quá trình hình thành lịch sử Việt Nam vào đầu thế kỷ thứ XIX, đó là:

- Sự hiện hữu của vương quốc Champa độc lập kéo dài cho đến 1832, dù sự độc lập này đặt dưới sự bảo hộ của triều đình Huế.

- Sự đấu tranh ngấm ngầm giữa Minh Mệnh và Lê Văn Duyệt vào năm 1820-1832 nhằm kiểm soát Champa và phủ Bình Thuận.

- Chính sách của Minh Mệnh nhằm trừng phạt vô cùng dã man đối với dân chúng Champa sau năm 1832.

- Sự hình thành cuộc khởi nghĩa vào năm 1833-1834 dựa vào chủ thuyết “thành chiến Hồi Giáo” để làm nền tảng cho cuộc đấu tranh chống lại triều đình Huế.

- Tính chất đa chủng tộc của vương quốc Champa thời đó.

Sau đó, chúng tôi cũng cố gắng cung cấp một số dữ liệu bước đầu để trả lời cho một số câu hỏi vô cùng khó khăn, đó là sự xâm chiếm vương quốc Champa vào năm 1832 kéo theo chính sách Việt Hóa dân tộc Champa có chăng nên hiểu như một trường hợp ngoại lệ trong tiến trình lịch sử Việt Nam, hay đó chỉ là một truyền thống của dân tộc Việt trong chính sách Nam Tiến của mình kể từ thế kỷ thứ 11 cho đến nay. Trong chương cuối cùng, độc giả có quyền đặt lại vấn đề là tại sao chúng tôi không đưa ra một lời chỉ trích nào đối với

Lời mở đầu

một số dữ kiện lịch sử sai lầm đăng tải trên các báo chí khoa học liên quan đến vương quốc Champa. Một lý do chính đáng, đó là chúng tôi không quên công ơn những người tiền đạo đã góp phần vào công trình nghiên cứu Champa hay đối với nhà viết sử Việt Nam, mặc dù họ vấp phải một số sai lầm. Trong công trình nghiên cứu này, chúng tôi chỉ đi tìm kết luận cho một số vấn đề chưa sáng tỏ bằng cách nêu ra những câu hỏi mà từ trước tới nay chưa ai nghĩ đến và cố gắng đưa ra những dữ liệu nhằm phục vụ cho việc trả lời những câu hỏi đó mà thôi.

Paris tháng 6 năm 1986

Nguồn tư liệu

Công trình biên soạn “*Lịch sử 33 năm cuối cùng của vương quốc Champa*” hoàn toàn dựa trên biên niên sử của tiểu vương quốc Panduranga và văn bản cổ viết bằng tiếng Chăm mà những chuyên gia lịch sử chưa bao giờ biết đến. Văn bản Chăm tập trung vào khoảng 40 tập được trình bày dưới ba hình thức :

- Văn bản cổ nguyên gốc
- Văn bản cổ chụp ảnh
- Văn bản microfilm chụp lại từ nguyên gốc.

Tất cả những tư liệu này hiện đang lưu trữ trong thư viện của Viện Viễn Đông Pháp (EFEO), Hội Châu Á Paris (Société Asiatique de Paris), Trung Tâm Lịch Sử và Nền Văn Minh Bán Đảo Đông Dương (CHCPI). Tiếp đến, chúng tôi cũng sử dụng những biên niên sử Việt Nam để đối chiếu lại những gì đã nêu ra trong tư liệu viết bằng tiếng Chăm, nhằm so sánh những sự kiện đã xảy ra hay bổ sung những chi tiết quan trọng do tư liệu bằng tiếng Chăm cung cấp. Biên niên sử Việt Nam tập trung gần 20 tác phẩm, cấu thành nguồn tư liệu lớn mà chúng tôi sử dụng để viết đề tài nghiên cứu này. Đây là nguồn tư liệu lịch sử rất quen thuộc đối với những nhà nghiên cứu ở Việt Nam, vì đa số tư liệu viết bằng tiếng Hán và tiếng Nôm đã dịch sang quốc ngữ và được ấn hành thành sách. Trong số đó, có 3 quyển được dịch sang tiếng Pháp.

Bên cạnh tư liệu viết bằng tiếng Chăm và biên niên sử Việt Nam, chúng tôi cũng sử dụng những tác phẩm và bài khảo luận viết bằng tiếng Anh, Pháp, Việt đã đăng tải trên báo chí khoa học. Tuy nhiên, chúng tôi phải loại bỏ những bài viết lách không có giá trị khoa học và chỉ giữ lại những tư liệu có

Nguồn tư liệu

chất lượng thật sự về mặt nghiên cứu mà nội dung đã đứng vững trước những phê bình của các chuyên gia lịch sử. Ngoài ra chúng tôi cũng loại bỏ những tư liệu lập đi lập lại những gì mà các sử gia Đông Nam Châu Á đã viết về khu vực này.

Biên niên sử Panduranga được sử dụng trong công trình nghiên cứu của chúng tôi tập trung 33 văn bản viết bằng tiếng Chăm ở Việt Nam, không có ngày tháng, không đề nơi xuất xứ và cũng không có tên của tác giả, ngoại trừ vài 3 tác phẩm có ghi tên người sao lại. Đây không phải là trường hợp đặc biệt, vì hầu hết các tác phẩm viết bằng tiếng Chăm không bao giờ có niên đại hay tác giả của tác phẩm. Tổng số 33 văn bản này chia làm 2 nhóm:

Nhóm thứ nhất tập trung 2 tác phẩm mang mã số CAM MICROFILM 17 (1) và CM 29 (1). Đây là tư liệu cơ bản liên quan trực tiếp với thời kỳ mà chúng tôi đang nghiên cứu, vì nội dung của 2 tư liệu này trình bày những biến cố đã xảy ra trong vương quốc Champa từ năm 1802 đến 1835. Chính vì thế, chúng tôi quyết định giới thiệu và phiên dịch ra tiếng Pháp 2 tư liệu này để làm phần phụ lục của tác phẩm “*Lịch sử 33 cuối cùng của vương quốc Champa*”.

Nhóm thứ hai tập trung những tác phẩm còn lại thường nêu ra những biến cố có liên hệ với thời kỳ nghiên cứu của chúng tôi từ 1802-1835. Tác phẩm mà chúng tôi quan tâm đầu tiên gồm có: CAM 58 (3), CAM MICROFILM 1 (3), CAM MICROFILM 14 (3), CAM MICROFILM 16 (1), CAM MICROFILM 56 (8), CAM MICROFILM 66(1), CM 22 (2), CM 22 (2), CM 23 (7), CM 25 (4). Đây là tư liệu chính thức do chính quyền Champa ra lệnh cho quan lại biên soạn mà nội dung chỉ đề cập đến những gì đã xảy ra trước ngày lên ngôi của vua Gia Long vào năm 1802. Ngược lại, văn bản CAM 29 (4) và CAM 60 (3) là hai tư liệu do trí thức Chăm sáng tác mang tính cách ký sự của cá nhân liên quan đến tình hình Champa vào những năm 1832-1833. Trong khi đó, CAM 198 (1), CAM MICROFILM 66 (2), CM 24 (5), CM 26 (14), CM 32 (6), cũng là ký sự cá nhân nhưng ghi lại những biến cố đã

Nguồn tư liệu

xảy ra vào những năm 1834-1835. Cuối cùng CAM 31 (1), CAM 72 (8), CAM 102 (9), CAM 152 (2), PO DHARMA CAM 2 (13) là văn bản mang tính cách tôn giáo mà chúng tôi sử dụng để giải thích một số vấn đề liên quan đến phong tục tập quán của người Chăm vào thời điểm đó.

Tất cả những tư liệu viết bằng tiếng Chăm được sử dụng trong công trình nghiên cứu của chúng tôi đã được kê khai trong “Danh mục sách Chăm cổ lưu trữ tại thư viện Pháp” do Viện Viễn Đông Pháp xuất bản vào năm 1997 hay trong “Danh mục sách Chăm cổ lưu trữ tại thư viện Pháp”, tập II do Viện Viễn Đông Pháp xuất bản vào năm 1981. Chính vì nguyên nhân đó mà chúng tôi không nêu ra chi tiết để khảo tả lại nguồn gốc và nội dung của những văn bản Chăm cổ này. Điều mà chúng tôi muốn nêu ra ở đây đó là hầu hết những tư liệu chính thức do chính quyền Champa yêu cầu biên soạn có phong cách trình bày minh bạch hơn, dùng thuật ngữ chính xác hơn so với những ký sự mang tính cách cá nhân. Vì là ký sự cá nhân, thành ra tác giả chỉ chú tâm đến công tác ghi lại biến cố theo trình tự của các sự kiện đã xảy ra hơn là gọt dũa lối hành văn của mình.

Phải công nhận rằng, những văn bản viết bằng tiếng Chăm là kho tàng tư liệu nêu ra rất nhiều chi tiết về những gì đã xảy ra trong vương quốc Champa từ năm 1802 đến năm 1835, trong khi đó biên niên sử Việt Nam chỉ dành một vài trang cho thời kỳ này. Đây cũng là điều rất dễ hiểu, vì những quan lại Việt Nam làm việc trong quốc sử quán của triều đình Huế không có tin tức gì đã xảy ra ở vùng địa đầu xa xôi của người thổ dân, mà chỉ thu thập những gì mà quan lại địa phương của nhà Nguyễn gửi đến. Chính đó là nguyên nhân giải thích tại sao những biến cố đã xảy ra tại vương quốc Champa ít khi được ghi chép trong biên niên sử Việt Nam và nội dung của biến cố này đôi lúc bị thêu dệt không phù hợp cho lắm với bối cảnh lịch sử thời đó. Dù có sự khác biệt về nội dung trong hai kho tàng tư liệu Champa và Việt Nam, chúng tôi vẫn nghĩ rằng văn bản viết bằng tiếng Chăm là tư liệu lịch sử có giá trị cao, vì những biến cố và ngày tháng ghi

Nguồn tư liệu

lại trong văn bản này được xác nhận trong biên niên sử Việt Nam.

I. Văn bản viết bằng tiếng Chăm

CAM 29

CAM 29 hiện lưu trữ tại thư viện EFEO (Viện Viễn Đông Pháp) là bản viết tay trên vở học sinh gồm có 187 trang, viết vào ngày thứ hai, ngày thứ 12 của tháng 11, năm Thân. Người chép tự nhận mình là con của vị Chánh Tổng, cư ngụ tại Palei Cakleng (Mỹ Nghiệp, Ninh Thuận). CAM 29 tập trung 12 bản mang chủ đề khác nhau. Chỉ có bản mang số hiệu CAM 29 (2) trang 15-39 và CAM 29 (4) trang 77-85 có liên hệ với công trình nghiên cứu của chúng tôi.

- CAM 29 (2) trang 15-39 đề cập đến những mối quan hệ chính trị và xã hội giữa Champa và triều đình Huế dưới thời Minh Mệnh. Nội dung của CAM 29 (2) rất gần gũi với nội dung ghi lại trong CAM MICROFILM 17 (1), mà chúng tôi phiên dịch ra tiếng Pháp trong tập II.
- CAM 29 (4) trang 77-85 miêu tả tình hình chính trị ở Champa sau ngày từ trần của Lê Văn Duyệt vào năm 1832. Văn bản này còn nhấn mạnh về sự khốn khổ của dân chúng Champa và chính sách Việt Nam hóa mà vua Minh Mệnh áp đặt cho người Chăm vào thời điểm đó.

CAM 30

CAM 30 hiện lưu trữ tại thư viện EFEO là bản viết tay trên quyển vở học sinh gồm 66 trang. CAM 30 tập trung 19 bản mang chủ đề khác nhau.

- CAM 30 (8), trang 36-37 là bản tóm lược ngắn gọn liên quan đến hệ thống tổ chức chính trị và hành chính của Champa sau ngày từ trần của Ja Thak Wa (1835).
- CAM 30 (10), trang 37 nêu ra danh sách 12 làng Chăm bị tiêu diệt.

Nguồn tư liệu

- CAM 30 (17), trang 49-53 đề cập đến nguồn gốc khởi nghĩa và mô tả lại hai cuộc tấn công của phong trào kháng chiến Ja Thak Wa chống lại quân viễn chinh của triều đình Huế vào tháng 7 và tháng 10 của năm Ngọ (1834-1835).

CAM 31 (1)

CAM 31 (1) hiện lưu trữ tại thư viện EFEO là bản viết tay trên giấy Trung Hoa, gồm 100 trang. Đoạn đầu của CAM 31 (1), trang 1-10 nói về nguồn gốc của các thần linh Champa.

CAM 58 (3)

CAM 58 (3) hiện lưu trữ tại thư viện EFEO là bản chụp gồm 81 trang do P. MUS thực hiện. CAM 58 (3) trang E.11-E.23 do ông Tang Juw (Tổng Juw) chép lại, có nội dung đề cập đến sự vùng dậy của Tuan Phaow vào cuối thế kỷ thứ XVIII vào lúc mà Nguyễn Ánh nắm lại quyền kiểm soát của Panduranga-Champa và sử dụng vương quốc này như một căn cứ quân sự chống lại quân Tây Sơn ở phía bắc.

CAM 60 (3)

CAM 60 (3) trang R.8-R.3 hiện lưu trữ tại thư viện EFEO có nội dung xác định lại những chi tiết mà CAM 29 (4) đã nêu ra.

CAM 64 (7)

CAM 64 (7), tr. 7v-3v nêu danh sách tên gọi *Ar Bangu* của 4 quốc gia: Champa, Siam, Trung Hoa, Việt Nam

CAM 72 (8)

CAM 72 (8) trang N.59-N.61 hiện lưu trữ tại thư viện EFEO là bản chụp có nội dung liên quan đến vua chúa Champa trở thành thần linh sau ngày từ trần.

CAM 102 (9)

CAM 102 (9) trang U.1 (1)-V.3 (87) hiện lưu trữ tại thư viện EFEO là bản viết tay trên lá buông miêu tả

Nguồn tư liệu

ngghi lễ lên chức Gru Kajju có sự hiện diện của vua chúa Champa.

CAM 142 (2)

CAM 142 (2), trang 4, nêu danh sách tên gọi *Ar Bangu* của 4 quốc gia: Champa, Siam, Trung Hoa, Việt Nam

CAM 151 (22)

CAM 142 (2), trang 65, nêu danh sách tên gọi *Ar Bangu* của 4 quốc gia: Champa, Siam, Trung Hoa, Việt Nam

CAM 152(2)

CAM 152(2) trang 49-55 hiện lưu trữ tại thư viện EFEO là bản viết tay trên vở học sinh, có nội dung rất gần gũi với CAM 31(1).

CAM 167 (6)

CAM 167 (6) trang 36-40. Nhật ký của Cei Mah viết về chính sách của Ja Thak Wa ngăn cấm người Chăm Campuchia sang Champa truyền đạo Hồi Giáo.

CAM 198 (1)

CAM 189 (1) hiện lưu trữ tại thư viện EFEO gồm có 12 trang viết trên giấy Trung Hoa. Phần thứ nhất đề cập đến nguồn gốc cuộc khởi nghĩa của Katip Sumat vào năm 1833 dựa vào chủ thuyết “thánh chiến Hồi Giáo” chống lại triều đình Huế. Phần thứ hai có nội dung kể lại cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa sau ngay thất bại của phong trào Katip Sumat.

CAM MICROFILM 1 (3)

CAM MICROFILM 1 (3), phim số 32-42 là tài liệu do Trung Tâm Văn Hóa Chăm Phanrang chụp lại vào năm 1974, hiện lưu trữ tại thư viện EFEO, có nội dung nói về tiểu sử Po Rome.

CAM MICROFILM 14 (3)

CAM MICROFILM 14 (3), phim số 56-62 là tài liệu do Trung Tâm Văn Hóa Chăm Phanrang chụp lại vào năm 1974, hiện lưu trữ tại thư viện EFEO, có nội dung nói về tiểu sử Po Rome.

CAM MICROFILM 16 (1)

Nguồn tư liệu

CAM MICROFILM 16(1), phim số 2-24 là tài liệu do Trung Tâm Văn Hóa Chăm Phanrang chụp lại vào năm 1974, hiện lưu trữ tại thư viện EFEO, đề cập đến cuộc vùng dậy của Tuan Phaow, có nội dung rất gần gũi với CAM 58 (3).

CAM MICROFILM 17 (1) và 17 (2)

CAM MICROFILM 17 (1) “*Ariya Ceng*”, phim số 1-27 là tài liệu do Trung Tâm Văn Hóa Chăm Phanrang chụp lại vào năm 1974, hiện lưu trữ tại thư viện EFEO. Bản này đã dịch sang tiếng Pháp nằm trong tập II của tác phẩm của chúng tôi. CAM MICROFILM 17 (2), phim số 29-30 là gia phả của vua chúa Champa.

CAM MICROFILM 56 (8)

CAM MICROFILM 56 (8) phim số 60-62 là tài liệu do Trung Tâm Văn Hóa Chăm Phanrang chụp lại vào năm 1974, hiện lưu trữ tại thư viện EFEO có nội dung tóm lược về cuộc vùng dậy của Tuan Phaow.

CAM MICROFILM 66

CAM MICROFILM 66 là tài liệu do Trung Tâm Văn Hóa Chăm Phanrang chụp lại vào năm 1974, hiện lưu trữ tại thư viện EFEO. CAM MICROFILM 66 do ông Tổng Khen làng Mbaok Bheng chép lại.

- CAM MICROFILM 66 (1), phim số 7-21 đề cập đến cuộc nổi dậy của Tuan Phaow vào cuối thế kỷ thứ XVIII.

- CAM MICROFILM 66 (2), phim số 23-43 đề cập đến phong trào Hồi Giáo của Katip Sumat 1833-1834 và cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa vào năm 1834-1835. Nội dung của bản này rất gần gũi với CAM 198 (1).

- CAM MICROFILM 66 (3), phim số 45-57 đề cập đến cuộc trấn áp của triều đình Huế đối với Champa và chính sách Việt Nam hóa đối với dân tộc Chăm sau ngày từ trần của Ja Thak Wa vào năm 1835.

Nguồn tư liệu

- CAM MICROFILM 66 (4), phim số 59-71 viết về thực trạng xã hội Champa vào năm 1835 có nội dung rất gần gũi với CAM MICROFILM 66 (3).

CM 20 (2)

CM 20 (2), trang 70-82 hiện lưu trữ tại thư viện Hội Châu Á Paris (Société Asiatique de Paris) là tư liệu do ông Hep Ong, Chăm Bani chép lại trên vở học sinh. CM 20 (2) trang 70-80 đề cập đến tình hình Champa vào năm 1822-1832, có nội dung rất gần gũi với CAM MICROFILM 17 (1).

CM 22 (2)

CM 22 (2), trang 5-63 hiện lưu trữ tại thư viện Hội Châu Á Paris (Société Asiatique de Paris) là tư liệu chép trại trên vở học sinh, ghi lại danh sách của một số vua chúa Champa được tôn vinh thành thần linh mà người Chăm gọi là Ganuer Mantri.

CM 23 (7)

CM 23 (7), trang 80-94 hiện lưu trữ tại thư viện Hội Châu Á Paris (Société Asiatique de Paris) là bản chép tay trên vở học sinh, nói về tiểu sử Po Rome.

CM 24 (5)

CM 24 (5), trang 16-171 hiện lưu trữ tại thư viện Hội Châu Á Paris (Société Asiatique de Paris) là bản chép tay trên giấy Trung Hoa đề cập đến phong trào Katip Sumat và Ja Thak Wa, có nội dung rất gần gũi với CAM 198 (1).

CM 25 (4)

CAM 25 (4), trang 57-70 hiện lưu trữ tại thư viện Hội Châu Á Paris (Société Asiatique de Paris) là bản chép tay trên giấy Trung Hoa, viết về cuộc nổi dậy của Tuan Phaow vào cuối thế kỷ thứ XVIII.

CM 26 (14)

CM 26 (14), trang 14-91 hiện lưu trữ tại thư viện Hội Châu Á Paris (Société Asiatique de Paris) là bản chép tay đề cập đến sự nổi dậy của Katip Sumat và Ja Thak Wa, có nội dung hơi khác biệt so với bản viết về 2 cuộc nổi dậy này.

Nguồn tư liệu

CM 27 (6)

CM 27 (6), trang 37-38 hiện lưu trữ tại thư viện Hội Châu Á Paris (Société Asiatique de Paris) là bản chép tay viết về nguồn gốc của Yang Umagru và Yang Ka-esarak và giải thích nhiệm vụ và quyền lực của vua chúa Champa trong hệ thống tổ chức tôn giáo.

CM 29 (1)

CM 29 (1) “*Ariya Po Phaok*”, trang 1-84 hiện lưu trữ tại thư viện Hội Châu Á Paris (Société Asiatique de Paris) là bản chép tay trên giấy Trung Hoa. Đây là bản mà chúng tôi đã phiên dịch sang tiếng Pháp trong tập II của tác phẩm.

CM 30 (14)

CM 30 (14), tr. 101-116 hiện lưu trữ tại thư viện Hội Châu Á Paris (Société Asiatique de Paris) viết về tình hình Champa dưới thời Po Saong Nyung Ceng.

CM 32

CM 32 hiện lưu trữ tại thư viện Hội Châu Á Paris (Société Asiatique de Paris)

- CM 32 (5), trang 84-77 đề cập đến tình hình Panduranga-Champa vào lúc khởi nghĩa của Ja Thak Wa và những biện pháp của triều đình Huế nhằm trừng trị nhân dân của vương quốc này.
- CM 32 (6), trang 114-100 đề cập đến phong trào của Katip Sumat và Ja Thak Wa, có nội dung rất gần gũi với CM 198 (1).

CM 36 (3)

CM 36 (3) hiện lưu trữ tại thư viện Hội Châu Á Paris (Société Asiatique de Paris). CM 36 (3), tr. 42-45 liên quan đến bài phúng điếu của Po Gahluw

CHCPI-CAM 1

CHCPI-CAM 1 hiện lưu trữ tại thư viện của Trung Tâm Bán Đảo Đông Dương (CHCPI), là bản chép tay bởi Ja Mata Harei, Ja Yapanrang, Luw Kuang Thrang, Lam Ya Tin, Thuan Wan Nguen được ấn

Nguồn tư liệu

loát bởi Trung Tâm Văn Hóa Chăm Phanrang vào năm 1968.

Bản này trình bày theo thể thơ Ariya kể lại tình hình chính trị và xã hội của Panduranga-Champa vào năm 1834-1835 và những khốn khổ của dân tộc Champa dưới thời Minh Mệnh.

PO DHARMA CAM 2 (13)

PO DHARMA CAM 2 (13), trang 144-148 là bản chép tay trên giấy Trung Hoa do ông Quảng Ty thôn Chất Thượng Ninh Thuận biếu ngày 14-12-1973, có nội dung rất gần gũi với CAM 31 (1).

II. Tư liệu lịch sử Việt Nam

BẢN TRIỀU BẠN NGHỊCH LIỆT TRUYỆN (BTBNLT)

Dịch sang quốc ngữ bởi Trần Khải Vân, xuất bản bởi đại học Huế, 1961.

ĐẠI NAM CHÍNH BIÊN LIỆT TRUYỆN-NHÀ TÂY SƠN (DNCBLT)

Dịch sang quốc ngữ bởi Tạ Quang Phát, xuất bản bởi Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa, Sài Gòn, 1970.

ĐẠI NAM NHẤT THỐNG CHÍ (ĐNNTC)

- Gia định thành thống chí. Bản dịch sang tiếng Pháp của G. Aubaret, Paris, 1963.

- Tập trung, tập thượng, tập hạ. Bản dịch sang quốc ngữ bởi Nguyễn Văn Tạo, xuất bản bởi Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa, Saigon, 1972.

- Lục tỉnh nam Việt. Tập thượng (Biên Hòa-Gia Định). Bản dịch sang quốc ngữ bởi Nguyễn Văn Tạo, xuất bản bởi Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa, Saigon, 1973.

- Quyển XII: Tỉnh Ninh Thuận, phụ đạo Phanrang. Bản dịch sang quốc ngữ bởi Văn Hóa Tùng Thư, xuất bản bởi Bộ Quốc Gia Giáo Dục, Saigon 1965. Bản dịch sang quốc ngữ bởi Viện Sử Học, Hà Nội, 1971.

Nguồn tư liệu

- Quyển X-XII: Tỉnh Phú Yên-Khánh Hòa. Bản dịch sang quốc ngữ bởi Văn Hóa Tùng Thư, xuất bản bởi Bộ Quốc Gia Giáo Dục, Saigon, 1964.

ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÍNH BIÊN (ĐNTLCB)

- Quyển I-XVI. Bản dịch sang quốc ngữ bởi Viện Sử Học, xuất bản bởi Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1962-1966.

ĐẠI NAM THỰC LỤC TIỀN BIÊN (ĐNTLTB)

- Quyển I. Bản dịch sang quốc ngữ bởi Viện Sử Học, xuất bản bởi Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1962.

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TOÀN THU (ĐVSKTT)

- Quyển III. Bản dịch sang quốc ngữ bởi Cao Huy Chú và Đào Duy Anh, xuất bản bởi Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1972.

DƯ ĐỊA CHÍ (DĐC)

- Bản dịch sang quốc ngữ và xuất bản bởi Nhà Xuất Bản Khoa Học, Hà Nội 1960. Bản dịch sang quốc ngữ bởi Trần Tuấn Khải và xuất bản bởi Bộ Văn Hóa Xã Hội, Saigon, 1966.

HOÀNG LÊ NHẤT THÔNG CHÍ (HLNTC)

- Bản dịch sang quốc ngữ bởi Nguyễn Đức Văn và Kiều Thu Hoạch, xuất bản bởi Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1972. Bản dịch sang tiếng Pháp bởi Phan Thanh Thủy, EFEO, Paris, 1985.

HOÀNG VIỆT GIÁP TỶ NIÊN BIỂU (HVG TNB)

- Bản dịch sang quốc ngữ bởi Bửu Cầm, Đỗ Văn Anh, Hà Văn Liên, Tạ Quang Phát, Trương Bửu Lâm, xuất bản bởi Bộ Quốc Gia Giáo Dục, Saigon, 1963.

HỒNG ĐỨC BẢN ĐỒ (HĐBĐ)

- Bản dịch sang quốc ngữ bởi Viện Khảo Cổ và xuất bản bởi Bộ Quốc Gia Giáo Dục, Saigon, 1972.

KHÂM ĐỊNH VIỆT SỬ THÔNG GIÁM CƯỜNG MỤC (KĐVSTGCM)

- Tập III. Bản dịch sang tiếng Pháp bởi P. Langlet, EFEO, 1985.

LỊCH TRIỀU HIẾN CHƯƠNG LOẠI CHÍ (LTHCLC)

Nguồn tư liệu

Tập I: Dư Địa Chí. Bản dịch sang quốc ngữ bởi Nguyễn Thọ Dục và xuất bản bởi Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa, Saigon, 1972.

MINH MỆNH CHÍNH YẾU (MMCY)

• Tập I. Bản dịch sang quốc ngữ bởi Hoàng Du Bông, Hà Ngọc Xuyên và xuất bản bởi Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa, Saigon, 1972.

• Tập II. Bản dịch sang quốc ngữ bởi Vũ Quang Khánh, Võ Khắc Văn và xuất bản bởi Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa, Saigon, 1972.

• Tập III. Bản dịch sang quốc ngữ bởi Võ Khắc Văn, Lê Phúc Thiện và xuất bản bởi Bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên, Saigon, 1972.

• Tập IV. Bản dịch sang quốc ngữ bởi Đào Vũ Luyện, Hồ Tấn và xuất bản bởi Bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên, Saigon, 1974.

• Tập V. Bản dịch sang quốc ngữ bởi Hà Ngọc Xuyên, Đào Vũ Luyện và xuất bản bởi Bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên, Saigon, 1974.

• Tập VI. Bản dịch sang quốc ngữ bởi Hoàng Văn Hòe, Nguyễn Quang Tố và xuất bản bởi Bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên, Saigon, 1974.

MỤC LỤC CHẤU BẢN TRIỀU NGUYỄN (MLCBTN)

Tập I: Triều Gia Long. Tập II: Triều Minh Mệnh. Bản dịch sang quốc ngữ bởi Viện Đại Học Huế, 1962.

PHỦ BIÊN TẠP LỤC (PBTŁ)

Tập I và II. Bản dịch sang quốc ngữ bởi Lê Xuân Giáo, xuất bản bởi Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa, Saigon, 1972.

PHƯƠNG ĐÌNH DƯ ĐỊA CHÍ (PĐĐĐC)

Bản dịch sang quốc ngữ bởi Ngô Mạnh Nghinh, Saigon, 1962.

QUỐC SỬ DI BIÊN (QSDB)

Tập thượng. Bản dịch sang quốc ngữ bởi Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa, Saigon, 1971

QUỐC TRIỀU CHÁNH BIÊN (QTCB)

Nguồn tư liệu

Nhóm nghiên cứu sử địa, Saigon 1971.

SÃI VÃI (SV)

Nguyễn Cư Trinh với quyền Sãi Vãi. Bản dịch sang quốc ngữ bởi Lê Ngọc Trụ, Phạm Văn Luật và xuất bản bởi nhà sách Khai Trí, Saigon, 1969.

VIỆT SỬ YẾU (VSY)

Bản dịch sang quốc ngữ bởi Lê Xuân Giáo, Saigon, 1971.

III. Tác phẩm và bài khảo luận khoa học

AYMONIER E.

- *Le Champa et les Chams* (inédit). Fonds de la Société Asiatique de Paris, [1885].

- Grammaire de la langue chame. *Excursions et Reconnaissances*, XIV (31), 1889, trang 5-92.

- Légendes historiques des chams. *Excursions et Reconnaissances*, XIV (32), 1890, trang 145-206.

- Première étude sur les inscriptions tchames. *Journal Asiatique*, XVIII, 1891, trang 5-86.

- *Le Cambodge*. Tomes I, II, III. Paris 1900-1904.

BARTH A. et BERGAIGNE A.

Inscriptions sanscrites de Campa et du Cambodge. Paris, 1893.

BERGAIGNE A.

- L'Ancien royaume de Campa dans l'Indochine, d'après les inscriptions. *Journal Asiatique*, XI, 1888, trang 5-105.

- Voir Barth A. (1893).

BOISSELIER, J.

La statuaire du Champa. Recherches sur les cultes et l'iconographie. Paris (Public. EFEO LIV) 1963.

BOULBET J.

- Le Miir, culture itinérante avec jachère forestière en pays Maa. *BEFEO*, LIII (1), 1966, trang 77-98.

Nguồn tư liệu

- *Pays des Maa'. Domaine des génies. Nggar Maa'. Nggar yaang. Essai d'ethno-histoire d'une population proto-indochinoise du Viêt Nam Central.* Publication de l'EFEO, LXII, 1967.

- Le tragique destin des Maa'. *Etudes Cambodgiennes*. N° 11, 1967, trang 15-21.

BAUDESSON

Au pays des superstitions et des rites chez les Mois et les Chams. Librairie Plon, Paris, 1932.

BỔ THUẬN & NGUYỄN KHẮC NGŨ

Tại sao người Chăm Bani kiêng thịt heo và thịt nhông. *Văn Hóa Nguyệt San*, số 53, 1960, tr. 978-990.

BULLETIN DU VIETNAM

Vietnam, Numéro spécial, Paris, 1977.

BỬU CẨM

Một đoạn lịch sử Chiêm Thành. Từ Nguyễn Hoàng đến triều Minh Mệnh. *Văn Hóa Nguyệt San*, số 37, 1958, trang 1246-1249.

BỬU LỘC

L'usure chez les paysans de l'Annam. Paris, 1941.

CABATON A.

- *Nouvelles recherches sur les Chams.* Publication de l'EFEO, II, 1902.

- Notes sur l'islam dans l'Indo-chine française. *Revue du monde musulman*, t. I, 1906, tr. 27-47.

- Les Cham musulmans dans l'Indo-chine française. *Revue du monde musulman*, t. II, 1907, tr. 129-180.

- L'islam dans l'Indo-chine française. *Encyclopédie de l'islam*, 1920, tr. 537-542.

CADIERE L.

Le quartier des arènes. *Bulletin des Amis du Vieux Hue*, N° 4, 1924, trang 307-332.

DELVERT J.

Le paysan cambodgien. Mouton & Co., Paris, 1961.

DUONG TRUNG TINH

Nguồn tư liệu

- La société de prêts mutuels au Vietnam*. Thèse de droit, Paris, 1951.
- CARTE D'INDOCHINE
Vietnam, Cambodia, Laos and Thailand. National Geographic Society, Washington, 1967.
- CASTONNET DES FOSSES H.
Les relations de la Chine et de l'Annam. *Bulletin de la Société Académique Indo-Chinoise*, 1890, trang 205-264.
- CHANDLER D.
Cambodia before the French Politics in a tributary kingdom, 1794-1848. University Microfilm, USA, 1973.
- CHAPPOULLIE H.
Aux origines d'une Eglise. Rome et les missions d'Indochine au XVII^e siècle. Tome I et II, Paris, 1943 et 1948.
- CHEN ZHICHAO
Inventaire des archives en Han. Inventaire des archives du Panduranga du fonds de la Société Asiatique de Paris (pièces en caractères chinois). Travaux du Centre d'Histoire et Civilisations de la Péninsule Indochinoise, Paris, 1984, trang 18-64.
- COEDES G.
Les Etats Hindouisés d'Indochine et d'Indonésie. Paris, 1964.
- COMPANS H. T.
Archives des voyages. Vol. I, Paris, 1840.
- CORDIER G.
Le théâtre annamite. *Revue Indochinoise*, T. XXVII, N. 5-6, 1917, tr. 371-380.
- CỬU LONG & TOAN ANH
Việt Nam chí lược miền thượng cao nguyên. Saigon, 1974.
- ĐẶNG PHƯƠNG NGHỊ
Les institutions publiques du Vietnam au XVII^e siècle. Publication de l'EFEO, Paris, 1969.

Nguồn tư liệu

- DOROHIEM & DOHAMIDE
Dân tộc Chăm lược sử. Saigon, 1965.
- DUONG TRUNG TINH
La société de prêtres mutuels au Vietnam. Thèse de droit. Paris, 1951.
- DUMOUTIER G.
Les Cultes annamites. Shneider, Hanoi, 1907.
- DURAND E.
- Bal canar. *BEFEO*, V, 1905, trang 382-386.
- La déesse des étudiants. *BEFEO*, VI, 1906, tr. 279-290.
- Voir Parmentier H., 1905.
- Les Baseh. *BEFEO*, VII, 1907, trang 313-321.
- DURAND M.
Voir Huard P., 1954.
- FERET M.
Lettre de M. Peret à un missionnaire datée à Nha Ru le 4-2-1964. MEP, Vol. 737.
- FILLASTRE A.
Bois d'aigles et bois d'aloès. *Revue Indochinoise*, I, 1905, tr. 248-263, 310-325.
- FINOT L.
- La religion des chams d'après les monuments. *BEFEO*, I, 1901, trang 12-33.
- Notes d'épigraphie. Stèle de Cambhuvarman à Mi Son. *BEFEO*, III, 1903, trang 206-221.
- Panduranga. *Mélanges Kern*, Leiden, 1903, trang 381-389.
- Notes d'épigraphie: Panduranga. *BEFEO*, III, 1903, trang 630-654.
- Notes d'épigraphie. *BEFEO*, IV, 1904, trang 83-115.
- Notes d'épigraphie: Les inscriptions de Mi Son. *BEFEO*, IV, 1904, trang 897-977.
- Notes d'épigraphie: Nouvelles inscriptions de Po Klaun Girai. *BEFEO*, IX, 1909, trang 205-209.
- FLORY DE

Nguồn tư liệu

- Lettre de M. De Flory à M. Langellerie datée du 28-7-1728.* MEP, Vol. 793.
- GARROS G.
Les usages de la Cochinchine. Saigon, 1905.
- GAULTIER M.
- *Gia Long.* Tome I, Saigon, 1933.
- *Minh Menh.* Tome II, Paris, 1935.
- GENIBREL J.
Dictionnaire annamite-français. 2^o édition. Saigon (sans date).
- GITEAU M.
Histoire du Cambodge. Paris, 1957.
- GOSSELIN Ch.
L'empire du Vietnam. Paris, 1904.
- GOUIN E.
Dictionnaire vietnamien-chinois-français. Saigon, 1957.
- GOUROU P.
Les paysans du delta tonkinois. Etude de géographie humaine. Publi. EFEO, 1936.
- GROUPE DE RECHERCHES CAM
Essai de translittération raisonnée du cam. *BEFEO.* LXIV, 1977, trang 243-225.
- HỒ VĂN ĐÀM
Giống người và gốc tích tỉnh Dar Lac. *Văn Hóa Nguyệt San*, số 50, 1960, tr. 438-445.
- HUARD P. et DURAND M.
Connaissance du Viêt-Nam. Paris-Hanoi, 1954.
- HUBERT E.
Le clan de l'aréquier. *BEFEO*, V, 1905, trang 170-175.
- HUỲNH KHẮC DỤNG
Hát Bội. Saigon, 1970.
- INDOCHINE
Ouvrage publié sous la direction de M. S. Lévi. Tome I, Paris, 1931.
- KHIN SOK

Nguồn tư liệu

Les chroniques royales du Cambodge de Bana Yat jusqu'à la prise de Lanvek. Thèse de III^o cycle. Paris, 1975.

LAFONT P-B.

- Contribution à l'étude des structures sociales des cham du Viet-Nam. *BEFEO*, LII, 1964, trang 157-172.

- L'agriculture sur brûlis chez les Proto-Indochinois des hauts plateaux du centre Viet-Nam. *Les cahiers d'Outre-Mer*, N^o 77, janvier 1967, trang 36-48.

- *Catalogue des manuscrits cam des bibliothèques françaises* (en collaboration avec Po Dharma et Nara Vija). Publication de l'EFEO, 1977.

- Pour une réhabilitation des chroniques notées en cam moderne. *BEFEO*, LXVII, 1980, trang 105-111.

- Tinjauan tentang perkembangan penelitian cam. *Kerajaan Campa*. Jakarta, 1981, trang 11-27.

LAUNAY A.

- *Histoire ancienne et moderne de l'Annam, Tonkin et Cochinchine depuis l'année 2.700 avant l'ère chrétienne jusqu'à nos jours*. Paris, 1884.

- *Les Missionnaires français au Tonkin*. Paris-Lyon, 1900.

LEBAR F. M., HICKEY G. C., MUSGRAVE J. K.

Ethnic groups of mainland Southeast Asia. New Hawen, 1964.

LÊ HỮU LÊ

Di tích và cổ vật Chiêm Thành tại Bình Thuận. *Sử Địa*, số 19-20, 1970, trang 161-168.

LÊ KIM NGÂN

Tổ chức chính quyền trung ương dưới triều Lê Thánh Tông (1460-1497). Saigon, 1963.

LE N. M.

Les missions étrangères et la pénétration française au Viêt-Nam. Paris-La Haye, 1975.

Nguồn tư liệu

- LE THANH KHOI
Le Viet-Nam. Histoire et Civilisation. Paris, 1955.
- LECLERE A.
Histoire du Cambodge depuis les Ier siècle de notre ère. Paris, 1914
- LEUBA J.
Un royaume disparu. Les Chams et leur art. Paris et Bruxelles, 1923.
- LOUIS-HENARD N.
Phan ke Binh. Vietnam phong tục (Moeurs et coutumes du Vietnam). Publication de l'EFEO, 1975 et 1980.
- LÝ KIM HOA
Vài nhận định tính ngưỡng dân gian Chăm Thuận Hải. *Những vấn đề dân tộc học Việt Nam*, TPHCM, 1978, tr. 67-102.
- LUNET DE LA JONQUIERE E.
Atlas archéologiques de l'Indochine. Monuments du Champs et du Cambodge. Publication de l'EFEO, Paris, 1901.
- LURO E.
Le pays d'Annam. Paris, 1878.
- MADROLLE
Guides Madrolle: Indochine du sud. Hachette, Paris, 1926.
- MAK PHOEUN
- *Chroniques royales du Cambodge (de 1594 à 1677).* Publication de l'EFEO, Paris, 1981.
- La première intervention militaire vietnamienne au Cambodge. 1658-1659 (En collaboration avec P Dharma). *BEFEO*, LXXIII, 1984, trang 285-318.
- MANNEVILLETTE
Instructions sur la navigation des Indes Orientales et de la Chine. Paris, 1775.
- MANGUIN P.Y.
-*Les Portugais sur les côtes du Viêt-Nam et du Campa. Etude sur les routes maritimes et les*

Nguồn tư liệu

relations commerciales, d'après les sources portugaises (XVI^e, XVII^e, XVIII^e siècles). Publication de l'EFEO, 1972.

- Une relation ibérique du Campa en 1595. *BEFEO*, LXX, 1981, trang 253-269.

MASPERO G.

Le royaume de Champa. Paris, 1928.

MASSON A.

Histoire du Viet Nam. Paris, 1972.

MAYBON Ch. B.

Histoire moderne du pays d'Annam (1592-1820). Etude sur les premiers rapports des Européens et des Annamites et sur l'établissement de la dynastie annamite des Nguyen. Paris, 1920.

MINH LẠC

Lược sử Việt Nam. Nhà Văn Hóa, 1973.

MOURA J.

Le royaume du cambodge. Tomes I et II. Paris, 1883.

MOUSSAY, G.

Dictionnaire cam-vietnamien-fançais. Trung Tâm Văn Hóa Chăm, 1971.

MUS P.

- *Un aspect du problème Moi: Les plateaux de djiring et de Dalat*. *Anthropologie*, Tome 46, N° 5-6, 1936.

- *Etudes Indiennes et Indochinoises*. IV . Deux légendes chames, in *BEFEO* XXXI (1931), tr. 39-101.

NARA VIJA

Voir Lafont P-B., 1977.

NGHIÊM THẨM

- Sơ lược kho tàng chứa bảo vật của vua Chăm. *Việt Nam Khảo Cổ Tập San*, N° 1, 1960, trang 151-166.

- Đi thăm kho tàng của các vua Chăm. *Văn Hóa Nguyệt San*, N° 56, 1960, trang 1359-1366; N° 57, 1960, trang 1567-1575.

Nguồn tư liệu

- Tôn giáo người Chăm tại Việt Nam. *Quê Hương*, N° 32, 1962, trang 215-223; N° 34, 1962, trang 108-123.
- NGUYỄN ĐÌNH DIỆM
Đồ Bàn Thành Ký. *Tập San Sử Địa*, N° 19-20, 1970, trang 232-248.
- NGUYỄN KHẮC NGŨ
 - Hỏa táng: Phong tục Chăm. Văn Hóa Nguyệt San, số 23, 1957, tr. 629-633.
 - Khảo cứu lịch Chăm. Văn Hóa Nguyệt San, số 5, 1958, tr. 51-65.
 - Mẫu hệ Chăm. Trình Bày, Saigon, 1967.
- NGUYEN KHAC VIEN
Histoire du Vietnam. Paris, 1974.
- NGUYỄN LÊ THỊ
Thư tịch cổ Việt Nam viết về Đông Nam Á. Phần Chiêm Thành, Thủy Xá, Hỏa Xá, Miến Điện, Chava. Hà Nội, 1977
- NGUYỄN NGỌC HUY
Quốc triều hình luật. Quyển A, Việt Publisher, 1989.
- NGUYEN PHAN QUANG
Le mouvement paysan vietnamien dans la première moitié du XIX^e siècle. *Cahiers d'études vietnamiennes*, N° 1981-1982, trang 14-24.
- NGUYEN THANH NHA
Tableau économique du Vietnam aux XVII^e siècle et XVIII^e siècle. Paris, 1970.
- NGUYEN THAN HUAN
Inventaire des passages en Nôm. *Inventaire des archives du panduranga du fonds de la Société Asiatique de Paris (pièces en caractères chinois)*. TCHCPI, Paris, 1984, trang 65-72.
- NGUYỄN VĂN ĐIỀU
Vài nét về người Chu-ru ở Lâm Đồng. *Dân Tộc Học*, số 3, 1981, tr. 23-31.
- NGUYỄN VĂN LUẬN

Nguồn tư liệu

- Một tập tục của chế độ mẫu hệ Chăm “vào kút”. *Văn Hóa Nguyệt San*, số 1, 1968, tr. 123-130.
- NGUYỄN VĂN MẠI
Việt Nam phong sử. Phủ Quốc Vụ Khanh, Saigon, 1972.
- NGUYỄN VĂN TỐ
Noms des lieux cam-anamites, *BHIEH*, N. VI, 1943, trang 225-240.
- NHẤT THANH
Đất lề quê thói (Phong tục Việt Nam). Saigon, 1971.
- PARMENTIER H.
- Le trésor des rois chams (en collaboration avec Durand E.), *BEFEO*, V, 1905, trang 1-46.
- *Inventaire descriptif des monuments cam de l'Annam*. Tome I-II. Publication de l'EFEO, 1909 et 1918.
- PASQUIER P.
L'Annam d'autrefois. Paris, 1907.
- PELLIOT P.
- Textes chinois sur Panduranga. *BEFEO*, III, 1903, trang 649-654.
- Deux itinéraires de Chine en Inde à la fin du VIII^e siècle. *BEFEO*, IV, 1904, trang 131-413.
- PETELOT A.
Les plantes médicinales du Cambdge du Laos et du Vietnam. CNRST, Saigon, 1954.
- NGUYỄN ĐÌNH KHIÊM
Đi tìm địa điểm và di tích hai thành cổ Quang Nam và Phú Yên đầu thế kỷ thứ XVII. *Việt Nam Khảo Cổ Tập San*, N^o 1, 1960, trang 71-96.
- PHẠM VĂN DỐP
Khảo tả thôn Tịnh Mỹ vùng Chăm Thuận Hải. *Những vấn đề dân tộc học ở miền nam Việt Nam*. Tập II, Thành Phố HCM, 1978, trang 185-215.
- PHẠM VĂN SƠN
- *Việt sử tân biên. Nam bắc phân tranh hay là loạn phong kiến Việt Nam*. Tập III, Saigon, 1959.

Nguồn tư liệu

- *Việt sử toàn thư, từ thượng cổ đến hiện đại*. Saigon, 1960.

- *Việt sử tân biên. Từ Tây Sơn Mạt Diệp đến Nguyễn Sơ*. Tập IV, Saigon, 1961.

PHAN KHOANG

Việt sử xứ đàng trong 1558-1777. Cuộc nam tiến của dân tộc Việt Nam. Saigon, 1969.

PHILASTRE P.

Le code annamite. Paris, 1876.

PO DHARMA

- Voir Lafont P-B., 1977.

- *Chroniques du Panduranga*. Thèse de l'EPHE, IV^o section, Paris, 1978 (Xérographiée).

- *Complément au catalogue des manuscrits cam des bibliothèques françaises*. Publication de l'EFEO, 1981.

- Notes sur les cam du Cambodge. *Seksa Khmer*, N^o 3-4, 1981, trang 161-183.

- A propos de l'exil d'un roi cam au Cambodge. *BEFEO*, LXXII, 1983, trang 254-266.

- Résumé des passages en cam. *Inventaire des archives du Panduranga du fonds de la Société Asiatique de Paris (pièces en caractères chinois)*. Travaux du Centre d'Histoire et Civilisations de la Péninsule Indochinoise. Paris, 1984, trang 75-95.

- Voir Mak Phoeun, 1984.

- Les frontières du Campa (Dernier état des recherches). *Histoire de frontières de la Péninsule Indochinoise. I.- Les frontières du Vietnam*, L'Harmattan, Paris, 1989, trang 128-135.

- *Akayet Inra Patra (Hikayat Inra Patra = Épopée Inra Patra)*, en collaboration avec G. Moussay et Abd. Karim. Perpustakaan Negara Malaysia & Ecole Française d'Extrême-Orient, Kuala Lumpur, 1997.

QUẢNG ĐẠI CHÍ

Nguồn tư liệu

Ruộng đất của đồng bào Chăm có liên quan đến phong tục và tập quán. *Nội San Panrang*, số 2, 1972, tr. 23-25.

RONDOT P.

Notes sur les cham bani du Binh Thuan (Centre Vietnam). *Extrait de la Revue des Etudes Islamiques 1949*, Paris, 1950.

SCHREINER A.

Les institutions annamites en Basse Cochinchine avant la conquête française. Tome I, Saigon, 1900.

SEPTANS A.

Les commencements de l'Indo-Chine française. Paris, 1887.

SYLVESTRE J.

L'insurrection de Gia Dinh. La révolte de Le Van Khoi (1832-1834). La Revue Indochinoise, Hanoi, 1915, 35 pages.

SOUVIGNET E.

Variétés tonkinoises. Hanoi, 1903.

STEIN R.

Le Lin-Yi. Sa localisation, sa contribution à la formation du Champa et ses liens avec la Chine. Han Hiue, Pékin, 1947.

STERN Ph.

L'art du Champa (ancien Annam) et son évolution. Toulouse, 1942.

TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG

Lịch sử nội chiến ở Việt Nam từ 1711 đến 1802. Văn Sử Học, Saigon, 1973.

TAO KIM HAI

L'Indochine française depuis Pigneau de Béhaine. Tours, Mame, 1939.

TISSANIER J.

Relation du voyage du P. Tissanier de la Cie de Jésus depuis la France jusqu'au royaume du Tonkin pendant les années 1658, 1659 et 1660. Paris, 1663.

THAI CONG TUNG

Nguồn tư liệu

- Les principales formations végétales de la plaine de Phanrang*. S. Agro. Vietnam, 1966.
- THIÊN SANH CẢNH
- Đám ma chàm. *Nội San Phanrang*, số 3, 1973, tr. 15-19; số 4, 1973, tr. 5-8.
- Phương pháp tính lịch Chăm. *Nội San Phanrang*, số 3, 1973, tr. 15-19; số 4, 1973, tr. 5-8.
- TOAN ÁNH
Nếp cũ, tín ngưỡng Việt Nam. Nam Chi Tùng Thư, Saigon, 1971.
- TRAN MINH TIET
Histoire des persécutions au Viêt-Nam. Paris, 1961.
- TRẦN TRỌNG KIM
Việt Nam Sử Lược. Quyển II, Saigon, 1971; Hà Nội, 1920
- TRAN VAN CHUONG
Essai sur l'esprit du droit sino-annamite. Paris (Faculté de droit), 1922.
- TRƯƠNG BÁ PHÁT
Lịch sử cuộc nam tiến của dân tộc Việt Nam. *Sử Địa*, N° 19-20, 1970, trang 45-141.
- TRUONG VINH KY
Cours d'histoire annamite à l'usage des écoles de la Basse-Cochinchine. Vol. I et II, Saigon, 1875 et 1879.
- TỪ NGUYỄN
Cuộc Nam Tiến của dân tộc Việt Nam. *Văn Hóa Nguyệt San*, số 43, 1959, tr. 069-091; số 44, tr. 1132-1141.
- WITFIELD D. F.
Historical and cultural dictionary of Viet Nam. Metechen, New York, 1976.
- WINKEL
Les relations de la Hollande avec le Cambodge et la Cochinchine au XVII^e siècle. Excursions et Reconnaissances, XII, 1882.
- VŨ LANG & NGUYỄN KHẮC NGŨ

Nguồn tư liệu

Ảnh hưởng văn hóa Chăm qua Việt Nam. *Văn Hóa
Nguyệt San*, số 26, 1957, tr. 1037-1046.

VŨ VĂN MẪU

Cổ luật Việt Nam và tư pháp sử. Quyển 1, tập 1, Sài
Gòn, 1973.

Tổng luận đầu sách

Champa là vương quốc thuộc nền văn minh Ấn Giáo nằm trên dải đất ở miền trung Việt Nam, chạy dài từ cửa Hoàng Sơn (Quảng Bình) đến biên giới Sài Gòn hiện nay. Tên gọi của vương quốc Champa xuất hiện lần đầu tiên trên bia ký Mỹ Sơn dưới thời vua Sambhuvarman vào năm 629 và trên bia ký Ang Chumnik của Campuchia vào năm 667¹.

Dựa vào nguồn tư liệu của Trung Hoa, học giả R. Stein² cho rằng Champa là hậu duệ của vương quốc Lin Yi (Lâm Ấp) được hình thành vào cuối thế kỷ thứ II. Năm 758, danh xưng nước Lin Yi (Lâm Ấp) biến sang một tên gọi mới là Hoàng Vương. Năm 877, vương quốc Hoàng Vương thay đổi danh xưng thành Chiêm Thành, tức là tên gọi phiên âm từ chữ Champapura (Chiêm = Champa, Thành = pura)³, một vương quốc có cùng biên giới với Đại Việt ở phương bắc.

Champa là vương quốc chịu ảnh hưởng Ấn Giáo rất sâu đậm. Tôn giáo chính được tôn thờ trong triều đình Champa là Bà La Môn Giáo với thần Shiva là đấng tối cao⁴, sau đó là thần Vishnu. Tuy nhiên, phật giáo Đại Thừa cũng từng phát triển mạnh mẽ vào một thời kỳ ở vương quốc này. Nhiều đền đài tôn giáo, cung điện của vua chúa cũng như di tích lịch sử còn tồn tại ở miền trung Việt Nam hôm nay đã chứng minh rằng Champa là vương quốc có một nền văn minh cao độ trong tiến trình hình thành các quốc gia ở khu vực Đông Nam Á⁵.

¹ L. Finot, 1903, tr. 206; G. Maspero, 1928, tr. 2.

² S. Stein, 1947.

³ G. Maspero, 1928, tr. 43 ; G. Coedes, 1964, tr. 134.

⁴ P. Stern, 1942, tr. 103.

⁵ L. Finot, I, 1901 ; Lunet de la Jonquière E. 1901 ; H. Parmentier, 1909 & 1919 ; P. Stern, 1942 ; J. Leuba, 1932 ; J. Boisselier, 1963.

Tổng luận đầu sách

Theo tư liệu viết bằng Phạn ngữ trên bia ký và Chăm ngữ, Champa không phải là vương quốc trung ương tập quyền như cơ chế chính trị ở Việt Nam hay Trung Hoa thời trước, mà là một quốc gia liên bang. Mỗi tiểu bang được hưởng quyền tự trị khá rộng rãi. Tùy theo thời kỳ, vương quốc Champa tập trung 5 tiểu bang⁶ như sau:

- Indrapura (vùng Quảng Bình, Quảng Trị)
- Amaravati (vùng Quảng Nam, Thừa Thiên)
- Vijaya (Bình Định)
- Kauthara (Phú Yên, Khánh Hòa)
- Panduranga (Phan Rang, Phan Rí) có thủ đô là Virapura.

Panduranga là tiểu vương quốc ở miền nam Champa xuất hiện lần đầu tiên trên bia ký vào năm 739 Saka, tức là 817 dương lịch⁷. Tiểu bang Panduranga có lúc bao trùm cả Kauthara⁸, một thánh địa thiêng liêng nơi có đền Po Ina Nagar (Thánh Mẫu của vương quốc). Và đôi lúc Kauthara cũng tự tách rời ra khỏi Panduranga để hình thành một tiểu bang thứ năm của Champa⁹.

Theo tư liệu Trung Hoa¹⁰, đứng đầu của mỗi tiểu vương quốc thường có hai quan lại cao cấp được tấn phong nắm quyền điều hành khu vực của mình¹¹. Nhưng xứ

⁶ G. Maspero, 1928, tr. 24 ; H. Parmentier, 1903, tr.3 ; L. Finot, 1904, tr. 102 và 112.

⁷ A. Barth & A. Bergaigne, 1893, tr. 266.

⁸ A. Barth & A. Bergaigne, 1893, tr. 244-246. Theo P. Pelliot (1904, tr. 216), tài liệu Trung Hoa gọi tiểu vương quốc Kauthara (Khánh Hòa) là Koutan.

⁹ A. Bergaigne, 1888, tr. 51.

¹⁰ Theo Song Che và Wen Hien T'ong K'ao (G. Maspero, 1928, tr. 27).

¹¹ L. Finot (Mélanges Kern, 1903, tr. 386) cho rằng Panduranga là một quốc gia phong kiến thuộc về chủ quyền của Champa, đặt dưới quyền

Tổng luận đầu sách

Panduranga, tùy theo thời kỳ, là tiểu vương quốc có qui chế chính trị đặc biệt hơn. Vì có nhiều lúc, tiểu vương quốc này được cai trị bởi một vị thái tử (*yuvaraja*) của liên bang Champa¹². Trong quá trình của lịch sử, vua liên bang Champa cũng không ngừng tìm cách hình thành một quốc gia trung ương tập quyền. Tiếc rằng thể chế chính trị này đôi lúc cũng có sự thuận phục của một số tiểu bang, nhưng cũng có lúc phải gặp bao sự phản kháng ở địa phương, nhất là xứ Panduranga ở miền nam, một tiểu vương quốc lúc nào cũng tìm cách tách rời ra khỏi sự giám hộ của chính quyền liên bang Champa ở miền bắc để xây dựng cho mình một tiểu vương quốc tự trị và đôi lúc đòi hỏi cả chủ quyền độc lập riêng biệt.

Đứng đầu chính quyền trung ương của liên bang Champa là vị thủ lãnh mà các bia ký thường gọi là *Rajadiraja* (vua của các vị vua) mang tước phong là *Po Tana Raja* (chúa toàn cõi đất đai của vương quốc), cai trị đất nước với chiếc lọng duy nhất (*ekacchatra*), biểu tượng cho quyền lực tối cao của liên bang Champa¹³.

I. Mối liên hệ giữa Panduraga và Champa (thế kỷ thứ XI-XII)

Sự xung đột giữa chính quyền liên bang Champa và tiểu vương quốc Panduranga đã từng xảy ra trong quá khứ. Nhiều bia đá ghi lại vào năm 972 Saka (tức là năm 1050), nhân dân Panduranga đã từng nổi dậy chống lại quốc vương Champa đóng đô ở miền bắc. Sau cuộc vùng dậy này, chính quyền liên bang Champa thường xếp dân cư Panduranga vào

cai trị bởi một phó vương (*Adhipati*) nhưng mang hai chức phong đó là Chúa Panduranga (*Panduragesvara*) và Đại Tướng (*Senapati*).

¹² Bia ký Po Nagar Nha Trang (G. Maspero, 1928, tr. 27).

¹³ Xem bia ký Mỹ Sơn (G. Maspero, 1928, tr. 23). Champa là quốc gia có hệ thống tổ chức chính trị theo thể chế phong kiến, không ngăn cấm phong trào đòi tự trị tại một số khu vực trong vương quốc liên bang này (P-B. Lafont, 1964, tr. 105-111 ; J. Boisselier, 1963, tr. 1).

Tổng luận đầu sách

nhóm người "hư hỏng, phá hoại, nông nổi, luôn luôn phản bội vua chúa Champa"¹⁴. Nhằm đảm bảo sự thuận phục lâu dài của dân chúng Panduranga đối với nhà vua Champa ở trung ương, sử gia L. Finot cho rằng lãnh thổ Panduranga "luôn luôn được đặt dưới quyền cai trị của một vị thái tử (*yuvaraja*) của liên bang Champa". Tuy nhiên chính sách dùng uy quyền thái tử để quản lý tiểu vương quốc này cũng không cản trở được ba cuộc nổi dậy ở Panduranga đã được các bia ký nhắc đến vào thế kỷ thứ 11, trong đó có một cuộc nổi dậy đặt dưới quyền lãnh đạo của một vị quan lại địa phương tự tôn mình là quốc vương Panduranga trong suốt 16 năm. Chính vì thế các bia ký Champa thường gán cho tiểu vương quốc Panduranga như là "quê hương của bao sự phiến loạn chống triều đình Champa và cũng là nơi nương thân an toàn dành cho những vị hoàng tử Champa bại trận ở miền bắc chạy sang miền nam lánh nạn"¹⁵. Theo tư liệu Song Chê của Trung Hoa được P. Pelliot¹⁶ nghiên cứu, Panduranga vào thời kỳ đó dường như có một qui chế tự trị rất là rộng rãi. Những tư liệu trên cũng giới thiệu Panduranga vào cuối thế kỷ thứ 10 như là "một vương quốc nằm trong lãnh thổ chính trị của liên bang Champa" nhưng thường mang những sản vật của địa phương để triều cống cả hai triều đình Trung Hoa và Champa thời đó¹⁷. Quy chế triều cống cả Trung Quốc lẫn liên bang Champa đã chứng minh rằng Panduranga đôi lúc cũng là một quốc gia độc lập trong tổ chức liên hiệp quốc gia (*confédération*) của liên bang Champa.

Vào cuối thế kỷ thứ XI, những bia ký ghi nhận rằng vương quốc Champa có hai đồng tộc: cây cau (*Kramula*) và

¹⁴ L. Finot, 1909, tr. 205-209 ; G. Maspero, 1928, tr. 37.

¹⁵ L. Finot, 1909, tr. 205-209 ; G. Maspero, 1928, tr. 37.

¹⁶ Song Che (thế kỷ thứ XIV) cho biết triều cống này xảy ra vào năm 997 (P. Pelliot, 1903, tr. 649).

¹⁷ Tchou Fan Che. Tài liệu này viết vào thế kỷ thứ XIII cũng nêu rằng triều cống này xảy ra vào năm 997 (P. Pelliot, 1903, tr. 650).

cây dừa (Narikela)¹⁸. Theo E. Huber, hai dòng tộc này thương gây chiến tranh để chiếm ưu thế chính trị ở vương quốc Champa thời đó. Dòng cây cau nắm quyền tối cao tại Panduranga. Ngược lại, dòng cây dừa ngự trị ở vùng phía bắc, tức là khu vực Vijaya (Bình Định) và Amaravati (Quảng Nam-Huế). Dòng cây cau ở Panduranga rất tự hào về sự tinh khiết nguồn gốc xuất sứ thị tộc của mình¹⁹. Những bia ký ở Mỹ Sơn cũng nhấn mạnh về sự kiện này bằng cách đưa ra dẫn chứng rằng hoàng tử Than (Harivarman) được tôn vinh làm quốc vương liên bang Champa tại Vijaya từ năm 1074 đến 1081 tự nhận rằng Ngài là vị hoàng tử xuất thân từ hai dòng máu: dòng tộc cây dừa ở miền bắc theo huyết thống của cha và dòng tộc cây cau ở miền nam theo huyết thống của mẹ. Và Ngài công nhận rằng chính dòng cây cau của mẹ ở Panduranga mới là "dòng giống có ưu thế đặc biệt trong vương quốc Champa" thời đó²⁰.

Khi người em trai của hoàng tử Than tên là Paramabhodisatva lên nắm chính quyền liên bang Champa vào năm 1081-1086, bia ký của đền Po Nagar tại Nha Trang có đề cập đến chiến tranh xảy ra tại vương quốc Champa thời đó. Theo bia ký này, một vị chúa tên là Rudravarman gốc người Panrang (Phan Rang) tự tôn vinh mình là quốc vương của Panduranga trong suốt 16 năm ở miền nam. Để trả lời cho cuộc nổi dậy này, vua Paramabhodisatva của liên bang Champa dẫn đoàn quân tấn công vua Rudravarman ở miền nam và "tịch thu vương miện và cửa cải" của tiểu vương quốc Panduranga. Sau cuộc thành công này, Paramabhodisatva trở

¹⁸ L. Finot (1904, tr. 937), E. Hubert (1905, tr. 175) dùng thuật ngữ thị tộc (clans) trong khi đó những tài liệu khác dùng thuật ngữ *Vamsa* ám chỉ cho thị tộc.

¹⁹ E. Hubert, 1905, tr. 175. Xem thêm G. Maspero, 1928, tr. 18.

²⁰ Bia ký Mỹ Sơn có niên đại 1080 (L. Finot, 1904, tr. 133 ; G. Maspero, 1928, tr. 143).

thành "vị vua duy nhất" của một liên bang Champa thống nhất²¹.

II. Panduranga dưới thời kỳ đô hộ của Campuchia (1145-1203)

Vào khoảng giữa thế kỷ thứ XII, một chiến tranh khác giữa miền bắc và miền nam Champa lại bùng nổ một lần nữa. Theo một số bia ký ghi lại, vào năm 1145, vương quốc Campuchia tiến quân chiếm thủ đô Vijaya và giết được quốc vương Champa là Jaya Indravarman III ở chiến trường. Sau ngày tử trận của Jaya Indravarman III, hội đồng hoàng gia Champa quyết định giao vương miện quốc gia cho vua Rudravarman IV. Nhưng chưa kịp làm lễ tấn phong, vua Rudravarman IV phải chạy sang lánh nạn ở Panduranga trước sự tấn công của đoàn quân Campuchia hiện đang làm chủ tỉnh hình ở Vijaya (Đồ Bàn) thời đó²².

Trong thời gian lánh nạn ở miền nam, vua Rudravarman IV không muốn tiếp tục giữ chức quốc vương Champa nữa. Lợi dụng tình hình chính trị rối ren ở miền bắc, dân chúng Panduranga quyết định tôn vinh con trai của vị vua Rudravarman IV là hoàng tử Sivanandana lên làm quốc vương liên bang Champa vào năm 1147 “vì quyền lợi tối cao và sự phát đạt của đất nước Champa này”²³. Hoàng tử Sivanandana chấp nhận vương miện tấn phong của Panduranga để trở thành quốc vương Champa dưới danh hiệu là Jaya Harivarman I, trong lúc đó thủ đô Vijaya ở phương bắc vẫn nằm trong sự kiềm kẹp của quân đội Campuchia²⁴. Thế là nghi lễ tấn phong quốc vương liên bang Champa

²¹ E. Aymonier, 1891, tr. 33-36 ; G. Maspero, 1928, tr. 148 ; G. Coedes, 1964, tr. 248.

²² Bia ký Batau Tablah (Phan Rang), Mỹ Sơn và Po Nagar Nha Trang. Xem A. Bergaigne, 1888, tr. 83 ; E. Aymonier, 1891, tr. 39 ; L. Finot, 1904, tr. 952 ; G. Maspero, 1928, tr. 156.

²³ Bia ký Batau Tablah (E. Aymonier, 1891, tr. 39).

²⁴ G. Maspero, 1928, tr. 156.

không phải diễn ra như thông lệ ở thủ đô Vijaya, mà là thủ đô Virapura của Panduranga. Đối với triều đình Campuchia thời đó, đây là một thái độ khiêu khích của Panduranga nhằm chống lại sự hiện diện của quân đội Campuchia ở thủ đô Vijaya. Vào năm 1148, quốc vương Campuchia quyết định đem quân trừng phạt Panduranga nhưng bị thất bại. Để gỡ lại bàn cờ chính trị, quốc vương Campuchia tự làm lễ tôn vinh em rể của mình là Harideva làm quốc vương Champa tại thủ đô Vijaya (Đồ Bàn). Kể từ đó, Champa bị phân chia thành hai vùng riêng biệt. Vijaya ở phương bắc đặt dưới quyền cai trị của ông vua gốc người Campuchia. Panduranga ở phương nam có một vị quốc vương riêng của mình²⁵.

Một năm sau tức là vào năm 1149, quốc vương Panduranga quyết định tiến quân chống lại quân xâm lăng Campuchia ở thủ đô Vijaya và giết được vị vua gốc Campuchia là Harideva. Sau cuộc chiến thắng này, vua tiêu vương quốc Panduranga, thay vì rút quân về, lại tôn mình thành quốc vương tối cao của liên bang Champa ở Vijaya²⁶. Cuộc tấn phong này không được dân chúng Champa ở miền bắc ủng hộ, vì họ cho rằng vua Panduranga chỉ biết lợi dụng tình thế chính trị đem quân dẹp bọn xâm lăng Campuchia ở Vijaya nhằm đoạt ngôi ở miền bắc²⁷. Chính vì thế, có nhiều cuộc nổi dậy ở khu vực Amaravarti chống lại sự hiện của vua Panduranga ở thủ đô Vijaya vào năm 1151. Bốn năm sau, nhân dân Panduranga cũng vùng dậy chống lại tập đoàn vua chúa Champa nắm chính quyền ở Vijaya, miền bắc²⁸.

Vào cuối thế kỷ thứ XII tức là sau ngày tử trận của Harideva ở Vijaya vào năm 1149, quốc vương Campuchia là Jayavarman VII (1181-1218) muốn trả thù cho sự thất bại này, quyết định xua quân chinh phạt Champa vào năm 1190.

²⁵ G. Maspero, 1928, tr. 157.

²⁶ G. Maspero, 1928, tr. 158.

²⁷ G. Maspero, 1928, tr. 159.

²⁸ G. Maspero, 1928, tr. 159.

Tổng luận đầu sách

Sau ngày chiến thắng, vua Jayavarman VII chia vương quốc Champa thành hai khu vực hành chính riêng biệt. Vijaya ở phía bắc đặt dưới quyền cai trị của hoàng tử In, gốc người Champa nhưng là anh rể của vua Campuchia và tiểu vương quốc Panduranga ở miền nam đặt dưới quyền cai trị của hoàng tử Sri Vidyanandana, gốc người Tumpraukvijaya (Bình Định), đã từng lánh nạn ở Campuchia từ 1182. Sri Vidyanandana lên ngôi ở Panduranga, lấy danh hiệu là Suryavarmadeva. Kể từ đây, vương quốc Champa hoàn toàn đặt dưới quyền đô hộ của Campuchia.

Vì không chấp nhận sự thống trị Campuchia, một vị hoàng tử xuất thân từ vùng Vijaya tên là Rashupati kêu gọi quần chúng vùng dậy vào năm 1191 truất phế hoàng tử In, anh rể của quốc vương Campuchia. Trước tình hình rối ren này, vua tiểu vương quốc Panduranga là Suryavarmadeva²⁹, với sự hỗ trợ của quân đội Campuchia, tiến quân giải phóng Vijaya và giết được Rashupati tại chiến trường. Một bia ký Mỹ Sơn kê lại rằng, sau ngày chiến thắng, Suryavarmadeva gạt bỏ vai trò Campuchia trong trận chiến này, tự tôn vinh mình là quốc vương tối cao Champa³⁰, quyết định năm 1192 sáp nhập hai tiểu vương quốc Vijaya và Panduranga thành một liên bang Champa như trước³¹. Để trả lời cho thái độ này, vua Campuchia là Jayamarman VII gửi một đoàn quân hùng mạnh sang Vijaya vào năm 1193 để chinh phạt vua Suryavarmadeva. Mãi cho đến năm 1203, thủ đô Vijaya mới bị thất thủ và vua Suryavarmadeva chạy sang Đại Việt để lánh nạn³².

Cũng trong giai đoạn này, vấn đề Panduranga lại xuất hiện một lần nữa trong tư liệu Ling Wai Tai Ta của Trung Hoa viết vào năm 1178. Tư liệu này kê rằng tại miền nam

²⁹ Bia ký Mỹ Sơn 92B (L. Finot, 1904, tr. 967 và 970).

³⁰ Bia ký Mỹ Sơn (L. Finot, 1904, tr. 967 và 970). Xem thêm G. Maspero, 1928, tr. 165 và G. Coedes, 1964, tr. 313.

³¹ Bia ký Mỹ Sơn (G. Maspero, 1928, tr. 166).

³² G. Maspero, 1928, tr. 166.

Tổng luận đầu sách

Champa có 2 tiểu vương quốc: P'in Tong Long (Phan Rang) và P'in T'o Ling (Phan Rí). Chính ở P'in T'o Ling (Phan Rí) là nơi ngự trị (râjagriha) của vua chúa tiểu vương quốc ở miền nam Champa³³.

III. Sự ra đời của biên niên sử Panduranga (thế kỷ XIII)

Chính sách thống nhất liên bang Champa do hoàng tử gốc Panduranga là Suryavarmadeva thực hiện vào năm 1192 và sự thất trận của Ngài trước đoàn quân Campuchia vào năm 1203, kéo theo sự lánh nạn của Ngài bên xứ Đại Việt cũng vào năm đó, đã đánh dấu cho sự ngưng chiến binh đao giữa Vijaya ở miền bắc và Panduranga ở miền nam. Đây là biến cố quan trọng đáng chú ý, vì chính vào thời kỳ đó mà biên niên sử (*sakarai dak rai patao*) viết bằng tiếng Chăm nói đến vị vua đầu tiên của Panduranga tên là Sri Agarang lên ngôi vào năm 1193 hay năm 1205 tùy theo dị bản. Sự xuất hiện của Sri Agarang vào năm 1193 hay 1205 trong biên niên sử viết bằng tiếng Chăm ở miền nam có sự liên hệ trực tiếp hay không với sự ngưng chiến binh đao giữa hai miền nam-bắc Champa? Đây là câu hỏi mà không ai có thể trả lời được. Tuy nhiên chúng ta có thể ghi nhận rằng biên niên sử viết bằng tiếng Chăm (*sakarai dak rai patao*) là tư liệu lịch sử duy nhất cung cấp cho chúng ta nhiều tin tức hiếm có của một tiểu vương quốc ở miền nam. Điều mà không ai phủ nhận được đó là biên niên sử này cho biết danh sách đầy đủ những vị vua chấp chính ở Panduranga từ triều đại Sri Agarang (1193-1235 hoặc là 1205-1247) cho đến năm 1822, mà đa số chi tiết cũng được

³³ Theo P. Pelliot (1903, tr. 169 và tiếp theo), P'in T'ong Long còn gọi là Pin T'o Ling. Nhưng P. Pelliot đưa ra một giả thuyết khác cho rằng P'in T'ong Long ám chỉ cho khu vực Panrang (Phan Rang) và Pin T'o Ling ám chỉ cho Parik (Phan Rí), tức là hai khu vực nằm trong tiểu vương quốc Panduranga.

Tổng luận đầu sách

xác nhận trong biên niên sử Việt Nam và các ký sự của thương thuyền Âu Châu³⁴.

Biên niên sử viết bằng tiếng Chăm (*sakarai dak rai patao*) chia làm 2 phần. Phần đầu nói về vua huyền sử và phần hai nói về quốc vương trị vì ở miền nam Champa. Đây là danh sách 5 vị vua huyền sử và 33 quốc vương Panduranga trị vì từ năm 1193 hay 1205 cho đến năm 1822 được ghi lại trong biên niên sử viết bằng tiếng Chăm hiện đại:

Vua huyền sử (*patao engkat*)

1. Po Uwluah
2. Po Binnasur
3. Po putik
4. Po Sulika
5. Po Klaong Garay

Quốc vương trị vì ở Panduranga

Triều đại Sri Agarang

1. Sri Agarang
Lên ngôi năm Sửu (1193/1235) chấm dứt năm Ngọ (1205/1247), đóng đô ở Bal Hanguw.
2. Cei Anâk
Con của vua Sri Agarang, lên ngôi năm Mùi (1235/1269) chấm dứt năm Tị (1247/1281), đóng đô ở Bal Anguei.

Triều đại Po Dobatasuar

³⁴ Xem biên niên sử Panduranga (Po Dharma, 1978).

Tổng luận đầu sách

3. Po Dobatasuar
Lên ngôi năm Tị (1269/1294) chấm dứt năm Ngọ (1281/1306), đóng đô ở Bal Anguei.
4. Po Patarsuar
Em của vua Po Dobatasuar, lên ngôi năm Ngọ (1294/1316) chấm dứt năm Thìn (1306/1328), đóng đô ở Bal Anguei.
5. Po Binnsuar
Em của vua Po Patarsuar, lên ngôi năm Thìn (1316/1361) chấm dứt năm Sửu (1328/1373), đóng đô ở Bal Anguei.

Triều đại Po Parican

6. Po Parican
Lên ngôi năm Sửu (1361/1385) chấm dứt năm Sửu (1373/1397), đóng đô ở Bal Anguei.

Thời kỳ gián đoạn ngôi vua từ năm Sửu (1385-1421) đến năm Sửu (1397-1433)

7. Po Kasit
Con của vua Po Parican, lên ngôi năm Sửu (1421/1448) chấm dứt năm Thìn (1433/1460), đóng đô ở Bal Batsinâng.
8. Po Kabrah
Con vua Po Kasit, lên ngôi năm Thìn (1448/1482) chấm dứt năm Dần (1460/1494), đóng đô ở Bal Batsinâng.
9. Po Kabih
Em của vua Po Kabrah, lên ngôi năm Dần (1482/1578) chấm dứt năm Dần (1494/1530), đóng đô ở Bal Batsinâng.

Tổng luận đầu sách

10. Po Karutdrak

Em của vua Po Kabih, lên ngôi năm Dần (1518/1524) chấm dứt năm Thân (1530-1536), đóng đô ở Bal Batsinâng.

Triều đại Po Mahorasak

11. Po Mahorasak

Lên ngôi năm Thân (1524/1529) chấm dứt năm Sửu (1536/1541), đóng đô ở Biuh Bal Batsinâng.

12. Po Kunarai

Em của vua Po Mahorasak, lên ngôi năm Sửu (1529/1541) chấm dứt năm Sửu (1541/1553), đóng đô ở ngoài Biuh Bal Batsinâng.

13. Po At

Cháu của vua Po Kunarai, lên ngôi năm Sửu (1541/1567) chấm dứt năm Mẹo (1553/1579), đóng đô ở ngoài Biuh Bal Batsinâng.

Triều đại Po Klaong Halau

14. Po Klaong Halau

Lên ngôi năm Mẹo (1567/1591) chấm dứt năm Mẹo (1579/1603), đóng đô ở Bal Pangdarang.

15. Po Nit

Con của vua Po Klaong Halau, lên ngôi năm Mẹo (1591/1601) chấm dứt năm Sửu (1603/1613), đóng đô ở Bal Pangdarang.

16. Po Jaiparan

Em của vua Po Nit, lên ngôi năm Sửu (1601/1606) chấm dứt năm Ngọ (1613/1618), đóng đô ở Bal Pangdarang.

17. Po Aih Khang

Con của vua Po Jaiparan, đóng đô ở Bal Pangdarang. Dị bản thứ nhất cho rằng Po Aih Khang lên ngôi năm Sửu chấm dứt năm Tuất (1613-1622). Dị bản thứ hai cho rằng ngài lên ngôi năm Ngọ chấm dứt năm Tuất (1618-1622).

Triều đại Po Mâu Taha

18. Po Mâu Taha:

Lên ngôi năm Tuất chấm dứt năm Mẹo (1622-1627), đóng đô ở Bal Pangdarang.

19. Po Romé

Con rể của vua Po Mâu Taha, lên ngôi năm Mẹo chấm dứt năm Mẹo (1627-1651), đóng đô ở Bal Pangdarang.

20. Po Nraop

Em của vua Po Romé, lên ngôi năm Thìn chấm dứt năm Tị (1652-1653), đóng đô ở Bal Pangdarang.

21. Po Phiktiraydapaghoh

Con rể của vua Po Romé, lên ngôi năm Ngọ chấm dứt năm Dậu (1654-1657), nhận tấn phong của chúa Nguyễn, đóng đô ở Bal Pangdarang.

22. Po Jatamah

Con rể của vua Po Phiktiraydapaghoh, lên ngôi năm Dậu chấm dứt năm Hợi (1657-1659) được nhà Nguyễn phong chức Đô Đốc Đại Tướng Quân (*ndo ndaok ndai tan kuan*), đóng đô ở Bal Pangdarang.

23. Po Saot

Con của vua Po Phiktiraydapaghoh, nhận tấn phong của chúa Nguyễn năm Mùi (1655). Lên ngôi năm Tí chấm dứt năm Thân (1660-1692), đóng đô ở Bal Pangdarang.

Tổng luận đầu sách

Thời kỳ gián đoạn ngôi vua từ năm Thân đến năm Hợi (1692-1695)

24. Po Saktiraydapatih

Em của vua Po Saot, nhận tấn phong của chúa Nguyễn năm Hợi (1695). Lên ngôi năm Tí đến năm Mùi (1696-1727), đóng đô ở Bal Pangdarang.

25. Po Ginuhputih

Cháu của vua Po Saktiraydapatih, nhận tấn phong của chúa Nguyễn, lên ngôi năm Thân đến năm Tuất (1728-1731), đóng đô ở Bal Pangdarang.

26. Po Thuttiraidaputih

Con của Po Saot, lên ngôi năm Hợi đến năm Tí (1731-1732). Được chúa Nguyễn phong chức Khám Lý Bình (*kham lik mbin*), đóng đô ở Bal Pangdarang.

27. Po Rattiraydaputao

Cháu của vua Po Saktiraydapatih, nhận tấn phong của chúa Nguyễn vào năm Tí (1732). Lên ngôi năm Mẹo đến năm Mùi (1735-1763), đóng đô ở Bal Pangdarang.

28. Po Tisundimahrai

Lai lịch dòng tộc không được rõ. Lên ngôi năm Mùi đến năm Dậu (1763-1765). Được chúa Nguyễn phong chức Cai Bình (*kai bait mbin*).

29. Po Tisuntiraydapaghoh

Con của Po Thuttiraidaputih, nhận tấn phong của chúa Nguyễn năm Dậu (1765). Lên ngôi năm Tí đến năm Tí (1768-1780), đóng đô ở Bal Pangdarang.

30. Po Tisuntiraydapuran

Không cùng dòng họ với Po Mâu Tuha. Được tấn phong chức Đại Quan (*praong*) vào năm Tí (1780). Năm Sửu

Tổng luận đầu sách

(1781), Po Tisuntiraydapuran trốn ra khỏi đô để đi lánh nạn ở nơi khác.

31. Po Cei Brei

Con của vua Po Tisuntiraydapaghoh, được Nguyễn Nhạc (Tây Sơn) phong chức Chương Cơ (cheng) vào năm Mẹo đến năm Ngọ (1783-1786).

32). Po Tisuntiraydapuran

Dị bản thứ nhất cho rằng năm Ngọ (1786), Nguyễn Nhạc phong chức Chương Cơ cho Po Tisuntiraydapuran, người đã trốn ra khỏi thủ đô vào năm 1781, lên làm vua cho đến năm Sửu (1793), ngài bị bắt đưa vào Đồng Nai.

Dị bản thứ hai cho rằng năm Ngọ (1786), Nguyễn Nhạc phong chức Chương Cơ cho thân phụ của Po Cei Brei là Po Tisundapaghoh lên làm vua đến năm Sửu (1793), ngài bị bắt đưa vào Đồng Nai. Đây là sự nhầm lẫn của người sao chép lại.

Triều đại của quan lại thông thường

33. Po Ladhuanpaghuh

Xuất thân từ gia đình quan lại thông thường, lên ngôi năm Sửu đến năm Mùi (1793-1799). Nhận tấn phong với chức Chương Cơ (cheng), đóng đô ở Bal Pangdarang.

34. Po Saong Nhung Ceng

Xuất thân từ gia đình quan lại thông thường: Nhận tấn phong với chức Chương Cơ (Ceng Ke) vào năm Mùi (1799) đến năm Ngọ (1822), đóng đô ở Bal Pangdarang.

Nội dung của biên niên sử này đã minh chứng rằng Panduranga là một tiểu vương quốc có một cơ cấu chính trị riêng, một thể chế hành chính riêng và một qui chế riêng về

Tổng luận đầu sách

quyền nối ngôi vua. Sau cùng, tư liệu này cũng cho thấy các vua chúa ở Panduranga kể từ cuối thế kỷ thứ 12 hay đầu thế kỷ thứ 13 không phải là nhân vật xuất thân từ dòng tộc cây cau (Kramula) như trước nữa, nhưng phát xuất từ lai lịch của 5 vị thần huyền sử: Po Uwluah, Po Binnasur, Po Putik, Po Sulika, Po Klaong Garay mà dân tộc Chăm vẫn còn tôn thờ trong các nghi lễ dân gian ở Panduranga hôm nay³⁵.

Sự hiện diện của Po Uwluah trong biên niên sử đã gây ra bao tranh luận trong giới khoa học. Nguyên nhân tại sao Po Uwluah, đứng tối cao của Hồi Giáo, được liệt vào danh sách của các vị thần huyền sử ở Panduranga, thậm chí biên niên sử này còn gán cho Po Uwluah là nhân vật đứng đầu trong danh sách? Để trả lời cho câu hỏi này, các nhà sử gia đưa ra hàng loạt lý thuyết tượng trưng chỉ nhằm giải thích về sự du nhập Hồi Giáo vào vương quốc Champa vào cuối thế kỷ thứ XII hay đầu thế kỷ thứ XIII. Đây là lý thuyết không thuyết phục cho lắm, vì nhiều công trình nghiên cứu gần đây đã chứng minh rằng Hồi Giáo chỉ bắt đầu du nhập vào Champa và các quốc gia Mã Lai Đa Đảo (Indonesia, Mã Lai, Phi Luật Tân) vào thế kỷ thứ 16 mà thôi. Trước thế kỷ thứ 16, khu vực Đông Nam Á vẫn còn mang ảnh hưởng nặng nề của nền văn minh Ấn Giáo. Có chăng sự hiện diện của Po Uwluah trong biên niên sử tiếng Chăm chỉ được thêm vào ở thời kỳ cận đại mà thôi, có nghĩa là vào lúc vương quốc Panduranga, cũng như các nước Mã Lai Đa Đảo, bắt đầu thu nhận một nền văn minh mới đó là văn minh Hồi giáo vào thế kỷ thứ XVI?

Ai cũng biết, sự hiện hữu của 5 vị vua huyền sử trong biên niên sử viết bằng tiếng Chăm chỉ nhằm hợp thức hóa quyền lực của các vua chúa Panduranga ở miền nam này, một dòng tộc xuất thân từ 5 nhân vật siêu hình. Một khi tự xác nhận mình xuất thân từ 5 thiên thần huyền sử: Po Awluah, Po Binnasur, Po Putik, Po Sulika, Po Klaong Garay, các vua chúa Panduranga tự tôn vinh mình là thiên tử mang một chức danh rất uy nghiêm: Po Patrai hay Ganreh Patrai (Hoàng Thượng).

³⁵ Xem biên niên sử Panduranga (Po Dharma, 1978).

Tổng luận đầu sách

Văn chương tự tôn vinh mình có cùng nguồn gốc với thiên thần huyền sử không phải là một trường hợp đặc biệt ở tiểu vương quốc Panduranga. Vì rằng, các vua chúa liên bang Champa ở miền bắc cũng thường cho họ là những quốc vương có cùng nguồn gốc tổ tiên với các thiên thần như Vicitrāsagara và Bhṛigu mà nhiều bia ký thường nhắc đến³⁶.

Bước vào thêm thế kỷ thứ XIII, tức là vào năm 1203 đánh dấu cho sự chấm dứt chiến tranh Nam-Bắc tại vương quốc Champa. Cũng vào đầu thế kỷ thứ XIII này, tiểu vương quốc Panduranga đưa ra vị quốc vương đầu tiên Sri Agarang trong biên niên sử của mình. Có chăng đây là sự trùng hợp một cách ngẫu nhiên giữa hai biến cố? Thêm vào đó, biên niên sử này chỉ đề cập đến các quốc vương trị vì tại tiểu vương quốc Panduranga mà thôi. Tất cả tên gọi của quốc vương có tên trong biên niên sử viết bằng tiếng Chăm đều khởi đầu với tôn chức Po (như Po Mâu Taha, Po Romé, v.v.), một danh xưng chỉ dùng duy nhất ở tiểu vương quốc Panduranga. Tất cả địa danh như Bal Sri Banây, Bal Hanguw, Bal Batthinâng, Bal Anguei, Bal Pangdarang đều là tên thủ đô nằm trong khu vực Panduranga chạy dài từ Harek Kah Harek Dhei (Phú Yên) đến biên giới Sài Gòn. Dựa vào những dữ kiện này, chúng tôi đưa ra kết luận rằng kể từ thế kỷ thứ 13, xứ Panduranga tách hẳn ra khỏi sự lệ thuộc chính trị của thủ đô Vijaya ở miền bắc³⁷. Đây cũng là một chính sách nhằm xóa bỏ vết thương tương tàn do chiến tranh Nam-Bắc đã gây ra từ mấy thế kỷ qua. Mặc dù đã xây dựng cho mình quyền tự quyết và tự trị, nhưng Panduranga không muốn tách rời ra khỏi liên bang Champa. Mục tiêu đấu tranh của xứ Panduranga chỉ nhằm yêu cầu vua chúa Champa công nhận Panduranga là một tiểu vương quốc nằm trong liên bang

³⁶ Bia ký Po Nagar Nha Trang và Đồng Dương (xem A. Bergaigne 1888, tr. 80 ; G. Maspero, 1928, tr. 43).

³⁷ Theo tài liệu Trung Hoa, Panduranga đôi lúc cũng phục tùng tiểu vương quốc Vijaya (xem P. Pelliot, 1903, tr. 649-650).

Champa, chứ không phải là một tỉnh hay một quận của vương quốc Champa.

IV. Tình hình Champa 1471-1653 Cuộc Nam Tiến của nhà Nguyễn

Sau khi xâm chiếm dần dần đất đai nằm về phía bắc của Champa chạy dài từ mũi Hoành Sơn (Quảng Bình) cho đến đèo Hải Vân (phía nam Huế), năm 1471 vương quốc Đại Việt quyết định thôn tính phần đất còn lại của Champa để sáp nhập vào lãnh thổ của mình. Theo biên niên sử Việt Nam ghi lại, vào tháng 3 năm Tân Mão (1471), vua Lê Thánh Tông xua quân tấn công thủ đô Vijaya (Đồ Bàn), bắt được vua Champa là Trà Toàn, chiếm đoạt những ấn tín hoàng gia cũng như "cái hộp bằng bạc hình lưới kiếm mà vua chúa Champa thường truyền lại cho nhau từ thế hệ này sang thế hệ khác". Sau ngày chiến thắng này, vua Lê Thánh Tông ra lệnh tiến quân đến núi Thạch Bi (Phú Yên) đối diện với mũi Varella (bắc Nha Trang), nơi mà vua Đại Việt cho xây một cột phân chia ranh giới giữa Đại Việt và Champa vào năm 1471. Tuy nhiên các biên niên sử Việt Nam xác nhận rằng Đại Việt vào thời điểm đó chỉ kiểm soát đất đai Champa chạy dài từ đèo Hải Vân (phía nam Huế) đến đèo Cù Mông ở phía bắc Phú Yên mà thôi, vì khu vực giữa đèo Cù Mông và núi Thạch Bi chưa nằm trong quyền kiểm soát của Đại Việt³⁸.

Sự sụp đổ của vương quốc Vijaya đã đưa Champa vào một khúc quanh mới. Kể từ đó, vương quốc này bị thu hẹp lại trên lãnh thổ của Kauthara và Panduranga có biên giới chung với Đại Việt ở đèo Cù Mông, phía bắc Phú Yên. Vì rằng, sau ngày thất thủ thành Đồ Bàn, vua Lê Thánh Tông biến khu vực

³⁸ ĐVSKTT, tập III, tr. 233 ; ĐĐC, 1966, tr. 100 ; HDBĐ, 1972, tr. 201-202 ; LTHCLC, tập I, quyển thủ, tr. 361 ; PDDĐC, tr. 92-93 ; PBT, quyển I, tr. 57. Xem thêm HVG TNB, tr. 259 ; G. Maspero, 1928, tr. 236.

Vijaya thành một tỉnh của Đại Việt gọi là Quảng Nam, vào tháng 6 năm Tân Mão (1471)³⁹.

Bố Trì Trì lánh nạn ở Panduranga

Sau ngày thất thủ của Vijaya, biên niên sử Việt Nam⁴⁰ cho biết có một vị quan đại thần quân sự của liên bang Champa tên Bố Trì Trì chạy vào Phan Lung (Phan Rang) lánh nạn vào ngày mùng 1 tháng 3 năm Tân Mão (1471). Vị quan quân sự này chiếm lấy một phần năm của đất đai Champa còn lại để trị vì. Cũng theo biên niên sử Việt Nam, giữa ngày mùng 1 và mùng 7 tháng 3 năm Tân Mão (1471), Bố Trì Trì yêu cầu vua Lê Thánh Tông (lúc bấy giờ vẫn còn ở Vijaya) tấn phong cho mình. Lê Thánh Tông chấp nhận lời yêu cầu của Bố Trì Trì, nhưng quyết định phân chia lãnh thổ Champa còn lại thành hai vương quốc chư hầu khác, đó là nước Nam Bàn⁴¹ và nước Hoa Anh⁴².

Đơn thỉnh nguyện tấn phong của Bố Trì Trì cũng được ghi nhận trong tác phẩm Minh Chế của Trung Hoa⁴³. Sau khi chiếm cứ Vijaya vào năm 1471, tài liệu Minh Chế cho biết, vì

³⁹ ĐBTLCB, tập I, quyển 9, tr. 219 ; PBTL, tr. 214 ; PDDĐC, tr. 15 ; ĐNNTC, quyển 10-11 ; LTHCLC, tập I, quyển thứ, tr. 361 ; ĐĐC, tr. 100.

⁴⁰ ĐVSKTT, tập III, tr. 237 ; PBTL, quyển 1, tr. 3-32. Xem thêm Le Thanh Khoi, 1955, tr. 230 ; J. Boisselier, 1963, tr. 373.

⁴¹ Biên niên sử Việt Nam nêu ra tên gọi Nam Bàn lần đầu tiên vào năm 1471. Vào thế kỷ thứ XVIII-XIX, biên niên sử này cho rằng Nam Bàn là vương quốc nằm ở phía tây Phú Yên và Quảng Nam, nơi ngự trị vua Thủy Xá và Hỏa Xá. Ai cũng biết vua Hỏa Xá (Patao Apuei) cư ngụ ở khu vực Cheo Reo và vua Thủy Xá (Patao Aia) ở khu vực Dak Lak. Đây là khu vực thuộc vùng Tây Nguyên nơi vẫn còn hiện hữu những đền tháp Champa.

⁴² Hoa Nam chỉ xuất hiện một lần trong tư liệu Việt Nam vào năm 1471. Cao Huy Chú và Đào Duy Anh (tác giả bản dịch sang quốc ngữ của ĐVSKTT, Tập III, tr. 357, chú thích số 147) đưa ra giả thuyết cho rằng Hoa Nam là vương quốc nằm giữa đèo Cù Mông và núi Thạch Bi.

⁴³ P. Pelliot, 1903, tr. 651-652.

Tổng luận đầu sách

sợ có sự phản ứng của hoàng đế Trung Hoa, vua Đại Việt chịu tấn phong cho T'chai Ya Ma Fou Ngan mà sử gia G. Maspero nghĩ rằng có thể là tên của Bồ Trì Trì. Cũng theo Minh Chế, Đại Việt chỉ chấp nhận cho Bồ Trì Trì quyền kiểm soát trên 5 vùng đất đai từ Pan-Tou Lang (Panduranga) đến biên giới Tchan La của Kampuchea, trong khi đó, vương quốc Champa xưa kia có đến 27 vùng chia làm 4 Phủ chính, 1 Phủ phụ và 22 quận. Những biên niên sử Việt Nam⁴⁴ cũng xác định rằng sau năm 1471, lãnh thổ của vương quốc Chiêm Thành (Champa) trải dài từ khu vực Phú Yên đến Phan Thiết. Hơn thế nữa, sau thế kỷ thứ 15, biên niên sử của Panduranga cũng công nhận rằng lãnh thổ của vương quốc Champa thời đó chạy dài từ Harek Kah Harek Dhei (Phú Yên) cho đến biên giới Sài Gòn (Baigaor). Những dữ kiện vừa nêu ra đã chứng minh một cách cụ thể là sau ngày thất thủ Vijaya (Đồ Bàn), vương quốc Champa bị thu hẹp lại trong khu vực Panduranga tập trung 6 vùng: Aia Ru (Phú Yên), Aia Trang (Khánh Hòa), Panrang (Phan Rang), Kraong (Long Hương), Parik (Phan Rí) và Pajai (Phổ Hải).

Sau ngày thất thủ của Vijaya (Đồ Bàn), biên niên sử Việt Nam không còn nhắc đến vương quốc Champa gần một thế kỷ. Ngược lại, quyển Minh Chế⁴⁵ cho rằng Trung Hoa vẫn tiếp tục trao đổi phái đoàn ngoại giao với Champa vào năm 1478, chấp nhận tấn phong cho hoàng tử T'chai Ya Ma Ngan (Bồ Trì Trì ?) giữa năm 1478 và 1505, và tấn phong thêm cho đứa con của T'chai Ya Ma Ngan vào năm 1515. Minh Chế cũng cho biết Trung Hoa cũng tiếp tục trao đổi đại sứ với Champa vào năm 1543. Đó là những thông tin cuối cùng mà nguồn tư liệu Trung Hoa nói về vương quốc Champa.

⁴⁴ ĐVSKTT, tập III, tr. 239 ; PBT, tập I, tr. 3-32. Xem thêm Sử Học Bí Khảo được trích dẫn bởi Nguyễn Lê Thị (1978, tr. 110).

⁴⁵ G. Maspero, 1928, tr. 241 ; Lê Thanh Khoi, 1955, tr. 265 ; J. Boisselier, 1963, tr. 373.

Sự thất thủ Aia Ru (Phú Yên) vào năm 1611

Ngày từ trần của vị vua chiến thắng ở Vijaya là Lê Thánh Tông vào năm 1497 đánh dấu sự bùng nổ chiến tranh giữa vua Lê và chúa Trịnh, sau đó giữa chúa Trịnh và chúa Nguyễn. Lợi dụng tình hình xáo trộn này, năm 1578 vương quốc Champa xua quân tấn công lãnh thổ của chúa Nguyễn, chiếm đóng Thành Hồ tọa lạc ngay trên bờ sông Đà Rằng (khu vực Phú yên)⁴⁶. Không biết chúa Nguyễn Hoàng có phản ứng gì về cuộc tấn công này. Nếu biên niên sử Việt Nam không ghi lại cuộc chiến vào năm 1578, thì ngược lại tư liệu này cho biết chúa Nguyễn có gởi một đại sứ đến Champa vào năm 1602, thể theo lời yêu cầu của vương quốc này, nhằm thương thuyết về hiệp ước "liên minh chính trị" với nhà Nguyễn.

Vào năm 1606, nhà truyền giáo T. Compans⁴⁷ có tham dự buổi lễ do vương quốc Champa tổ chức cho rằng hòn núi Varella (phía bắc Nha Trang) vẫn thuộc quyền cai trị của Champa và hòn núi này là ranh giới giữa Champa và lãnh thổ của chúa Nguyễn ở phía bắc.

Cũng trong thời điểm này, biên niên sử viết bằng tiếng Chăm cho rằng Po Nit lên ngôi vào năm 1603 và đóng đô ở Bal Pangdarang, nhưng không biết nằm ở đâu. Ngược lại tư liệu Âu Châu⁴⁸ ghi rằng giữa năm 1604 và 1607, thủ đô của Champa nằm trong khu vực ở phía bắc vĩ tuyến 11. Nếu tin tức này có phần chính xác, thì thủ đô Bal Pangdarang vào năm 1604 và 1607 phải nằm trong khu vực Phan Rang.

Vào đầu thế kỷ XVII, chiến tranh giữa chúa Trịnh và chúa Nguyễn đã lên đến mức độ tột đỉnh, không cho phép nhà

⁴⁶ ĐNNTC, tập 10-11, tr. 99. Xem thêm Phan Khoang, 1969, tr. 162 ; Nguyễn Đình Diệm, tr. 239 ; Phạm Văn Sơn, III, 1959, tr. 468 ; Ch. Maybon, 1920, tr. 16.

⁴⁷ T. Compans, tập I, tr. 306.

⁴⁸ P. Y. Manguin, 1981, tr. 262.

Tổng luận đầu sách

Nguyễn mở mang đất đai của mình sang phía bắc được, nên chúa Nguyễn chỉ còn cách mở rộng lãnh thổ của mình tiến về phía nam. Thế là chính sách Nam Tiến bắt đầu đi vào một giai đoạn mới và biến Champa thành một nạn nhân thường trực của chính sách mở rộng đất đai của nhà Nguyễn về phía nam kể từ đầu thế kỷ thứ 17.

Theo biên niên sử Việt Nam⁴⁹, lợi dụng sự quấy phá biên giới Quảng Nam của đoàn quân Champa (dưới thời Po Nit) vào năm 1611, chúa Nguyễn gửi Chủ Sự tên là Văn Phong xua quân chiếm lãnh thổ Champa từ đèo Cù Mông đến hòn đá Thạch Bi và biến khu vực này thành một phủ gọi là phủ Phú Yên. Cũng theo biên niên sử Việt Nam⁵⁰, vào năm 1629, dân chúng Champa trong khu vực Phú Yên vùng dậy chống lại sự xâm lăng của chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn Phúc Nguyên ra lệnh dẹp tan cuộc khởi nghĩa này, quyết định thay đổi phủ Phú Yên thành dinh Trấn Biên và dời biên giới phía nam của mình đến mũi Varella, phía bắc Nha Trang.

Sau 1611, vương quốc Champa không còn phương cách nào để chiếm lại khu vực Phú Yên của mình đã mất. Vì rằng chúa Nguyễn bắt đầu áp dụng công khai một yếu sách chính trị mà Phan Khoang⁵¹ gọi là "chính sách thực dân" (colonisation) để khai khẩn đất đai đã chiếm đóng. Kể từ đó, chúa Nguyễn ra lệnh gửi đến khu vực Phú Yên hơn 30 000 tù binh của chúa Trịnh nhằm xây dựng nhiều làng mạc mới và khai hoang tồ đả các đất đai trong khu vực này. Sự kiện này được A. de Rhodes xác nhận khi ông đến Ran Ran (Phú Yên) vào năm 1640. Theo ông A. de Rhode, Phú Yên đã bị lọt vào tay của nhà Nguyễn, nhưng phía nam của Phú Yên vẫn là đất đai thuộc vương quốc Champa. Cũng trên bản đồ mà ông xuất

⁴⁹ ĐNLTB, tập I, tr. 42-43 ; ĐNNTC, quyển 10-11, tr. 7 ; HVGTNB, tr. 285 ; VSY, tr. 405 ; Xem thêm Le Thanh Khoi, 1955, tr. 265 ; Trần Trọng Kim, 1971, tr. 79 ; Phạm Đình Khiêm, 1960, tr. 85 ; Phạm Văn Sơn, II, 1959, tr. 293 ; Dorohiem & Dohamide, 1965, tr. 101.

⁵⁰ ĐNNTC, quyển 10-11, tr. 7. Xem thêm Phạm Đình Khiêm, 1960, tr. 55 ; Phan Khoang, 1969, tr. 386.

⁵¹ Phan Khoang, 1969, tr. 386.

Tổng luận đầu sách

bản năm 1640 "vương quốc Champa" có biên giới phía bắc nằm giữa xứ Ran Ran (Phú Yên) và mũi Varella (phía bắc Nha Trang). Bản đồ của A. de Rhode⁵² không phải là tài liệu đầu tiên nói đến sự hiện hữu của Champa, vì rằng vương quốc này cũng được các thương thuyền phương tây đề cập đến từ năm 1529. Sự kiện này đã chứng minh rằng vương quốc Champa vẫn còn hiện hữu ở phía nam biên giới của nhà Nguyễn sau ngày thất thủ Vijaya (Đồ Bàn) vào năm 1471⁵³. Cũng trong thời điểm đó, thương thuyền Hòa Lan có dịp tiếp kiến với vua Champa vào năm 1644 tại Cà Ná (mũi Pangdarang) nơi mà vua Champa đang mở cuộc săn bắn. Qua sự tiếp kiến này, vua Champa, có lẽ là Po Romé (1627-1651), chấp nhận cho thương thuyền Hòa Lan được tự do buôn bán tại vương quốc Champa, với điều kiện là Hòa Lan không tấn công người Bồ Đào Nha ở các hải cảng đặt dưới quyền kiểm soát của vương quốc này⁵⁴.

Nhà Nguyễn xâm chiếm Kauthara vào năm 1653

Vào năm 1653, tức là 9 năm sau sự viếng thăm của thương thuyền Hòa Lan, vua Champa tên là Bà Tâm, có lẽ là Po Nraop (1652-1654)⁵⁵ dấy binh để chiếm lại Phú Yên mà biên niên sử Việt Nam đã ghi lại⁵⁶. Để trả lời cho sự quấy phá

⁵² H. Chappoullie, tập II, 1948, tr. 26

⁵³ Bản đồ của thương thuyền Âu Châu : Diogo Ribeiro, 1529 ; Anonyme (Gaspar Viegas), 1537 ; Anonyme (Batholomeu Velho), 1560 ; Anonyme (Livro da Marinharia), 1560 ; Fernao Vaz Dourado, 1590 ; Petrus Plancius, 1592-1594 ; Joao Teixeira, 1649. Muốn biết thêm chi tiết về bản đồ này, xem P. M. Manguin, 1972.

⁵⁴ Winkel, 1822, tr. 498-499. Xem thêm Po Dharma, 1978, tr. 129.

⁵⁵ Tư liệu Việt Nam còn gọi Bà Tâm, Bà Bật, Bà Thâm, Bà Chiêng, Bà Tranh. Xem Trương Bá Phát, 1970, tr. 105 ; Bửu Cầm, 1958, tr. 246 ; ĐNNTC, quyển 10-11, tr. 60.

⁵⁶ ĐNNTC, quyển 10-11, tr. 60-61 ; PBTL, quyển 1, tr. 83 ; LTHCLC, quyển 1, tr. 110-112 ; ĐNNTC, quyển 12, tr. 7. Xem thêm Phan Khoang, 1969, 388 ; Nguyễn Đình Diệm, 1970, tr. 239 ; Trần Trọng

Tổng luận đầu sách

này, chúa Nguyễn Phúc Tần chỉ thị cho Hùng Lộc xua quân chinh phạt Champa. Ba nghìn quân lính của nhà Nguyễn vượt đèo Hồ Dương, tấn công Champa và bắt được vua Bà Tấm (Po Nraop) trước mắt của nhà truyền giáo J. Tissanier⁵⁷. Trong ký sự của mình, ông J. Tissanier ghi rằng, sau trận chiến này, quân chúa Nguyễn bắt vua Bà Tấm nhốt trong một cái rọ bằng sắt. Vì không chịu đựng được sự nhục nhã ấy, Bà Tấm (Po Nraop) tự chuốt lấy cái chết bằng chính bàn tay của mình.

Cũng vào năm ấy, biên niên sử Việt Nam cho biết sau khi bắt được vua Champa, Nguyễn Phúc Tần ra lệnh tiến quân đến sông Dinh (Phan Rang) và có ý định lấy sông Dinh này làm ranh giới phía nam của mình. Theo A. de Rhodes⁵⁸, vào năm 1653, biên giới lãnh thổ của chúa Nguyễn và Champa không phải nằm ở sông Dinh (Phan Rang), nhưng ở vĩ tuyến 12, tức là ở vùng Cam Ranh. Theo chúng tôi, tin tức do A. de Rhodes cung cấp rất có lý. Vì rằng sau sự thất bại của Champa vào năm 1653, chúa Nguyễn chỉ chiếm khu vực Kauthara (Nha Trang) và biến xứ này thành hai phủ của nhà Nguyễn đó là Thái Khang và Diên Khánh⁵⁹.

Ai cũng biết, thủ đô Bal Pangdarang của Champa vào năm 1653 nằm trong khu vực Phan Rang. Sự thất thủ của Kauthara (Khánh Hòa) vào năm 1653 đã trở thành một mối đe dọa trầm trọng cho vấn đề phòng thủ của thủ đô Bal Pangdarang. Chính vì thế, quốc vương Champa quyết định dời thủ đô này về phía nam. Ngược lại các thương thuyền phương tây⁶⁰ xác nhận rằng kể từ hậu bán thế kỷ thứ 17, thủ đô của vương quốc Champa tọa lạc tại Phan Rí.

Kim, tập II, 1971, tr.79 ; Phạm Văn Sơn, 1959, tr. 293 ; Trương Bá Phát, 1970, tr. 105 ; Minh Lạc, 1973, tr. 40.

⁵⁷ Lời tường thuật của Linh Mục Joseph Tissanier vào năm 1658-1660, chương V, tr. 176.

⁵⁸ H. Chappoullie, tập I, tr. 9

⁵⁹ ĐNNTC, quyển 10-11.

⁶⁰ E. Durand, 1905, tr. 382-386 ; P. Y. Manguin, 1981, tr. 266.

Tổng luận đầu sách

Sự sáp nhập vùng đất Cam Ranh vào lãnh thổ của nhà Nguyễn vào năm 1653 đã đưa vương quốc Champa vào thế cô lập trong một khu vực địa lý rất là eo hẹp tập trung 4 khu vực sau đây: Panrang (Phan Rang), Kraong (Long Hương), Parik (Phan Rí) và Pajai (Phan Thiết)⁶¹.

IV. Tình hình Champa 1653-1771

Nhà Nguyễn tìm cách đặt nền đô hộ ở Champa

Sự suy yếu của chúa Trịnh ở miền bắc vào đầu hậu bán thế kỷ thứ XVII đã giúp chúa Nguyễn được rảnh tay để thực hiện chính sách bành trướng lãnh thổ của mình về phía nam.

Theo Gia Định Thông Chí⁶², suốt thế kỷ thứ 17, nhất là trong thời chiến tranh Trịnh-Nguyễn, một số người Kinh nghèo đói đã chạy sang định cư ở các vùng Bà Rịa và Biên Hòa. Một số khác gồm những thành phần bị khai trừ, đào ngũ, lần lượt nối gót nhau chạy sang miền nam lánh nạn hay tìm cách sinh nhai. Sự hiện diện đông đảo của dân cư người Kinh ở miền nam thuộc lãnh thổ của Campuchia đã giúp chúa Nguyễn có cơ hội bước sang một giai đoạn mới trong chính sách Nam tiến của mình. Vào năm 1658, tức là 5 năm sau ngày thất thủ của Kauthara (Nha Trang) vào 1653, chúa Nguyễn lợi dụng sự biến động chính trị ở vương quốc Campuchia để xuất quân xâm chiếm Biên Hòa⁶³ và bắt đầu tìm cách đặt quyền đô hộ của mình lên vương quốc láng giềng. Tiếp theo đó, chúa Nguyễn không ngừng nhúng tay can thiệp vào nội bộ của Campuchia và nuốt gậm lẫn hồi lãnh thổ của vương quốc này⁶⁴.

⁶¹ ĐNNTC, quyển 12, tr. 410.

⁶² Gia Định Thành Thông Chí (Paris, 1863), tr. 2, 9, 10, 135 ; GĐTTC, tập trung, Saigon, 1972, tr. 29.

⁶³ Mak Phoeun & Po Dharma, 1984, tr. 285.

⁶⁴ Mak Phoeun, 1981 ; Khin Sok, 1975 ; A. Dauphine-Meunier, 1961 ; M. Giteau, 1957 ; A. Leclère, 1914 ; D. Chanler, 1973.

Tổng luận đầu sách

Sự chiếm cứ Biên Hòa của nhà Nguyễn vào năm 1658 đã đưa vương quốc Champa vào địa thế rất là nguy hiểm. Vì sau năm 1658, Champa có một biên giới chung với lãnh thổ của chúa Nguyễn không những ở phía bắc (Cam Ranh) mà cả phía nam (Sài Gòn). Kể từ đó, Champa trở thành một khu vực chia cắt lãnh thổ của chúa Nguyễn làm đôi. Bối cảnh địa dư này đã trở thành một mối đe dọa nặng nề cho sự sống còn của Champa, một vương quốc chỉ có vài ngàn quân lính phòng thủ so với lực lượng quân sự hùng hậu của nhà Nguyễn.

Sau mỗi lần chiếm đoạt đất đai Champa, chúa Nguyễn phải bỏ ra nhiều năm để khôi phục hệ thống tổ chức hành chính và đồng hóa dân tộc Champa trong các vùng bị chiếm đóng. Sự kiện này giải thích tại sao việc chinh phục vương quốc Champa lại kéo dài hàng thế kỷ. Một khi không có cơ hội để gây chiến tranh, chúa Nguyễn lại tìm cách nối lại sự giao hảo với Champa, mặc dù chúa Nguyễn dư biết là vương quốc này không bao giờ chấp nhận láng giềng miền bắc chiếm đoạt đất đai của mình⁶⁵.

Nhà Nguyễn đặt nền đo hộ vào năm 1692

Theo biên niên sử Việt Nam⁶⁶, vào 1692 vương quốc Champa tiến quân nhằm thu hồi lại thánh địa Kauthara bị thất thủ vào năm 1653. Để trả lời cho thái độ khiêu khích này, Nguyễn Phúc Chu xua quân tấn công Champa, bắt được quốc vương Bà Tranh (Po Saot trong biên niên sử Chăm) đưa về Quảng Nam làm tù binh⁶⁷.

⁶⁵ J. Boisselier, 1963, tr. 376.

⁶⁶ ĐN TLCB, tập 1, quyển 8, tr. 147-151 ; ĐNNTC, quyển 12, tr. 7 ; Phan Khoang, 1861, tr. 217, 389 ; Le Thanh Khoi, 1955, tr. 265 ; Phạm Văn Sơn, III, 1953, tr. 293 ; J. Boisselier, 1963, tr. 376-377 ; Po Dharma, 1978, tr. 135.

⁶⁷ Thư của M. Feret viết vào ngày 4-2-1694 tại Phú Yên cho rằng : « vua Ciampa (tức là Champa) thời đó không có cách nào chống lại chúa Nguyễn (...). Vì rằng vua Ciampa (Chanpa) bị bắt làm tù binh không

Tổng luận đầu sách

Sau cuộc chiến thắng này, lãnh thổ Champa hoàn toàn lọt vào tay của nhà Nguyễn. Kể từ năm 1692, Nguyễn Phúc Chu đổi tên danh xưng Chiêm Thành (Champa) thành Trấn Thuận Thành và thành lập một phủ Bình Thuận tập trung những cư dân người Kinh sinh sống tại vương quốc Champa nhưng trực thuộc triều đình nhà Nguyễn. Sau đó nhà Nguyễn chia Trấn Thuận Thành thành ba khu vực hành chánh (Phổ Hải, Phan Rí, Phan Rang) và ra lệnh cho ba vị tướng lãnh đạo đoàn quân viễn chinh của nhà Nguyễn ở Champa mỗi người cai trị một trong ba vùng này. Một tháng sau, Nguyễn Phúc Chu phong chức Khám Lý cho Kế Bà Tử (Po Saktiraydapatih trong biên niên sử Chăm), em của vua Bà Tranh (Po Saot) bị bắt làm tù binh, để quản trị Trấn Thuận Thành⁶⁸.

Để trả lời cho cuộc xâm lược của nhà Nguyễn, nhân dân Champa khơi dậy phong trào đấu tranh giành độc lập. Tháng 12 năm quý dậu (1693) đánh dấu cho sự vùng dậy của nhân dân Champa nhằm giải phóng vương quốc này ra khỏi ách thống trị của nhà Nguyễn⁶⁹.

Trước làn sóng đấu tranh của nhân dân Champa vào 1693 và với sự can thiệp của vua Kế Bà Tử (Po Saktiraydapatih), chúa Nguyễn quyết định vào tháng 8 năm giáp tuất (1694) hủy bỏ phủ Bình Thuận vừa thành lập vào năm 1692 và chấp nhận tái lập lại vương hiệu cho Trấn Thuận Thành, danh xưng mới mà biên niên sử Việt Nam thường dùng để gọi vương quốc Chamapa cho đến 1832⁷⁰. Vào tháng 11 cùng năm (1694), Kế Bà Tử (Po Saktiraydapatih) được nhà Nguyễn phong chức là Trấn Vương Thuận Thành để cai trị vương quốc Champa với điều kiện là hàng năm phải dâng "lễ cống" cho nhà Nguyễn⁷¹.

biết ngày nào được thả về trong khi đó vương quốc này đang nằm trong tay của chúa Nguyễn” (MEP, Vol. 737, trang 741).

⁶⁸ Manneville, 1775, tr. 447 ; J, Boisselier, 1963, tr. 140.

⁶⁹ ĐNTLCB, tập I, quyển 8, tr. 147-151 ; ĐNNTC, quyển 12, tr. 7

⁷⁰ ĐNTLCB, tập I, tr. 147-151 ; ĐNNTC, quyển 12, tr. 7.

⁷¹ ĐNTLCB, tập I, tr. 147-151 ; ĐNNTC, quyển 13, tr. 7 ; VSY, tr. 31.
Xem thêm Phan Khoang, 1969, tr 389 ; Le Thanh Khoi, 1955, tr. 265 ;

Tổng luận đầu sách

Sau khi trả lại nền độc lập cho Champa vào năm 1694, chúa Nguyễn khẳng định quyền tối thượng của mình đối với người Kinh cư ngụ tại vương quốc này ngày càng đông đảo, mà trước năm 1692 họ là nhóm người đặt dưới quyền cai trị trực tiếp của chính quyền Champa. Theo lời tường thuật của một nhà truyền giáo tây phương⁷², trước năm 1692, vua Champa có quyền tối thượng ngay cả quyền xử trảm những cư dân người Kinh sinh sống trong lãnh thổ của mình, nếu họ vi phạm luật lệ của quốc gia này.

Sự ra đời của phủ Bình Thuận vào năm 1692

Nhằm bảo đảm sinh mạng cho cư dân người Kinh sinh sống ở Champa, chúa Nguyễn quyết định thành lập một phủ Bình Thuận vào năm 1692 trên lãnh thổ của vương quốc Champa. Phủ Bình Thuận là một đơn vị hành chính rất đặc biệt. Về mặt đất đai, phủ Bình Thuận bao gồm các làng mạc người Kinh ở Hàm Thuận (vùng Phan thiết ngày nay) nơi có trụ sở của Phủ; các làng mạc người Kinh ở An Phước (phía tây Phan Rang) nơi có trụ sở của huyện; các làng của người Kinh thuộc khu vực Hòa Đa (phía đông Phan Rí) nơi có trụ sở của huyện; cộng thêm các làng mạc khác của người Kinh nằm rải rác trong nội địa của lãnh thổ Champa. Chính vì thế, phủ Bình Thuận không có lãnh thổ thống nhất vì các làng, các ấp cũng như những đất đai canh tác của người Kinh phụ thuộc vào phủ này không tập trung vào một khu vực nhất định, nhưng lại nằm rải rác trên lãnh thổ của vương quốc Champa thời đó⁷³.

J. Moura, I, 1883, tr. 488 ; E. Aymonier, III, 1904, tr. 777 ; Phạm Văn Sơn, III, 1959, tr. 294 ; Nguyễn Đình Diệm, 1970, tr. 240 ; Lê Ngọc Trụ & Phạm Văn Luật, 1969, tr. 45 ; Po Dharma, 1978, tr. 137.

⁷² De Choisy, 1685-1686, tr. 254 được trích dẫn bởi J. Boisselier, 1963, tr. 376.

⁷³ ĐNNTC, quyển 12, tr. 41.

Tổng luận đầu sách

Những tài liệu hoàng gia Champa bằng chữ Hán và chữ Chăm (1702-1810)⁷⁴ mang ấn tín của phủ Bình Thuận đã chứng minh rằng sau năm 1702, nhà Nguyễn đã đặt một cơ cấu hành chính trên lãnh thổ Champa nhằm quản lý trực tiếp cộng đồng cư dân người Kinh sinh sống tại vương quốc này. Chính vì thế, kể từ năm 1694, người Kinh không còn lệ thuộc vào vương quốc Champa nữa mà chỉ lệ thuộc vào các quan lại của nhà Nguyễn quản lý phủ Bình Thuận. Các quan lại này có thêm quyền can thiệp với các cấp lãnh đạo Champa để bênh vực quyền lợi người Kinh mỗi lần xảy ra sự tranh chấp ở vương quốc này.

Sau ngày hình thành phủ Bình Thuận trực thuộc vào triều đình chúa Nguyễn, Champa không còn là một vương quốc thống nhất về đất đai nữa, mà là một quốc gia có lãnh thổ bị chia xén thành mảnh vụn như tấm da beo (peau de léopard), một thành ngữ thường được sử dụng để miêu tả hình dáng chính trị-địa lý của Việt Nam Cộng Hòa trước 1975.

Ngày ra đời của phủ Bình Thuận trên lãnh thổ Champa vào năm 1694 càng làm kích thích thêm bao sự tranh chấp, tố tụng giữa nhân dân Champa và người Kinh thuộc phủ Bình Thuận, nhất là cư dân người Kinh thường hay đặt mình vào thế mạnh hơn vì có sự che chở của những quan lại của nhà Nguyễn ở phủ Bình Thuận. Trước tình hình nguy biến này, Po Saktiraydaputih đề nghị với Nguyễn Phúc Chu vào tháng 9 năm nhâm thìn (1712)⁷⁵ một thỏa ước để giải quyết những vụ tranh chấp giữa nhân dân Champa và người Kinh sống tản mát tại vương quốc này. Theo thỏa ước, nếu có sự tranh chấp giữa người Kinh và người dân Champa, thì phải có sự phán xét chung của một ủy ban tổng hợp gồm có quan lại của Champa, quan cai bộ và ký lục của phủ Bình Thuận. Nếu có sự tranh chấp giữa người dân Champa thì chính quyền của Champa có trách nhiệm giải quyết. Nếu có sự tranh chấp giữa

⁷⁴ Tư liệu hoàng gia Champa (P-B. Lafont, Chen Zhichao, Nguyễn Trần Huân, Po Dharma, 1984).

⁷⁵ ĐNTLCB, tập I, tr. 175 ; Phan Khoang, 1969, tr. 392.

Tổng luận đầu sách

những người Kinh trên những khu đất thuộc về phủ Bình Thuận thì do thẩm quyền của phủ này xét xử.

Mặc dù Po Saktiraydapatih tìm mọi cách để duy trì chủ quyền đất đai của mình, nhưng vị thủ lĩnh này không thể ngăn cản được sự bành trướng làng mạc của người Kinh trên lãnh thổ Champa qua nhiều hình thức khác nhau, như mua bán, đổi chác hay chiếm đoạt bất hợp lệ đất đai của người Chăm tại vương quốc này. Và Po Saktiraydapatih cũng không tìm ra giải pháp để thoát ra khỏi ảnh hưởng chính trị của nhà Nguyễn. Vào năm 1720, một sĩ quan Pháp của chiến hạm La Galathée⁷⁶ cũng đề cập đến vấn đề này và cho rằng chúa Nguyễn đặt cả vị cố vấn chính trị và quân sự người Kinh trong triều đình Champa thời đó.

Sau ngày từ trần Po Saktiraydapatih vào năm 1727, dân chúng Champa vùng dậy vào năm 1728 chống lại quyền lực của nhà Nguyễn tại vương quốc này. Tuy nhiên sự nổi dậy cũng không ngăn chặn được sự phát triển ngày càng mạnh về quyền lực chính trị và kinh tế của người Kinh sống ở phủ Bình Thuận⁷⁷.

Đặt dưới quyền che chở quan lại của chúa Nguyễn, người Kinh ở phủ Bình Thuận bắt đầu phát động một phong trào mới nhằm tăng cường năng xuất trong lãnh vực kinh tế và nhất là phát triển mạnh mẽ nghề cho vay nặng lãi không những cho dân bản xứ Champa mà cả quan lại hay quốc vương Champa thời đó. Với chỉ số tiền lời hơn 150% một năm, chính sách này đã đưa người dân Champa vay tiền vào con đường bế tắc. Vì tiền lãi quá cao, dân Champa không có phương tiện để trả cho chủ nợ. Thế là người Kinh cho vay có quyền tịch thu đất đai và tài sản của họ. Nếu chưa đủ vốn, người Kinh bắt cả con cái hay cha mẹ của họ để làm tồ tở trong một định kỳ nào đó⁷⁸. Đối với người Kinh ở phủ Bình

⁷⁶ Manneville, 1775, tr. 447 ; J, Boisselier, 1963, tr. 140.

⁷⁷ De Flory, MEP, Vol. 739, tr. 600; Po Dharma, 1978, tr 40.

⁷⁸ Xem tài liệu hoàng gia Champa, 1984, hồ sơ 3-65.

Tổng luận đầu sách

Thuận, đây là phương cách hợp lệ vì có ghi rõ trên bản hợp đồng vay mượn. Nhưng đối với người dân Champa, đây là một vấn đề không thể chấp nhận được, vì phong tục tập quán của họ ngăn cấm mọi việc chuyển nhượng hay buôn bán những bất động sản hoặc bản thân mình cho người nước ngoài, sợ rằng thân linh che chở cho tài sản đó sẽ quở phạt những thành viên trong dòng tộc của họ. Chính vì thế, vấn đề này không mang yếu tố pháp lý nữa, mà là một vấn đề mang tính cách tín ngưỡng. Sự kiện này đã giải thích tại sao có sự tăng gia gấp bội những vụ kiện tụng hay tranh chấp từng xảy ra giữa hai cộng đồng Kinh và dân bản xứ Champa vào thời đó, kéo theo các phong trào bài trừ người Kinh ở vương quốc này mà biên niên sử Việt Nam thường nhắc đến.

Mặc dù phong trào chống người Kinh bùng nổ một cách định kỳ⁷⁹, nhưng phong trào này không gây ra một sự đe dọa nào đối với chính quyền Champa hay đối với triều đình nhà Nguyễn thời đó.

V. Tình hình Champa 1771-1799 Cuộc chiến giữa Tây Sơn và Nguyễn Ánh

Bước vào hậu bán thế kỷ thứ XVIII, triều đình nhà Nguyễn dần dần đi vào sự suy sụp để nhường lại cho sự ra đời của phong trào Tây Sơn đặt dưới quyền điều hành của ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ với mục tiêu khuyến khích nông dân Việt Nam nổi dậy kể từ năm 1771 chống lại chính sách quan liêu độc tài của chúa Nguyễn. Cuộc chiến này đã giúp nhà Tây Sơn làm chủ tình hình trên lãnh thổ do chúa Nguyễn kiểm soát và buộc quân nhà Nguyễn, tức là Nguyễn Ánh phải rút lui về phía nam trong vùng Gia Định để tổ chức cuộc kháng chiến nhằm chiếm lại ngai chúa của mình⁸⁰.

⁷⁹ ĐNTLCB, tập I, tr. 209.

⁸⁰ Về lịch sử Tây Sơn, xem ĐNCBLT (Nhà Tây Sơn), 1970 ;HLNTC, 1985 ; Trần Trọng Kim, II, 1971 ; Nguyễn Khắc Viên, 1974.

Tổng luận đầu sách

Champa là vương quốc có địa bàn dân cư nằm giữa hai lực lượng Tây Sơn ở phía bắc và chúa Nguyễn ở phía nam. Kể từ đó, Champa bị lôi cuốn vào cuộc chiến giữa người Việt, tức là cuộc chiến giữa Tây Sơn và Nguyễn Anh, không liên hệ gì với vương quốc này⁸¹. Theo biên niên sử Việt Nam, trong suốt thời gian nội chiến, lực lượng Nguyễn Ánh cũng như lực lượng Tây Sơn, mỗi bên đều tìm cách chiếm đóng lãnh thổ Champa để đặt căn cứ quân sự hầu tấn công binh trại bên kia, hay tuyển mộ binh lính gốc dân bản xứ Champa để chống lại đối tượng thù địch của mình. Chính đó là nguyên nhân giải thích tại sao vương quốc Champa trong suốt thời ấy đã trở thành trận địa binh đao giữa chúa Nguyễn và phong trào Tây Sơn.

Bị kìm kẹp trong cuộc nội chiến giữa Tây Sơn và Nguyễn Ánh mà phần lớn chiến trường đã diễn ra trên lãnh thổ của mình, vương quốc Champa vào thời điểm đó không còn phương cách nào để bảo vệ nền độc lập của mình nữa. Vì rằng, một khi vương quốc Champa bị Tây Sơn hay Nguyễn Ánh chiếm đóng, thì dân chúng bản xứ Champa phải phục tùng phía nào đã dành cuộc chiến thắng. Và khi vương quốc Champa bị tấn công bởi lực lượng bên kia, thì phe chiến thắng lại trừng phạt một cách dã man dân bản xứ Champa bị kết tội làm tay sai cho quân địch của ngụy quyền.

Một khi lãnh thổ của mình bị chiếm đóng hàng năm bởi hai lực lượng Tây Sơn và Nguyễn Anh, các quan lại Champa bắt buộc phải theo phe này hay phe kia. Kể từ đó, nhân dân Champa tự phân chia ra thành hai nhóm riêng biệt: phe theo Tây Sơn và phe theo Nguyễn Ánh. Đây là một yếu tố lịch sử đã gây ra bao tổn thương cho sự thống nhất chính trị và xã hội ở vương quốc Champa thời đó. Nhiều tư liệu lịch sử đã chứng minh rằng, sự khủng hoảng xã hội và chính trị ở Champa đã nâng lên đến mức tột đỉnh. Vừa Tây Sơn cả Nguyễn Anh, mỗi bên, đều tìm cách tấn phong những ai theo phe mình để cầm quyền Champa. Kể từ đó, sự tồn tại của

⁸¹ ĐNCBLT (Nhà Tây Sơn), 1970.

Tổng luận đầu sách

Champa với tư cách là một quốc gia độc lập đã trở thành một vấn đề mơ tưởng không tương lai, vì sự sống còn của vương quốc này hoàn toàn tùy thuộc vào kết quả của cuộc chiến giữa Tây Sơn và Nguyễn Anh mà thôi⁸².

Vào năm 1793, nhờ sự hỗ trợ của Po Ladhunpaghuh (tức là Nguyễn Văn Hào trong biên niên sử Việt Nam), một quan lại gốc người Chăm đã từng cộng tác với nhà Nguyễn ở Gia Định, Nguyễn Ánh tiến quân chiếm lại vương quốc Champa do Tây Sơn kiểm soát. Trong trận chiến này, Nguyễn Ánh bắt được vua Champa Po Tisuntiraydapuran do Tây Sơn tấn phong đem về khu Đồng Nai để kết tội tử hình về tội làm tay sai cho ngụy quyền Tây Sơn⁸³. Chiến thắng năm 1793 cho phép Nguyễn Ánh kiểm soát dứt điểm miền nam chạy dài từ Khánh Hòa đến Gia Định trong đó có vương quốc Champa.

Sau ngày chiến thắng của Nguyễn Ánh vào năm 1793, Champa bắt đầu hưởng thụ một thời gian thanh bình, vì chiến tranh không còn tái diễn trên lãnh thổ của mình nữa. Dù là thanh bình, nhưng Champa vẫn là một căn cứ quân sự của Nguyễn Ánh để chuẩn bị tấn công Tây Sơn ở phía bắc Nha Trang. Được xem như là một hậu cứ quân sự quan trọng, Nguyễn Ánh tìm cách biến Champa thành quốc gia chư hầu đặt dưới quyền bảo hộ của mình. Vững vào năm 1793, Nguyễn Ánh ban cho Po Ladhunpaghuh (Nguyễn Văn Hào) tước Chương Cơ có trách nhiệm cai trị vương quốc Champa. Po Ladhunpaghuh là người đã từng theo Nguyễn Ánh rất sớm và từng tham gia trong các chiến trận chống chính quyền Champa theo Tây Sơn⁸⁴.

⁸² Po Dharma, 1983, tr. 253-263.

⁸³ ĐNTLCB, tập II, tr. 118 ; ĐNNTC, quyển 12, tr. 41 ; Po Dharma, 1978, tr. 148.

⁸⁴ ĐNTLCB, tập II, tr. 118 ; ĐNNTC, quyển 12, tr. 41 ; Po Dharma, 1978, tr. 148.

Tổng luận đầu sách

Mặc dù quân Tây Sơn không còn trên lãnh thổ Champa nữa, nhưng nền hòa bình vẫn còn xa vời đối với Champa thời đó. Năm 1796, Tuần Phu (hay Tuan Phaow trong văn bản Chăm) là người đã từng sinh sống ở Makah (Kelantan, Mã Lai) hô hào dân chúng nổi dậy bài trừ người Kinh tại Bình Thuận và chống lại chính sách của vua chúa Champa quá nghiêng về phe Nguyễn Ánh. Ai cũng biết, Po Ladhunpaghuh là thủ lĩnh của vương quốc, nhưng không có đủ quyền lực để bảo vệ quyền lợi của dân bản xứ Champa. Thêm vào đó, phủ Bình Thuận của nhà Nguyễn không ngừng kêu gọi người Kinh vào định cư hàng loạt trên lãnh thổ Champa. Đây là chính sách nhằm nuốt trọn trong tương lai những đất đai còn lại của Champa. Kể từ đó, dân số người Kinh càng ngày càng tăng trưởng nhanh chóng. Theo một số tư liệu, có khoản hơn 200 làng người Kinh ở Champa vào thời điểm đó. Sự hiện diện của người Kinh quá đông đảo ở phủ Bình Thuận đã biến địa bàn dân cư Champa thành một khu vực không còn biên giới cố định nữa. Nhiều gia đình người Kinh sống xen kẽ trong làng người Chăm. Ngược lại, một số làng người Chăm bị bao vây bởi cộng đồng dân cư người Kinh. Trước tình thế này, dân tộc Champa chỉ chờ ngày bị đồng hóa, vì sức ép quá mạnh của cộng đồng người Kinh, một tập thể có quyền lực trong tay và trang bị một đội ngũ quân lực hùng mạnh tại bán đảo Đông Dương thời đó⁸⁵.

Po Ladhunpaghuh bị bệnh nặng, xin từ chức vào tháng 2 năm Ngọ (1798) và từ trần vào tháng 10 năm Mùi (1799). Phó vương Po Saong Nyung Ceng (tức là Nguyễn Văn Chấn) là người lên kế vị Po Ladhunpaghuh. Po Saong Nyung Ceng là người bạn đồng hành của Nguyễn Ánh, đã từng giữ chức Khâm Sai Thống Binh Cai Cơ vào năm 1790 và đã từng điều khiển phong trào kháng chiến chống Tây Sơn. Chính vì thế, Po Saong Nyung Ceng được Nguyễn Ánh bổ nhiệm phó

⁸⁵ ĐNTLCB, tập I, tr. 251-255 ; CAM 58 (3) ; CAM MICROFILM 16 (1), CAM MICROFILM 56 (8) ; CAM MICROFILM 66 (1) ; CM 25 (4).

Tổng luận đầu sách

vương Champa vào năm 1794 và tấn phong làm quốc vương vào năm 1799⁸⁶.

⁸⁶ ĐNTLCB, tập II, tr. 124, 188, 211 ; ĐNNTC, tập 12, tr. 42 ; CM 20 (2) ; CM 29 (2) ; Po Dharma, 1978, tr. 157 ; Po Dharma, 1983, 258.

Champa dưới triều đại Po Saong Nyung Ceng (1779-1822)

Po Saong Nyung Ceng¹ mà biên niên sử Việt Nam gọi là Nguyễn Văn Chấn không phải xuất thân từ gia đình hoàng gia Champa, mà là một vị quan lại đã từng phục vụ trong triều đình của vua Po Ladhuanpuguh (1793-1799). Ngài là tổ tiên của dòng tộc Bà Thềm, công chúa Champa cuối cùng ở tại Phan Rí hôm nay.

Ngay từ buổi ban đầu, Po Saong Nyung Ceng là chiến hữu của Nguyễn Ánh trong chiến trường chống Tây Sơn. Năm 1790, Ngài được Nguyễn Ánh phong chức Khâm Sai Thống Binh Cai Cơ và sau đó là phó vương Champa vào năm 1794 để phụ tá cho vua Po Ladhuanpuguh². Năm 1799, Po Saong Nyung Ceng được tấn phong làm quốc vương Champa để thay thế Po Ladhuanpuguh băng hà vì sức khỏe³. Kể từ ngày lên ngôi của vua Po Saong Nyung Ceng vào năm 1799, lãnh thổ Champa vẫn là nơi mà Nguyễn Ánh dùng làm hậu cứ quân sự để ngăn chặn những cuộc tiến quân của Tây Sơn vào Gia Định. Mặc dù Champa có tân quốc vương, nhưng chủ quyền quốc gia và biên giới đất đai vào thời điểm đó rất lu

¹ Po Saong Nyung Ceng là cụm từ gồm có 2 phần. Po là tiếng Chăm có nghĩa là Ngài. Saong Nyung Ceng là từ phiên âm của Thông Nhung Chương Cơ, một chức vụ quân sự dưới thời nhà Nguyễn.

² DNTLCB, tập II, tr. 124, 188, 221.

³ DNTLCB, tập II, tr. 282, 323.

mờ, vì chiến tranh giữa Tây Sơn và Nguyễn Ánh chưa chấm dứt.

Sau ngày chiến thắng chống quân Tây Sơn và thống nhất đất nước vào năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi hoàng đế lấy danh hiệu là Gia Long và đặt tên gọi quốc gia là Việt Nam. Hoàng đế Gia Long là người rất quan tâm đến thể chế phân quyền dành cho một số địa phương và những chiến hữu đã chung vai sát cánh trong cuộc đấu tranh giành độc lập. Để thực hiện chính sách này, vua Gia Long chia đất nước Việt Nam thành 3 khu vực chính trị rõ rệt:

- Khu vực miền bắc gọi là Bắc Thành tập trung 13 trấn⁴ đặt dưới quyền cai trị của Nguyễn Văn Thành (1802-1806), Trương Tấn Bửu (1806-1810), Nguyễn Huỳnh Đức (1810-1816) và Lê Chất (1819-1826), tức là những tướng lĩnh đã từng chiến đấu bên cạnh Gia Long trong thời kỳ chống Tây Sơn.

- Khu vực miền nam gọi là Gia Định Thành gồm 6 trấn, đó là Phiên An (Gia Định), Biên Hòa, Vĩnh Thanh (Vĩnh Long và An Giang), Định Tường, Hà Tiên và Bình Thuận⁵ đặt dưới quyền cai trị của Lê Văn Duyệt⁶, sau này được

⁴ Theo Lê Thanh Khoi (1955, tr. 326), Bắc Thành gồm 7 trấn nằm ở khu vực đồng bằng đặt dưới quyền cai trị của con cháu nhà Lê và 6 trấn còn lại chạy dài từ Cao Bằng cho đến Quảng Bình. Ngược lại, Phạm Văn Sơn (IV, 1961, tr. 254) cho rằng Bắc Thành chỉ có 11 trấn.

⁵ Phạm Văn Sơn, IV, 1961, tr. 254. Ngược lại, Lê Thanh Khoi (1955, tr. 326) cho rằng Gia Định Thành chỉ có 5 trấn, không có phủ Bình Thuận.

⁶ Lê Văn Duyệt sinh năm 1764 tại vàm Trà Lọt, làng Hòa Khánh, Rạch Gầm, Mỹ Tho. Năm 1781, Nguyễn Ánh bị quân Tây Sơn đánh đuổi chạy đến vàm Trà Lọt, có ngụ tại nhà ông Lê Văn Toại, thân phụ của Lê Văn Duyệt. Để cảm ơn sự đối đãi này, Nguyễn Ánh tuyển dụng Lê Văn Duyệt làm thái giám, lãnh nhiệm vụ bảo vệ cung quyền lúc; ông vừa tròn 17 tuổi. Kể từ đó, Lê Văn Duyệt trở thành chiến hữu của Nguyễn Ánh chống lại phong trào Tây Sơn. Cũng nhờ công trạng đó, Lê Văn Duyệt được Nguyễn Ánh phong chức tổng trấn Gia Định

Champa dưới triều đại Po Saong Nyung Ceng

phong chức là phó vương, một chiến hữu nắm vai chủ động trong việc khôi phục lại ngai vàng của Nguyễn Ánh. Bình Thuận là đơn vị hành chính tập trung các làng mạc người Kinh sinh sống trên lãnh thổ Champa.

- Khu vực miền trung, nằm giữa vịnh Cam Ranh và biên giới của Gia Định Thành, là lãnh thổ Champa đặt dưới quyền cai trị của Po Saong Nyung Ceng, một tướng lãnh gốc người Chăm rất trung thành với Nguyễn Ánh, đã từng đóng góp nhiều công sức trong các cuộc chiến chống Tây Sơn.

Tại khu vực này, Po Saong Nyung Ceng chỉ kiểm soát những lãnh thổ đất đai và thân dân thuộc vương quốc Champa mà thôi. Vì rằng phủ Bình Thuận nằm trên lãnh thổ Champa nơi có cộng đồng người Kinh đông đúc trực thuộc vào quyền kiểm soát của Lê Văn Duyệt, tổng trấn Gia Định Thành⁷.

Phục hưng nền độc lập Champa

Hệ thống tổ chức hành chính Việt Nam dưới thời vua Gia Long là một trường hợp rất đặc biệt trong tiến trình hình thành các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á. Gia Long là vị vua chủ trương chính sách phân quyền cho từng khu vực tại địa phương. Dựa vào chủ thuyết này, vua Gia Long ban cho những chiến hữu của mình nhiều quyền hạn để cai trị một số khu vực mang tính cách tự trị nằm trong quốc gia Việt Nam vừa mới ra đời⁸. Bên cạnh đó, Gia Long còn phục hưng

Thành vào năm 1813 và sau này là Quận Công, tức là Phó Vương (J. Sylvestre, 1915, tr. 11-12).

⁷ Phủ Bình Thuận tập trung những làng mạc người Kinh nằm xen kẽ trong vương quốc Champa mà địa bàn dân cư cấu thành mô hình « gia beo » rất khó mà biết đâu là biên giới thật sự của nó (Xem Po Dharma, 1989, tr. 128-135).

⁸ QTCB, tr. 47-59 ; E. Luro, 1878 ; P. Pasquier, 1907 ; Le Thanh Khoi, 1955.

Theo J. Sylvestre (1915, tr. 13), Lê Văn Duyệt là lãnh tụ tối cao tại Gia Định Thành, có chức năng bổ nhiệm những quan lại tại miền nam và nắm cả quyền xử trảm bất cứ ai mà không cần xin ý kiến của triều đình Huế.

Champa dưới triều đại Po Saong Nyung Ceng

lại vương quốc Champa độc lập, nhưng đặt dưới quyền bảo hộ của triều đình Huế, bằng cách tấn phong cho chiến hữu của mình là Po Saong Nyung Ceng (Nguyễn Văn Chấn) lên làm quốc vương Champa. Với qui chế này, Po Saong Nyung Ceng có quyền tối cao đối với thân dân Champa và phải tôn trọng quyền lợi của cư dân người Kinh trực thuộc phủ Bình Thuận của triều đình Huế⁹. Vua Gia Long còn ban cho quốc vương Po Saong Nyung Ceng quyền tuyển mộ binh lính địa phương để thành lập một quân đội riêng để bảo vệ an ninh và dập tắt những phong trào chống đối trong nước. Vua Gia Long dự biết quân đội Champa vào thời điểm đó có số lượng rất ít và thiếu trang bị về vũ khí chiến đấu nên không thể nào chống lại với quân lực hùng mạnh của Việt Nam. Ngược lại, quân đội Champa phải sẵn sàng chiến đấu để bảo vệ quyền lợi và an ninh Việt Nam nếu triều đình Huế yêu cầu¹⁰. Qui chế đặc biệt mà vua Gia Long ban cho vương quốc Champa không dựa vào một hiệp ước chính thức nào. Đây chỉ là một hình thức trả ơn của hoàng đế Gia Long dành cho dân tộc Champa, một tập thể tộc người có nền văn hóa và lịch sử riêng, sinh sống tại một quốc gia nằm giữa lãnh thổ Việt Nam thời đó.

Kể từ năm 1802, nhân dân Champa bày tỏ sự vui mừng về cuộc sống thanh bình trở về với đất nước, nhưng họ không ngừng than phiền về nô dịch quá nặng nề mà Po Saong Nyung Ceng yêu cầu nhằm xây dựng lại quê hương hoàn toàn đổ nát do chiến tranh gây ra. Từ công việc sửa chữa đường xá và cơ sở hành chính, người dân Champa còn phải bỏ nhiều thời gian và công sức để xây dựng lại những đồn lũy phòng thủ và đóng ghe thuyền chiến tranh. Ngoài ra, người dân còn phải đi tìm gỗ quý và vật liệu để nộp cống cho vua Gia Long vào năm Mẹo (1807 hay 1819) để xây dựng cung đình Huế¹¹. Chính

⁹ QTCB, tr. 47-105 ; DNTLCB, III, tr. 59.

¹⁰ CAM MICROFILM 17 (1), câu 3.

¹¹ CM 20 (2) và CAM 29 (2)

Champa dưới triều đại Po Saong Nyung Ceng

đó là nguyên giải thích cho sự vùng dậy của dân tộc Churu và Raglai ở khu vực Phố Chăm vào năm Canh Thìn (1808)¹².

Ngoài cuộc sống cơ cực về nô dịch và nộp thuế nặng nề, vương quốc Champa còn gặp phải bệnh dịch gây ra thiệt mạng cho hàng ngàn người¹³ vào năm Thìn (1820).

Đặt dưới quyền bảo hộ của Việt Nam, vương quốc Champa phải có nghĩa vụ cung phụng cho triều đình Huế một nguồn thuế mà vua Gia Long đã ấn định. Nhưng ở đây, qui chế thuế áp dụng cho vương quốc Champa rất khác biệt so với qui chế được áp dụng trên toàn quốc Việt Nam thời đó. Dựa vào qui chế mà triều đình Huế đưa ra, dân chúng Việt Nam phải đóng thuế theo đầu người tùy theo giai cấp xã hội và mức thu nhập của mình. Ngược lại, triều đình Huế không ra lệnh cho dân chúng Champa đóng thuế mà chỉ liên hệ trực tiếp với quốc vương Champa, một khi vua Gia Long cần số tiền nhất định là bao nhiêu hay một số lượng gạo, gỗ, cũng như những sản phẩm khác. Hay nói cách khác, quốc vương Champa là người đứng ra trả thuế cho triều đình Huế, chứ không phải là nghĩa vụ của nhân dân Champa thời đó¹⁴. Dựa vào qui chế này, người ta cho rằng dưới triều đại Gia Long, Champa là một quốc gia chư hầu có nghĩa vụ triều cống triều đình Huế chứ không phải là một tỉnh lỵ của Việt Nam.

¹² CM 20 (2) và CAM 29 (2). Xem thêm DNTLCB, tập II, tr. 347.

¹³ CM 20 (2) và CAM 29(2). Xem thêm DNTLCB, tập V, tr. 118.

¹⁴ Để trả thuế cho triều đình Huế, vương quốc Champa thường sử dụng những sản phẩm có sẵn trong kho (*galeng*) của quốc gia hay ra lệnh cho quan lại địa phương cung cấp. Nếu cần có gỗ, thì triều đình Champa thường kêu gọi dân chúng ở Pajai (Phố Hải) và Parik (Phan Rí) cung cấp, vì khu vực Kraong (Long Hương) và Panrang (Phan Rang) không có nhiều gỗ quý. Nếu cần có trầm hương, thì khu vực Panrang (Phan Rang) là nơi chịu trách nhiệm đi tìm. Đối với dân chúng Champa, đây là nghĩa vụ nộp thuế của họ cho vương quốc Champa chứ không phải là trả thuế cho triều đình Huế. Xem CAM MICROFILM 17 (1), câu 3 và tiếp theo.

Champa dưới triều đại Po Saong Nyung Ceng

Đối với Việt Nam, Po Saong Nyung Ceng chỉ là người mang chức vụ Chưởng Cơ (chỉ huy trưởng của một binh đoàn) do vua Gia Long tấn phong, mặc dù triều đình Huế dành cho Ngài những đặc quyền mang tính cách ngoại giao, như ngồi bên cạnh những vua chúa nước ngoài (Lào, Khmer, v.v.) vào những nghi lễ chính thức trong cung đình Huế, chứ không ngồi chung với các quan đại thần của Việt Nam. Nhưng đối với quần chúng Champa, qui chế và vai trò của Po Saong Nyung Ceng thì hoàn toàn khác biệt. Sự phục hưng lại vương quốc Champa với qui chế tự trị đặt dưới quyền cai trị của người Champa bản xứ đã trở thành một yếu tố chính trị quan trọng nhằm hợp thức hóa uy quyền của Po Saong Nyung Ceng mà dân chúng xem Ngài là một quốc vương Champa, chứ không phải là vị tinh trưởng Champa nằm trong quốc gia Việt Nam thời đó.

Sự quyết định của Gia Long nhằm phục hưng lại nền độc lập Champa vào năm 1802 đặt dưới quyền bảo hộ của Việt Nam có thể hiểu như là một cử chỉ thân thiện dành cho những chiến hữu trung thành với Nguyễn Ánh trong suốt những năm chiến đấu chống Tây Sơn. Hay nói một cách khác, vua Gia Long tái lập lại chủ quyền Champa vào thời kỳ đó với mục đích để hình thành một quốc gia chư hầu của triều đình Huế hơn là xây dựng thật sự nền độc lập Champa trong nghĩa rộng của nó, vì Gia Long cũng thành lập qui chế tự trị dành cho Bắc Thành và Gia Định Thành¹⁵.

Qui chế phủ Bình Thuận

Như chúng tôi đã đề cập ở phần trên, sự hiện diện phủ Bình Thuận của người Kinh trên lãnh thổ Champa mà vua Gia

¹⁵ Sự quyết định phục hưng lại vương quốc Champa và giao quyền cai trị cho Po Saong Nyung Ceng là một chiến lược chính trị vô cùng khéo léo của vua Gia Long. Cũng nhờ chính sách này, vua Gia Long không lo lắng cho sự khủng hoảng giữa hai dân tộc Chăm và Kinh cùng chung sống trên lãnh thổ Champa nhưng có hai nền văn hóa và chủng tộc khác nhau.

Champa dưới triều đại Po Saong Nyung Ceng

Long giao quyền kiểm soát cho tổng trấn Lê Văn Duyệt ở Gia Định Thành đã làm xáo trộn hệ thống tổ chức hành chính của vương quốc Champa. Sự chia cắt đất đai Champa từng mảnh vụn để sáp nhập vào phủ Bình Thuận đã đưa vương quốc này vào tình hình rất khó xử. Vì muốn giữ được quyền tự trị của mình, Champa phải có mối quan hệ tốt đẹp với triều đình Huế, trung tâm chính trị có quyền lực cao nhất của Việt Nam và phục tùng Lê Văn Duyệt, một phó vương có đủ uy quyền đang cai trị Gia Định Thành có cùng biên giới với Champa vào thời điểm đó. Mọi sự quyết định của vương quốc Champa không có sự đồng ý của triều đình Huế hay phó vương Lê Văn Duyệt sẽ đưa vương quốc này đến sụp đổ một cách nhanh chóng.

Cũng nhờ qui chế đặc biệt này, vương quốc Champa trở nên yên bình và có mối quan hệ mật thiết với triều đình Huế và tổng trấn Gia Định Thành trong suốt 18 năm (1802-1820). Mối quan hệ tốt đẹp trên có thể phát xuất từ phong cách cư xử của Po Saong Nyung Ceng, tức là quốc vương Champa luôn luôn bày tỏ lòng trung thành đối với vua Gia Long và duy trì mối giao hảo thân thiện với Lê Văn Duyệt, một nhân vật mà Po Saong Nyung Ceng đã từng quen biết trong những năm chiến đấu chống Tây Sơn. Dựa vào sự che chở của hai láng giềng hùng mạnh (triều đình Huế và Gia Định Thành), Po Saong Nyung Ceng biết lợi dụng tình thế để củng cố vững chắc uy quyền của mình, tiếp tục xây dựng lại quốc gia Champa đổ nát vì chiến tranh và xóa bỏ những hậu quả tang thương của cuộc chiến vào thời Tây Sơn, kéo dài từ 1771 đến 1802.

Mối liên hệ với triều đình Huế

Năm 1820, vua Gia Long từ trần tại Huế và hoàng tử Đạm lên ngôi kế vị lấy danh hiệu là Minh Mệnh. Sự tấn phong của vua Minh Mệnh đã gây ra bạo tranh luận trong số quan lại của triều đình Huế, vì họ cho rằng hoàng tử Đạm là con của người vợ thứ hai của vua Gia Long, chứ không phải là thái tử chính thức. Chính vì thế, vua Minh Mệnh rất lo ngại

về phản ứng này và luôn luôn suy tính có thể thái tử chính thức sẽ tìm cách cạnh tranh. Thêm vào đó, ở Bắc Thành, con cháu của nhà Lê cũng bắt đầu tìm đồng minh để chống lại sự tấn phong của vua Minh Mệnh.

Sau ngày lên ngôi của vua Minh Mệnh, Lê Văn Duyệt (tổng trấn Gia Định Thành và Lê Chất (tổng trấn Bắc Thành) là hai vị tướng có quyền lực trong tay vẫn bày tỏ lòng trung thành và thuận phục đối với triều đình Huế. Tuy nhiên, tân quốc vương Minh Mệnh vẫn nghi ngờ rằng lòng trung thành của Lê Văn Duyệt và Lê Chất sẽ không thể kéo dài mãi, vì mối liên hệ giữa vua Minh Mệnh và hai vị tổng trấn này không dựa vào một yếu tố ràng buộc nào.

Ngay từ ban đầu, Minh Mệnh đã bày tỏ sự bất bình vì cho rằng Lê Văn Duyệt đã không ủng hộ Ngài lên kế vị ngôi vua mà ủng hộ con của hoàng tử Cảnh. Từ đó, Minh Mệnh kết tội Lê Văn Duyệt là người ít học, bản chất quan võ nóng tính, chủ trương ủng hộ các nhà truyền đạo Châu Âu hầu thành lập vương quốc riêng ở miền nam, hưởng cả quyền "nhập triều bất bái" (vào triều không phải lạy) từ thời Gia Long, nên sau này không bao giờ bái lạy bất cứ ai, cả vua Minh Mệnh¹⁶.

Chỉ cần đọc bản án kết tội Lê Văn Duyệt vào năm 1835 mà Minh Mệnh viết trong bản dụ, người ta sẽ thấy thế nào là mối căm thù của Minh Mệnh đối với phó vương Lê Văn Duyệt: "Tội Lê Văn Duyệt nhổ từng cái tóc mà kể cũng không hết, nói ra đau lòng, dù có bữa quan quách mà giết thầy cũng là đáng tội. Song nghĩ hấn chết đã lâu và đã truy đoạt quan tước, xương khô trong mả, chẳng cần gia hình chi cho uổng công. Vậy cho tổng đốc Gia Định đến chỗ mả hấn cuốc bỏ nùm mộ san bằng mặt đất"¹⁷.

Một năm sau, tức là năm 1836, Minh Mệnh đưa Lê Chất (tổng trấn Bắc Thành) là bạn thân của Lê Văn Duyệt ra xử án mặc dù ông đã từ trần vào năm 1926. Quan lại bộ tả thị lang tên là Lê Bá Tú dâng sớ tố cáo Lê Chất về 16 tội phạm

¹⁶ Trần Trọng Kim, 1920, trang 453-154.

¹⁷ Trần Trọng Kim, 1920, trang 453-154.

Champa dưới triều đại Po Saong Nyung Ceng

và vua Minh Mệnh viết dụ rằng: “Lê Chất cùng với Lê Văn Duyệt dựa nhau làm gian, tội ác đầy chứa, nhô từng cái tóc mà tính cũng không hết, giả thử bỏ áo quan giết thầy, cũng không là quá. Song lại nghĩ Chất tội cũng như Duyệt, trước kia Duyệt đã không bỏ áo quan giết thầy, thì nắm xương khô của Chất nay cũng chẳng màng bắt tội. Vậy cho Tổng đốc Bình Phú là Võ Xuân Cẩn san phẳng mộ của hắn”¹⁸.

Đối với Champa, vua Minh Mệnh áp dụng chính sách hoàn toàn khác biệt với vua cha. Kể từ đó, người ta không thể tiên đoán được tương lai của qui chế tự trị mà vua Gia Long đã ban cho vương quốc này. Vì Minh Mệnh là vị vua độc tài, muốn tập trung quyền lực trong tay để thực hiện chủ thuyết thống nhất đất nước và không bao giờ chấp nhận những yếu tố đặc biệt mang tính cách địa phương, tôn giáo hay dân tộc nằm trong quốc gia của mình. Sau ngày lên ngôi, Minh Mệnh khẳng định ngay quyền lực tối cao của nhà vua và luôn tỏ thái độ cho rằng Ngài là người thủ lãnh duy nhất trên toàn cõi đất nước Việt Nam. Đây là chủ thuyết chính trị hoàn toàn trái ngược với chính sách của vua Gia Long¹⁹.

Ngay vừa mới lên ngôi, tức là vào tháng chạp năm Canh Thìn (1820), Minh Mệnh đã cách chức trấn thủ phủ Bình Thuận là Trương Văn Chánh, người rất gần gũi với phó vương Lê Văn Duyệt và bổ nhiệm Mai Gia Lương thay thế. Sự quyết định thay đổi bất ngờ trấn thủ phủ Bình Thuận, một đơn vị hành chính đặt dưới quyền kiểm soát của Gia Định Thành là nhằm cảnh cáo phó vương Lê Văn Duyệt, người từ bấy lâu nay có quyền bổ sung hay chuyển các quan lại trong 6 trấn thuộc Gia Định Thành, trong đó có phủ Bình Thuận. Qua sự quyết định này, Minh Mệnh muốn nhắc nhở

¹⁸ QTCB, 1972, tr. 201; Trần Trọng Kim, 1920, trang 453-154;

¹⁹ A. Stephan, 1887, tr. 129; H. Castonnet Des Fosses, 1890, tr. 242; Indochine, 1931, tr. 87; Tao Kim Hai, 1939, tr. 89; A. Masson, 1972, tr. 47.

phó vương Lê Văn Duyệt rằng người có quyền tối thượng trong quốc gia Việt Nam là vua Minh Mệnh chứ không phải là tổng trấn Gia Định Thành²⁰.

Mặc khác, vua Minh Mệnh nghĩ rằng Lê Văn Duyệt là người có ảnh hưởng rất lớn đối với dân chúng Champa và Gia Định Thành, qua tuổi tác và những công lao trong quá khứ, có thể trở thành mối nguy hiểm cho triều đình Huế, vì nhân vật này có đủ quyền lực để phát động nhân dân miền nam nổi dậy chống lại uy quyền của Ngài²¹. Chính vì nguyên nhân đó, vua Minh Mệnh quyết định khai trừ cho bằng được Lê Văn Duyệt hầu tái lập uy quyền của mình trên toàn cõi đất nước Việt Nam.

Tại Gia Định Thành, Lê Văn Duyệt là nhân vật có quyền lực rộng lớn, chỉ cần "một dấu hiệu của ông đủ thúc đẩy quần chúng ở miền nam vùng dậy chống triều đình Huế"²². Kể từ đó, vua Minh Mệnh không còn đặt niềm tin vào Lê Văn Duyệt nữa và luôn tìm cách ngăn chặn mọi uy quyền của vị phó vương ở Gia Định Thành. Thế là chiến trường tranh chấp quyền lực giữa vua Minh Mệnh ngự trị ở Huế và Lê Văn Duyệt, phó vương nắm quyền cai trị ở miền nam bao gồm cả vương quốc Champa, bắt đầu bùng nổ²³. Kể từ đó, định mệnh sống còn của Champa hoàn toàn tùy thuộc vào kết quả của cuộc tranh chấp giữa vua Minh Mệnh và tổng trấn Lê Văn Duyệt.

Cũng vì tính tình quá hung bạo, quan điểm bảo hoàng tuyệt đối và quyết tâm chiếm giữ quyền lực bằng mọi giá nên vua Minh Mệnh gặp phải bao sự chống đối trong nước. Năm 1820 đánh dấu cho những cuộc nổi dậy ở Thái Nguyên, Phú Yên, Quảng Nam, Nghệ An, Thanh Hóa, Tuyên Quang²⁴.

²⁰ QTCB, tr. 107 ; MLCBTN, II, tr. 1.

²¹ J. Sylvestre, 1935, tr. 14.

²² J. Sylvestre, 1935, tr. 15.

²³ Trương Vĩnh Ký, 1879, tr. 262 ; J. Sylvestre, 1935, tr. 15.

²⁴ DNTLCB, VI, tr.129; MMCY, II, tr. 54; MMCY, VI, tr.10; MLCBTN, II, tr. 26-34; Trần Trọng Kim 1971, tr.202).

Những cuộc khởi nghĩa đó đã chứng tỏ sự bất bình xảy ra ở khắp nơi làm cho vua Minh Mệnh luôn luôn lo âu bởi một hiểm họa thường trực, nhất là sau vụ án xử trảm vợ của thái tử Cảnh, con của vua Gia Long, làm chấn động cả triều đình Huế²⁵.

Trong lúc đương đầu với các cuộc nổi loạn ở miền bắc, vua Minh Mệnh không ngừng tìm cách làm suy giảm quyền lực của phó vương Lê Văn Duyệt ở miền nam. Theo biên niên sử Việt Nam²⁶, năm 1822, tức là 2 năm sau ngày cách chức vị trấn thủ Bình Thuận do Lê Văn Duyệt bổ nhiệm, Minh Mệnh tách rời phủ Bình Thuận nằm trong biên giới Champa ra khỏi Gia Định Thành và đặt dưới quyền cai trị trực tiếp của mình²⁷. Đây là chính sách nhằm cắt đứt mọi uy quyền của Lê Văn Duyệt trên lãnh thổ Champa. Mặc dù còn điều kiện thuận lợi để chống lại uy quyền của triều đình Huế²⁸, nhưng Lê Văn Duyệt phải nghiêng mình trước sự quyết định của vua Minh Mệnh. Theo J. Sylvestre²⁹, cũng vì quá “ghê tởm trước những trận nội chiến gây ra bao cảnh tương tàn và cơ cực cho dân chúng”, Lê Văn Duyệt tạm thời chấp nhận những điều kiện mà vua Minh Mệnh đưa ra.

Khủng hoảng về quyền nối ngôi ở Champa

Sau khi nắm lại quyền kiểm soát phủ Bình Thuận vào năm 1822, Minh Mệnh khẳng định uy quyền của mình trên

²⁵ Thái tử Cảnh, sinh năm 1780 là con trưởng của vua Gia Long, sang Pháp với linh mục Pigneau de Béhaine vào năm 1786-1787 dưới thời vua Louis XVI, để cầu cứu Pháp giúp đỡ Nguyễn Ánh chống lại Tây Sơn. Tiếc rằng thái tử Cảnh băng hà năm 1801 vào lúc 21 tuổi. Sau ngày băng hà của thái tử Cảnh, vua Minh Mệnh có liên hệ tình dục với vợ của thái tử. Khi nghe tin bà có thai, Minh Mệnh ra lệnh xử trảm bà và hai đứa con để né tranh dư luận bản tán. Xem Trương Vĩnh Ký, 1879, tr. 259 ; Castonnet, 1890, tr. 242 ; Ch. Gosselin, 1904, tr. 115.

²⁶ DNTLCB, VI, tr. 21-100; MMCY, II, tr. 5; MLCBTN, II, tr. 26-34.

²⁷ DNTLCB, VI, tr. 21 ; MMCY, II, tr. 45 ; MLCBTN, II, tr. 26-34.

²⁸ Trương Vĩnh Ký, 1879 ; Ch. Gosselin, 1904 ; J. Sylvestre, 1915.

²⁹ J. Sylvestre, 1915, tr. 15.

Champa dưới triều đại Po Saong Nyung Ceng

lãnh thổ Champa. Vào tháng 4 năm Nhâm Ngọ (1822), biên niên sử Việt Nam³⁰ ghi rằng, vua Minh Mệnh triệu tập phó vương Champa là Po Klan Thu (tư liệu Việt Nam gọi là Nguyễn Văn Vĩnh)³¹ về Huế nhưng không nêu ra lý do gì, trong khi đó quốc vương Champa là Po Saong Nyung Ceng đang lâm bệnh nặng chờ ngày băng hà. Đây cũng là sự kiện bất thường trong mối quan hệ giữa Champa và triều đình Huế. Sự giam giữ Po Klan Thu (tức là người thân cận của Lê Văn Duyệt) ở Huế cho đến ngày từ trần của Po Saong Nyung Ceng là nhằm cản trở các quan lại đề cử Po Klan Thu lên nắm chính quyền ở Champa. Đồng thời tìm cách ngăn chặn Lê Văn Duyệt nhúng tay vào nội bộ của vương quốc Champa, vì Minh Mệnh có ý đồ đưa người thân cận của mình lên làm quốc vương Champa hầu cũng cố thêm uy quyền tại vương quốc này.

Theo biên niên sử Việt Nam³², vào tháng 6 năm Nhâm Ngọ (1822), quốc vương Champa là Po Saong Nyung Ceng băng hà tại thủ đô Bal Canar (Tịnh Mỹ, Bình Thuận)³³ trong

³⁰ DNTLCB, VI, tr. 15.

³¹ Po Klan Thu là cụm từ gồm có 2 phần. Po là tiếng Chăm ám chỉ “Ngài”. Klan Thu là từ phiên âm của Trần Thủ.

³² DNTLCB, II, tr. 332 ; DNTLCB, VI, tr. 74 ; DNNTC, XII, tr. 41 ; CAM MICROFILM 17 (1), câu 11.

³³ Ai cũng biết có gia đình hoàng gia Champa mang tên Po Ceng tức là Ngài được tôn chức Chương Cơ chạy sang Campuchia lánh nạn, nhưng không biết vào lúc nào. Po Saong Nyung Ceng (1799-1822) cũng mang tên gọi là Po Ceng trong biên niên sử Chăm. Dựa vào yếu tố này, E. Aymonier (1889, tr. 193-206) cho rằng Po Saong Nyung Ceng là vị vua bỏ ngai vàng vào năm 1822 sang Campuchia lánh nạn. Nhưng trên thực tế, có 4 quốc trưởng cuối cùng của Champa đều nhận chức Chương Cơ của nhà Nguyễn, đó là Po Cei Brei (17 83-1976), Po Tisuntiraydapuran (1786-1793), Po Ladhuanpaghuh (1793-1799) và Po Soang Nyung Ceng (1799-1822). Theo Po Dharma (1983, trang 254-266) Po Cei Brei mới là vị vua mang chức Po Ceng chạy sang Campuchia vào năm 1795 để cầu cứu quân sự nhằm giải phóng Champa ra khỏi ách thống trị của Tây Sơn và Nguyễn Ánh.

Champa dưới triều đại Po Saong Nyung Ceng

khi đó phó vương Po Klan Thu vẫn còn giam giữ tại Huế. Sau khi nghe tin vua Minh Mệnh loại bỏ Po Klan Thu ra khỏi quyền nối ngôi, các quan lại Champa đề nghị một người khác lên nắm chính quyền nhưng triều đình Huế từ chối. Dựa vào quan điểm của phủ Bình Thuận, vua Minh Mệnh quyết định bổ nhiệm Bait Lan lên làm quốc vương để tạo mối giao hảo giữa dân chúng Champa và người Kinh sinh sống trong vương quốc này³⁴. Đối với quan lại Champa thời đó, sự quyết định của vua Minh Mệnh nhằm đưa một người thân cận với triều đình Huế lên nối ngôi là chính sách không phù hợp với truyền thống của Champa. Nhưng đây cũng không phải là vấn đề đáng ngạc nhiên, vì vua Minh Mệnh không bao giờ chấp nhận một trường hợp riêng biệt nào trong hệ thống tổ chức quốc gia của Việt Nam. Tuy nhiên sự quyết định của vua Minh Mệnh đã gây ra sự khủng hoảng giữa các vị quan lại, các giới chức hành chính và quân đội Champa thời đó.

Theo E. Durand (VI, 1906, tr. 288), sau ngày băng hà, Po Saong Nyung Ceng được phong thần mang tên là *sulatan ya inra anap raja kulat cahya kulaw*.

³⁴ CM 20 (2) và CM 30 (14).

Champa dưới triều đại Po Klan Thu (1822-1828)

Năm 1822 đánh dấu cho những sự vùng dậy của nhân dân Champa chống lại uy quyền của triều đình Huế.

Theo tư liệu viết bằng tiếng Chăm và biên niên sử Việt Nam, lợi dụng sự rối ren trong nội bộ của vương quốc Champa sau ngày từ trần của Po Saong Nyung Ceng, Ja Lidong kêu gọi dân chúng vùng dậy trên toàn lãnh thổ Champa vào tháng 8 năm Nhâm Ngọ (1822)¹. Phát xuất đầu tiên từ phía tây nam Malathit (Phan Thiết), tức vùng biên giới giữa Champa và Gia Định Thành, đoàn quân của Ja Lidong tiến về phía bắc và đe dọa an ninh của phủ Bình Thuận nơi có đông đúc cư dân người Kinh² sinh sống. Nghe tin này, phó vương Po Klan Thu ở Huế rất lo ngại và thỉnh cầu Minh Mệnh nên cứu xét lại tình hình chính trị ở vương quốc

¹ DNTLCB, VI, tr. 90.

Theo CAM MICROFILM 17 (1), câu 11 và tiếp theo, Ja Lidong là nhân vật gốc Chăm, trong khi đó biên niên sử Việt Nam viết rằng ông là người Mán, tức là người miền núi.

Champa thời đó là vương quốc đa chủng bao gồm nhiều sắc tộc như Churu, Raglai, Kaho và Chăm. Mỗi sắc tộc đều có quyền và nghĩa vụ như nhau trong triều đình. Tiếc rằng, khi nói đến quân phiến loạn ở Champa, biên niên sử Việt Nam thường gán cho họ là dân tộc miền núi. Theo tư liệu Chăm, cuộc vùng dậy của Ja Lidong tập trung dân tộc Chăm và dân tộc sống ở miền núi.

² CAM MICROFILM 17 (1), câu 13.

Champa dưới triều đại của Po Klan Thu

Champa³. Vì không muốn có thêm sự rối ren ở vương quốc Champa, vua Minh Mệnh nhượng bộ và chấp nhận lời yêu cầu của quan lại Champa bằng cách thu hồi quyền lên ngôi của Bait Lan để bổ nhiệm Po Klan Thu lên nắm quyền “trần thủ” vương quốc Champa, chứ không phải là quốc vương Champa⁴.

Ai cũng biết, sự quyết định ban cho Po Klan Thu quyền “trần thủ” Champa vào năm 1822 chỉ là yếu tố mang tính cách chiến thuật, vì vua Minh Mạng không có giải pháp nào để dập tắt cuộc vùng dậy của Ja Lidong ở miền nam hầu bảo toàn an ninh và quyền lợi của người Kinh tại phủ Bình Thuận. Sự quyết định thu hồi quyền lên ngôi của Bait Lan, một nhân vật trung thành với vua Minh Mệnh để giao lại quyền “quản lý” Champa cho Po Klan Thu, người mà vua Minh Mệnh đã truất phế, càng làm tăng thêm phong trào bài trừ vua Minh Mệnh trong giai cấp lãnh đạo Champa thời đó.

Sau ngày tấn phong, Po Klan Thu từ Huế trở lại thủ đô Bal Canar (Phan Rí) trong khi đó lực lượng của Ja Lidong đã chiếm đóng nhiều khu vực trong nước và sang bằng đồn lũy ở Thị Linh, một thí điểm chiến thuật quân sự quan trọng. Sự vùng dậy của Ja Lidong cho thấy là lực lượng quân sự Champa thời đó không đủ sức để dập tan quân phiến loạn trong nước.

Cuộc khởi nghĩa của Ja Lidong

Theo biên niên sử Việt Nam⁵, vào tháng 2 năm Quý Mùi (1823), đoàn quân Champa từ Long Hương, Phan Rí và Phố

³ DNTLCB, VI, tr. 74 ; CAM MICROFILM 17 (1), câu 14.

⁴ DNTLCB, VI, tr. 74. Thuật ngữ « trần thủ » ở đây có nghĩa là người cầm quyền của một trần, chứ không phải là quốc vương. Xem J. Génibrel, tr. 875 ; E. Gouin, tr. 1397.

⁵ DNTLCB, VI, tr. 90-153 ; CAM MICROFILM 17 (1), câu 15 và tiếp theo.

Champa dưới triều đại của Po Klan Thu

Hải⁶ bắt đầu truy nã tổ chức của Ja Lidong, với sự yểm trợ của toán quân người Kinh thuộc phủ Bình Thuận đặt dưới quyền điều khiển của Thái Văn Thuận, phó chỉ huy liên đội Thuận Nghĩa. Kết quả của trận chiến cho thấy đồng đội của Ja Lidong đã bị đánh bại. Nhưng trên thực tế, tổ chức vũ trang của Ja Lidong không phải bị tan rã mà chỉ rút quân về miền núi nằm ở biên giới Champa và Gia Định Thành⁷. Chính đó là nguyên nhân buộc Lê Văn Duyệt phải đứng ra can thiệp bằng cách cho đặc sứ Nguyễn Văn Châu đến gặp Ja Lidong để dàn xếp vấn đề⁸. Sự hòa giải này đã mang lại một kết quả tốt đẹp là Ja Lidong và bốn trăm binh lính của ông ra qui hàng trước chính quyền của Gia Định Thành. Sự can thiệp của Lê Văn Duyệt vào vấn đề của Ja Lidong đã chứng tỏ rằng ông là người đang làm chủ tình hình ở miền nam và có đủ quyền lực để thuyết phục quân phiến loạn ngưng chiến và cũng có thể kêu gọi quân phiến loạn vùng đây, nếu triều đình Huế có ý đồ đe dọa Gia Định Thành.

Sau ngày chiến tranh, dân chúng Champa ra sức tu bổ lại tất cả những đồn lũy quân sự bị phá hủy và đồng thời xây dựng lại hệ thống phòng thủ tại Thị Linh nằm ở tây nam của Phan Thiết, hầu bảo đảm an ninh cho thủ đô Bal Canar (Tịnh Mỹ). Thêm vào đó, dân chúng Champa phải gánh thêm bao nô dịch nặng nề để cung phụng cho triều đình Huế. Chính sách này đã gây ra sự bất mãn trong quần chúng Champa⁹, vì họ cho rằng Po Klan Thu là vị vua chỉ biết tuân theo chỉ thị của triều đình Huế. Việc sưu thuế quá nặng không phải là

⁶ Panrang (Phan Rang) có lãnh thổ từ Cam Ranh đến Cà Ná ; Kraong (Long Hương), từ Cà Ná đến thôn Duông ; Parik (Phan Rí), từ thôn Duông đến Phan Thiết ; Pajai (Phú Hải), từ Phan Thiết đến biên giới Biên Hòa. Xem CAM 1, tr. 3 ; Nguyễn Văn Tố, 1943, tr. 225-246 ; Bản đồ Indochine, Washington, 1967.

⁷ Theo DNTLCB (VI, tr. 153), nhóm phiến quân tập trung trong chiến khu ở Thị Linh, gần Biên Hòa.

⁸ DNTLCB, VI, tr. 153.

⁹ CAM MICROFILM, 17 (1), câu 19 ; CM 20 (2) ; CM 30 (14).

trường hợp đặc biệt đối với Champa, mà triều đình Huế cũng áp đặt chính sách này đối với người Kinh¹⁰. Chính đó là nguyên nhân giải thích cho sự vùng dậy khắp nơi trên toàn đất nước Việt Nam thời đó. Cuộc vùng dậy ở Cao Bằng và Tuyên Quang, khu vực sông Hồng và vùng Nam Định vào năm 1826 là những thí dụ điển hình¹¹.

Mặt trận vũ trang của Nduai Kabait

Cũng trong năm Dậu lịch Chăm (1826) vào tháng chạp, Nduai Kabait, một nhà quân sự đã từng phục vụ trong triều đình của vua Po Klan Thu, châm ngòi cho cuộc khởi nghĩa bằng cách tập hợp những binh lính ở vùng Đồng Nai Thượng, giáp ranh giới Gia Định Thành để vùng dậy đấu tranh¹². Có lẽ do bài học của những cuộc thất bại trước đây, Nduai Kabait không giới hạn tầm hoạt động đấu tranh của mình trong lãnh thổ Panduranga, mà khuyến khích những người Chăm ở phủ Phú Khánh (Khánh Hòa) và Phú Yên cùng tham gia nổi dậy. Mục tiêu của cuộc khởi nghĩa Nduai Kabait là chống lại triều

¹⁰ Theo Tran Minh Tiet (1961, tr. 34), Minh Mệnh là vị vua bạo chúa (despote) và khát máu (sanguinaire) không ngần ngại ra lệnh tiêu diệt những người Kinh theo đạo Thiên Chúa. Xem thêm Trương Vĩnh Ký, 1878, tr. 48 ; A. Launay, 1990, tr. 57-59 ; N. M. Lê, 1975, tr. 79.

¹¹ Nguyễn Công Trứ và Nguyễn Đức Nhuận là hai tướng chỉ huy lực lượng để dẹp tan phiến quân, nhưng không thành. Chính vì thế, Minh Mệnh phải đưa ra chiến dịch lần thứ hai chống cuộc vùng dậy vào năm 1827. Xem MMCY, V, tr. 119 ; QTCB, tr. 133 ; Phạm Văn Sơn, IV, 1961, tr. 344 ; Trần Trọng Kim, II, 1971, tr. 203.

¹² CAM MICROFILM 17 (1), câu 20. Xem thêm CAM 29 (2) ; CM 20 (2), CM 30 (14). Nduai Kabait là cụm từ có 2 phần. Nduai là từ phiên âm của tiếng Việt « đội », tức là chức năng quân sự, trong khi đó Kabait là tên riêng. Dưới thời nhà Nguyễn, có hai chức vụ thường dùng đó là Cai Đội và Đội Trưởng, nhưng người ta không biết thế nào là vai trò và quyền hạn của nó. Xem Phạm Văn Sơn, III, tr. 128 ; Đặng Phương Nghi, 1969, 128 ; Phan Khoang, 1969, tr. 468 ; Tạ Chí Đại Trùng, 1973, tr. 336 ; MLCB, I, II.

đình Champa quá nhu nhược và hô hào phong trào bài trừ người Kinh có mặt trên vương quốc này.

Vì không thể chống cự với quân phiến loạn, Po Klan Thu phải yêu cầu sự hỗ trợ của triều đình Huế. Vua Minh Mệnh ra lệnh cho các vị trấn thủ Bình Hòa (Khánh Hòa) và Phú Yên xua quân tiêu diệt phong trào của Nduai Kabait¹³. Cuộc hành quân chia thành hai nhóm. Đoàn quân của Bình Hòa (Khánh Hòa) và Phú Yên tấn công đồn Kỳ Tuân trong khi đó đoàn quân của Po Klan Thu tiến quân vào vùng Đồng Nai¹⁴. Biên niên sử Chăm cho rằng vì đường xá quá khó khăn gây vất vả cho việc di chuyển và tiến quân nên Po Klan Thu phải rút quân về. Theo chúng tôi, nếu có sự thối lui này, là vì đoàn quân của Po Klan Thu không giám phiêu lưu vào vùng núi hiểm trở được xem như là lãnh thổ của các dân tộc miền núi như Churu, Raglai, Kaho, v.v. lúc nào cũng đứng về phía quân phản nghịch để chống lại triều đình Huế hay chính quyền Champa làm tay sai cho nhà nước Việt Nam thời đó. Trong suốt chiều dài của lịch sử, vùng Đồng Nai Thượng luôn luôn là hậu cứ của các phong trào đấu tranh vũ trang, vì địa thế khó khăn của núi rừng và có sự yểm trợ của dân tộc Churu, Raglai, Kaho, nên rất thuận lợi cho việc hình thành mật khu nhằm bảo toàn an ninh cho các cuộc kháng chiến.

Sự thất bại của đoàn quân Champa trong việc chống lại phong trào của Nduai Kabait buộc triều đình Huế phải xem xét và thay đổi chiến thuật, vì vua Minh Mệnh không thể nào chấp nhận cho Khánh Hòa, Phú Yên và Champa nơi có đông đảo dân cư người Kinh lại rơi vào tay của quân phiến loạn. Chính vì thế, triều đình Huế ra chỉ thị cho các quan trấn thủ Bình Hòa và Phú Yên bằng mọi cách phải tiêu diệt cuộc khởi nghĩa của Nduai Kabait và xử tử ngay tại chỗ những binh lính

¹³ QTCB, tr. 130 ; MMCY, V, 117-118.

¹⁴ MMCY, V, tr. 118 ; QTCB, tr. 130 ; CAM MICROFILM 17 (1), câu 20 và 21.

nào không còn can đảm chiến đấu khi ra trận¹⁵. Dựa vào chỉ thị của vua Minh Mệnh, đoàn quân của triều đình Huế khởi đầu cuộc tấn công quân phiến loạn đã bắt được những người cầm đầu trong vùng Khánh Hòa-Phú Yên¹⁶.

Tại vương quốc Champa, chính sách dẹp tan phong trào của Nduai Kabait có chiến lược hoàn toàn khác biệt. Vì không thể chống lại quân phiến loạn, Po Klan Thu đề nghị thương thuyết với tổ chức của Nduai Kabait. Và hai bên đều chấp nhận một cuộc đàm phán ôn hòa. Khi phái đoàn của Nduai Kabait bước vào đồn quân sự để tham dự cuộc thương thuyết, vị quan đại diện cho Po Klan Thu ra lệnh bắt giữ tất cả binh lính đối phương và hai người chỉ huy của họ. Lợi dụng cơ hội này, quan đại diện cho Po Klan Thu ra chỉ thị tra tấn vô cùng dã man những tù binh và đưa hai vị chỉ huy lên giàn hỏa, sau đó bằm nhỏ thân xác của họ ra từng miếng thịt để phân phát cho quân lính, mặc dù bên đối phương cố gắng van xin sẽ giao tất cả tài sản để chuộc tội. Cuối cùng, quan đại diện này thả những tù binh bị bắt sau khi tịch thu toàn bộ số ngựa, voi và vũ khí của đối phương và dọa xử trảm những ai còn tiếp tục nổi loạn. Cuộc hành tội vô cùng dã man này đã đưa tổ chức của Nduai Kabait vào con đường bế tắc và hòa bình bắt đầu trở lại trên dải đất Champa¹⁷.

Khởi đầu chính sách Việt Nam hóa

Sau cuộc khởi nghĩa của Nduai Kabait, vua Minh Mệnh ra lệnh cho trấn thủ phủ Bình Thuận phải cung cấp những tư liệu liên quan đến phong tục tập quán của dân tộc Chăm. Đây là công tác thu thập thông tin văn hóa và tín ngưỡng nằm trong chiến dịch toàn quốc do triều đình Huế đề ra vào năm 1827. Nhưng sự kiện đáng chú ý nhất, đó là vua Minh Mệnh

¹⁵ MMCY, V, tr. 118.

¹⁶ MMCY, V, tr. 119.

¹⁷ CAM MICROFILM 17 (1), câu 23-29.

Champa dưới triều đại của Po Klan Thu

không giao cho quốc vương Champa công tác thu thập tin tức về người Chăm mà lại giao cho vị trấn thủ phủ Bình Thuận của người Kinh. Có chăng vua Minh Mệnh không công nhận Po Klan Thu là thủ lĩnh của vương quốc Champa nữa hay là Po Klan Thu không có mặt tại vương quốc Champa vào thời điểm đó?

Nhằm thực hiện chỉ thị của triều đình Huế, phủ Bình Thuận triệu tập các chức sắc tôn giáo Chăm Bà La Môn và Bani¹⁸, nhằm yêu cầu họ phải khai báo những gì có mối liên hệ đến phong tục và tập tục của người Chăm. Đối với đồng bào Chăm, cộng đồng chức sắc tôn giáo là những người lãnh đạo tinh thần mang tính cách thiêng liêng có qui chế bất khả xâm phạm. Sự hạch hỏi những chức sắc này là hành động không phù hợp với truyền thống của người Chăm¹⁹. Trước sự áp đảo của triều đình Huế, các chức sắc người Chăm phải qui phục làm theo sự yêu cầu của vua Minh Mệnh²⁰. Sau khi đã thu thập và ghi chú tất cả những tập tục cổ truyền của Champa, trấn thủ Bình Thuận ra Huế để đệ trình bản báo cáo công tác mà vua Minh Mệnh đã yêu cầu²¹.

¹⁸ CAM MICROFILM 17 (1), câu 32-43.

¹⁹ CAM MICROFILM 17 (1), câu 68-69.

Theo tín ngưỡng của người Chăm, các chức sắc Bà La Môn (Po Adhia, Bac, Basaih) và Bani (Po Gru, Imam, Katip, v. v.) là những vị tu hành mang tôn hiệu Po « Ngài », đóng vai trò lãnh đạo tinh thần của dân tộc Chăm mang tính cách thiêng liêng. Thành vậy, không ai có quyền buộc chức sắc người Chăm thi hành những công việc không phù hợp với truyền thống tín ngưỡng của họ. Xem E. Durand, 1907, tr. 313 ; Rondot, 1950, tr. 53 ; E. Aymonier, 1885b, tr. 285 ; A. Cabaton, 1902, tr. 22.

²⁰ CAM 72 (8), tr. N59-N61 ; CAM 102 (9), tr. U1(1)- U3(87), CM 27 (6), tr. 37-38 ; CAM MICROFILM 17 (1), câu 43.

²¹ Không ai hiểu mục tiêu của Minh Mệnh muốn thu thập phong tục tập quán người Chăm để làm gì ? Có chăng triều đình Huế muốn học hỏi thêm về nguồn gốc tín ngưỡng của dân tộc này ? Theo Trương Vĩnh Ký (1879, tr. 259), Minh Mệnh là vị vua thâm độc, có bản tính độc đoán lúc nào cũng ám ảnh bởi chủ nghĩa quốc gia cực đoan và tôn thờ chủ thuyết nho giáo. Chính vì thế, vua Minh Mệnh muốn rằng giá trị

Champa dưới triều đại của Po Klan Thu

Minh Mệnh tìm cách đặt uy quyền trên lãnh thổ Champa

Ai cũng biết, trong suốt triều đại của vua Gia Long, Champa là vương quốc độc lập nhưng đặt dưới quyền bảo hộ của triều đình Huế và Lê Văn Duyệt, phó vương Gia Định Thành. Sau ngày lên ngôi của vua Minh Mệnh, qui chế độc lập của vương quốc Champa hoàn toàn bị thay đổi. Vì rằng, Minh Mệnh là vị vua độc đoán, luôn tìm cách xóa bỏ những yếu tố riêng biệt trong một quốc gia và nhất là không bao giờ chấp nhận quyền tự trị dành riêng cho địa phương mà vua Gia Long đã dày công xây dựng.

Sự nhúng tay của vua Minh Mệnh vào quyền nối ngôi tại vương quốc Champa là biến cố đầu tiên đáng được chú ý. Sau ngày từ trần của vua Po Saong Nyung Ceng vào năm 1822, vua Minh Mệnh tự quyết định chọn Bait Lan là người thân cận của mình lên nối ngôi trong khi đó hội đồng hoàng gia Champa lại đề nghị Po Klan Thu, phó vương của Champa thời đó. Đây là dấu hiệu cho biết Champa vào thời điểm đó không còn là quốc gia có chủ quyền nữa.

Vì có sự phản đối của triều đình Champa nên vua Minh Mệnh phải thu hồi quyền lên ngôi của Bait Lan và bổ nhiệm Po Klan Thu là người nắm quyền “trấn thủ” Champa. Điều này đã chứng minh rằng Minh Mệnh không xem Po Klan Thu là vị quốc vương Champa nữa mà là một quan lại bình thường của quốc gia Việt Nam²². Chính đó là sự khác biệt trong môi

truyền thống của xã hội Việt Nam thời đó phải dựa vào tín ngưỡng của người Kinh, không mang một yếu tố ngoại lai nào.

²² Quốc vương Champa là người lãnh đạo tinh thần của Chăm Bà La Môn và Bani, thường có mặt trong những lễ tục quan trọng trong quốc gia như Kate, Ramawan, v.v. và cũng là chủ nhân của phong tục tập quán cấu thành bản sắc riêng biệt của dân tộc này. Chính vì nguyên nhân đó, các quan lại trong triều đình thường tuyển chọn một nhân vật phải có tầm hiểu biết sâu rộng về phong tục tập quán để nối ngôi ở vương quốc Champa (xem CAM MICROFILM 17 (1), câu 10, 75 và tiếp theo). Đối với triều đình Huế, Po Klan Thu chỉ là vị « trấn thủ» Champa.

Champa dưới triều đại của Po Klan Thu

quan hệ giữa triều đình Huế và vương quốc Champa dưới thời Gia Long và Minh Mệnh.

Những sự kiện nêu ở trên đã chứng minh rằng Minh Mệnh chỉ xem vương quốc Champa như một đơn vị hành chính của quốc gia Việt Nam²³, mặc dù triều đình Huế công nhận vương quốc này có quân đội riêng. Thật ra, chính sách của Minh Mệnh giao cho quốc vương Champa quyền bảo toàn an ninh trên lãnh thổ Champa sẽ có lợi thế hơn là giao cho vị quan lại người Kinh ở phủ Bình Thuận, vì họ sẽ gặp rất nhiều khó khăn để thuần phục dân chúng Champa thời đó. Hai cuộc nổi dậy lớn đã xảy ra trong vòng 6 năm dưới thời Po Klan Thu (1822-1828), trong khi đó không có một cuộc vùng dậy nào dưới triều đại Gia Long. Điều này đã chứng minh rằng nhân dân và các quan lại Champa vô cùng bất mãn với triều đình Huế từ khi Minh Mạng bắt đầu áp dụng chính sách độc đoán tại vương quốc này.

Sau ngày lên ngôi của Po Klan Thu vào năm 1822, người ta không tin tức gì về mối quan hệ giữa Champa và Lê Văn Duyệt, người đã từng bảo hộ cho vương quốc này trong suốt triều đại của vua Po Saong Nyung Ceng (1799-1822). Sự im lặng của Lê Văn Duyệt vào thời điểm đó không có gì đáng ngạc nhiên. Vì Lê Văn Duyệt là phó vương làm chủ trên lãnh thổ Gia Định Thành có cùng biên giới với Champa, nhưng không thoát khỏi bao mối đe dọa của Minh Mệnh, vì vua lúc nào cũng tìm cách xóa bỏ danh xưng Bắc Thành và Gia Định Thành để thống nhất đất nước Việt Nam. Chính vì thế, Lê Văn Duyệt rất thận trọng trong mối quan hệ với triều đình Huế bằng cách im lặng để xem xét tình hình.

Mặc dù không lên tiếng, nhưng Lê Văn Duyệt theo dõi rất kỹ những biến cố đã xảy ra tại Champa vào thời thời đó.

Nhưng đối với quần chúng Champa, Po Klan Thu là một quốc vương chứ không phải là người quản lý quốc gia này. Xem CAM MICROFILM 17 (1), câu 102, 104-105.

²³ CAM MICROFILM 17 (1), câu 19.

Champa dưới triều đại của Po Klan Thu

Việc đứng ra hòa giải với quân phiến loạn của Ja Lidong mà Lê Văn Duyệt đã thực hiện vào năm 1823 là một sự kiện điển hình. Thêm vào đó, hai cuộc khởi nghĩa lớn đã làm rung chuyển vương quốc Champa dưới thời Po Klan Thu, đều bắt nguồn từ biên giới Gia Định Thành, lãnh thổ mà không người nào giám quấy phá nếu không có sự chấp thuận của Lê Văn Duyệt, mặc dù trong suốt thời gian đó ông chỉ giữ thái độ rất thụ động không can thiệp vào nội bộ Champa hầu né tránh sự xung đột trực tiếp với vua Minh Mệnh.

Sau 7 năm trị vì, Po Klan Thu băng hà vào năm Tí (1828). Tin tử trần của Po Klan Thu không phải do quan lại của triều đình Champa cung cấp mà là phát xuất từ vị trấn thủ của phủ Bình Thuận. Điều này đã chứng minh rằng Po Klan Thu không chết trên lãnh thổ Champa mà là ở một nơi khác, có thể tại Huế trong lúc bị giam giữ vì lý do gì đó?²⁴.

²⁴ Sự băng hà của Po Klan Thu là chủ đề đáng được nghiên cứu lại. Có chăng quan lại Champa muốn phủ Bình Thuận loan báo tin tử trần của Po Klan Thu nhằm khẳng định rằng vương quốc Champa vào lúc đó đã bị sáp nhập vào lãnh thổ Việt Nam? Đây là một giả thuyết không thuyết phục, vì hầu hết các tư liệu tiếng Chăm cho rằng triều đình Champa vào thời đó vẫn tiếp tục đấu tranh để bảo vệ chủ quyền của mình.

Champa dưới triều đại Po Phauk The (1828-1832)

Sau ngày từ trần của Po Klan Thu vào năm 1828, vua Minh Mệnh và tổng trấn Gia Định Thành là Lê Văn Duyệt mỗi bên tìm cách đưa người trung thành với mình lên làm quốc vương Champa, nơi có phủ Bình Thuận tập trung đông đảo dân cư người Kinh. Chiến lược hàng đầu của vua Minh Mệnh là nhằm mở rộng ảnh hưởng của triều đình Huế trên lãnh thổ Champa, một vương quốc có chung biên giới với Gia Định Thành hầu ngăn chặn uy quyền của Lê Văn Duyệt và nếu có cơ hội tốt, tấy chay phó vương này¹. Còn về phía Lê Văn Duyệt, ông cũng tìm mọi cách để tái lập ảnh hưởng của mình đối với Champa hầu biến vương quốc này thành tiền đồn quân sự nằm giữa Gia Định Thành và lãnh thổ ở miền bắc đặt dưới quyền kiểm soát của vua Minh Mệnh. Kể từ đó, Champa trở thành nạn nhân của cuộc tranh giành quyền lực giữa vua Minh Mệnh và Lê Văn Duyệt.

Minh Mệnh và Lê Văn Duyệt tìm cách kiểm soát Champa

Sau khi loan tin Po Klan Thu đã từ trần, phủ Bình Thuận nhận chỉ thị của triều đình Huế yêu cầu hội đồng quan lại Champa phải mở phiên họp nhằm đề cử tân quốc vương

¹ M. Gaultier, II, 1935, tr. 74.

lên nối ngôi. Theo biên niên sử Chăm², Lê Văn Duyệt rất tán thành qui chế tổ chức phiên họp này. Có chăng tổng trấn Gia Định Thành muốn phục hưng lại truyền thống nối ngôi của Champa mà vua Minh Mệnh đã xóa bỏ vào năm 1822 hay là tìm cách chinh phục hội đồng quan lại Champa hầu đưa người thân cận của mình lên làm thủ lĩnh? Trước biến cố này, Minh Mệnh không hài lòng cho thái độ của Lê Văn Duyệt muốn can thiệp vào nội bộ Champa, vì năm 1822, Lê Văn Duyệt đã yêu cầu triều đình Huế thu hồi quyết định đưa Bait Lan lên làm quốc vương Champa và đề nghị nhân vật lên thay thế phải là Po Klan Thu, người thân cận với tổng trấn Gia Định Thành³.

Để trả lời cho thái độ của Lê Văn Duyệt, vua Minh Mệnh nhất quyết tìm cách đề cử người trung thành với triều đình Huế lên nối ngôi ở Champa. Theo biên niên sử Chăm⁴, Lê Văn Duyệt “vô cùng phẫn nộ và phản đối sự quyết định của vua Minh Mệnh” vì ông có ý định đưa con của vua Po Saong Nyng Ceng (1799-1822), tức là chiến hữu của vua Gia Long trong thời kỳ chống Tây Sơn lên nắm chính quyền Champa. Thế là cuộc tranh chấp quyền kiểm soát vương quốc Champa giữa vua Minh Mệnh và Lê Văn Duyệt bắt đầu bùng nổ.

Theo các tư liệu lịch sử cho biết, Lê Văn Duyệt là người anh hùng dân tộc, một vị phó vương giàu có, nắm trong tay một quân đội hùng mạnh với sự hưởng ứng của nhiều quan lại rất trung thành và sẵn sàng hy sinh cho vị chỉ huy của mình ở Gia Định Thành mà nhiều tác giả xem đó như là một

² CAM MICROFILM 17 (1), câu 49.

³ Năm 1826, Minh Mệnh ký chỉ dụ ngăn cấm tuyệt đối những nhà truyền đạo đến Việt Nam (Trần Minh Tiết, 1961, tr. 35). Năm 1827, triều đình Huế ra lệnh bắt giam 3 linh mục Thiên Chúa là Taberd, Gagelin và Odorico. Sau khi nhận tin, Lê Văn Duyệt đích thân đến Huế yêu cầu vua Minh Mệnh phải trả tự do cho 3 linh mục này. Vua Minh Mệnh chấp nhận lời yêu cầu nhưng tỏ vẻ không hài lòng về thái độ của Lê Văn Duyệt muốn bảo vệ cho người truyền đạo trong nước (Trần Minh Tiết, 1961, tr. 36).

⁴ CAM MICROFILM 17 (1), câu 51.

“tiểu vương quốc” hơn là một đơn vị hành chính của Việt Nam. Ngược lại, Minh Mệnh là vị “vua có trách nhiệm lớn đối với đất nước nhưng do bản tính độc đoán và hung bạo”⁵ nên lúc nào cũng nghi ngờ sẽ có một nhân vật nào đó lợi dụng quyền lực để chống lại uy quyền của triều đình Huế⁶. Chính đó là nguyên nhân giải thích tại sao đa số người dân Việt Nam thời đó không ưa thích vua Minh Mệnh⁷.

Liên quan đến việc nối ngôi vào năm 1828, biên niên sử Chăm⁸ cho rằng Lê Văn Duyệt có ý định giao quyền quốc vương Champa cho Po Phaok The mà biên niên sử Việt Nam gọi là Nguyễn Văn Thừa⁹ tức là phó vương dưới triều đại Po Klan Thu (1822-1828) và cũng là con của vua Po Saong Nhung Ceng (1799-1822), một vị chiến hữu của vua Gia Long. Với vai trò này, Po Phaok The hội đủ điều kiện để nhận sự ủng hộ của Lê Văn Duyệt và quan lại trong triều đình Champa hầu lên ngôi cai trị vương quốc này¹⁰. Cũng vì nguyên nhân đó, Lê Văn Duyệt phải tìm mọi cách để bảo vệ cho Po Phaok The, vì vua Minh Mệnh phản ứng rất gay gắt và không cần hỏi ý kiến ai về việc triều đình Huế quyết định người nối ngôi ở vương quốc Champa¹¹. Theo biên niên sử Chăm, Lê Văn Duyệt đã thành công đưa người thân cận của mình là Po Phaok The lên nắm chính quyền Champa, nhưng người ta không biết sự quyết định này có sự chấp thuận của vua Minh Mệnh hay không?

⁵ Ch. Gosselin, 1904, tr. 110.

⁶ M. Gaultier, II, 1935, tr. 74.

⁷ M. Gaultier, II, 1935, tr. 40-41.

⁸ CAM MICROFILM 17 (1), câu 10.

⁹ DNNTC, XII, tr. 42; QTCB, tr. 196; Nguyễn Đình Diệm, 1970, tr. 236.

¹⁰ Champa là vương quốc theo chế độ mẫu hệ không áp dụng qui chế “cha truyền con nối” trong hệ thống nối ngôi tại quốc gia này. Sau ngày băng hà của quốc vương, hội đồng hoàng gia có phiên họp để chọn người lên thay thế, có thể là con của bà hoàng hậu, con rể của bà hay anh và bác ruột của bà, v.v. Có một số trường hợp, vị phó vương cũng thường lên nối ngôi nếu họ hội đủ điều kiện.

¹¹ CAM MICROFILM 17 (1), câu 53.

Champa dưới triều đại Po Phaok The

Sau ngày lên ngôi của Po Phaok The vào năm 1828, Lê Văn Duyệt đã nắm toàn quyền kiểm soát vương quốc Champa. Bằng chứng cụ thể, Lê Văn Duyệt đề nghị hoàng tử Cei Dhar Kaok (biên niên sử Việt Nam gọi là Nguyễn Văn Nguyên)¹² lên làm phó vương Champa với chức phong là Cai Đội¹³. Kể từ 1828, vương quốc Champa chấm dứt mối liên hệ với triều đình Huế¹⁴, chỉ gửi triều cống cho Lê Văn Duyệt và nhân dân Champa hoàn toàn đặt dưới quyền che chở của tổng trấn Gia Định Thành¹⁵.

Năm 1828 đánh dấu một bước ngoặt mới trong mối liên hệ chính trị giữa triều đình Huế và Champa. Vì trong những năm 1822-1828, vương quốc này đặt dưới quyền giám hộ duy nhất của triều đình Huế. Nhưng sau năm 1828, vương quốc Champa hoàn toàn phụ thuộc vào Gia Định Thành¹⁶. Champa trở thành nạn nhân của sự tranh chấp quyền lực giữa Minh Mạng là vị vua độc đoán¹⁷ và Lê Văn Duyệt là nhân vật giám đương đầu với triều đình Huế¹⁸. Hoàn cảnh lịch sử này đã đưa Champa rơi vào con đường bế tắc và hoàn toàn lệ thuộc vào kết quả của cuộc tranh chấp giữa vua Minh Mệnh và Lê Văn Duyệt. Nếu Minh Mệnh thắng trận, vị vua này sẽ có thái độ vô cùng tàn bạo để trừng trị dân chúng Champa về tội theo Lê Văn Duyệt và ngược lại.

¹² DNNTC, XII, tr. 42; QTCB, tr. 196. Biên niên sử còn gọi là Kanduai Nguen (Cai Đội tên là Nguyễn).

¹³ CAM MICROFILM 17 (1), câu 55.

¹⁴ CAM MICROFILM 17 (1), câu 79, 81.

¹⁵ CAM MICROFILM 17 (1), câu 80-81, 83.

¹⁶ Mặc dù có quyền lực trong tay, Lê Văn Duyệt chưa nghĩ đến giải pháp biến Champa thành vương quốc chư hầu của mình. Liên quan đến mối liên hệ giữa Lê Văn Duyệt và Champa, biên niên sử Việt Nam chỉ nêu ra phớt qua mà thôi.

¹⁷ Ch. Gosselin, 1904, tr. 110.

¹⁸ Theo M. Duc Chaigneau (Souvenir de Hue) mà J. Sylvestre (1915, tr. 16) ghi lại. Duc Chaigneau xuất thân từ gia đình rất thân thiện với linh mục Adran đã từng gặp Lê Văn Duyệt vào năm 1824-1825.

Champa dưới triều đại Po Phaok The

Theo biên niên sử Chăm, vào triều đại của vua Po Phaok The, đa số quan lại trong triều đình Champa công khai phục tùng Lê Văn Duyệt và chấm dứt mối liên hệ với triều đình Huế kể từ năm 1828¹⁹. Đứng trước cuộc tranh chấp giữa Minh Mệnh, vị vua tự tôn mình là thiên tử và tìm cách nắm mọi quyền hành trong tay để cai trị quốc gia Việt Nam²⁰ và Lê Văn Duyệt, một anh hùng dân tộc nuôi tham vọng cởi trói sự giám hộ của triều đình Huế, dân chúng Champa vào thời điểm đó dường như rất hoan hô thái độ của Po Phaok The ngã về phe Lê Văn Duyệt. Biên niên sử Chăm không hề nhắc đến những ai đứng ra phản đối chính sách của Po Phaok The cho đến cuối năm 1831.

Chính sách Việt Nam hóa của vua Minh Mệnh

Kể từ đầu năm 1832, tình hình Champa đang bước vào một khúc quanh mới. Một số quan lại trong triều đình Champa không đồng tình với quốc vương Po Phaok The ngã về phe Lê Văn Duyệt, cắt đứt mối liên hệ với triều đình Huế. Đây là sự thay đổi hoàn toàn bất lợi cho dân chúng Champa. Thêm vào đó, dân tộc Champa vô cùng phẫn nộ về việc tăng cường chính sách Việt Hóa có hệ thống tại vương quốc này. Câu hỏi đặt ra là ai là người khởi xướng đầu tiên cho chính sách Việt Nam hóa dân tộc Champa?

Theo biên niên sử Chăm, quốc vương Po Phaok The không phải là người đưa ra chính sách Việt Nam hóa dân tộc Champa²¹. Hai người còn lại đó là Lê Văn Duyệt và Minh Mệnh, nhưng ai là người chủ trương chính sách này?. Lúc đầu, người ta nghĩ rằng người chủ trương chính sách này là Lê Văn Duyệt, vì vua Minh Mệnh không còn uy quyền gì trên vương quốc Champa nữa. Nhưng trên thực tế thì hoàn toàn khác biệt, vì chính sách thống nhất quốc gia Việt Nam mà vua

¹⁹ CAM MICROFILM 17 (1), câu 79, 80, 83.

²⁰ A. Launay, 1884, tr. 206.

²¹ CAM MICROFILM 17 (1), câu 73-77

Minh Mệnh đã ban hành phải được áp dụng trên toàn quốc Việt Nam với bất cứ giá nào. Cũng vì nguyên nhân đó, Minh Mệnh phải tìm mọi cách để đồng hóa quần chúng Champa. Nhưng Lê Văn Duyệt cũng có phần trách nhiệm đối với biến cố này. Vì Lê Văn Duyệt là người có đủ quyền lực để làm thay đổi phần nào chính sách gay gắt của vua Minh Mệnh đối với Champa, cũng như việc Lê Văn Duyệt đã từng can thiệp với triều đình Huế không nên đàn áp người Việt theo Thiên Chúa giáo. Từ đó, biên niên sử Chăm cho rằng dường như vì tình hình sức khỏe không cho phép, Lê Văn Duyệt không muốn cản trở những quyết định của triều đình Huế liên quan đến vương quốc Champa.

Nhằm thực thi chính sách Việt hóa này, triều đình Huế xóa bỏ hiệp ước ký kết giữa chúa Nguyễn và Po Saktiraydaputih vào năm 1712 trong đó có điều khoản cho rằng nếu có sự tranh chấp giữa người Kinh và người dân Champa, thì phải có sự phán xét chung của một ủy ban tổng hợp gồm có quan lại của Champa, cai bộ và ký lục của phủ Bình Thuận²². Kể từ đầu năm 1832, tất cả những vụ tranh chấp giữa người Kinh và dân tộc Champa bản địa hay giữa người Champa với nhau đều do pháp lý Việt Nam qui định.

Ai cũng biết, quan lại của triều đình Huế phục vụ trong cơ quan pháp lý là nhóm người tham nhũng, lúc nào cũng đứng về phe của những người Kinh có tiền bạc. Đây cũng là dịp tốt giúp họ có cơ hội bóc lột người dân Champa bản địa, không biết nói tiếng Việt và cũng không biết về luật pháp kiện tụng như thế nào²³.

Theo biên niên sử Chăm, mối quan hệ giữa người Kinh và quần chúng Champa ngày càng căng thẳng dưới thời Po Phaok The. Được sự che chở của chính quyền phủ Bình

²² DNTLTB, I, tr. 175; Phan Khoang, 1969, tr. 392.

²³ CAM MICROFILM 17 (1), câu 58-66. Đây là qui chế pháp lý mà triều đình Huế muốn áp dụng để bảo vệ thân dân của mình (Trần Văn Chương, 1922).

Thuận, người Kinh thường bày tỏ sự khinh miệt đối với dân tộc Champa bản địa và chê bai các chức sắc Chăm Bà La Môn và Bani mà quần chúng Chăm xem họ là những vị lãnh đạo tinh thần mang tính cách thiêng liêng²⁴.

Cũng dưới thời Po Phaok The, chính sách Việt Nam hóa dân tộc Champa đã lên tới mức tột đỉnh. Triều đình Huế buộc người Chăm phải bỏ trang phục truyền thống của mình để mặc áo quần theo phong cách người Kinh²⁵; phải cúng bái ông bà tổ tiên như người Kinh, mặc dù người Chăm không ai theo Phật giáo²⁶; phải chấp nhận cho người Kinh trình diễn tuồng hát bội trong lễ tục Rija (múa truyền thống) để bày tỏ sự giao lưu văn hóa giữa hai dân tộc²⁷.

²⁴ CAM MICROFILM 17 (1), câu 69.

Liên quan đến qui chế của chức sắc Chăm, xem E. Aymonier, 1885, tr. 285; A. Cabaton, 1902, tr. 22; E. Durand, 1907, tr. 313; P. Rondot, 1950, tr. 43.

²⁵ CAM MICROFILM 17 (1), câu 66. Phong cách ăn mặc của người Chăm hoàn toàn khác biệt với trang phục của người Kinh (Huard et Durand, 1954, tr. 177-185).

Champa là vương quốc theo chế độ mẫu hệ và mẫu cư. Đàn bà là biểu tượng của tổ chức gia đình và xã hội. Chính vì thế, dân tộc Champa quyết tâm bảo vệ qui chế này với bất cứ giá nào (J. Leuba, 1923, tr. 87). Trong suốt chiều dài hơn một thế kỷ, dân tộc Chăm không ngừng gánh chịu bao biến cố tang thương và hôm nay dân tộc này bị bó buộc phải bỏ trang phục truyền thống của họ để thay vào đó áo quần người Kinh. Dù là lệnh của triều đình Huế, dân tộc Chăm không bao giờ chấp nhận làm theo.

²⁶ CAM MICROFILM 17 (1), câu 70. Dân tộc Kinh có tín ngưỡng gắn liền với việc thờ cúng ông bà và tổ tiên. Nếu Minh Mệnh không ưa thích người Kinh theo Thiên Chúa Giáo, vì họ không quan tâm đến nghi lễ này nữa (N. M. Lê, 1975, tr. 69).

²⁷ CAM MICROFILM 17 (1), câu 70-73.

Người Kinh là dân tộc theo văn hóa Trung Hoa đã từng đồng hóa dân tộc Chăm ở miền bắc Champa. Tại Panduranga, chính sách đồng hóa thường dựa vào khâu hiệu giao lưu văn hóa giữa người Chăm và Kinh. Kể từ đó, triều đình Huế buộc người Chăm phải chấp nhận một số tín ngưỡng của dân tộc Kinh.

Champa dưới triều đại Po Phaok The

Theo biên niên sử Việt Nam²⁸, Lê Văn Duyệt là người đồng tình với triều đình Huế về chính sách Việt Nam hóa dân tộc Champa. Po Phaok The là người trung thành với Lê Văn Duyệt, giám đơng đầu với triều đình Huế và chấp nhận nộp thuế cho Gia Định Thành. Không vì lý do gì, Po Phaok The lại kêu gọi quân chúng Champa nên bỏ phong tục tập quán của mình để sống theo phong cách người Kinh, nếu không có sự yêu cầu của Lê Văn Duyệt?

Nhân danh thủ lĩnh của một quốc gia, Po Phaok The phải là người có trách nhiệm duy trì và bảo vệ phong tục tập quán truyền thống của vương quốc Champa. Thái độ của Po Phaok The buộc dân tộc Chăm phải chấp nhận sống theo tập tục của người Kinh đã làm đảo lộn đời sống tâm linh của dân tộc Champa. Chính vì thế, người ta không ngạc nhiên cho lắm tại sao biên niên sử Chăm kết tội Po Phaok The là người quá nhu nhược đối với triều đình Huế²⁹. Một khi quốc vương không còn quyền lực để cai trị quốc gia, thì mỗi người dân có quyền hành động theo ý muốn của mình³⁰.

Những ngày cuối cùng của Po Phaok The

Vào cuối năm 1831, một nhóm quan lại trong triều đình Champa đã đứng ra phản đối thái độ của Po Phaok The về việc ly khai với triều đình Huế để tuân thủ mọi chỉ thị của Lê Văn Duyệt ở Gia Định Thành. Những quan lại này dư biết

²⁸ MMCY, VI, tr. 143-144.

²⁹ Đứng trước tình thế chính trị này, Po Phaok The không còn cách nào để thoát ra khỏi chính sách Việt Nam Hóa của triều đình Huế. Việc Po Phaok The ra lệnh yêu cầu quân chúng Champa phải tuân hành mệnh lệnh của vua Minh Mệnh là vì Ngài ở trong tình thế bắc buộc. Một số tư liệu cho rằng triều đình Huế thường than phiền là Po Phaok The không thực hiện nghiêm túc những gì mà vua Minh Mệnh yêu cầu. Là nạn nhân của bao biến cố đã xảy ra, dân tộc Chăm không thể hiểu nổi tại sao vua Minh Mệnh buộc họ phải sống theo phong tục tập quán người Kinh. Đây là sự đòi hỏi quá đáng mà dân tộc Champa không thể chấp nhận (CAM MICROFILM 17 (1), câu 76).

³⁰ CAM MICROFILM 17 (1), câu 78.

Champa dưới triều đại Po Phaok The

là Lê Văn Duyệt đã quá suy yếu vì tuổi già và có thể băng hà trong nay mai. Chính vì nguyên nhân đó, họ muốn dọn đường cho tương lai chính trị của mình bằng cách báo cáo với triều đình Huế về sự bất đồng ý kiến của họ đối với chính sách của Po Phaok The³¹.

Sự can thiệp của các quan lại Champa bên cạnh vua Minh Mệnh đã làm thay đổi bàn cờ chính trị Champa thời đó. Những quan lại này muốn cho triều đình Huế biết rằng giới lãnh đạo trong triều đình Champa chia thành nhiều phe phái và không còn ai phục tùng Lê Văn Duyệt nữa. Minh Mệnh là một chính trị gia rất nhạy bén. Lợi dụng tình hình rối ren ở Champa và sức khỏe suy yếu của Lê Văn Duyệt ở Gia Định Thành, Minh Mệnh ra lệnh bắt quốc vương Po Phaok The và phó vương Cei Dhar Kaok vào tháng 3 năm Thìn lịch Chăm (1832)³², sau đó thu hồi lại những nguồn thuế không chịu trả cho triều đình Huế từ mấy năm qua³³. Phản ứng của vua Minh Mệnh nhằm chứng minh rằng hoàng đế Việt Nam không chấp nhận thái độ của quốc vương Champa ly khai ra khỏi triều đình Huế và nộp thuế cho Gia Định Thành từ năm 1829. Mặc dù triều đình Huế đã yêu cầu việc nộp thuế mấy lần nhưng Po Phaok The đã làm ngơ. Chính đó là nguyên nhân buộc vua Minh Mệnh ra lệnh bắt Po Phaok The³⁴ và qui tội cho quốc vương này là người chống triều đình Huế vì có sự che chở của tổng trấn Gia Định Thành. Khoảng một tháng sau, tức là vào tháng 7 năm Nhâm Thìn (1832)³⁵, Lê Văn Duyệt băng hà ở Gia Định Thành. Thế là vua Minh Mệnh ra lệnh xóa bỏ Champa trên bản đồ và sáp nhập đất đai của vương quốc này vào lãnh thổ Việt Nam.

³¹ CAM MICROFILM 17 (1), câu 81.

³² CM 20 (1), câu 4.

³³ CAM MICROFILM 17 (1), câu 82.

³⁴ CAM MICROFILM 17 (1), câu 83

³⁵ QTCB, tr. 153.

Minh Mệnh trừng phạt dân tộc Champa (1832-1833)

Sau ngày băng hà của Lê Văn Duyệt vào năm 1832, Minh Mệnh xóa bỏ danh xưng Champa trên bản đồ, cải tổ hệ thống tổ chức Gia Định Thành¹ và thống nhất đất nước Việt Nam. Là vị vua trung thành với chủ thuyết Khổng Tử: "tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ"², hoàng đế Minh Mệnh không ngần ngại ra lệnh đàn áp và trừng phạt thẳng tay những ai không thi hành bổn phận và nghĩa vụ đối với triều đình Huế³.

Trước những hình phạt của vua Minh Mệnh dành cho quan lại người Kinh trung thành với Lê Văn Duyệt và bản án đào mộ của phó vương này vào năm 1835⁴, người ta cũng không ngạc nhiên gì về chính sách đàn áp dân tộc Chăm của triều đình Huế. Biên niên sử Chăm⁵ nêu rằng vào năm 1832, vua Minh Mệnh ra lệnh cho vị quan Khâm Mạng đến Champa để trừng trị dân tộc Chăm về tội theo Lê Văn Duyệt và không qui phục triều đình Huế.⁶

¹ DNNTC (Lục Tinh Nam Việt, tập thượng, tr. 3). Cho đến năm 1832, Minh Mệnh không giám sát động đến Gia Định Thành, lãnh thổ đặt dưới quyền kiểm soát của Lê Văn Duyệt, vì triều đình Huế rất e ngại phản ứng của Lê Văn Duyệt, một chiến hữu lừng danh của vua Gia Long có đủ quyền lực trong tay và nắm cả quyền phó vương ở miền nam thời đó. Xem Trương Vĩnh Ký, 1879, tr. 263.

² M. Gaultier, 1935, tr. 76.

³ P. Huard et M. Durand, 1954, tr. 109.

⁴ Trần Trọng Kim, 1920.

⁵ CM 29 (2)

⁶ CM 29 (2)

Chính sách Việt Nam hóa

Khởi đầu cho cuộc trừng phạt, quan Khâm Mạng bắt giam hay cách chức tất cả những quan lại Champa trung thành với Lê Văn Duyệt. Những ai có tội nặng, Khâm Mạng ra lệnh tịch thu tất cả tài sản của họ, sau đó đưa họ vào gông cùm⁷ và tra tấn vô cùng dã man để rửa mối hận thù của vua Minh Mệnh đối với Lê Văn Duyệt. Sau cuộc tra tấn này, người ta không biết những quan lại Champa bị đưa vào trại giam, kết án làm việc khổ sai, tù đầy hay xử trảm?⁸. Một số người Chăm, nhất là các bậc tu sĩ và binh lính trốn tránh ở Gia Định Thành hay khu vực Đồng Nai được phép trở về quê hương với bao lo âu và sợ hãi⁹, vì quốc vương Po Phaok The và phó vương Cei Dhar Kaok bị bắt đưa về Huế, mặc dù hai nhà lãnh đạo này chấp nhận những lỗi lầm của mình đối với vua Minh Mệnh. Sau đó quan Khâm Mạng ra lệnh buộc người Chăm phải bỏ trang phục cổ truyền của họ để mặc đồng phục người Việt, tịch thu tất cả những tài liệu viết bằng tiếng Chăm và

⁷ Liên quan đến tội gông cùm và xử trảm dưới thời Minh Mệnh, xem P. Huard và M. Durand, 1954, tr. 113.

⁸ Điều 224 của Quốc Triều Hình Luật thời đó ghi rằng những ai chủ trương âm mưu phản động chống triều đình sẽ bị kết tội tử hình. Vợ con của họ sẽ bị bắt để làm nô nệ cho quan lại và tài sản của họ sẽ bị tịch thu. Xem A. Schreiner, 1900, I, tr. 251.

CM 29 (1), câu 168 cho rằng sau năm 1828, triều đình Huế áp dụng tội tử hình hay tù đầy người Champa chống lại triều đình Huế.

⁹ Theo CAM MICROFILM 17 (1), câu 87, vua Minh Mệnh ra lệnh đưa dân chúng và binh lính Chăm cũng như voi, ngựa của họ từ Đồng Nai trở về phủ Bình Thuận. Người ta đưa ra câu nghi vấn có chăng những binh lính, voi, ngựa của người Chăm ở Đồng Nai là tàn quân của Ja Lidong vùng dậy vào năm 1822 ?. Và cũng có thể những binh lính và vũ khí chiến tranh này chỉ là lực lượng Chăm phục vụ cho Lê Văn Duyệt ở Gia Định Thành. Vì Lê Văn Duyệt thường ra lệnh tập trung lực lượng quân sự, vũ khí chiến tranh, thuyền chiến tại thành Phiên An (Sài Gòn) với mục tiêu là chuẩn bị chiến tranh chống quân Xiêm La, nhưng trên thực tế là ngăn chặn mọi ý đồ của triều đình Huế tấn công Gia Định Thành (Trần Trọng Kim, II, 1971, tr. 210-211).

buộc người Chăm phải khai báo những gì liên quan đến phong tục tập quán của vương quốc này¹⁰.

Vì không tin vào lời khai báo của người Chăm, Khâm Mạng ra lệnh trừng phạt chức sắc Chăm bằng cách bắt buộc các vị tu sĩ Chăm Bani (Hội Giáo không chính thống) phải ăn thịt heo, thịt giông và tu sĩ Chăm Bà La Môn phải ăn thịt bò. Đây là hình phạt vô cùng dã man và bỉ ổi chưa từng thấy trong lịch sử Champa, vì chức sắc Chăm Bani và Chăm Bà La Môn là thành phần lãnh đạo tín ngưỡng mang tính cách thiêng liêng, có qui chế bất khả xâm phạm¹¹. Khâm Mạng còn ra lệnh cấm người Chăm Bani thực hiện lễ Ramawan ở các thánh đường và cấm Chăm Bà La Môn không được làm nghi lễ cúng bái theo phong tục tập quán của họ¹². Sau đó, Khâm Mạng còn ra chỉ dụ xóa bỏ hoàn toàn giai cấp trong xã hội Chăm, không còn đẳng cấp người dân, chức sắc tôn giáo, quan lại và vua chúa nữa¹³. Kể từ đó, hệ thống tổ chức gia đình và xã hội cổ truyền của dân tộc Chăm hoàn toàn bị sụp đổ¹⁴. Hết hăm dọa sẽ phá hủy toàn bộ kho trầm hương trong cung đình¹⁵, quan Khâm Mạng đứng ra mặc cả bộ y phục của vua Champa trước mắt quần chúng Chăm và hỏi họ rằng ông ta có giống nhà vua của người Chăm hay không? Đây là hành động chế nhạo và khinh miệt vua chúa Champa mà dân tộc Chăm không thể chấp nhận¹⁶. Khâm Mạng qui trách nhiệm cho người Chăm giết hại người Kinh tại xứ sở này, ra lệnh đồng hóa người Chăm thành người Kinh¹⁷ và ngăn cấm tuyệt

¹⁰ CM 29 (1), câu 5.

¹¹ CAM MICROFILM 17 (1), câu 101, 109.

¹² CM 30 (8), tr. 117-118; CAM 29 (4), tr. 79; CAM 60 (3), tr. R6-R5.

¹³ CAM MICROFILM 17 (1), câu 134.

Hệ thống đẳng cấp trong xã hội Chăm vẫn còn duy trì cho đến năm 1975, vì chàng trai Chăm giàu có không bao giờ cưới người phụ nữ xuất thân từ gia đình nông dân nghèo khó (P-B. Lafont, 1964, tr. 162).

¹⁴ CAM MICROFILM 17 (1), câu 78.

¹⁵ CAM MICROFILM 17 (1), câu 102.

¹⁶ CM 29 (1), câu 102-108.

¹⁷ MMCY, VI, tr. 143-144.

Minh Mệnh trừng phạt dân tộc Champa

đôi người Chăm không có quyền cúng quây hay thực thi nghi lễ tín ngưỡng của họ nữa¹⁸.

Theo quan Khâm Mạng, tất cả quần chúng, chức sắc và quan lại của người Chăm đều có tội mang tính cách tập thể, vì không tôn trọng uy quyền của vua Minh Mệnh. Để trả thù cho thái độ phản động này, Khâm mạng bắt dân chúng Chăm phải làm nô dịch vô cùng nặng nề như việc nộp cống các loại gỗ quý, voi rừng, ngà voi, và tiền của cho phủ Bình Thuận.-Vi không chịu nổi những nô dịch triền miên, những người Chăm vô tội chỉ biết ngồi than khóc cho số phận của mình. Thêm vào đó, các quan lại người Kinh đứng ra chỉ đạo, dùng roi gậy đánh đập người Chăm nếu họ làm việc quá chậm chạp. Vì quá khiếp sợ trước sự hành hung này, những người Chăm làm nô dịch buông cả búa rìu trong tay mà họ không biết từ lúc nào¹⁹. Khâm Mạng còn buộc người Chăm phải nộp những món thịt của thú rừng như hưu, nai, thỏ, bò, v.v.. Suốt năm, người Chăm phải lên rừng săn bắn. Một khi người Chăm không tìm ra món thịt thú rừng, Khâm Mạng san bằng nghĩa trang Chăm Bà La Môn (Kut), đập phá nghĩa trang Chăm Bani (Gahul), chưa nói đến việc đưa người Chăm ra xử trảm²⁰. Khâm Mạng tịch thu tất cả trâu bò của người Chăm để họ không còn phương tiện làm nông nghiệp, buộc họ phải lâm vào nạn đói chết²¹.

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ trừng phạt nhân dân Champa vì tội theo Lê Văn Duyệt, quan Khâm Mạng trở về

¹⁸ CAM MICROFIL 17 (1), câu 90-91, 111.

Dưới thời vua Minh Mệnh, triều đình Huế cũng đưa ra chính sách ngăn cấm và trừng trị gắt gao người Việt theo Thiên Chúa Giáo về tội bỏ phong tục tập quán Việt Nam để theo tín ngưỡng ngoại lai (Trần Minh Triết, 1961, tr. 37).

¹⁹ CM 29 (1), câu 7-8, 58; CM 30 (15) tr. 120.

²⁰ CM 29 (1), câu 9-10; CAM 29 (4), tr. 81; CAM 60 (3), tr. R.4 và CAM 30 (15), tr. 102.

²¹ CM 29 (1), câu 59, 61.

Huế với một số binh lính người Chăm bị bắt làm tù binh²². Kể từ đó, định mệnh của dân tộc Chăm hoàn toàn nằm trong tay của triều đình Huế, vì vương quốc Champa bị xóa bỏ trên bản đồ nữa và dân chúng Champa trở thành công dân của triều đình Huế, phải tuân thủ tuyệt đối luật pháp Việt Nam, nếu không họ sẽ bị kết tội là thành phần phản động. Chính sách trừng phạt của triều đình Huế đã làm đảo lộn hoàn toàn hệ thống tổ chức xã hội Chăm để rồi trong gia đình người em không còn biết người anh là ai; cháu không còn tôn trọng bậc chú bác; các thành viên trong gia đình đối xử với nhau như người Kinh, không ngần ngại kéo nhau ra thưa kiện trước pháp lý Việt Nam; các bậc tu sĩ và người dân không phân biệt giàu nghèo hay đẳng cấp phải bỏ áo quần người Chăm để mặc đồng phục người Việt và sống theo phong cách văn hóa người Việt²³.

Người thay thế Khâm Mạng là ông Tuần Phủ (tỉnh trưởng) có trách nhiệm phân chia đất đai Champa theo mô hình hành chánh của Việt Nam và trung dụng dinh của quốc vương Po Phaok The làm cơ sở hành chánh²⁴. Tuần Phủ bắt đầu tổ chức hệ thống hành chánh mới và triển khai công tác để kiểm soát vùng cao nguyên ở phía tây, nơi có địa bàn dân cư của người Churu, Raglai, Kaho²⁵. Bên cạnh đó, Tuần Phủ ra lệnh kê khai tất cả những nơi thờ phượng thần linh của người Chăm, vì ông nghi ngờ rằng dân tộc này vẫn tiếp tục thờ cúng và tế lễ, mặc dù triều đình Huế đã ra lệnh cấm đoán. Sau đó Tuần Phủ buộc người Chăm phải lấy tên họ theo người Hoa như Quảng, Hứa, Đàng, Lâm, Châu, Thành, v.v. nhưng cấm người Chăm lấy tên họ của người Kinh như Trần, Lê, Nguyễn, v.v. Tuần phủ này còn xóa bỏ tất cả những chức vụ quan lại do chính quyền Champa thời trước phong cho

²² CAM MICROFILM 17 (1), câu 112.

²³ CAM 29 (4), tr.77; CAM 30 (8), tr. 35-36; CAM 60 (3), tr. R7; CM 30 (15), tr. 116

²⁴ MMCY, VI, tr. 143-144; DNNTC, XII, tr. 8; QTCB, tr. 154.

²⁵ CAM MICROFILM 17 (1), câu 113.

người Chăm, Churu và Raglai²⁶ để thay vào đó những chức vụ mà hệ thống hành chính Việt Nam đã qui hoạch như chánh tổng, lý trưởng, trùm, biện, hào mục, v.v.²⁷. Theo biên niên sử Chăm, một số người Chăm rất vinh hạnh nhận lãnh những chức vụ ấy, nhưng cũng có nhiều người từ chối, vì họ không muốn cộng tác với triều đình Huế.

Qui chế thuế má và nô dịch

Để bổ sung cho chính sách Việt Nam hóa, Tuần Phủ thiết lập đủ các loại thuế dành cho dân tộc Chăm. Chính sách này đã gây ra bao bất bình trong quần chúng Chăm. Vì từ trước tới nay, vương quốc Champa không có luật đóng thuế trên đầu người. Một khi vương quốc Champa cần nguồn vật liệu gì, nhà vua chỉ ra lệnh cho dân chúng cung cấp, sau đó đem cất vào kho của nhà nước.

Trước khi áp dụng qui chế thuế má, Tuần Phủ trưng dụng tất cả văn kiện tộc họ người Chăm liên quan đến tài sản của từng gia đình với mục đích để điều tra những ai phải đóng thuế thân và kê khai những ruộng đất để qui định thuế điền thổ. Khi Tuần Phủ hỏi đến văn bản liên quan đến ruộng đất, người Chăm thường tìm cách từ chối trả lời, không phải để tránh việc đánh thuế, mà là không muốn cho người nước ngoài biết tên họ của các vị thần linh đã từng bảo vệ đất đai của dân tộc này, sợ rằng thần linh sẽ trừng phạt²⁸. Sự từ chối của dân tộc Chăm không làm thay đổi chính sách của triều đình Huế. Tuần Phủ bắt đầu áp dụng luật đóng thuế từng đầu người vào tập thể quần chúng Chăm mà đa số là những người nông dân nghèo khổ. Chưa bao giờ nghe đến thuế thân, người nông dân Chăm cảm thấy sự đóng thuế này như một sự ức

²⁶ CAM MICROFILM 17 (1), câu 116.

²⁷ MMCY, VI, tr. 143.

²⁸ CAM MICROFILM 17 (1), câu 123-125, 127-130.

hiếp²⁹, vì nông dân là tập thể lúc nào cũng chịu đựng tất cả những sưu cao thuế nặng³⁰.

Lúc ban đầu, mỗi người Chăm chỉ đóng thuế đầu người từ một quan + ba tiền cho đến một quan + năm tiền. Nhưng sau này, người Chăm phải đóng hơn bảy quan + hai tiền trở lên³¹. Thuế ruộng đất thì tính theo tỉ lệ của diện tích. Lúc ban đầu, mỗi diện tích phải chịu thuế một giạ lúa, nhưng sau này phải trả mười giạ³². Thêm vào đó, triều đình Huế còn qui định thuế thương mại, tức là một loại thuế rất mới lạ đối với người Chăm. Vì rằng, sự giao dịch mua bán của người nông dân Chăm chỉ hạn chế vào việc mua một vài con trâu của người Churu, Raglai, Kaho, để làm việc đồng án. Mặc dù như vậy, chính quyền Việt Nam buộc người Chăm phải nộp thuế 10 quan cho mỗi con trâu mua về. Ngược lại, người Chăm bị cấm mua sắt kể từ năm 1834 hầu né tránh việc chế tạo vũ khí gây chiến tranh chống lại người Kinh³³.

Hết nộp thuế nặng nề, dân chúng Champa còn phải gánh chịu bao nô dịch khác bằng cách nộp một số lượng gỗ cho chính quyền Việt Nam dùng để đóng tàu chiến, xe bò hay

²⁹ CM 29 (1), câu 172-177.

³⁰ Lê Thành Khôi, 1955, tr. 328.

³¹ CM 29 (1), câu 50-51, 89-90.

Dưới thời nhà Nguyễn, 1 quan có giá trị 10 tiền và 1 tiền có giá trị 600 xu. Xem Nguyen Thanh Nha (1970, tr. 163).

³² CM 29 (1), câu 25-26.

Dân tộc Kinh đóng thuế đất đai tùy theo diện tích, khu vực và giai cấp của chủ nhân (MMCY, II, tr. 35; Nguyễn Thành Nhã, 1970, tr. 35; N. Louis-Henard, 1975, tr. 359; Nhất Thanh, 1970, tr. 478; P. Gourou, 1965, tr. 230.

Sau năm 1832, dân tộc Chăm thường đóng thuế bằng sản vật, vì hệ thống tiền tệ chưa thông dụng vào thời điểm đó. Và lại người Chăm chỉ phát triển hệ thống kinh tế mang tính cách tự cung tự mãn và đối chác giữa món hàng mà thôi.

Giạ (tiếng Chăm là *Jak*) là thúng đo lường lúa gạo khoảng 15 cho đến 20 ký.

³³ CM 29 (1), câu 88-89.

đốt lò gạch. Triều đình Huế còn buộc người Chăm phải xây dựng đập nước và hệ thống dẫn thủy nhập điền cho ruộng lúa mà người Kinh đã chiếm đóng, chưa nói đến khổ dịch mang súng đạn và xung phong trên chiến trường chống lại cuộc nổi dậy của Lê Văn Khôi ở Gia Định Thành vào năm 1833-1834. So với nô dịch áp dụng trên toàn lãnh thổ Việt Nam, người Chăm là tập thể dân tộc bị đối xử tồi tệ hơn hết, vì họ không phải người Kinh, lúc nào cũng xếp vào nhóm người phản động. Dân tộc Chăm vào thời điểm đó gánh nặng bao khổ cực đến nỗi không còn thời gian để làm ruộng rẫy nuôi thân, kéo theo nạn đói khổ quanh năm³⁴.

Hết buộc người Chăm phải làm nô dịch nặng nhọc, các quan lại người Kinh ở phủ Bình Thuận không ngừng chiếm đoạt đất đai thuộc dòng tộc vua chúa Champa và thuộc sở hữu của người Chăm, nhưng không bao giờ cho biết đây là lệnh của triều đình Huế hay là mưu đồ cá nhân của họ nhằm trưng dụng đất đai người khác³⁵. Quan lại này chiếm đất đai phì nhiêu ở vùng đồng bằng, chỉ để lại cho người Chăm những khoảnh đất kém màu mỡ khô cằn, lệ thuộc hoàn toàn vào những vụ mưa³⁶.

Vào thời kỳ vàng son của Champa, ruộng muối là mạch máu kinh tế thường sử dụng vào chiến lược quân sự và an ninh của vương quốc này. Cũng nhờ làm chủ trên ruộng muối để phân phối muối cho dân tộc miền núi, vương quốc Champa thời trước đã thành công, gây ảnh hưởng lớn đối với dân tộc Churu, Raglai, Kaho. Nhằm đập phá mạch máu kinh tế này, triều đình Huế ra lệnh tịch thu tất cả ruộng muối của người Chăm³⁷.

Sau năm 1832, dân tộc Chăm tiếp thu thêm một khái niệm mới về tham nhũng mà họ chưa từng nghe đến trong

³⁴ CM 29 (1), câu 34, 60-61, 73, 88, 91, 126.

³⁵ CM 29 (1), câu 23, 130; CAM 30 (15), tr. 120.

³⁶ CM 29 (1), câu 95, 156-158.

³⁷ CM 29 (1), câu 193, 195; P. Mus, 1936, tr. 750.

đời. Những quan lại người Kinh không ngừng đòi tiền hối lộ của người Chăm để được miễn nô dịch, vì dân tộc này không dựa vào thế lực nào để chống lại hành động tham ô của họ³⁸. Họ không ngần ngại chia đất đai người Chăm thành mảnh vụn để đóng thuế và cắt xén thuế má mà người Chăm nộp cho triều đình Huế để bỏ vào túi riêng³⁹. Những quan lại này còn tìm cách tăng thuế người Chăm một cách nhanh chóng. Một khi không có phương tiện trả thuế, quan lại người Kinh tịch thu ruộng đất của người Chăm hay bắt nhân dân Chăm làm nô dịch cho gia đình của họ⁴⁰.

Trước sự đè nặng của thuế má, khổ dịch và những lỗi cư xử tồi tệ của người Kinh⁴¹, quần chúng Chăm không biết dựa vào ai để bênh vực cho họ, chỉ còn cách chạy thoát lên cao nguyên để sống dưới sự đùm bọc đầy thông cảm của người Cru, Raglai, Kaho, tức là những thân dân của vương quốc Champa thời trước⁴². Hết đường đầu với quan lại người Kinh tham nhũng, dân tộc Chăm phải đường đầu với quần chúng người Kinh thường dựa vào thế lực của phủ Bình Thuận để chiếm cứ rẫy vườn và đất đai của họ, bóc lột dân chúng Churu, Raglai và Kaho một cách trắng trợn mà biên niên sử Chăm nêu ra nhiều lần⁴³.

Qui chế vay tiền

Một trong những phương tiện hữu hiệu nhất mà người Kinh thường sử dụng để làm giàu cho cá nhân đó là chính sách cho vay nặng lãi. Kể từ đó, chủ nợ người Kinh tha hồ

³⁸ CAM MICROFILM 17 (1), 130-133.

³⁹ CAM 30 (15), tr. 120.

⁴⁰ CAM 94 (4), tr. 79-81; CAM 60 (3), tr. R5-R56;

DNTLCB, XVI viết rằng vào năm 1835 vua Minh Mệnh đưa 7 quan lại người Kinh ở phủ Bình Thuận ra pháp lý về tội tham nhũng và ăn hối lộ.

⁴¹ CM 29 (1), câu 13-84.

⁴² CM 29 (1), câu 37-39, 52-55, 74-75, 117, 178.

⁴³ CM 30 (15), tr. 119; CAM 29 (4), tr. 79-81; CAM 60 (3), tr. R5-R4.

chiếm đoạt tài sản và ruộng rẫy của người Chăm thiếu nợ, hay bắt họ làm vật thế chấp⁴⁴. Người Kinh cũng tìm cách mua tới đa những ruộng đất của người Chăm ở đồng bằng phì nhiêu⁴⁵ nhằm cô lập dân tộc này về phía dãy núi Trường Sơn để người Kinh có tự do sinh sống⁴⁶. Ngoài ra, họ còn bắt người Chăm phải làm việc đồng án như những tập thể nô lệ (*Halun*)⁴⁷.

Hết tước đoạt tài sản của người Chăm, người Kinh ở Bình Thuận tìm cách bóc lột dân tộc miền núi như Churu, Raglai, Kaho bằng cách mua trâu bò của họ với giá rẻ tiền do người Kinh quyết định, hay mua lúa gạo và một số sản phẩm mà người Kinh buộc họ phải mang đến tận nhà. Đây cũng là chính sách nhằm đưa cư dân miền núi xuống đồng bằng để làm nô lệ. Người Kinh vào thời điểm đó thường tự nguyện làm công tác thu thuế dân tộc miền núi cho phủ Bình Thuận hầu lấy thêm thuế riêng cho cá nhân mình, như một cặp gà voi hay một người dân tộc miền núi đem về để làm nô lệ. Chính vì nguyên nhân đó, người Churu, Raglai, Kaho luôn tìm cách lẫn trốn vào vùng núi xa xôi để không bị bóc lột bởi dân cư người Kinh⁴⁸.

⁴⁴ Theo bộ luật của nhà Lê, điều 587, số lãi vay mượn không quá 30% một năm. Nhưng dưới thời nhà Nguyễn, số lãi bắt đầu từ 120% cho đến 700% một năm (P. Philastre, I, 1876, tr. 161; A. Schreiner, II, 1901, tr. 317; E. Souvigner, 1903, tr. 380; Bửu Lộc, 1941, tr. 8; Nguyễn Thành Nhã, 1970, tr. 173; Dương Trung Tình, 1951).

CM 29 (1), câu 24 cho rằng người Kinh cho vay 100 thành 1000 trong một năm, trong khi đó tài liệu hoàng gia Champa (1702-1810), hồ sơ số P. 94 cho biết số lãi vào khoảng 300% một năm.

Người Kinh cho vay tiền thường buộc dân tộc Chăm đem tài sản hay bản thân của họ để thế chân. Nếu không trả tiền nợ đúng kỳ hạn, người Kinh tịch thu tài sản hay bản thân người thiếu nợ hay thành viên gia đình của họ để làm người nô lệ của mình.

⁴⁵ CM 29 (1), câu 95-96

⁴⁶ CM 29 (1), câu 195.

⁴⁷ CM 29 (1), câu 108, 129, 197.

⁴⁸ CM 29 (1), câu 101-107.

Minh Mệnh trừng phạt dân tộc Champa

Sau ngày ra đi của Khâm Mạng và Tuần Phủ, mối quan hệ giữa triều đình Huế và dân chúng Champa có phần cải thiện. Những tội tù đày, tội tử hình vì lý do chính trị, chính sách khủng bố và đàn áp người Chăm dường như không còn áp dụng nữa. Nhưng đây là chính sách cải thiện mang tính cách tạm bợ, vì những văn bản bằng tiếng Chăm luôn chỉ trích rằng chính quyền Bình Thuận và dân cư người Kinh vẫn tiếp tục xem dân chúng Champa như những người man rợ⁴⁹. Hiện tượng đối xử này làm cho người Chăm càng thêm buồn tủi và thương tiếc cho những ngày huy hoàng của vương quốc Champa. Chỉ cần đọc qua một đoạn ghi trong văn bản Chăm⁵⁰, người ta có thể hình dung được nỗi thống khổ của người Chăm vào thời điểm đó: "Vào thời kỳ mà người Chăm là thần dân của vua chúa Champa, từ thế hệ này đến thế hệ khác, họ không biết đến những hình phạt khổ sai là gì và họ cũng không bị bó buộc phải nộp công hàng ngày cho triều đình Huế những thúng lúa, thúng gạo, ruộng rẫy, đất đai và tiền bạc, v.v."

Nếu người Chăm luôn than van về thuế má quá nặng nề, nô dịch triền miên, chết chóc hàng ngày vì kiệt sức, hay vì các hành động thối nát và tham nhũng của các quan lại người Kinh nhằm bóc lột người Chăm, thì nông dân Việt Nam vào thời điểm đó cũng không thoát khỏi nanh vuốt của triều đình Huế. Dân tộc Việt cũng bị các cường hào quan lại tước đoạt tài sản và bị đè bẹp bởi nô dịch và thuế má. Một khi không chịu nổi cơ cực nữa, nông dân Việt Nam chỉ còn cách là nổi dậy. Cuộc khởi nghĩa của Lê Văn Khôi ở Gia Định Thành và cuộc vùng dậy của Lê Duy Lương và Nùng Văn Vân ở phía bắc vào năm 1833 là thí dụ điển hình⁵¹.

⁴⁹ CM 29 (1), câu 32-34; CAM MICROFILM 17 (1), câu 122.

⁵⁰ Cam 30 (15), tr, 119.

⁵¹ Le Thanh Khoi, 1955, tr 357-361.

Phong trào Hồi Giáo của Katip Sumat (1833-1834)

Những biện pháp nghiêm ngặt nhằm xây dựng lại uy quyền của vua Minh Mệnh sau ngày từ trần của Lê Văn Duyệt vào năm 1832 và cách cư xử của một số quan lại của triều đình Huế nắm quyền cai trị ở Gia Định Thành đã gây ra những cuộc khởi nghĩa ở miền nam. Theo biên niên sử Việt Nam, ngày 8 tháng 5 năm Quý Tị (1833) Lê Văn Khôi là con nuôi của Lê Văn Duyệt, xin phép ra khỏi trại giam để cúng giỗ thân phụ của mình. Lợi dụng cơ hội này, Lê Văn Khôi tập trung những đồng đội trung thành vùng dậy tấn công những cơ sở của triều đình Huế ở miền nam, giải phóng những tù binh, sau đó xua quân tấn công thành Gia Định. Chỉ trong vòng một tháng, Lê Văn Khôi làm chủ 6 tỉnh miền nam và tự phong cho mình là Bình Nam Đại Nguyên Soái vào ngày 22 tháng 5 năm Quý Tị (1833)¹.

Sự vùng dậy của Lê Văn Khôi ở Gia Định Thành đã đưa đất nước Việt Nam vào con đường nội chiến, kéo theo cuộc khởi nghĩa của Lê Duy Lương ở Ninh Bình và Hưng Hóa², của Nùng Văn Vân³ (anh rể Lê Văn Khôi) ở khu vực Bắc Việt⁴. Cũng vào thời điểm đó, biên niên sử Chăm nêu ra

¹ QTCB, tr. 158. Xem thêm J. Sylvestre, 1915, tr. 22-23.

² QTCB, tr. 159.

³ Nguyễn Phan Quang, 1981, tr. 22.

⁴ Vào tháng 7 năm Tỵ (1833), Nùng Văn Vân tấn công Tuyên Quang, Thái Nguyên, Cao Bằng và Lạng Sơn. Cuộc vùng dậy này có mối liên hệ trực tiếp với phong trào của Lê Văn Khôi ở miền nam kéo dài cho đến

cuộc vùng dậy của Katip Sumat nhằm giải phóng vương quốc Champa ra khỏi ách thống trị của triều đình Huế.

Buổi ban đầu của phong trào Katip Sumat

Katip Sumat hay Katip Tamat tùy theo dị bản là vị tu sĩ Chăm Hồi Giáo sinh ở Campuchia, đã từng sang Makah (tiểu vương quốc Kelantan, Mã Lai) du học về triết lý Hồi Giáo⁵. Nghe tin vương quốc Champa bị xóa bỏ trên bản đồ vào năm 1832, Katip Sumat rời Makah (Kelantan, Mã Lai) trở về Campuchia. Sau khi bàn luận với các môn đệ Hồi Giáo, Katip Sumat chỉ huy một đoàn quân đa số là người Chăm và Mã Lai sinh sống ở Campuchia sang Champa để hình thành một phong trào đấu tranh chống triều đình Huế vào năm 1833. Đối với dân tộc Chăm, Katip Sumat là bậc tu sĩ Hồi Giáo được xem như một vị thánh siêu hình, di chuyển từ nơi này sang nơi khác mà người Chăm không thấy dấu chân⁶. Vừa đặt chân lên lãnh thổ Champa, Katip Sumat chinh phục được sự yểm trợ của nhiều quan lại Champa phục vụ trong triều đình của Po Phaok The, một người rất thân cận với Lê Văn Khôi, mặc dù biên niên sử Chăm cho rằng cuộc vùng dậy của Katip Sumat không liên quan gì đến cuộc khởi nghĩa của Lê Văn Khôi ở miền nam⁷. Những nhân vật Champa đóng vai trò

tháng 3 năm Mùi (1835). Xem QTCB, tr. 158; MMCY, V, tr. 145; Trần Trọng Kim, II, 1971, tr. 205.

⁵ CM 32 (6), tr. 113; CM 24 (5), tr. 162; CM 26 (14), tr. 81.

⁶ CM 32 (6), tr. 113.

⁷ Biên niên sử Việt Nam và Chăm có hai quan điểm khác nhau về biến cố này. Theo DNTLCB (XVI, tr. 280), một người thân cận của Po Phaok The tên là Đinh Mô đã từng tham gia phong trào Lê Văn Khôi bị triều đình Huế bắt làm tù binh. Đinh Mô khai rằng ông là người mang bức thư của Lê Văn Khôi giao cho Po Phaok The có nội dung yêu cầu cựu quốc vương Champa vùng dậy chống triều đình Huế. Theo Đinh Mô, Po Phaok The chấp nhận lời yêu cầu. Ngược lại, văn bản Chăm CM 29 (1), câu 4, cho rằng Po Phaok The bị bắt vào tháng 3 năm Thìn lịch Chăm (1832) để đưa vào trại giam tại Huế.

quan trọng trong phong trào của Katip Sumat, đó là Po Nyi Lian, Po Lin, Po Caing trong đó có Katip Ja Thak Wa mà chúng tôi sẽ bàn trong chương sắp tới.

Nhằm chuẩn bị chu đáo cho cuộc nổi dậy, Katip Sumat quyết định giữ bí mật về sự hiện diện của ông ở Champa cho đến ngày khởi nghĩa bùng nổ⁸. Tiếc rằng một quan lại gốc Chăm Bà La Môn tên là Po Kabait Thuac, vì quá sợ những cuộc trừng phạt sau này, báo cáo với triều đình Huế về mưu đồ nổi dậy của dân tộc Chăm. Thế là vua Minh Mệnh ra lệnh bắt tất cả người Chăm có âm mưu chứa chấp Katip Sumat. Sau khi điều tra lại, triều đình Huế quyết định thả những người Chăm bị bắt vì không có bằng chứng và kết tội tử hình Po Kabait Thuac về tội phỉ báng người khác. Điều này đã chứng minh rằng triều đình Huế không nắm vững tình hình và không nhận được tin tức chính xác về những dao động xã hội-chính trị tại Champa vào thời điểm đó⁹.

Sự ra đời của chủ thuyết “thánh chiến Hồi Giáo”

Trước hành động của Po Kabait Thuac, Katip Sumat rất phẫn nộ và tuyên bố rằng “một số người Chăm là những kẻ gian manh muốn trục xuất ông về nước. Chính vì thế, ông không muốn tiếp tục đấu tranh nữa, sợ gây ra bao liên lụy cho tầng lớp tu sĩ người Chăm”¹⁰, nhưng đa số thành viên tìm

Liên quan đến cuộc khởi nghĩa của Lê Văn Khôi, xem MMCY, I, tr. 69; DNTLCB, XII, tr. 282-284; DNNTC, XII, 1971, tr. 136-137. Xem thêm Nghiêm Thẩm, 1960, tr. 1359; Bửu Cầm, 1958, 1249.

⁸ CM 24 (5) tr. 162-163 và CM 32 (6) tr. 113-109.

⁹ Người ta không ngạc nhiên cho lắm tại sao triều đình Huế không biết gì xảy ra ở Champa. Hầu hết người Kinh vào thời điểm đó không biết nói tiếng Chăm hay tiếng dân tộc miền núi, thành ra chính quyền Việt Nam không dùng họ để lấy tin tức. Thêm vào đó, dân tộc Chăm không bao giờ khai báo những tin tức gì liên quan đến Champa cho người Kinh biết, một tập thể dân tộc thẳng trắn đã gây ra bao biến cố tang thương mà người Chăm chưa quên đi trong ký ức.

¹⁰ CM 24 (5), tr 163; CM 32 (5), tr. 109.

Phong trào Hồi Giáo của Katip Sumat

cách thuyết phục Katip Sumat phải tiếp tục lãnh đạo phong trào. Katip Sumat chấp nhận lời yêu cầu với điều kiện là mặt trận đấu tranh này phải đặt dưới màu cờ Hồi Giáo. Để thực hiện mục tiêu, Katip Sumat tập trung tất cả những quan lại và binh lính trên hòn núi *Aih Amrak* (con công) ở Đông Nai¹¹, mà Katip Sumat xem như trung tâm chỉ đạo, điều hành và phổ biến lý thuyết Hồi Giáo. Sau đó Katip Sumat gọi những người truyền đạo đi khắp vùng Raglai và Churu nhằm yêu cầu các đạo hữu và binh lính phải tin tưởng tuyệt đối vào giáo lý Hồi Giáo và Đấng Allah. Katip Sumat còn ra lệnh thủ tiêu tất cả những chức sắc Chăm Bani chống lại phong trào truyền bá Hồi Giáo mà ông đã đưa ra.

Theo biên niên sử Chăm¹², mục tiêu của Katip Sumat là giải phóng Champa ra khỏi ách thống trị của Việt Nam. Muốn tiến đến mục tiêu, Katip Sumat dùng triết lý Hồi Giáo làm khung cho chủ thuyết đấu tranh mà ông chưa thực hiện được tại Campuchia¹³. Kể từ đó, Katip Sumat sáng tạo ra một quan niệm đấu tranh hoàn toàn mới lạ trên bán đảo Đông Dương, đó là hình thành mặt trận “thánh chiến Hồi Giáo” (*Jihad*) chống lại triều đình Huế.

Sau khi từ chối mọi qui hàng mà vua Minh Mệnh đã đề nghị nhiều lần¹⁴, Katip Sumat giao cho Tuan Lik¹⁵ quyền

¹¹ DNTLCB (XVI, tr. 120) cho rằng quân phiến loạn tập trung trên ngọn núi Chử Diên vào năm 1833. “Diên” ở đây ám chỉ cho một loại chim (xem Genibrel, tr. 214).

Trong quá trình của lịch sử, Đông Nai là căn cứ rất an toàn cho những phong trào đấu tranh chống triều đình Huế, vì người Kinh không ai dám đặt chân lên khu vực này.

¹² CM 32 (6) tr. 133.

¹³ Vào giữa thế kỷ thứ XVII, quốc vương Campuchia tên là Ramadhipati I (1642-1658) kết hôn với một người đàn bà Chăm hay Mã Lai, sau đó quyết định bỏ đạo Phật để theo Hồi Giáo. Lợi dụng cơ hội này, cộng đồng Chăm và Mã Lai tìm cách hình thành quốc gia Hồi Giáo tại Campuchia nhưng không thành (Po Dharma, 1981b, tr. 170).

¹⁴ CM 32 (6), tr. 106-105; CM 24 (5), tr. 165.

chỉ huy vùng Phan Rí, cho Kuac Riwa quyền chỉ huy vùng Long Hương và cho Katip Ja Thak Wa¹⁶ quyền chỉ huy vùng Phan Rang, phát cờ mang dòng chữ "Po Rasak"¹⁷ và ra lệnh cho binh lính vùng dậy tấn công căn cứ quân sự của triều đình Huế ở Champa. Cuộc nổi dậy của Katip Sumat gây mối đe dọa thật sự cho triều đình Huế, buộc vua Minh Mệnh phải gọi một đội binh hùng mạnh hơn 1000 người và ra lệnh vũ trang những cư dân người Kinh thuộc phủ Bình Thuận để họ tham gia trực tiếp vào cuộc chiến chống quân nổi loạn¹⁸.

Chiến trường đổ lửa của vua Minh Mệnh

Triều đình Huế không ngờ và cũng không chuẩn bị cho cuộc vùng dậy của Katip Sumat. Biên niên sử Việt Nam¹⁹ ghi rằng, từ mấy năm qua, vua Minh Mệnh đã xóa bỏ chế độ nô dịch và quân dịch cho người Chăm. Thế thì tại sao người Chăm còn khơi dậy mối hận thù để làm gì? Có chăng họ muốn bày tỏ lòng trung thành với quốc vương Po Phaok The (Nguyễn Văn Thừa) bị bắt vào năm 1832 để rồi quên đi công lao của triều đình Huế. Champa là vương quốc có đất đai rất phì nhiêu, nhưng lại chứa chấp toàn là những người ngu xuẩn, tìm cách vùng dậy chống triều đình Huế.

Sự vùng dậy của Katip Sumat đã biến dân chúng Champa thành nạn nhân của chiến cuộc. Để đáp trả quân

¹⁵ *Tuan* là từ Mã Lai có nghĩa là “Ngài”. Chính vì thế, Tuan Lik không phải là nhân vật sinh ở vương quốc Champa. Có thể Tuan Lik là người Hồi Giáo Campuchia theo đoàn quân của Katip Sumat đến Champa mà thôi.

¹⁶ Theo E. Aymonier (1885, tr. 194), Katip Ja Thak Wa là tu sĩ người Chăm Bani gốc làng Văn Lâm, Ninh Thuận.

¹⁷ *Po Rarak* phát xuất từ *Po* (Ngài, Đấng), *Rasak* (tiếng Phạn: *Rasaksa*) ám chỉ “không lồ, kỳ diệu, phi thường”. *Po Rasak*, tức là “Đấng Phi Thường” ám chỉ cho Đấng Allah.

¹⁸ CM 24 (5), tr. 169-168; CM 32 (6), tr. 105-104.

¹⁹ DNTLCB, XVI, tr. 70.

phiên loạn, binh lính của triều đình Huế tha hồ giết hại người Chăm vô tội và tung ra “chiến trường đỏ lửa” bằng cách đốt phá tất cả làng mạc người Chăm, nhất là những làng mạc gần bờ biển hầu ngăn chặn người Chăm chạy sang nước ngoài²⁰. Chính đó là nguyên nhân giải thích tại sao hôm nay không còn một làng người Chăm nào ở gần bãi biển, mặc dù người Chăm chuyên sống về nghề biển và cũng là những thủy thủ lừng danh trong quá khứ. Lợi dụng “chiến trường đỏ lửa” này, dân cư người Kinh ở Bình Thuận sẵn có súng đạn trong tay tìm cách giải quyết mỗi hận thù riêng bằng cách giết hại người Chăm không gớm tay và đẩy họ về phía miền núi với mục đích chiếm lấy ruộng đất và tài sản của họ.

Đoàn quân Katip Sumat tập trung những người Chăm, Raglai và Churu, luôn luôn tin tưởng vào Đấng Allah sẽ phù hộ cho sự chiến thắng²¹, hăng say vùng dậy chống lại triều đình Huế. Tiếc rằng cuộc vùng dậy của Katip Sumat thiếu sự chuẩn bị chu đáo và quá tin vào Đấng Allah để bảo vệ tánh mạng cho binh sĩ mà Katip Sumat đã hứa hẹn, bị tan rã nhanh chóng. Trước lực lượng hùng mạnh của vua Minh Mệnh, Katip Sumat buộc phải lui về miền núi nằm ở phía tây và ra lệnh cho quân lính Chăm tiếp tục đưng đầu với triều đình Huế ở đồng bằng, nhưng không gặt hái kết quả gì.

Chính sách ngăn chặn sự bành trướng Hồi Giáo

Theo biên niên sử Chăm²², dân tộc Chăm tự hỏi rằng họ có còn lý do để sống trên thế gian này một khi người Kinh chiếm đoạt tất cả tài sản do mồ hôi nước mắt của họ tạo ra, buộc người Chăm phải nhai từng miếng sắt cho đến khi giọt máu phun ra từ trong miệng. Người Chăm chỉ còn giải pháp là

²⁰ CM 26 (14), tr. 81.

²¹ Kinh thánh Hồi Giáo (III, 133) cho rằng “phải giữ vững lòng can đảm và đừng nghĩ đến sâu não. Chiến thắng sẽ về với các Người, nếu các Người là người ngoan đạo”.

²² CHCPI-CAM 1.

Phong trào Hồi Giáo của Katip Sumat

van xin thần linh giúp đỡ, nhưng họ cũng không thấy thần linh ở đâu.

Bắt nguồn từ sự thất vọng của một dân tộc bại trận, người Chăm chỉ còn giải pháp là trông cậy vào Katip Sumat hướng dẫn họ vào niềm tin của Hồi Giáo, một tín ngưỡng du nhập từ bên ngoài, rất gần gũi với hiện tượng của Thiên Chúa Giáo mà vua Minh Mệnh đang tìm cách ngăn cấm. Chính đó là nguyên nhân buộc triều đình Huế phải thay đổi chính sách đối với người Chăm.

Nhằm ngăn chặn phong trào của Katip Sumat, Minh Mệnh tìm cách xoa dịu người Chăm bằng cách xóa bỏ chính sách đồng hóa các dân tộc này để tập trung mọi nỗ lực chống lại sự bành trướng của Hồi Giáo đang giáo dục người Chăm “đọc kinh cầu nguyện bằng một tiếng lạ lùng (ám chỉ cho tiếng Ả Rập), tin tưởng tất cả thần thánh và chấp chứa cả ma quỷ trong nhà của họ”²³.

Ai cũng biết, Minh Mệnh là vị quốc vương rất tôn sùng giá trị văn hóa của dân tộc Việt và không bao giờ chấp nhận một tôn giáo ngoại lai nào du nhập vào lãnh thổ Việt Nam. Chính sách đàn áp thẳng tay các nhà truyền giáo nước ngoài tìm cách bành trướng Thiên Chúa Giáo trên lãnh thổ Việt Nam là thí dụ điển hình. Kể từ đó, cuộc khởi nghĩa của người Chăm dựa vào chủ thuyết Hồi Giáo du nhập từ bên ngoài và đặt dưới quyền chỉ đạo của một chức sắc Hồi Giáo nước ngoài có thể gây ra những mối nguy cơ mà vua Minh Mệnh phải dập tan bằng mọi cách, càng sớm càng tốt.

Vào thời điểm đó, có một số quan lại Việt Nam nghi ngờ rằng Katip Sumat đang dựa vào ảnh hưởng của cựu quốc vương Champa là Po Phaok The bị giam giữ ở Huế, để bành trướng Hồi Giáo trên lãnh thổ Việt Nam. Họ đứng ra kêu gọi triều đình Huế tìm cách tách rời Po Phaok The ra khỏi phong trào này. Nhưng sự thật không phải như thế. Theo biên niên sử Việt Nam, năm 1833, Po Phaok The chấp nhận chính sách

²³ CM 24 (5) tr, 164.

Phong trào Hồi Giáo của Katip Sumat

“cải tổ qui lưu” của triều đình Huế trên toàn lãnh thổ Champa. Triều đình Huế cũng ra điều kiện rằng nếu Po Phaok The có mối liên hệ gián tiếp hay trực tiếp với phong trào Katip Sumat thì cựu quốc vương này phải ly khai ngay lập tức. Qua các cuộc trao đổi, Po Phaok The có ý đồ qui hàng với triều đình Huế. Kể từ đó, Minh Mạng đề nghị phong cho Po Phaok The chức Diên An Bá (Bá Tước Diên An) vào tháng 6 năm Quý Tị (1833), hứa sẽ xây dựng tại Huế một đền tưởng niệm các vị vua Champa, phục hồi lại một số đền tháp của vương quốc này và giao cho Po Phaok The quyền thu thuế trong nhiều làng mạc của người Chăm²⁴. Nếu Po Phaok The là người trung thành với tổ chức của Katip Sumat, thì vua Minh Mệnh không bao giờ ban cho nhiều ân sủng như thế. Có chăng triều đình Huế nghi rằng cuộc vùng dậy của Katip Sumat vào năm 1833 có mối liên hệ trực tiếp với Lê Văn Khôi ở Gia Định để rồi tìm cách lôi kéo Po Phaok The trở về phục tòng cho triều đình Huế hầu ngăn chặn ảnh hưởng của quốc vương này, vì sự liên minh giữa Katip Sumat, thành phần quan lại trung thành với Po Phaok The tại địa phương và Lê Văn Khôi có thể gây ra bao mối nguy hiểm cho triều đình Huế và cho chính sách thống nhất đất nước Việt Nam.

Mặc dù người ta không biết thế nào về thái độ của Po Phaok The đối với triều đình Huế, nhưng sau ngày đề nghị của vua Minh Mệnh, biên niên sử Chăm cho rằng Po Phaok The chỉ là nhân vật làm bình phong, không đóng vai trò quan trọng trong tổ chức đấu tranh của Katip Sumat. Kể từ đó, vua Minh Mệnh ra lệnh dập tắt nhanh chóng cuộc nổi dậy này. Và kết quả cũng không đợi lâu vì những người Chăm, Churu, Raglai tham gia vào cuộc “Thánh Chiến Hồi Giáo” chống lại triều đình Huế, họ chỉ tin vào Đấng Allah và uy quyền mẫu nhiệm của Katip Sumat hơn là xây dựng một tiềm năng quân sự để đương đầu với lực lượng hùng mạnh của triều đình Huế.

²⁴ DNTLCB, XII, tr. 282-284; DNNTC, XII (Hà Nội), tr. 136-137.

Phong trào Hồi Giáo của Katip Sumat

Chính vì vậy mà phong trào Hồi Giáo của Katip Sumat đã bị dập tắt vào tháng 7 năm Tỵ lịch Chăm, tức là cuối năm 1833 hay đầu năm 1834²⁵.

²⁵ CM 26 (4), tr. 79.

Cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa (1834-1835)

Sự thất bại của phong trào Hồi Giáo do Katip Sumat điều hành đã gây ra những phản ứng tiêu cực trong giới lãnh đạo của tổ chức. Họ chỉ trích Katip Sumat chỉ biết dựa vào chủ thuyết Hồi Giáo để làm động cơ cho cuộc nổi dậy và quá quan tâm đến cuộc thánh chiến Hồi Giáo (*Jihad*) chống lại triều đình Huế thay vì cuộc khởi nghĩa của nhân dân Champa¹. Ja Thak Wa là nhân vật nắm vai trò chủ yếu trong phong trào Katip Sumat quyết định ly khai ra khỏi tổ chức này để hình thành một cuộc khởi nghĩa nhằm giải phóng Champa ra khỏi ách thống trị của triều đình Huế. Xuất thân từ Palei Ram (thôn Văn Lãm, Ninh Thuận)², Ja Thak Wa không

¹ CM 24 (5), tr. 168-169; CN 32 (6) tr. 105-103.

² E. Aymonier (1885, tr. 194, 1890, tr. 1).

DNTLCB, XVI, tr. 197 cho biết vào tháng 4 năm Ất Vị (1835) phủ Bình Thuận bắt được một quân phiến loạn. Theo Án Sát tên là Phạm Duy Trinh, quân phiến loạn này khai rằng lãnh tụ của họ tên là Số Cố, một vị tu sĩ người Chăm, gốc làng Tánh Linh (Phan Rí) tự xưng là Diên Sư. Nếu so sánh nội dung của biên niên sử Chăm và Việt Nam, Số Cố hay Diên Sư là tên gọi ám chỉ cho Ja Thak Wa.

Cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa

phải người Hồi Giáo chính thống như Katip Sumat mà là vị tu sĩ (*Katip*) Chăm Bani³.

Nhằm bảo vệ uy quyền sẵn có của mình, Katip Sumat tìm cách loại trừ Ja Thak Wa ra khỏi bàn cờ chính trị bằng cách tố cáo vị tu sĩ Chăm Bani này là người chủ trương bài trừ người Kinh, gây chiến tranh chống vua Minh Mệnh và đề nghị triều đình Huế bắt Ja Thak Wa càng sớm càng tốt. Tiếc rằng vua Minh Mệnh không quan tâm đến lời yêu cầu của Katip Sumat mà còn hoan hô việc người Chăm tranh giành quyền lực với nhau hầu làm giảm đi thế lực của nhóm kháng chiến chống triều đình Huế⁴. Sau vụ tố cáo này, người ta không còn tin tức về Katip Sumat nữa.

Theo biên niên sử Chăm⁵, Ja Thak Wa quyết định xóa bỏ chủ trương của Katip Sumat nhằm biến dân tộc Chăm, Churu và Kaho thành người Hồi Giáo thật sự⁶. Mục đích của việc làm là ngăn chặn sự bành trướng quá mạnh của Hồi Giáo có thể tạo ảnh hưởng tốt cho Katip Sumat hơn là đem lại lợi ích cho phong trào của Ja Thak Wa vừa mới ra đời ở khu miền núi phía tây của Champa.

³ Chăm Bani ám chỉ cho người Chăm Hồi Giáo không chính thống hiện nay ở hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận.

Theo kinh thánh, người Hồi Giáo chính thống luôn luôn tôn trọng 5 giáo điều sau đây:

- Công nhận Allah là thượng đế duy nhất
- Cầu nguyện một ngày năm lần
- Bỏ thí
- Nhịn chay vào tháng Ramadan
- Hành hương tại Mecca

Trong 5 giáo điều này, người Chăm Bani chỉ thực hiện việc bỏ thí (zakat) mà thôi.

⁴ CM 24 (5), tr. 168-169; CN 32 (6) tr. 105-103.

⁵ CM 24 (5), tr. 167-168; CM 32 (6), tr. 105-104.

⁶ CM 24 (5) cho rằng chỉ cần bước ra khỏi cửa để đi săn bắn, Katip Sumat buộc người ta phải làm lễ cầu nguyện xin đấng Allah giúp đỡ. Điều này cho thấy rằng Hồi Giáo đóng vai trò quan trọng trong tổ chức của Katip Sumat.

Cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa

Sự ra đời của phong trào Ja Thak Wa trên bàn cờ chính trị Việt Nam vào đúng thời điểm mà dân chúng Champa đang đương đầu với chính sách đàn áp của triều đình Huế. Do vậy, khi nghe lời kêu gọi của Ja Thak Wa, quần chúng Champa không phân biệt tôn giáo, chủng tộc và địa phương, sẵn sàng xung phong vào cuộc khởi nghĩa nhằm giải phóng đất nước Champa ra khỏi sự kìm kẹp của người Kinh và khôi phục lại tất cả những gì mà triều đình Huế đã tàn phá và hủy hoại.

Sự ra đời của chính phủ Champa lâm thời

Nhằm tiến đến mục tiêu, Ja Thak Wa thành lập một chính phủ Champa lâm thời vào cuối năm 1834 trên lãnh thổ nằm về phía tây của Panduranga (Ninh Thuận và Bình Thuận) và Kauthara (Khánh Hòa) nơi mà người Kinh chưa dám mạo hiểm tới⁷. Sau đó, Ja Thak Wa triệu tập một hội đồng Champa để tôn vinh Po War Palei, gốc người Raglai thuộc làng Cadang, tức là em rể của phó vương Cei Dhar Kaok (Nguyễn Văn Nguyên) lên làm quốc vương Champa mang chức phong là Po Patrai⁸, thuật ngữ thường dùng để gọi vua Champa trước đây. Hội đồng Champa chỉ định một nhân vật gốc người Churu lên làm thái tử mang chức phong là Yang Aia Harei

⁷ CM 24 (5), tr. 168-169; CM 32 (6), tr. 104-103.

⁸ Theo bản báo cáo của Án Sát tỉnh Biên Hòa ghi trong biên niên sử Việt Nam (DNTLCB, XVI, tr. 197), vào tháng 4 năm Ất Vị (1835) Điền Sư (ám chỉ cho Ja Thak Wa) tôn vinh La Bôn lên làm quốc vương Champa. La Bôn là em rể của Nguyễn Văn Nguyên, phó vương Champa (1828-1832), mà biên niên sử Chăm gọi là Cei Dhar Kaok hay Kanduai Nguen. Xem CM 29 (1), câu 1.

Theo CM 24 (5), tr. 168-169 và CM 32 (6), tr. 104-103, Po War Palei (La Bôn) là nhân vật gốc Raglai. Đây không phải là hiện tượng đáng ngạc nhiên cho lắm, vì biên niên sử Chăm và tài liệu hoàng gia Champa hiện lưu trữ tại Pháp công nhận rằng Champa không phải vương quốc dành riêng cho người Chăm mà là quốc gia đa chủng tộc trong đó người Chăm, Churu, Raglai, Kaho, có nghĩa vụ và quyền hạn ngang nhau.

Cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa

(hoàng tử mặt trời) và đề nghị Ja Yok Ai gốc người Chăm giữ chức *Panraong Sa-ai*, tức là đại tướng đặt trách về quân sự⁹.

Sau ngày hình thành nội các Champa, Ja Thak Wa ra lệnh tổ chức buổi lễ ra mắt vô cùng linh đình trên đền tháp¹⁰ có sự tham dự của hàng ngàn binh lính. Nghe tin đó, quần chúng Champa vô cùng hớn hở mang nhiều lễ vật đến chúc mừng ngày lên ngôi của tân quốc vương Champa. Sau lễ đâm trâu kèm theo lời cầu nguyện pha lẫn tiếng trống, phèn la và những điệu nhảy múa theo truyền thống, Po War Palei đứng ra tuyên bố chính thức là Po Patrai (quốc vương) của Champa và giới thiệu tân hoàng hậu để bảo tồn tập tục cổ truyền trong triều đình¹¹.

Sự ra đời của chính phủ Champa lâm thời chỉ nhắm vào mục tiêu phục hưng lại vương quốc Champa như một quốc gia độc lập có chủ quyền. Từ đó, Ja Thak Wa tìm cách đặt một nền móng mới cho phong trào đấu tranh mà ông ta là người chỉ huy tối cao về mặt chính trị và quân sự¹². Các tài liệu viết bằng tiếng Chăm cho rằng sự hình thành mặt trận đấu tranh được cơ chế hóa sẽ giúp phong trào của Ja Thak Wa lôi kéo quần chúng dễ dàng vào mục tiêu chống những kẻ xâm

⁹ Theo CM 32 (6), tr. 104-103 và CM 24 (5), tr. 168-169, cuộc tấn phong cho những người lãnh đạo trong phong trào của Ja Thak Wa gây ra nhiều cuộc tranh cãi. Một số người không tán đồng đưa Ja Yok Ai vào nội các chính phủ, vì họ cho rằng Ja Yok Ai không quyết tâm chống triều đình Huế và gia nhập phong trào Ja Thak Wa rất là muộn màng. Cũng vì tôn trọng lời khuyên của Po War Palei gốc Raglai và Yang Aia Harei gốc Churu mà họ phải chấp nhận.

Cũng theo CM 24 (5), tr. 169, một số người đưa ra ý kiến cho rằng Po War Palei, Yang Aia Harei và Ja Yok Ai không có kinh nghiệm để điều hành phong trào đấu tranh trong khi đó một số người khác cho rằng họ là những nhân vật do Ja Thak Wa đưa lên mà thôi.

¹⁰ Có thể là tháp Po Romé nằm về phía tây của thành phố Phan Rang.

¹¹ DNCBLT (XVI, tr. 129) cho rằng vợ của La Bôn Vương (biên niên sử Chăm gọi là Po War Palei) bị bắt làm tù binh nhưng sau đó được trả tự do, vì bà chấp nhận tuyên truyền cho triều đình Huế.

¹² CM 24 (5), tr. 169 và CM 30 (17), tr. 49-53.

Cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa

lược¹³. Ngược lại, triều đình Huế xem phong trào này là tổ chức phản nghịch¹⁴ tập trung những người mà biên niên sử Việt Nam¹⁵ gọi là những “kẻ ngu xuẩn và man rợ sống trong rừng núi đặt dưới quyền điều hành của bọn cướp nhằm xâm chiếm tài sản và bài trừ người Kinh”

Nhằm chuẩn bị cho cuộc vùng dậy, Ja Thak Wa đứng ra điều hành trực tiếp phong trào bằng cách sử dụng tất cả vùng núi ở phía tây thuộc Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận và Biên Hòa để làm mật khu chiến đấu. Mặc khác, Ja Thak Wa kêu gọi sự yểm trợ của các dân tộc miền núi như Churu, Raglai, Kaho, v.v., tức là những người đã mang sẵn dòng máu chống người Kinh, đối tượng thù địch của dân tộc Champa¹⁶.

Cũng nhờ ảnh hưởng của tân quốc vương Champa gốc người Raglai và thái tử gốc người Churu, Ja Thak Wa tuyển mộ một cách nhanh chóng binh lính gốc cư dân miền núi. Hầu chính phục người Chăm sinh sống ở đồng bằng đặt dưới sự kiểm soát của triều đình Huế kể từ năm 1832, Ja Thak Wa phát động chính sách tuyên truyền¹⁷ kêu gọi người Chăm vùng dậy chống lại sự áp bức, ngược đãi, bóc lột của người Kinh¹⁸ và vận động quần chúng Chăm phải tham gia tích cực

¹³ CHCPI-CAM 1, tr. 1; CM 24 (5), tr.168-169; CM 26 (14), tr. 84; CM 32 (6), tr. 104-103; CAM 30 (17), tr. 49-50 cho rằng quần chúng Champa vào thời điểm đó bày tỏ niềm tin vào tổ chức của Ja Thak Wa và các nhà lãnh đạo của phong trào này. Đối với họ, cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa là chính đáng nhằm phục hưng lại vương quốc Champa độc lập.

¹⁴ DNTLCB, XVI, tr. 69.

¹⁵ DNTLCB, XVI, tr. 84.

¹⁶ DNTLCB, XVI, tr. 118-119.

¹⁷ Xem CM 24 (5); CM 26 (14); CAM 30 (17); CM 32 (6).

¹⁸ DNTLCB (XVI, tr. 190) ghi lại lời tuyên bố của một thành viên của Ja Thak Wa bị bắt làm tù binh: “Kể từ khi dân chúng Champa trở thành công dân Việt Nam, quan lại người Kinh cưỡng bách họ (...) buộc họ phải mặc áo quần người Kinh và ép họ phải nộp ngà voi và tê giác”.

Cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa

vào phong trào đấu tranh nhằm khôi phục lại vương quốc Champa độc lập và cởi trói ách nô lệ của người Kinh¹⁹.

Khởi đầu của chiến trường Ja Thak Wa

Ai cũng biết, Việt Nam đang trải qua cuộc nội chiến trên khắp đất nước vào năm 1834. Ở miền Bắc có sự vùng dậy của Nùng Văn Vân từ năm 1833 cho đến 1835. Khu vực miền Nam hoàn toàn lọt vào tay của Lê Văn Khôi cho đến 1835²⁰ trong khi đó đoàn quân của Thái Lan đổ bộ vào Hà Tiên năm 1834 để tiếp tay cho Lê Văn Khôi²¹. Chính vào thời điểm đó mà Ja Thak Wa xua quân xuống đồng bằng tấn công vào các cơ sở quân sự của triều đình Huế. Cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa bùng nổ vào tháng 7 năm Ngọ lịch Chăm (1834), nhắm vào mục tiêu phá hủy đồn lũy quân sự của triều đình Huế và vận động người Chăm ở đồng bằng vùng dậy đánh đuổi quân xâm lược²². Theo tư liệu viết bằng tiếng Chăm,

¹⁹ DNTLCB (XVI, tr. 71) viết rằng nếu người Chăm tình nguyện tham gia vào phong trào của Ja Thak Wa, cũng vì “quan lại người Kinh tìm cách xua đuổi dân tộc này ra khỏi thôn làng hầu chiếm đoạt đất đai của họ. Những hành động thối nát đó đã đưa đẩy người Chăm đi theo quân phiến loạn”.

²⁰ Lê Văn Khôi lâm bệnh và từ trần vào tháng 12 năm Quý Tị (1834) nhưng phong trào của Lê Văn Khôi vẫn tiếp tục chiến đấu cho tới khi thành Phiên An (Gia Định) bị thất thủ vào ngày 16 tháng 7 năm Ất Mùi (1835). Xem DNTLCB, XVI, tr. 35; QTCB, tr. 170; Trần Trọng Kim, II, 1971, tr. 205; Nguyễn Phan Quang 1981, tr. 21.

²¹ Theo QTCB (tr. 169), năm 1833, Thái Lan xua quân tấn công Nam Vang và Hà Tiên. Vua Minh Mệnh ra lệnh cho Trương Minh Giảng đưa đoàn quân để chiếm lại thành Nam Vang và Hà Tiên vào tháng 6 năm 1834, sau đó đặt nền đô hộ Việt Nam trên lãnh thổ của Campuchia.

²² CHCPI-CAM 1, tr. 3.

H. Parmentier (1905, tr. 10), Nghiêm Thâm (1960, tr. 158), Dorohiem & Dohamide (1965, tr. 109) cho rằng có mối liên hệ giữa Lê Văn Khôi và cuộc vùng dậy của Ja Thak Wa, nhưng không nêu ra nguồn tư liệu nào. Đây chỉ là giả thuyết không thuyết phục cho lắm.

Cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa

cuộc vùng dậy của Ja Thak Wa là cuộc chiến vô cùng khốc liệt, vang dội như sấm sét làm rung chuyển cả trời đất đến mức độ mà người ta tưởng quê hương này bị đốt cháy bởi lửa thiêng (*Apuei Kadhir*)²³ trong khi đó dân chúng Chăm đang khiếp vía trước chính sách của triều đình Huế nhằm trừng trị không góm tay những người Chăm nào hòa theo phe phản loạn của Ja Thak Wa²⁴. Có lẽ vì sợ triều đình Huế trả thù mà quần chúng Chăm không dám vùng dậy như lời yêu cầu của Ja Thak Wa.

Đề tiên đến mục tiêu của cuộc khởi nghĩa, Ja Thak Wa ra lệnh trừng phạt thẳng tay những người Chăm nào không tuân lệnh vùng dậy trong đợt tấn công lần đầu vào tháng 7 năm Ngọ lịch Chăm (1834)²⁵. Cuộc tấn công lần thứ hai của Ja Thak Wa diễn ra vào tháng 10 năm Ngọ lịch Chăm (1834)²⁶. Theo biên niên sử Chăm, Ja Thak Wa cho rằng chỉ có cuộc vùng dậy đồng loạt của người Chăm ở đồng bằng mới có thể đạt được chiến thắng. Tiếc rằng một số người Chăm không nghe theo lời kêu gọi này. Chính vì nguyên nhân đó mà Ja Thak Wa ra lệnh cho chiến sĩ Churu và Raglai trừng trị thẳng tay những người Chăm nào không theo phe kháng chiến và đốt phá tất cả những tài sản của họ²⁷. Đây là chiến trường khủng khiếp nhất mà biên niên sử Chăm tóm tắt lại trong câu: “Champa đang trải qua những hiện tượng kinh hoàng một khi

Ai cũng biết, Lê Văn Khôi là người rất thân cận với quốc vương Po Phaok The (1828-1832) và có nhờ Po Phaok The yểm trợ. Tiếc rằng Po Phaok The không có mối liên hệ gì với phong trào của Ja Thak Wa và cũng không phải là thành viên của cuộc khởi nghĩa này.

²³ CHCPI-CAM 1, tr. 1.

²⁴ DNTLCB (XVI, tr. 102) cho rằng triều đình Huế rất ngạc nhiên về cuộc vùng dậy của Ja Thak Wa và trách móc quan lại phủ Bình Thuận không theo dõi những gì sẽ xảy ra trên lãnh thổ Champa.

²⁵ CHCPI-CAM 1, tr. 3.

²⁶ CAM 30 (17), tr. 50-51.

²⁷ CHCPI-CAM 1, tr. 3.

Cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa

quân lính Churu và Raglai của Ja Thak Wa xuất quân ra chiến trường vào năm Ngọ (1834) để tàn sát người Chăm²⁸.

Lý do của sự tàn sát này có thể bắt nguồn từ một nguyên nhân chính đáng, đó là Ja Thak Wa lên án quốc vương Po Phaok The và một số người Chăm thân cận với Ngài, về ba tội sau đây:

- Po Phaok The (tổ tiên của công chúa Bà Thềm ở Phan Rí) là con của Po Saong Nyung Ceng (1799-1822), gốc người Chăm xuất thân từ gia đình tướng lãnh, chứ không phải là gia đình hoàng gia Champa, chạy theo Nguyễn Ánh ở Gia Định, sau này được vua Gia Long tấn phong làm quốc vương Champa vào năm 1802.

- Đối với Ja Tha Wa, Po Saong Nyung Ceng (Nguyễn Văn Chấn) là nhân vật tiềm ngôi Champa thuộc về dòng tộc Po Rome (1627-1651), gốc người Churu, nắm quyền Champa từ năm 1627 cho đến Po Cei Brei chạy sang Campuchia lánh nạn vào năm 1795.

- Po Phaok The (Nguyễn Văn Thừa) là cựu quốc vương gốc người Chăm không giám tham gia trong phong trào của Ja Thak Wa.

Chính vì nguyên nhân đó mà Ja Thak Wa muốn phục hồi lại vương niệm Champa thuộc dòng tộc Po Rome gốc Churu bằng cách đưa Po War Palei, gốc người Raglai lên làm thủ lĩnh chính phủ Champa lâm thời và ra lệnh trừng trị những người Chăm nào theo Po Phaok The không tham gia cuộc khởi nghĩa vào năm 1835.

Cuộc tấn công lần thứ hai của Ja Thak Wa đã đạt được một thắng lợi lớn. Biên niên sử Việt Nam²⁹ ghi rằng vào đầu năm Ất Vị (1835), quân đội của triều đình Huế không còn đủ

²⁸ CM 29 (1), câu 20.

MMCY (V, tr. 180) xác minh rằng quân phiến loạn giết chết rất nhiều dân chúng Champa và người Kinh ở phủ Bình Thuận.

²⁹ QTCB (tr. 195, 197-198), MMCY (V, 180-181), DNTLCB (XVI, tr. 77).

Cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa

sức để chiến đấu tại các huyện An Phước, Hòa Đa, Tuy Tịnh và xung quanh phủ Bình Thuận nữa. Sự kiện này đã chứng minh rằng toàn bộ lãnh thổ Champa cũ đã rơi vào tay của Ja Thak Wa.

Sau cuộc tấn công lần thứ hai của Ja Thak Wa, quân đội của triều đình Huế không còn sức lực chống lại quân phiến loạn, buộc triều đình Huế phải gọi đến Champa một lực lượng chính qui hơn 3 000 người rút từ trại lính thuộc khu vực Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa và Gia Định³⁰ cộng thêm dân cư người Kinh thuộc phủ Bình Thuận để hình thành một lực lượng hỗn hợp chống lại phong trào của Ja Thak Wa³¹.

Chính sách diệt chủng dân tộc Chăm

Đối với triều đình Huế, Champa là vùng chiến lược quân sự quan trọng có thể cô lập Gia Định Thành mà cuộc khởi nghĩa Lê Văn Khôi chưa chấm dứt, có biên giới chung với vương quốc Kampuchea đang bị đe dọa bởi đoàn quân Thái Lan. Chính vì nguyên nhân đó, vua Minh Mệnh đích thân đứng ra giải quyết cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa để phục hưng lại uy quyền của triều đình Huế ở miền nam. Trước tiên, Minh Mệnh ra lệnh điều tra những quan lại người Kinh thuộc phủ Bình Thuận không làm tròn nghĩa vụ trong chiến dịch chống quân phiến loạn. Sau cuộc điều tra này, Minh Mệnh cách chức án sát Phan Phu vào tháng 2 năm Ất Vị (1835), về tội bất lực và áp dụng sai lầm kế hoạch bình định Champa. Theo Minh Mệnh, cuộc vùng dậy của Ja Thak Wa đã gặt hái thành công là vì chính quyền Bình Thuận không biết chiến đấu mà còn khiếp sợ trước đoàn quân nổi loạn³². Chính đó là nguyên nhân buộc vua Minh Mệnh phải gián chức tuần phủ Bình Thuận và Khánh Hòa, cảnh cáo đặt phái viên của triều đình Huế tại Champa vào năm 1832 là Lê

³⁰ (DNTLCB, XVI, tr. 69, 129-143).

³¹ CM 29 (1), câu 43.

³² DNTLCB (XVI, tr. 78-79).

Cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa

Nguyên Trung, trừng trị các quan huyện Ninh Thuận, Tuy Tịnh, Tuy Phong, v.v, chưa nói đến những quan lại quân sự khác³³. Mục tiêu của Minh Mệnh chỉ nhắm vào chiến dịch chống lại phong trào Ja Thak Wa³⁴.

Nhằm dập tan cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa, biên niên sử Việt Nam³⁵ ghi rằng vua Minh Mệnh ra chỉ dụ thưởng ba quan tiền mang phù hiệu “phi long” cho quân lính người Kinh giết được một người Chăm theo phong trào Ja Thak Wa và hứa sẽ trao phần thưởng lớn hơn cho những ai bắt được một vị chỉ huy của phong trào này. Cũng theo biên niên sử Việt Nam³⁶, vua Minh Mệnh còn ra lệnh “chém đầu ngay người Chăm theo quân phiến loạn, sau đó băm nát thân thể của họ thành mảnh vụn và lấy ruột gan của họ treo lên ngọn cây để người Chăm khiếp sợ không dám vùng dậy nữa”. Biên niên sử Chăm³⁷ cũng mô tả chính sách tiêu diệt dân tộc Chăm của vua Minh Mệnh với nội dung rùng rợn và dã man hơn. Theo biên niên sử Chăm, triều đình Huế ra lệnh cho mỗi binh lính người Kinh ở phủ Bình Thuận phải chặt ba cái đầu của người Chăm vào mỗi buổi sáng mới nhận được tiền lương. Đây không phải là văn chương thù ghét quá đáng của văn bản viết bằng tiếng Chăm nhằm bài trừ triều đình Huế, vì biên niên sử Việt Nam cũng xác minh cho sự diệt chủng này³⁸.

Lợi dụng chỉ dụ của vua Minh Mệnh, binh lính người Kinh tha hồ chém đầu người dân Chăm vô tội, càng nhiều càng tốt, để đem nộp cho chính quyền Việt Nam hầu tính tiền lương hay nhận thêm tiền thưởng. Đây là cuộc chém giết kinh hoàng chưa từng xảy ra trong lịch sử. Kể từ đó, người ta có quyền nêu ra câu nghi vấn có chăng chính sách tiêu diệt dân tộc Chăm của Minh Mệnh bắt nguồn từ mối hận thù dân tộc

³³ DNTLCB (XVI, tr. 68, 289).

³⁴ QTCB (tr. 195), MMCY (II, tr. 147).

³⁵ DNTLCB (XVI, tr. 79).

³⁶ DNTLCB (XVI, tr. 102).

³⁷ CM 29 (1), câu 43.

³⁸ DNTLCB (XVI, tr. 79).

Cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa

Chăm-Việt hay phát xuất từ một nguyên nhân khác. Theo chúng tôi, chính sách diệt chủng dân tộc Chăm mang màu sắc chính trị hơn là chứa đựng yếu tố hận thù dân tộc Chăm-Việt. Vì rằng Minh Mệnh không ngần ngại tiêu diệt người Kinh theo đạo Thiên Chúa, tức là người đồng tộc không qui phục uy quyền của triều đình Huế.

Song song với chính sách trừng phạt đã mang những ai tiếp tay cho cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa, Minh Mệnh ra chỉ thị phá hủy tất cả những kho gạo và muối của Ja Thak Wa nhằm gây sự thiếu thốn lương thực cho quân phiến loạn và đưa nhiều voi trận vào chiến trường, vì quân phiến loạn không có súng đạn và rất sợ voi trận³⁹. Điều này đã chứng minh rằng triều đình Huế không nắm vững cho lắm tình hình quân sự tại vương quốc Champa. Vì đa số những chiến binh trong phong trào của Ja Thak Wa là dân tộc Churu, Raglai và Kaho, tức là những người chuyên huấn luyện đàn voi để phục vụ trong gia đình và trên bãi chiến trường, do đó họ không bao giờ sợ đàn voi như triều đình Huế đã nghĩ.

Giải pháp mua lòng quần chúng

Tất cả những biện pháp của triều đình Huế nhằm dập tan phong trào Ja Thak Wa không mang lại một kết quả nào. Do đó, vua Minh Mệnh nghĩ đến việc giao quyền cho Phan Thanh Giản đang giữ chức quan bảo hộ tại Campuchia để phục hưng lại uy quyền của triều đình Huế trên lãnh thổ Champa⁴⁰ và yêu cầu tuần phủ Bình Định và Khánh Hòa tăng cường thêm quân đội ở vương quốc này⁴¹.

³⁹ DNTLCB (XVI, tr. 79).

⁴⁰ DNTLCB, XVI, tr. 94.

⁴¹ Theo DNTLCB (XVI, tr. 143), vua Minh Mệnh có nhận lời yêu cầu này và phán rằng: “ Những quan lại ở phủ Bình Thuận là những người không có khả năng gì. Gần một tháng qua, họ không tìm ra giải pháp để dẹp quân phiến loạn (...). Nhưng trong tờ báo cáo, họ cho rằng quân phiến loạn chỉ là những người man rợ, nhất gan và không còn tinh

Cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa

Trước sự sa lầy của triều đình Huế trong chiến dịch chống quân phiến loạn, vua Minh Mệnh chỉ còn cách là áp dụng chính sách mua lòng quần chúng Chăm bằng cách đưa ra chỉ dụ nhằm trừng phạt nặng nề những quan lại người Kinh “lạm dụng quyền hành để giết hại người Chăm vô tội”⁴² và kêu gọi người Chăm bản xứ “nên từ bỏ mọi sự ngờ vực, sợ hãi” đối với chính quyền Việt Nam⁴³. Những người Chăm nào có mối liên hệ trực tiếp hay gián tiếp với quân phiến loạn sẽ được hưởng những đặc ân; những ai bị các quan lại Việt Nam áp bức đến mức không còn cách nào khác hơn ngoài sự chạy theo phiến loạn, sẽ được che chở bởi pháp luật. Cuối cùng, vua Minh Mệnh quyết định trả tù binh bị bắt trong các cuộc nổi dậy để bày tỏ sự rộng lượng của triều đình Huế⁴⁴. Vào tháng 4 năm Ất Vị (1835), vua Minh Mệnh phóng thích hơn 200 tù binh Chăm đã thú nhận là họ bị ép buộc tham gia vào cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa và ra lệnh khoan hồng cho họ trở về nhà sau khi nhận lương thực và quà tặng. Nếu những ai đã được trả tự do, còn có ý đồ ủng hộ quân phiến loạn nữa, sẽ bị tử hình ngay. Và triều đình Huế cũng khuyên họ nên tham gia đấu tranh bên cạnh quân đội Việt Nam để chống lại quân phiến loạn⁴⁵.

Sau khi phân tích nguyên nhân của các cuộc nổi dậy ở Việt Nam, triều đình Huế đưa ra kết luận rằng nếu người Mán

thần chiến đấu. Chính quyền Bình Thuận có đoàn quân chính qui hơn 3000 người trang bị đầy đủ vũ khí để đấu tranh, thế thì tại sao họ còn đòi thêm binh lính. Họ muốn tăng cường bao nhiêu người nữa để dẹp tan quân phiến loạn!”. Để trả lời cho thực trạng này, Minh Mệnh giáng chức trấn thủ Bình Thuận xuống hai cấp về tội bất lực và thiếu khả năng trong chiến dịch chống phong trào của Ja Thak Wa.

⁴² DNTLCB (XVI, tr. 69, 82).

Vua Minh Mệnh ra lệnh cho quan lại tử hình ngay tức khắc những ai dùng vũ khí làm mất an ninh hay tiếp tay cho quân phiến loạn.

⁴³ DNTLCB (XVI, tr. 102).

⁴⁴ DNTLCB (XVI, tr. 129), QTCB (tr. 197-198).

⁴⁵ DNTLCB, XVI, tr. 129.

và người Thổ⁴⁶ đã vùng dậy chống lại triều đình Huế là vì những quan lại người Kinh chỉ là thành phần bất lực, tham nhũng, thói nát, chỉ biết áp bức dân tộc bản xứ⁴⁷ và dân cư người Kinh ở phủ Bình Thuận, tự tôn vinh mình là chủ nhân trên lãnh thổ Champa, xem người Chăm như những người man rợ để rồi tìm cách bắt bớ họ để làm đám nô lệ không lương⁴⁸. Nhưng theo lời nhận định của trấn thủ Bình Thuận và Khánh Hòa thì những biện pháp và kết luận mà triều đình Huế đưa ra không mang lại một hiệu quả thiết thực nào⁴⁹.

Song song với biện pháp vừa nêu ra, vua Minh Mệnh còn tìm cách thu phục một số nhân vật có uy tín trong xã hội Champa. Với chiến lược này, vua Minh Mệnh hy vọng rằng các nhà lãnh đạo Champa có ảnh hưởng sẽ vận động quần chúng Chăm quay về với triều đình Huế. Một trong những nhân vật mà triều đình Huế quan tâm nhất là chị của phó vương Champa Cei Dhar Kaok (Nguyễn Văn Nguyên), tức là vợ của Po Var Palei, gốc người Raglai mà Ja Thak Wa đã tôn vinh lên làm quốc vương Champa vào năm 1834. Bà bị bắt vì lý do là vợ của vị chỉ huy quân phiến loạn. Minh Mệnh ra

⁴⁶ Theo Lebar, Hickey & Musgrave (1964, tr. 63, 88, 323), người Mán thường ám chỉ cho dân tộc Yao và Thổ ám chỉ cho dân tộc Tây sinh sống ở khu vực sông Hồng.

Theo biên niên sử Việt Nam, Mán và Thổ còn ám chỉ cho những người man rợ (Gouin, 1957, tr. 790) hay nhóm người không cùng văn hóa với dân tộc Kinh, như dân tộc Chăm và Tây Nguyên. Chính đó là nguyên nhân giải thích tại sao biên niên sử Việt Nam (DNTLCB, XVI, tr. 197-198) xếp Ja Thak Wa (gốc Chăm) và Po War Palei (gốc Raglai) vào thành phần người Mán.

⁴⁷ DNTLCB (XVI, tr. 121).

DNTLCB (XVI, tr. 71) ghi rằng quan lại người Kinh chỉ biết cướp bóc tài sản người dân bản xứ và hành động cư xử của họ đã đưa đẩy người Chăm vùng dậy chống triều đình Huế. Nhưng đây chỉ là hiện tượng chung trên toàn cõi Việt Nam, vì quan lại của triều đình Huế cũng thường cướp bóc và đàn áp dân tộc Kinh kéo theo các cuộc vùng dậy ở miền nam và miền bắc dưới triều đại Minh Mệnh.

⁴⁸ CM 29 (1) câu 197.

⁴⁹ DNTLCB, XVI, tr. 129

Cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa

lệnh trả tự do cho bà, vì bà đã cam kết sẽ dùng ảnh hưởng của mình để thuyết phục dân chúng Champa không tham gia vào cuộc nổi dậy dưới quyền chỉ đạo của chồng bà nữa.

Nhân vật thứ hai mà vua Minh Mệnh tìm cách thuyết phục là Po Phaok The, cựu quốc vương Champa. Po Phaok The là nhân vật có nhiều hiện tượng khá bí ẩn. Ai cũng biết, năm 1832 Po Phaok The bị bắt để đưa vào trại giam ở Huế, sau đó vua Minh Mệnh phong cho Ngài chức Diên Ân Bá với điều kiện là phải trung thành với triều đình Huế⁵⁰. Theo biên niên sử Chăm, Po Phaok The có mặt tại Bình Thuận vào các năm 1833-1834 nhưng không nói rõ là Ngài vượt ngục hay được vua Minh Mệnh ân xá. Sau ngày khởi nghĩa của Katip Sumat (1833), Po Phaok The bị đưa ra pháp lý Việt Nam về tội âm mưu làm loạn, nhưng sau đó được tha bổng. Biên niên sử Chăm cũng xác minh rằng Po Phaok The là người đã từng tham gia phong trào Hồi Giáo của Katip Sumat, nhưng sau đó đã bỏ rơi tổ chức mà không đưa ra lý do chính đáng. Ngược lại Po Phaok The không tham gia trực tiếp vào cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa.

Chiến trường cuối cùng của Ja Thak Wa

Đầu năm 1835 là giai đoạn đánh dấu cho những trận chiến khốc liệt giữa lực lượng của Ja Thak Wa và đoàn quân của triều đình Huế. Vào tháng 4 năm Ất Vị (1835), biên niên sử Việt Nam⁵¹ cho rằng La Bôn Vương (Po War Palei gốc Raglai) và Diên Sư (Ja Thak Wa) bị tử trận trên chiến trường. Ngược lại, biên niên sử Chăm⁵² cho rằng Ja Thak Wa bị thương trong trận chiến ở thôn Hamu Linang thuộc đồng bằng Phan Rang, sau đó quân lính của triều đình Huế chặt đầu Ja Thak Wa tại chiến trường và đem thân xác ông đi chôn nơi khác.

⁵⁰ DNTLCB, XII, tr. 182

⁵¹ DNTLCB (XVI), tr. 198.

⁵² CAM 30 (17) tr. 51

Cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa

Sự tử trận của hai vị chỉ huy cùng một lúc đã gây một đòn chí tử cho cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa. Lợi dụng tình thế, vua Minh Mệnh ra lệnh phản công kịch liệt nhằm dập tan quân phiến loạn. Nhưng chiến lược quân sự này không làm cho cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa lùi bước, vì biên niên sử Việt Nam⁵³ cho rằng vào tháng 6 năm Ất Vị (1835) lực lượng của Ja Thak Wa vẫn tiếp tục tấn công khu vực Hòa Thuận và Long Bàn, sau đó rút lui về mật khu. Điều này gây ra bao lo âu cho vua Minh Mệnh buộc triều đình Huế phải triệu tập Thượng Thư Bộ Binh để bàn bạc vấn đề và chỉ thị cho vị Tuần Phủ Thuận Khánh (Khánh Hòa) đứng ra chỉ huy chiến dịch chống quân phiến loạn.

Cũng vào tháng 6 năm Ất Vị (1835), triều đình Huế ra lệnh kết án tử hình lăng trì quốc vương Po Phaok The (Nguyễn Văn Thừa) và phó vương Cei Dhar Kaok (Nguyễn Văn Nguyên)⁵⁴ về tội tham gia phong trào Lê Văn Khôi⁵⁵. Đối với quân chúng Champa, vụ án Po Phaok The và Cei Dhar Kaok chỉ là mưu kế của vua Minh Mệnh nhằm tiêu diệt mọi dấu tích có liên hệ đến vương quốc Champa thời trước, vì hai nhà lãnh đạo này chưa đặt chân đến Gia Định Thành để tiếp tay cho Lê Văn Khôi, từ ngày vương quốc Champa bị xóa bỏ trên bản đồ vào năm 1832. Do đó, mưu kế kết án tử hình quốc vương Po Phaok The và phó quốc vương Cei Dhar Kaok chỉ gây thêm hận thù trong quần chúng Champa, không mang ích lợi gì cho triều đình Huế⁵⁶.

Theo biên niên sử Chăm, cuộc khởi nghĩa của dân tộc Chăm, Churu và Raglai vẫn còn tiếp diễn, nhưng đó chỉ là cuộc đấu tranh không tương lai, vì sự tử trận của 4 nhà lãnh

⁵³ MMCY (V, tr. 181), QTCB (tr. 198), BTBNLT (tr. 79), HVGTNB (tr. 336).

⁵⁴ DNTLCB, XVI, tr. 279. Án tử hình lăng trì là một trong những hình phạt tàn khốc và dã man nhất,

⁵⁵ QTCB (tr. 196), DNNTC (XII, tr. 43), Bửu Cầm (158, tr. 246-249), Nghiêm Thâm (1960, tr. 1570).

⁵⁶ CM 29 (1), câu 133, 140-141, 169, 198.

Cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa

đạo Po War Palei, Ja Thak Wa, Po Phaok The và Cei Dhar Kaok cùng một lúc vào năm 1835 đã làm cho binh sĩ nản lòng không còn niềm tin kháng chiến nữa. Cũng vào thời điểm ấy, tức là tháng 7 năm Ất Vị (1835), thành Phiên An ở Gia Định, nơi trú ẩn cuối cùng của Lê Văn Khôi cũng bị thất thủ, đánh dấu cho sự tàn rụi của cuộc khởi nghĩa ở 6 tỉnh miền nam. Kể từ đó Minh Mệnh làm chủ tình hình ở phía nam và tiếp tục trừng trị dân tộc Chăm đã tham gia vào phong trào của Ja Thak Wa.

Trừng phạt người Chăm về tội theo Ja Thak Wa

Trong giai đoạn đầu, vua Minh Mệnh đưa ra chính sách trừng phạt người Chăm vô cùng khùng khiếp bằng cách ra lệnh cho người Kinh đốt phá tất cả thôn làng người Chăm dọc theo bờ biển và ngăn cấm họ sinh sống trong khu vực này; chém giết những người Chăm nào tham gia trong cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa⁵⁷; bắt bớ người Chăm để làm nô lệ (Halun)⁵⁸; đập phá Kut và Gahul, tức là nghĩa địa tổ tiên của người Chăm; đào mồ mả vua chúa Champa như Kut Po Klaong Haluw (1567-1579/1591-1603) và Kut Po Saong Nyung Ceng (1799-1822)⁵⁹; đốt phá cả đền Po Rome ở khu vực Phan Rang⁶⁰.

Giai đoạn thứ hai, triều đình Huế phân bố lại địa bàn dân cư người Chăm⁶¹. Để ngăn chặn sự vùng dậy của họ, vua

⁵⁷ CHCPI-CAM 1, tr. 8.

⁵⁸ Theo A. Schreiner (1901, tr. 243), chế độ nô lệ Việt Nam vào thời cổ đại chia thành nhiều thể loại: Những tù binh, tội phạm, thiếu nợ, v.v. nhất là người bản xứ bị bắt để đem bán cho người khác.

⁵⁹ CAM 30 (17) tr. 49-53.

Triều đình Huế cũng áp dụng chính sách trừng phạt vô cùng dã man đối với người Kinh tham gia cuộc khởi nghĩa của Lê Văn Khôi. Sau khi thành Phiên An (Gia Định) bị thất thủ, triều đình Huế ra lệnh chém đầu 1137 quân phiến loạn và đưa vào hàm chôn cùng một lúc (Trương Vĩnh Ký, 1879, 265).

⁶⁰ H. Parmentier (1905, tr. 10).

⁶¹ DNTLCB, XVI, tr. 289.

Cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa

Minh Mệnh ra lệnh ngăn cấm cư dân Chăm sống tập trung trong một khu vực bằng cách đưa cư dân người Kinh xây dựng làng xã xen kẽ với làng người Chăm. Đây cũng là chính sách nhằm phá tan cơ cấu tổ chức xã hội truyền thống của người Chăm đặt trên nền móng đất đai tổ tiên của họ. Thêm vào đó, cư dân người Kinh tự xem họ là chủ nhân của xứ sở Champa, lợi dụng sự di dời làng người Chăm để xâm chiếm những đất đai phì nhiêu của họ và chỉ để lại cho người Chăm những đất đai khô cằn, kéo theo nạn đói khổ triền miên.

Cũng trong giai đoạn thứ hai này, triều đình Huế ngăn cấm dân chúng Chăm không được tiếp xúc với dân tộc Churu, Raglai, Kaho ở miền núi. Đây là chiến lược nhằm giúp triều đình Huế kiểm soát chặt chẽ những mạng lưới trao đổi giữa đồng bằng và vùng cao nguyên, cắt đứt hẳn mối liên lạc giữa người Chăm và dân tộc miền núi đã từng chung vai chiến đấu chống triều đình Huế trong suốt chiều dài của lịch sử. Chính sách ngăn cách người Chăm với dân tộc miền núi của triều đình đã làm sụp đổ hệ thống tổ chức xã hội và tôn giáo Champa thời đó. Vì rằng, nếu miền đồng bằng là nơi cư ngụ của vua chúa Champa thì vùng cao nguyên Đà Lạt-Đồng Nai là nơi mà người Churu và Raglai lưu trữ những bảo vật và tư liệu hoàng gia Champa⁶². Dân tộc Churu và Raglai còn đảm nhận vai trò quan trọng trong các lễ tục tôn giáo Champa, như lễ Katê, lễ chém trâu định kỳ 7 năm một lần, lễ cúng đập nước. Từ chính sách ngăn cấm mối liên hệ giữa dân tộc Chăm ở đồng bằng và các dân tộc ở miền núi đã làm tê liệt hoàn toàn các tổ chức lễ tục tôn giáo và các lễ hội truyền thống của dân tộc này.

Sau ngày trừng phạt dân tộc Chăm, bằm nát các hệ thống tổ chức xã hội, kinh tế, tôn giáo Champa và cắt đứt mối liên hệ giữa người Chăm và dân tộc miền núi, vua Minh Mệnh đưa ra kết luận rằng nếu muốn người Chăm không còn

⁶² H. Parmentier (1905, 1-46), Nghiêm Thẩm (1960, 151-166).

Cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa

vùng dậy chống triều đình Huế nữa, nếu muốn trật tự và an ninh sẽ được tái lập và chính sách đồng hóa dân bản xứ Champa sẽ đạt được kết quả, thì triều đình Huế phải trừng phạt gắt gao những quan lại người Kinh ở phủ Bình Thuận có hành động bóc lột, lạm dụng quyền hành để đàn áp dân tộc Champa và phải tạo cơ hội để quân chúng Chăm dám đứng ra tố cáo các quan lại người Kinh có thái độ sách nhiễu và hiếp đáp họ⁶³.

⁶³ DNTLCB (XVI, 144).

Thay lời kết luận

Trước cuộc Nam Tiến của dân tộc Việt ra đời vào cuối thế kỷ thứ X¹, Việt Nam phải mất gần 8 thế kỷ để xâm chiếm toàn diện lãnh thổ Champa và xóa bỏ tên gọi của vương quốc này trên bản đồ vào năm 1832. Điều này đã chứng minh rằng cuộc Nam Tiến đã gặp những sự đối kháng vô cùng quyết liệt của dân chúng Champa.

Theo biên niên sử Chăm (*sakarai dak rai patao*), danh sách của vua chúa Champa chấm dứt dưới triều đại Po Saong Nyung Ceng (1799-1822). Kể từ đó, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng Champa bị sụp đổ và chấm dứt vào năm 1822. Nhưng sự thật lịch sử không phải như thế, vì tư liệu Chăm và Việt Nam mà chúng tôi sử dụng để viết công trình này đã chứng minh rằng vương quốc Champa vẫn còn tồn tại thêm 10 năm nữa, từ năm 1822 đến năm 1832, mà biên niên sử Việt Nam gọi là Trấn Thuận Thành đặt dưới quyền cai trị của Po Klan Thu (1822-1828) và Po Phaok The (1828-1832), hai vị hoàng tử gốc người Chăm và được các quan lại của sắc dân Churu, Raglai và Kaho hỗ trợ. Vào thời điểm đó, Champa là vương quốc có diện tích rất nhỏ nhưng có chính quyền, quân đội và hệ thống tổ chức hành chính riêng, tiêu biểu cho một

¹ Vì không đủ tài lực và vật lực để mở rộng địa bàn dân cư ra phía bắc nơi có lãnh thổ của Trung Hoa, dân tộc Kinh nghĩ đến chính sách Nam Tiến về phía Champa, quốc gia có dân số rất ít. Vương quốc này có miền duyên hải rất eo hẹp nằm giữa bờ biển Nam Hải và dãy núi Trường Sơn không giúp được cho sự phát triển dân số. Trong khi đó, khu vực Tây Nguyên của Champa là vùng rừng núi mà dân tộc bản địa chỉ biết làm nghề rẫy trên diện tích rất eo hẹp. Xem J. Boulbet (1966, tr. 77-98), P-B. Lafont (1967, tr. 37-48).

Thay lời kết luận

quốc gia có chủ quyền, dù quốc gia này đặt dưới quyền bảo hộ của triều đình Huế. Tiếc rằng, lãnh thổ Champa bị cắt xén thành mảnh vụn nằm xen kẽ với thôn làng người Kinh thuộc phủ Bình Thuận, phía bắc giáp lãnh thổ của triều đình Huế và phía nam là nơi ngự trị của Lê Văn Duyệt, vị phó vương có quyền lực ở Gia Định Thành. Từ đó, sự sống còn của Champa hoàn toàn nằm trong tay của vua Minh Mệnh và Lê Văn Duyệt.

Trong suốt thời kỳ chiến tranh giữa Tây Sơn và Nguyễn Ánh (1771-1802), Champa đã chấm dứt sự tồn tại của mình trên mặt địa lý. Nhờ vua Gia Long mà vương quốc Champa được phục hưng lại. Người ta cũng đặt ra câu hỏi tại sao vua Gia Long quyết định phục hưng lại nền độc lập Champa vào năm 1802 với mục đích gì? Và người ta cũng không biết tại sao vua Minh Mệnh chấp nhận cho vương quốc Champa được tồn tại thêm mười năm nữa (1802-1822). Có chăng vua triều đình Huế không nắm vững tình hình dân tộc miền núi, nổi tiếng là những chiến binh không bao giờ chấp nhận qui hàng để rồi vua Minh Mệnh phải duy trì sự tồn tại của Champa, một vương quốc có uy quyền trên lãnh thổ núi rừng ở phía tây, bao gồm cả khu vực Đà Lạt-Di Linh² để làm bình phong ngăn chặn dân tộc Churu, Raglai và Kaho xâm nhập vào đồng bằng duyên hải để cướp bóc các làng mạc người Kinh thuộc Bình Thuận và Khánh Hòa³.

Mặc dù Champa vẫn còn tồn tại cho đến năm 1832, nhưng tại sao các nhà nghiên cứu chuyên về Việt Nam học hay Champa học không bao giờ nhắc đến vương quốc này. Theo chúng tôi, nếu các chuyên gia không quan tâm đến giai đoạn lịch sử sau năm 1822, là vì họ chỉ nghe theo quan điểm của E. Aymonier cho rằng biên niên sử Chăm (*sakarai dak rai patao*) chấm dứt vào triều đại của Po Saong Nyung Ceng, vị

² J. Boulbet (1967, tr. 64-76).

³ CM 29 (1), câu 160.

Thay lời kết luận

vua đã trốn sang Campuchia lánh nạn vào năm 1822⁴. Kể từ đó, E. Aymonier đưa ra kết luận rằng năm 1822 đánh dấu cho sự sụp đổ của vương quốc Champa⁵.

Trong quá trình lịch sử của mối liên hệ chính trị giữa vương quốc Champa và Việt Nam, khái niệm về biên giới của một quốc gia cũng là một chủ đề cần nghiên cứu lại. Ai cũng biết, mỗi cuộc chiến chống Champa, vua chúa Việt Nam thường dựa vào cuộc tiến quân để quyết định biên giới đất đai của mình. Biên giới giữa Champa và Đại Việt sau ngày sụp đổ thành Đồ Bàn vào thế kỷ thứ XV là thí dụ điển hình. Năm 1471, Đại Việt làm chủ trên thành Đồ Bàn và xua quân đến núi Thạch Bi (Phú Yên). Kể từ đó, các sử gia cho rằng biên giới phía nam của Đại Việt vào năm 1471 là núi Thạch Bi, nhưng trên thực tế, biên giới thật sự của Đại Việt sau năm 1471 nằm ở đèo Cù Mông, phía bắc Phú Yên. Phải chờ 140 năm sau, tức là năm 1611, nhà Nguyễn mới chiếm được Phú Yên.

Niên đại đánh dấu cho sự sụp đổ của vương quốc Champa cũng là chủ đề mà các nhà nghiên cứu không ngừng đưa ra tranh cãi. Cũng vì không đọc kỹ biên niên sử Việt Nam nên các nhà nghiên cứu không bao giờ chấp nhận sự tồn tại của vương quốc Champa cho đến đầu thế kỷ thứ XIX. Nhưng trên thực tế, chính biên niên sử Việt Nam là nguồn tư liệu công bố rằng vào năm 1832, Minh Mệnh bắt quốc vương Champa là Po Phaok The (Nguyễn Văn Thừa) và phó quốc vương là Po Dhar Kaok (Nguyễn Văn Nguyên) đưa vào trại giam tại Huế và quyết định xóa bỏ tên gọi Champa trên bản

⁴ E. Aymonier, 1890.

Vào năm 1983, chúng tôi có viết bài khảo luận nhằm chứng minh rằng Po Cei Brei (1783-1786) là vị vua chạy sang Campuchia lánh nạn vào năm 1795/1796, vì Po Saong Nyung Ceng từ trần ở Phan Rí vào năm 1822, vì tuổi già (Po Dharma, 1983, tr. 253-266).

⁵ E. Durand (1905, tr. 386; 1906, tr. 288; 1907, tr. 353), J. Boisselier (1963, tr. 372, 378), Dorohiem & Dohamide (1965, tr. 108).

Thay lời kết luận

đồ Đông Dương. Điều này đã chứng minh rằng Champa vẫn còn tồn tại cho đến năm 1832.

Dưới triều đại Gia Long (1802-1820), biên niên sử Chăm chỉ ghi lại trong vài trang nhưng có rất nhiều vấn đề mâu thuẫn với nhau. Một số biên niên sử Chăm cho rằng năm 1802-1820 đánh dấu cho sự thanh bình của Champa, trong khi đó một số tài liệu khác thì cho rằng đây là những năm mà dân tộc Champa phải làm nô dịch vô cùng nặng nề vì triều đình Huế buộc vương quốc Champa phải nộp nhiều thứ thuế, đặc biệt là gỗ để xây cung đình của vua Gia Long. Nhưng để bù đắp cho công lao này, vua Gia Long chấp nhận cho vương quốc Champa có một qui chế tự trị rộng rãi.

Cũng dưới triều đại Gia Long, biên niên sử Việt Nam đề cập rất ít về Trấn Thuận Thành, tức là vương quốc Champa, ngoại trừ nêu ra danh sách tên gọi của vua chúa Champa phiên âm sang tiếng Việt. Biên niên sử Việt Nam cũng cho rằng kể từ năm 1802, Champa là quốc gia đặt dưới quyền bảo hộ của triều đình Huế cho đến ngày băng hà của vua Gia Long vào năm 1820. Nhưng quyền kiểm soát của Champa trong suốt triều đại của vua Gia Long hoàn toàn nằm trong tay của Lê Văn Duyệt, tổng trấn Gia Định Thành. Trong khoảng thời gian này, Champa là vương quốc thanh bình, không có chiến tranh và cũng không có biên cố gì đáng là quan trọng. Nhưng sự thanh bình và thịnh vượng của Champa chỉ là kết quả của mối liên hệ rất thân thiện giữa vua Gia Long và Lê Văn Duyệt, tức là hai nhân vật nắm toàn quyền về sự sống còn của vương quốc này.

Sau ngày lên ngôi vào năm 1820, vua Minh Mệnh đặt trọng trách của mình trên chủ quyền quốc gia và nêu ra ý chí thống nhất Việt Nam đặt dưới quyền điều hành trực tiếp của triều đình Huế bằng cách tìm mọi giải pháp để xóa bỏ qui chế tự trị của Champa, Bắc Thành và Gia Định Thành. Kể từ đó, mối quan hệ giữa vua Minh Mệnh và Lê Văn Duyệt trở nên căng thẳng. Thêm vào đó, Minh Mệnh nghi ngờ Lê Văn

Thay lời kết luận

Duyệt có ý định cắt đứt các tỉnh miền nam để hình thành một vương quốc riêng. Từ đó, cuộc tranh chấp giữa vua Minh Mệnh và Lê Văn Duyệt bắt đầu bùng nổ. Lê Văn Duyệt và Minh Mệnh, mỗi bên tìm cách nắm quyền kiểm soát lãnh thổ Champa hầu bảo đảm an ninh và củng cố lực lượng của mình trước đối tượng thù địch⁶. Hơn nữa Champa là vương quốc nằm giữa hai lãnh thổ của hai phe tranh chấp, không thoát khỏi sự dòm ngó của triều đình Huế và Gia Định Thành, mỗi bên đều tìm cách sáp nhập vào lãnh thổ của mình. Kể từ đó, Champa trở thành chủ đề tranh chấp trong nội bộ chính trị của Việt Nam mà chính vương quốc này cũng không tiên đoán được những gì sẽ xảy ra trong tương lai. Hay nói một cách khác, từ ngày lên ngôi của vua Minh Mệnh vào năm 1820, Champa chỉ là con tốt trên bàn cờ chính trị đối kháng giữa triều đình Huế và Lê Văn Duyệt.

Người ta cũng chưa hiểu tại sao khi vừa mới lên ngôi vua Minh Mệnh quyết định đơn phương tách rời Champa ra khỏi Gia Định Thành để đặt dưới quyền bảo hộ duy nhất của triều đình Huế? Có chăng vì gặp nhiều sự phản kháng trong nước, vua Minh Mệnh phải tìm cách dập tắt nó bằng cách khẳng định quyền lực tối cao của mình trên toàn lãnh thổ, nhất là dập tắt Lê Văn Duyệt, một phó vương nắm quá nhiều quyền hạn ở miền nam. Một khi kiểm soát được vương quốc Champa, Minh Mệnh hy vọng phục hưng lại quyền tối thượng của mình để khống chế ảnh hưởng của Lê Văn Duyệt.

Cũng vì Gia Định Thành đang nằm trong thế bị đe dọa, Lê Văn Duyệt phải tìm cơ hội thuận lợi để tách rời Champa ra khỏi quyền bảo hộ của triều đình Huế để đặt dưới

⁶ Cuộc tranh chấp giữa vua Minh Mệnh và Lê Văn Duyệt là chủ đề mà biên niên sử Chăm bàn đến nhiều nhất. Ngược lại, biên niên sử Việt Nam chỉ nêu sơ qua biến cố này và không bao giờ nhắc đến uy quyền của Lê Văn Duyệt ở miền nam và Campuchia. Sau ngày từ trần của Lê Văn Duyệt vào năm 1832, biên niên sử Việt Nam đưa tên Lê Văn Duyệt ra bàn luận với mục tiêu kết tội phó vương này là nhân vật phản động.

Thay lời kết luận

quyền kiểm soát của mình **vào năm 1828**. Chính sách này sẽ giúp Lê Văn Duyệt phục hưng lại uy tín của mình bằng cách loại trừ uy quyền của triều đình Huế trên lãnh thổ miền nam mà phó vương này muốn độc quyền làm chủ.

Là nạn nhân của cuộc tranh chấp giữa Minh Mệnh và Lê Văn Duyệt, vương quốc Champa bị đưa đẩy vào thế đứng nằm giữa hai gọng kìm: chọn Minh Mệnh hay Lê Văn Duyệt để làm người bảo hộ cho mình. Kể từ đó, tương lai của Champa hoàn toàn tùy thuộc vào kết quả của cuộc tranh chấp giữa Minh Mệnh và Lê Văn Duyệt. Một khi đã lựa chọn, Champa phải chấp nhận những hậu quả kinh hoàng, nếu phe mình bị bại trận.

Năm 1828, Champa quyết định chọn Lê Văn Duyệt làm người bảo hộ cho mình. Tiếc rằng năm 1832, Lê Văn Duyệt băng hà vì tuổi già. Nhân danh phe thắng trận, vua Minh Mệnh xóa bỏ ngay tên gọi Champa trên bản đồ, sáp nhập đất đai của vương quốc này vào lãnh thổ Việt Nam và ra lệnh trừng trị vô cùng khùng khiếp các quan lại và dân chúng Champa về tội theo Lê Văn Duyệt. Sự quyết định trừng phạt Champa của vua Minh Mệnh không biểu tượng cho sự thù hằn dân tộc Chăm-Việt, mà là phản ứng tự nhiên trong quá trình hình thành lịch sử dưới thời cổ đại. Đây là những thí dụ điển hình. Quốc vương Champa là Po Phaok The chỉ dựa vào uy quyền của Lê Văn Duyệt để lên ngôi vào năm 1828 không cần xin phép vua Minh Mệnh. Vương quốc Champa nộp thuế cho Lê Văn Duyệt kể từ năm 1828 thay vì nộp thuế cho triều đình Huế. Champa là “quốc gia chư hầu”⁷ của triều đình Huế nhưng phục tùng Lê Văn Duyệt ở Gia Định Thành, v.v. Do đó, vương quốc Champa tự đặt mình vào thế phản bội đối với triều đình Huế, mặc dù các vị lãnh đạo của quốc gia này không bao giờ nghĩ như vậy,

⁷ “Chư hầu” là qui chế chính trị buộc quốc gia nhỏ bé phải có nghĩa vụ xin quốc gia hùng mạnh ban cho tấn phong và triều cống hàng năm (Le Thanh Khôi, 1955, tr. 8).

Thay lời kết luận

Những biện pháp trừng phạt nhân dân Champa vô cùng dã man kể từ năm 1832⁸ không biểu tượng cho chính sách diệt chủng của vua Minh Mệnh đối với người Chăm. Vì vua Minh Mệnh đã từng áp dụng những hình phạt đó đối với người Kinh theo Lê Văn Duyệt, Lê Văn Khôi và Thiên Chúa Giáo. Kể từ đó, người ta có thể nghĩ rằng vua Minh Mệnh không chủ trương trừng phạt người Chăm nặng nề và dã man hơn so với chính sách trừng phạt người Kinh. Và chính sách trừng phạt dân tộc Champa của vua Minh Mệnh không mang nội dung hận thù dân tộc hay phân biệt màu da giữa người Chăm và Kinh mà là hành động mang màu sắc chính trị dành cho những ai, dù họ là người Kinh hay Chăm đi nữa, không tôn trọng uy quyền của triều đình Huế vào thời điểm đó. Nhưng trên thực tế, những cư dân người Kinh và quan lại thuộc phủ Bình Thuận là tập thể có ý đồ hành hạ và ngược đãi dân tộc bản xứ Champa mà họ xem như là những người man rợ và hạ đẳng, lúc nào cũng tìm cách tước đoạt tài sản của những người không cùng màu da với mình. Và chính họ là những người đã gây ra những cuộc vùng dậy của dân tộc Champa vào những năm 1833-1835.

Nói đến phong trào nổi dậy sau ngày sụp đổ vương quốc Champa vào năm 1832, người ta cần phải nhắc đến cuộc khởi nghĩa của Katip Sumat vào năm 1833-1834. Tiếc rằng, biên niên sử Việt Nam chỉ ghi lại biến cố này một cách đơn sơ và các chuyên gia cũng không hề nhắc đến tổ chức này. Có chăng vì cuộc khởi nghĩa của Katip Sumat chỉ mang tính cách tôn giáo, lấy chủ thuyết Hồi Giáo làm mục tiêu cho cuộc đấu tranh nên nhiều nhà nghiên cứu không để ý đến.

Nhìn qua hệ thống tổ chức tín ngưỡng của người Chăm Bani, tức là cộng đồng Hồi Giáo không quan tâm cho

⁸ Xem E. Aymonier (1885, tr. 194), Nghiêm Thẩm (1960, tr. 1570), J. Boisselier (1963, tr. 379).

Thay lời kết luận

lắm đến 5 giáo điều của Kinh Thánh, không ai tin rằng có cuộc “thánh chiến Hồi Giáo” chống triều đình Huế đã xảy ra tại vương quốc Champa vào thời điểm đó, nếu biên niên sử Chăm không nêu ra vấn đề này. Tiếc rằng, tư liệu Chăm đưa ra tin tức quá ngắn gọn về Katip Sumat, một nhân vật chắc có quyền năng siêu hình mới có thể hình thành một phong trào Hồi Giáo trong cộng đồng Champa mà đa số dân chúng theo Bà La Môn Giáo.

Nếu phong trào Hồi Giáo của Katip Sumat vào năm 1833-1834 chỉ được ghi lại một cách sơ sài, thì ngược lại cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa (1834-1835) chiếm nhiều trang giấy trong biên niên sử Việt Nam. Có chăng cuộc nổi dậy này được triều đình Huế đánh giá như là phong trào phản nghịch có thể gây ra nhiều thiệt hại chính trị cho quốc gia Việt Nam vào thời điểm đó?

Hoàn toàn khác biệt với phong trào Hồi Giáo của Katip Sumat, cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa tập trung được quần chúng ở đồng bằng và cao nguyên nằm trong 5 khu vực Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Bình Thuận, Di Linh và Lâm Đồng, đặt dưới quyền lãnh đạo của một nội các Champa lâm thời. Cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa không mang mô hình cổ điển như những cuộc khởi nghĩa năm 1822 và 1826, mà là một tổ chức vũ trang hiện đại mà người ta thường gọi là “chiến tranh giải phóng”. Và dường như triều đình Huế hiểu rằng cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa không giống như các cuộc nổi dậy khác, tức là phong trào khởi nghĩa đơn thuần về mặt quân sự và tầm hoạt động mang tính cách nhất thời. Đây là một lực lượng vũ trang có hệ thống tổ chức rất qui mô về mặt quân sự lẫn chính trị mà các quan lại và vua Minh Mệnh thường đưa ra để bàn bạc và xem xét.

Một điểm quan trọng khác nằm trong công trình nghiên cứu này là vấn đề dân tộc Champa.

Hơn một thế kỷ qua, tất cả các nhà nghiên cứu nghĩ rằng Champa là vương quốc của dân tộc Chăm đặt dưới

Thay lời kết luận

quyền cai trị của những quan lại gốc người Chăm, có lãnh thổ nằm ở miền đồng bằng tọa lạc giữa biển Nam Hải và dãy núi Trường Sơn. Nhưng trên thực tế, vương quốc Champa bao gồm đồng bằng duyên hải nơi có cư dân người Chăm và khu vực Tây Nguyên, đất đai của dân tộc bản địa mà người ta thường gọi là người Thượng hay dân tộc miền núi. Người Thượng hay dân tộc miền núi không phải là nhóm người bị dân tộc Chăm đô hộ trong nhất thời như nhiều tác giả thường hiểu lầm, mà là tập thể thần dân Champa đã từng giữ vai trò quan trọng trong tiến trình lịch sử của vương quốc này, có bổn phận và nghĩa vụ ngang hàng với người Chăm ở miền duyên hải. Champa là một vương quốc đa chủng tập trung các dân tộc Chăm và Tây Nguyên. Đây không phải là giả thuyết nguy biện mà là một minh chứng lịch sử được ghi lại một cách rõ ràng trên bia ký.

Theo tấm bia tìm thấy ở Mỹ Sơn, vào thế kỷ XII những người Tây Nguyên gồm có bộ tộc Randay (tức là Rađé) và Mada (Bahnar?) đã từ chối uy quyền của vua Jaya Harivarman I dẫn đoàn quân từ Panduranga sang tấn công Vijaya để rồi tự tôn cho mình là vua Champa vào năm 1149. Để giải quyết việc tiếm ngôi này, dân tộc Randay (tức là Rađé) và Mada (Bahnar?) đưa hoàng tử tên là Varisaraya gốc người Vijaya tức là em rể của vua Champa Jaya Indravarman III bị quân Campuchia giết chết trên bãi chiến trường, lên ngôi ở kinh thành Madhyamagramapura⁹. Nếu xứ sở của người Randay (tức là Rađé) và Mada (Bahnar?) không nằm trên lãnh thổ Champa, và nếu họ không phải là thần dân Champa, thế thì tại sao họ lại tôn vinh hoàng tử Varisaraya lên ngôi vua để làm gì? Và nếu Tây Nguyên không thuộc về Champa, thế thì tại sao vương quốc này lại xây tháp Yang Praong ở huyện Ea Sup tỉnh DakLak, tháp Yang Mum ở thị trấn Cheo Reo, huyện Ayunpa tỉnh Gialai và tháp Bang Keng ở huyện Krông Pa tỉnh Gia Lai.

⁹ L. Finot (1904, tr. 906).

Thay lời kết luận

Sau ngày thất thủ Vijaya vào năm 1471, biên niên sử Chăm¹⁰ ghi rằng Po Rome (1627-1651) là vị vua mang dòng máu dân tộc Churu và bà thứ hậu gốc người Radé hay Kaho¹¹. Triều đại Po Rome tập trung 12 vị vua thay nhau lên ngôi gần 150 năm rồi chấm dứt vào thời vua Po Cei Brei, lên ngôi vào năm 1783 sau đó chạy sang Campuchia lánh nạn vào năm 1795. Đây là những yếu tố cụ nhằm xác nhận rằng cư dân miền núi (Churu, Raglai, Kaho) đã chiếm một ngôi bậc khá cao trong triều đình Champa¹².

Bên cạnh biên niên sử Chăm, tư liệu hoàng gia Champa viết từ năm 1702 đến năm 1810 hiện lưu trữ tại Pháp cũng cho biết có nhiều quan lại cấp cao gốc người Churu và Raglai nắm quyền quan trọng trong triều đình Champa. Dưới thời vùng dậy của Ja Thak Wa (1834-1835), hội đồng Champa đã đề cử Po War Palei gốc người Raglai lên làm vua và một người Churu lên làm thái tử. Điều này đã chứng minh rằng Champa là vương quốc đa chủng tộc và mỗi dân tộc có nghĩa vụ và quyền hạnh ngang nhau.

Nếu một số nhà nghiên cứu cho rằng Champa là vương quốc dành riêng cho dân tộc Chăm là vì họ không đọc kỹ lịch sử Champa vào thời cổ đại. Đối với những nhà nghiên cứu này, dãy Trường Sơn là bức tường thiên nhiên chia cách giữa dân tộc Chăm ở đồng bằng và dân tộc Thượng ở cao

¹⁰ CAM 31 (1), CAM 152 (2), CAM MICROFILM 1 (3), CAM MICROFILM 14 (3), CM 22 (2), CM 23 (7), Po Dharma CAM 2 (13).

¹¹ CAM MICROFILM 14 (3), CAM MICROFILM 17 (2), CM 22 (2) cho rằng Bia Than Can là hoàng hậu gốc Radé trong khi đó E. Durand (1903, tr. 601) cho rằng Bà là người Kaho.

Tượng của thứ hậu Bia Than Can được thờ phượng bên cạnh Po Rome ở trong Tháp. Khi đó, tượng của Bia Than Cih, hoàng hậu gốc Chăm lại thờ trong một cái miếu (*danaok*) bên ngoài (E. Durand, 1903, tr. 597-603).

¹² P-B. Lafont (1964, tr. 157-172).

Thay lời kết luận

nguyên¹³. Theo họ, người Randay (Radé), Mada (Bahnar?) mà bia ký thường nhắc đến chỉ là dân tộc miền núi man rợ, có ý đồ hỗ trợ cho hoàng tử Varisaraya gốc người Vijaya lên làm vua Champa để tìm cách xuống đồng bằng cướp bóc dân cư Chăm giàu có¹⁴. Đây là phong cách lý luận không thuyết phục và không cơ sở khoa học. Vì rằng, trong những trận chiến chống Đại Việt trước thế kỷ thứ XV, biên niên sử Trung Hoa cho rằng vương quốc Champa thường sử dụng hàng ngàn voi trận trên bãi chiến trường và lực lượng quân đội của vương quốc này được trang bị bởi những vũ khí nguy hiểm nhất, đó là ná và mũi tên tẩm độc. Dân tộc Chăm là cộng đồng sống ở miền đồng bằng chỉ chuyên về nghề đi biển¹⁵. Nói đến voi trận và mũi tên tẩm độc thì người ta phải nghĩ đến dân tộc Tây Nguyên, vì người Chăm không biết cỡi voi và bắn ná. Điều này đã chứng minh rằng lực lượng bộ binh hùng mạnh của vương quốc Champa vào thời cổ đại bao gồm cả người Tây Nguyên chuyên về voi trận và mũi tên tẩm độc. Nếu dân tộc Tây Nguyên không phải là thần dân Champa, thế thì họ chiến đấu bảo vệ vương quốc Champa với mục tiêu gì?

Cũng từ công trình này mà độc giả biết được vai trò của biên niên sử Chăm đã góp phần vào nguồn tư liệu để biên soạn lại lịch sử Champa. Cho đến hôm nay, người ta chỉ sử dụng những biên niên sử của Việt Nam để làm đề tài cho công trình nghiên cứu lịch sử Champa. Tiếc rằng, biên niên sử Việt Nam là văn bản chính thức được soạn thảo thể theo lời yêu cầu của triều đình Việt Nam. Từ đó, những văn bản này phải viết theo quan điểm của vua chúa Việt Nam, không còn mang tính trung thực nữa. Ngược lại, biên niên sử Chăm có nội dung hoàn toàn khác biệt. Văn bản này do những trí thức hay

¹³ Dưới thời Pháp thuộc, chính quyền Đông Dương sáp nhập cao nguyên Darlac và Kontum vào vương quốc Lào. Darlac chỉ trực thuộc triều đình Huế vào năm 1904 và Kontum vào năm 1905.

¹⁴ G. Maspero (1928, tr. 157).

¹⁵ G. Maspero, 1928, tr. 27.

Thay lời kết luận

quan lại Champa biên soạn. Nội dung của văn bản này không nhằm tôn vinh cá nhân vua chúa hay phục vụ cho mục tiêu của triều đình Champa. Đây không phải là văn bản chính thức của quốc gia mà là ký sự mang tính cách cá nhân với nội dung thường nói đến lai lịch của vua chúa, biến cố chiến tranh, những thực trạng của quân chúng Champa, các cuộc khởi nghĩa chống sự xâm lược của ngoại bang hay phản đối triều đình Champa thối nát, v.v. Và một số các văn bản này thường trình bày các biến cố dưới hình thức của bài phóng sự nhằm kể lại những gì đã xảy ra trước mắt của tác giả. Do đó, những tin tức trong biên niên sử Chăm là nguồn tư liệu quý giá nhằm kiểm chứng lại những chi tiết nằm trong biên niên sử Việt Nam và làm sáng tỏ thêm những tiến trình hình thành lịch sử Việt Nam trong khu vực Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận.

Trong công trình này, chúng tôi cũng chưa trả lời thỏa đáng cho chính sách của vua Minh Mệnh nhằm chiếm đoạt đất đai Champa và Việt Nam hóa dân tộc của vương quốc này. Có chăng đây chỉ là trường hợp ngoại lệ trong tiến trình hình thành lịch sử Việt Nam hay là bản chất truyền thống của dân tộc Việt? Vì rằng, biên niên sử Việt Nam không bao giờ đề cập đến vấn đề này. Và đây cũng là lần đầu tiên mà biên niên sử Chăm, tức là nạn nhân của cuộc Nam Tiến, viết lại những biến cố này và lưu trữ cho đến nay.

Sau 8 thế kỷ của cuộc Nam Tiến, Việt Nam đã chiếm trọn lãnh thổ Champa chạy dài từ tỉnh Quảng Bình cho đến biên giới Biên Hòa. Và chính sách xâm chiếm đất đai Champa và Việt Nam hóa vẫn còn tiếp diễn sau thời Pháp thuộc. Chúng tôi muốn nói đến việc sáp nhập cao nguyên miền trung vào lãnh thổ của Việt Nam Cộng Hòa.

Dưới thời Pháp thuộc, khu vực Tây Nguyên của người Thượng cư trú được hưởng qui chế chính trị đặc biệt gọi là "Hoàng Triều Cương Thổ" đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của vua Bảo Đại. Năm 1955 tổng thống Ngô Đình Diệm biến Tây Nguyên thành đơn vị hành chính của Việt Nam Cộng Hòa với thể thức và mô hình rất gần gũi với chính sách của vua Minh

Thay lời kết luận

Mệnh sáp nhập Champa vào lãnh thổ Việt Nam vào năm 1832. Ngô Đình Diệm đưa dân cư từ miền Bắc đến định cư tại khu vực của Tây Nguyên. Những cư dân của vùng duyên hải cũng được khuyến khích đến lập nghiệp trên cao nguyên. Chính quyền Sài Gòn trưng dụng đất đai người của người Thượng để phân phát cho những người Kinh vừa mới đến, biến lãnh thổ Tây Nguyên thành địa bàn dân cư xen kẽ giữa người Kinh và Thượng. Đây là mô hình da beo của địa bàn dân cư rất gần gũi với chính sách của vua Minh Mệnh áp dụng cho vương quốc Champa vào năm 1832.

Sau năm 1955, dân số người Kinh càng ngày càng tăng lên, xô đẩy người Thượng vào vùng xa xôi hơn. Những người Thượng chống lại sự tước đoạt đất đai thì bị chính quyền Ngô Đình Diệm kết tội là làm tay sai cho Việt Cộng và đưa họ vào trại giam hay kết tội tử hình. Vì tình hình an ninh, chính quyền Sài Gòn tập trung dân tộc Tây Nguyên vào khu vực gọi là “Áp Chiến Lược”, nơi mà họ bị đàn áp một cách thô bạo¹⁶. Những người không chịu ức hiếp và khổ dịch, phải trốn vào rừng sâu và còn bị quân đội Việt Nam truy lùng. Vì không chấp nhận chính sách đàn áp, chiếm đoạt đất đai và đồng hóa của chính quyền Ngô Đình Diệm, một nhóm trí thức người Thượng chỉ còn cách là vùng dậy để gia nhập vào phong trào Bajaraka (*Ba* = Bahnar, *Ja* = Jarai, *Ra* = Radhe, *Ka* = Kaho) hình thành vào năm 1956, đã tạo nên bao rối ren ở khu vực Tây Nguyên vào thời điểm đó.

Năm 1964 đánh dấu cho sự ra đời của Mặt Trận Giải phóng Cao Nguyên Champa, một thành viên nằm trong liên minh của tổ chức Fulro, tập hợp những cư dân người Thượng và Chăm để chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa mới. Bùng nổ vào tháng 9 năm 1964, Fulro chiếm nhiều tỉnh ở Tây Nguyên và tạo một tiếng vang lớn trên bàn cờ chính trị Đông Dương. Nhưng sự can thiệp của quân đội Mỹ bắt buộc họ phải trả lại

¹⁶ J. Boulbet (1967, tr. 15-21).

Thay lời kết luận

cho chính quyền Sài Gòn tất cả phần đất ở Tây Nguyên mà họ vừa chiếm được để rút lui về hậu cứ ở Campuchia¹⁷.

Dựa vào những biến cố đã xảy ra ở Tây Nguyên kể từ năm 1955, người ta có thể nghĩ rằng chính sách của triều đình Huế nhằm chiếm đoạt đất đai, thuộc địa hóa, Việt Nam hóa vương quốc Champa phát xuất từ chủ thuyết Nam Tiên của dân tộc Việt hơn là trường hợp ngoại lệ trong tiến trình hình thành các quốc gia ở khu vực Đông Nam Á.

Sau năm 1975, Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam cho rằng giới lãnh đạo phong kiến của nhóm đa số thường áp dụng chính sách đồng hóa nhằm phát triển quyền lợi riêng tư của họ đã dẫn đến việc bóc lột và áp bức những người dân thiểu số¹⁸. Nhưng đây chỉ là văn chương chính trị, vì sau năm 1975 Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã chiếm đoạt toàn diện đất đai và tài sản của người Tây Nguyên và Chăm để bổ sung vào tài sản của quốc gia Việt Nam, biến hai dân tộc Chăm và Tây Nguyên thành nhóm người vô sản, lâm vào nạn nghèo đói mà không ai có thể tiên đoán thế nào về sự sống còn của họ trong thế kỷ tới này.

¹⁷ Po Dharma (1981, tr. 174-179).

¹⁸ Bulletin du Vietnam (1977, tr. 13).

Phụ Lục

Tác phẩm này gồm có 3 phụ lục. Phụ lục thứ nhất nhằm trình bày văn bản viết bằng tiếng Chăm mang mã số CAM MICROFILM 17 (1) mà chúng tôi tự đặt tên cho tác phẩm là *Ariya Po Ceng* và phụ lục thứ hai mang mã số CM 29 (1), tức là *Ariya Po Phaok*. Phụ lục thứ ba là lịch trình biến cố theo niên đại được trình bày trong tác phẩm.

Chú thích tư liệu

Ariya Po Ceng : CAM MICROFILM 17 (1)

Ariya Po Phaok : CM 29 (1)

Ariya Po Ceng và *Ariya Po Phaok* là văn bản viết bằng tiếng Chăm hiện đại (*Akhar Thrah*)¹. Đây là nguồn tư liệu chính gốc chưa có ai biết đến, cung cấp những tin tức vô cùng quý giá liên quan đến vương quốc Champa từ năm 1802 đến năm 1835. Chính vì vậy, chúng tôi thấy cần thiết phải giới thiệu và dịch hai văn bản này sang tiếng Việt hầu giúp các nhà nghiên cứu dùng để so sánh với biên niên sử Việt Nam.

Trong phần chuyển ngữ sang tiếng Việt, chúng tôi chọn giải pháp tóm tắt và giải thích những đoạn thơ của tác phẩm để làm cho nội dung được sáng sủa hơn, chứ không phải dịch sang tiếng Việt những câu thơ này trong nghĩa rộng của nó.

¹ Chữ Chăm hiện đại (*Akhar Thrah*) là chữ phổ thông mà người Chăm đang sử dụng hôm nay; Chữ Chăm cổ là chữ viết trên bia đá. Chữ Chăm trung đại là chữ nằm giữa chữ Chăm cổ và Chăm hiện đại.

Ariya Po Ceng : CAM MICROFILM 17 (1)

CAM MICROFILM 17 là hình chụp vào năm 1974, tập trung 4 chủ đề. Chúng tôi chỉ quan tâm đến chủ đề *Ariya Po Ceng* từ trang 1 đến trang 27 có nội dung liên quan đến lịch sử Champa vào đầu thế kỷ thứ XIX.

Ariya Po Ceng là hình chụp từ một tác phẩm viết bằng tiếng Chăm do Trung Tâm Văn Hóa Chăm Phan Rang sao lại vào năm 1968, không đề tên tác giả và cũng không biết xuất xứ ở đâu, gồm có 14 trang mang ký hiệu : CCC.C1².

Đây là nguồn tư liệu duy nhất viết về tình hình Champa dưới 3 triều đại : Po Saong Nyung Ceng (1799-1822), Po Klan Thu (1822-1828) và Po Phaok The (1828-1832). Điều đáng chú ý, đó là tư liệu này chấm dứt hẳn vào năm 1832 mặc dù biến cố chính trị vẫn còn tiếp diễn ở vương quốc Champa sau năm 1832, nhất là biến cố liên quan đến triều đình Huế kết án tử hình quốc vương Po Phaok The (Nguyễn Văn Thừa) vào năm 1835 về tội theo Lê Văn Duyệt và Lê Văn Khôi.

Câu hỏi đầu tiên mà chúng tôi muốn nêu ra ở đây, tại sao *Ariya Po Ceng* chấm dứt biến cố vào năm 1832 ? Có chăng tác giả viết bài này bị bắt hay bị chết trên chiến trường khi triều đình Huế gửi quân sang chinh phạt Champa vào năm 1832 hay là tác giả này chạy sang Gia Định Thành để lánh nạn?

Cho đến hôm nay, người ta không biết ai là tác giả của tác phẩm *Ariya Po Ceng*. Đây không phải là vấn đề đáng ngạc nhiên, vì hệ thống văn chương Chăm ít khi nêu ra tên tác giả hay ngày tháng của bài viết. Cũng có thể vì vấn đề an ninh cho tánh mạng, thành ra tác giả không muốn cho người khác biết tên tuổi của mình.

Mặc dù chúng tôi không biết tác giả là ai, nhưng nội dung của bài viết đã để lại nhiều dấu ấn giúp cho chúng tôi

² CM 20 (2), CM 30 (14), CAM 29 (2) là bản sao có nội dung rất gần gũi với CAM MICROFILM 17 (1).

đưa ra kết luận rằng ông là một người quan lại nắm vai trò quan trọng triều đình Champa thời đó. Trong bài viết, tác giả đưa ra nhận định một cách độc lập về tình hình Champa. Có lúc ông nêu ra quan điểm rất thân thiện đối với triều đình Champa (câu 10) nhưng ông cũng không ngần ngại chỉ trích những nhà lãnh đạo thối nát trong vương quốc này (câu 75-77). Từ thái độ khách quan và cứng rắn này, người ta có thể đoán rằng ông là người có chức vụ quan trọng trong triều đình. Đọc qua nội dung của bài viết, người ta cho rằng tác giả này là người rất am tường không những tình hình người Chăm ở đồng bằng mà cả tình hình dân tộc miền núi như Churu, Raglai, kaho. Ông cũng là người nắm vững những biến cố đã xảy ra trên lãnh thổ Champa vào thời điểm đó.

Mặc dù tác giả dùng nhiều trang giấy để ghi lại những thống khổ của dân tộc Chăm thời đó, nhưng đây không phải là yếu tố nhằm kết luận rằng ông là người Chăm.

Qua nội dung của *Ariya Po Ceng*, người ta được biết trước năm 1835, tất cả những biến cố chính trị và quân sự không bao giờ diễn ra ở miền núi nơi có dân tộc Churu, Raglai, Kaho, mà là ở miền duyên hải nơi có dân tộc Chăm và triều đình Champa, trong khi đó người Kinh chỉ tập trung địa bàn dân cư ở gần miền duyên hải, không bao giờ dám phiêu lưu vào khu vực dân tộc miền núi.

Ariya Po Phaok: CM 29 (1)

Ariya Po Phaok hiện lưu trữ tại thư viện Société Asiatique de Paris, là tác phẩm viết trên giấy Trung Hoa khổ 225 x 250 mm. Tác phẩm này do ông Khiim Athai sao lại vào ngày 14 tháng 12 năm Mẹo, Chăm lịch, gồm có 185 trang tập trung 9 chủ đề. Từ trang 1 đến trang 84 là phần có liên hệ với đề tài của chúng tôi.

Ariya Po Phaok là tác phẩm viết về lịch sử của quốc vương Champa cuối cùng tên là Po Phaok The (Nguyễn Văn Thừa) và phó quốc vương, Kanduay Ngueng (Cai Đội Nguyễn), tức là Cei Dhar Kaok (Nguyễn Văn Nguyên) bị bắt sau ngày từ trần của Lê Văn Duyệt vào năm 1832 để đưa vào

Phụ Lục

trại giam tại Huế. Tác phẩm này viết tại thủ đô Bal Canar (Tịnh Mỹ), Phan Rí bởi một nhân vật khuyết tên vì lý do an ninh, trình bày lại tình hình quân sự và chính trị tại vương quốc Champa sau ngày quốc vương Po Phaok The bị bắt và kể lại những nỗi thống khổ của nhân dân Champa dưới sự thống trị của quân đội Huế trong suốt 3 năm trường (câu 32). Những chi tiết vừa nêu ra đã chứng minh rằng tác phẩm này có thể viết vào năm 1842, dưới thời vua Thiệu Trị (1841-1847), như câu 108 đã xác nhận.

Tác giả của *Ariya Po Phaok* là nhân vật nắm vai trò quan trọng trong triều đình Champa thời đó, có tầm hiểu biết rất rộng và ý thức hệ cao về đất nước. Những gì ông nêu ra thường được xác nhận trong biên niên sử Việt Nam. Ông cũng là người có nhiều cảm tình với chính quyền Champa và thân cận với gia đình hoàng gia thời đó. Mỗi lần nói đến quốc vương Champa, tác giả thường dùng thuật ngữ « Thừa Ngai » hay « Thừa Hoàng Tử ». Mỗi lần đưa ra quan điểm về nhà lãnh đạo Champa, tác giả không giám nói trực tiếp mà thường dùng một số truyền thuyết xa xưa để ám chỉ cho lời nói của mình (câu 141-147). Người ta không biết ông thuộc sắc tộc nào. Một vài chi tiết trong tác phẩm giúp chúng tôi nghĩ rằng có thể tác giả này là người Chăm Bani hay là người có cảm tình với tín ngưỡng Hồi Giáo, vì ông thường nhắc đến Đấng Allah (câu 181).

Mặc dù tác phẩm này viết vào năm 1842 (câu 108), nhưng tác giả không có lời nào nói về triều đình Huế kết tội tử hình quốc vương Po Phaok The vào năm 1835. Có thể tác giả lúc đó bị quản lý ở Phan Rí, thành ra không biết gì về tội tử hình của Po Phaok The ở Huế. Dù sao đi nữa, tác giả cũng cho biết sau ngày Po Phaok The bị bắt vào năm 1832, ông không còn hy vọng gặp lại quốc vương này.

Phân tích tác phẩm

Hai tác phẩm nằm trong phần phụ lục này có hai phong cách trình bày hoàn toàn khác nhau. *Ariya Po Ceng* là

tác phẩm có nội dung rất thực tế và chính xác hơn so với *Ariya Po Phaok* đã đem lại nhiều tin tức về mặt chính trị của triều đình Huế đối với Champa thời đó, nhất là chính sách kinh tế và văn hóa.

Đối với chúng tôi, hai tác phẩm này cấu thành nguồn tư liệu duy nhất bàn về lịch sử 10 năm cuối cùng của Champa và nêu ra những gì đã xảy ra trên bàn cờ chính trị của vương quốc này sau ngày từ trần của Lê Văn Duyệt vào năm 1832.

Hai tác phẩm *Ariya Po Ceng* và *Ariya Po Phaok* không tìm cách phân tích một cách tổng thể những biến cố đã xảy ra hay bình luận chính sách trừng phạt quá đáng của vua Minh Mệnh đối với vương quốc Champa, mà là biên chép lại những gì đã xảy ra với tư cách nhân chứng của lịch sử, chứ không phải là nhà viết sử.

Ariya Po Ceng và *Ariya Po Phaok* là hai tác phẩm viết bằng chữ Chăm hiện đại theo thể thơ (*Ariya*). Nói đến thơ thì phải nói đến vần điệu gieo vần. Kể từ đó, nội dung của hai tác phẩm thường bị gò bó vào qui luật vần điệu rồi không quan tâm cho lắm đến cấu trúc câu văn và qui luật văn phạm. Chính vì nguyên nhân đó, hai tác phẩm này đã để lại nhiều đoạn văn rất mù mờ về ngữ nghĩa mà độc giả có thể hiểu hay phân tích như thế nào cũng được. Thêm vào đó, tác giả cũng không quan tâm cho lắm đến qui luật chấm phẩy, phân chia chương mục, càng làm cho độc giả gặp phải những khó khăn thêm khi đọc hai tác phẩm này.

Một khó khăn khác mà chúng tôi thường gặp đó là sự biến thể quá nhiều về cách viết của một từ, nhất là tên họ của một người hay tên gọi địa phương. Để giải quyết vấn đề này, chúng tôi chỉ còn giải pháp là sử dụng từ được dùng nhiều nhất, nhưng chưa chắc chính tả của từ này là đúng sự thật.

Vấn đề niên đại dùng trong hai tác phẩm này cũng gây ra bao khó khăn cho độc giả. Vì rằng tác giả chỉ ghi tên ngày trong tháng, tháng trong năm và năm của 12 con giáp Chăm lịch. Kể từ đó, người ta không thể đối chiếu ngày tháng của lịch Chăm với dương lịch. Cũng nhờ biên niên sử Việt Nam, người ta biết niên đại theo dương lịch của một số biến cố ghi

lại trong hai tác phẩm này, nhất là biến cố được minh xác trong biên niên sử Việt Nam. Dù sao đi nữa, chúng tôi không gặp nhiều khó khăn cho lắm để đối chiếu niên đại Chăm lịch và dương lịch, vì biến cố nằm trong hai tác phẩm này chỉ xảy ra dưới triều đại Minh Mệnh (1820-1841) và biên niên sử Việt Nam cũng viết rất nhiều về Champa dưới thời Po Klan Thu tức là Nguyễn Văn Vĩnh (1822-1828) và Po Phaok The, tức là Nguyễn Văn Thừa (1828-1832).

Nếu sự đối chiếu giữa con giáp của Chăm lịch với niên đại dương lịch không gặp khó khăn, thì ngày và tháng trong Chăm lịch vẫn là vấn đề chưa giải quyết một cách thích đáng. Vì lịch Chăm là lịch âm dương hỗn hợp. Đầu năm của lịch Chăm thường đi chậm hơn gần 2 tháng so với dương lịch. Chính vì nguyên nhân đó, chúng tôi không tìm cách đối chiếu tháng trong năm giữa Chăm lịch và dương lịch.

Sau khi so sánh nội dung của hai tác phẩm, người ta nhận thấy rằng *Ariya Po Ceng* chú tâm rất nhiều đến thái độ của triều đình Huế chống lại vương quốc Champa, trong khi đó *Ariya Po Phaok* chỉ quan tâm đến chính sách mà vua Minh Mệnh đã áp dụng trên lãnh thổ Champa.

Ai cũng biết, biên niên sử Việt Nam là nguồn tư liệu chính thức của triều đình Huế, thành ra nội dung của nó chỉ biểu lộ cho quan điểm Việt Nam mà thôi. Ngược lại, tư liệu viết bằng tiếng Chăm thường có nội dung mang tính cách phóng sự, không tiêu biểu cho quan điểm của triều đình Champa thời đó. Biên niên sử Việt Nam và biên niên sử Chăm thường công nhận một biến cố chung, nhưng lúc nào cũng đưa ra hai quan điểm khác nhau về nguyên nhân của biến cố. Đây không phải là vấn đề đáng ngạc nhiên, vì biên niên sử Việt Nam được thực hiện bởi cây bút của những người thắng trận, trong khi đó biên niên sử Chăm do nhóm thua trận ghi lại. Chính vì nguyên nhân đó, người ta cần phải đối chiếu những dữ kiện nằm trong hai biên niên sử này để định giá lại những sự thật và ngày tháng của biến cố đã xảy. Nhưng đây chỉ là lý thuyết, vì có nhiều biến cố đã xảy ra ở vương quốc Champa nhưng biên niên sử Việt Nam không bao

Phụ Lục

giờ nhắc đến. Vì rằng biên niên sử Việt Nam chỉ quan tâm đến những biến cố quan trọng có mối liên hệ trực tiếp với triều đình Huế, trong khi đó biên niên sử Chăm thường chú tâm đến tất cả chi tiết liên quan đến triều đình Champa và quần chúng của vương quốc này.

Lịch trình biến cố theo niên đại

Phụ lục thứ 3 là lịch trình biến cố theo niên đại được trình bày trong tác phẩm này. Lịch trình của biến cố này chỉ dựa vào những dữ kiện lịch sử có giá trị cao, được xác nhận trong nhiều nguồn tư liệu.

Ariya Po Ceng

CAM MICROFILM 17 (1)

1. *Tanuer tuer di dalam ariya,
kanâ Po Débita, peng klaong kieng panâh,,*

Những gì ghi lại trong tác phẩm *Ariya*¹ này, tôi xin phép Po Débita² để kể lại như sau³.

¹ *Ariya* (tiếng Phạn : *arya*), có nghĩa « câu gieo vần, vần vần, thơ ». Ariya Chăm có qui luật riêng. Vần cuối cùng của câu đầu gieo với vần lưng của câu thứ hai ; vần cuối của câu thứ hai gieo với vần lưng của câu thứ ba, v.v., nhưng số âm trong mỗi câu không qui định là bao nhiêu và cũng không luật bằng trắc. Thí dụ :

- 1). *Tanuer tuer di dalam ariya,
kanâ Po Débita, peng klaong kieng panâh,,*
2. *Mang anaih tel praong thau duh,
abih manâk mboh jeh, duh pak rai Ceng,,*

Chính vì nguyên nhân đó mà người ta cho rằng *Ariya* Chăm không phải là thơ lục bát Việt Nam, mặc dù có qui luật gieo vần lưng như nhau.

² *Débita* hay *Dobata* (tiếng Phạn : *Devata*) ám chỉ thần linh, đẳng tối cao.

³ Giữa câu số 1 và 2 của CAM MICROFILM 17 (1), bản CM 20 (2) có thêm 9 câu nữa :

- a). Sau triều đại của Po Tisuntiraydapaghoh (1768-1780), Po Tisuntiraydapuran (1786-1793) lên ngôi nắm quyền cai trị Champa.
- b). Dưới triều đại Po Tisuntiraydapuran, quân chúng Champa sống trong niềm vui và sung sướng, vì không đóng thuế ngà voi, sừng tê giác, gổ,...
- d). Nhưng sự thịnh vượng này chỉ kéo dài trong thời gian ngắn, bởi vì quốc vương Po Tisuntiraydapuran chỉ nghĩ đến quyền hành và danh dự cá nhân.
- e). Nô dịch phiền hà nhất mà người Chăm than van đó là bắt dân làm nô dịch cho những cuộc săn bắn ăn chơi.
- f). Khi nghe dân chúng quá than phiền, Nguyễn Ánh từ Đồng Nai tiến quân chống Tây Sơn trên lãnh thổ Champa. Bị thua trận, Tây Sơn rút quân về.

Champa dưới thời Po Saong Nyung Ceng

2. *Mang anaih tel praong thau duh,
abih manâk mboh jeh, duh pak rai Ceng,,*

Từ thanh niên đến người già đều chứng kiến bao biên cố⁴ và gánh chịu bao nô dịch dưới triều đại Po Saong Nyung Ceng⁵.

3. *Tak kuyau ngap gileng ngan ndong,
pajum buol anaong cakaong, padai tama gileng biruw,,*

Hết đốn gỗ để làm nhà kho và đồn lính⁶, dân chúng phải chuyên chở lúa gạo vào nhà kho mới⁷.

4. *Klau ong parak [padrak] yok nao pathau,
patao lac hu kuyau, di Malithit siam hareh,,*

g). Sau ngày thắng trận, Nguyễn Ánh bắt Po Tisuntiraydapuran đưa về Đồng Nai để kết tội tử hình.

h). Trước triều đại Po Tisuntiraydapuran, người Chăm sống trong yên vui và thịnh vượng.

k). Năm Mùi lịch Chăm (1799), Po Saong Nyung Ceng lên ngôi, kéo theo các cuộc nổi loạn của dân tộc Churu, Raglai và những biến cố khác.

l). Trước nô dịch nặng nề này, quần chúng Champa chỉ biết than van không biết tìm ai để cầu cứu.

⁴ Tác phẩm ghi : *manâk* « khía cạnh, hình thái ; biến cố ».

⁵ Trong biên niên sử Chăm, có 4 vị vua mang chức chương cơ mà tư liệu này gọi là Po Ceng. Theo chúng tôi, Po Ceng ở đây ám chỉ cho quốc trưởng Po Saong Nyung Ceng (1779-1822).

⁶ Tác phẩm ghi : *ndong*, tiếng Việt « đồn ».

⁷ Tác phẩm ghi : *Gileng*. Trong tiếng Chăm, *gileng* có rất nhiều nghĩa: nhà kho, cơ sở chứa vật liệu của quốc gia, dinh vua chúa. *Gileng* trong câu này ám chỉ cho nhà kho. Xem E. Aymonier (1906, tr. 102).

Trong khi đó, có 3 quan lại người Chăm⁸ thôi thúc nhau⁹ báo cáo với vua Minh Mệnh rằng gỗ ở khu vực Malithit (Phan Thiết)¹⁰ là gỗ quý nhất.

5. *Pathau blaoh biruw mang patao paseh,
tuer marai pa-abih, nager Cam tak papan,,*

Sau khi nhận báo cáo này, vua Minh Mệnh ra lệnh cho vương quốc Champa phải đi tìm gỗ để nộp cho triều đình Huế.

6. *Pa-ngap gilai saong ahaok bariyan [bariyar],
Cam nao tak papan, Mali, Bimi ngan Bicem,,*

Thế là người Chăm phải lên đường đốn gỗ ở Mali, Bimi và Bicem¹¹ để phục vụ cho công trình xây dựng tàu bè¹² của triều đình Huế.

7. *Paruic huei pahua limah ka kuan,
nasak tapay balan nam, ahaok patao nduec merai,,*

Người Chăm phải lên rừng tìm dây mây kéo về để nộp cho quan người Kinh trước khi thuyền của vua Minh Mệnh đến Champa vào tháng 6 năm Mẹo lịch Chăm (1807)¹³.

⁸ CM 20 (2) cho rằng ba nhân vật này tên là Ong Caing, Ong Mbo Luk và Ong Klen.

⁹ Tác phẩm ghi : *padrak yok nao pathau*. *Yok* trong câu này không có nghĩa rõ ràng.

¹⁰ *Malithit*, phiên âm sang tiếng Việt : Phan Thiết.

Bản CM 20 (2) viết : *Mbin Thuan* (Bình Thuận). Muốn biết thêm chi tiết về địa danh *Malithit*, xem E. Aymonier (1885, tr. 14), Madrolle (1926, tr. 245), DNNTC (XII, tr. 4, 72), Thái Công Tung (1966).

¹¹ Bản CAM 29 (2), CM 20 (2), CM 30 (14) ghi là « *danao Haling* và *Mili* ». Về địa danh *Danao Haling*, *Mali*, *Mimi* và *Bicem*, xem E. Aymonier (1885, tr. 10-12).

¹² Tác phẩm ghi : *bariyan*, viết đúng chính tả phải là *bariyar* (tiếng Mã : *berlayar*) ám chỉ cho « buồm ».

8. *Pajiéng jién ribuw tamân kot chai,*
tuer ka Cam nan hai, tama nao limah bi blaoh,,

Người ta ra lệnh cho dân tộc Chăm phải chở hàng ngàn hàng triệu¹⁴ tiền đê nộp cho chính quyền Việt Nam.

9. *Thun nasak ina giray nan craoh,*
abih anâk mboh jeh, di ray Po Ceng riim manâk,, [2]

Vào năm Thìn lịch Chăm (1820)¹⁵, vương quốc Champa đang trải qua cơn dịch hạch¹⁶. Đây là biến cố tang thương đã xảy ra dưới triều đại Po Saong Nyung Ceng.

10. *Duh glaih min oh ka lihik,*
Po Ceng daok nyik [khik], adat ca-mbat Cam ita,,

¹³ Dưới thời Po Saong Nyung Ceng, có hai con giáp năm Mẹo : 1807 và 1819. Chúng tôi chọn 1807, vì biên niên sử Việt nam cũng nhắc đến biến cố này.

Thuyền của vua Minh Mệnh đến Champa vào năm 1807 không ám chỉ cho vua Minh Mệnh có mặt trên thuyền này, vì biên niên sử Việt Nam không nói đến chuyến công du của vua Minh Mệnh vào năm 1807.

¹⁴ Tác phẩm ghi : *tamân, kot, chai*. Đây là đơn vị *Angka* (con số) mang ý nghĩa hàng triệu hàng triệu, nhưng người Chăm hôm nay không biết giá trị chính xác của nó như thế nào.

Theo tự điển Chăm-Việt của G. Moussay (1971, tr. 10), *Angkar* Chăm có đơn vị như sau : *sa* = 1, *ratuh* = 100, *ribuw* = 1000, *tamân* = 10 000, *chai* = 100 000, *kot* = 1 000 000, *tik* = 1 000 000 000.

Hai đơn vị *kot* và *tik* trong tự điển G. Moussay cần được xét lại. Trong tiếng Chăm, *kot* đôi khi viết *kottik* là từ phát xuất từ Phạn ngữ : *Kottik* (Campuchia : *Kot*) có giá trị 10 triệu. Vì Phạn ngữ không có đơn vị 1 triệu.

¹⁵ Dưới thời Po Saong Nyung Ceng, có hai lần năm Thìn : 1808 và 1820. Chúng tôi chọn năm 1820 vì biên niên sử Việt Nam có ghi biến cố này. Xem QTCB, tr. 112.

¹⁶ Biên niên sử Việt Nam cũng xác nhận bệnh dịch này. Xem QTCB, tr. 112.

Mặc dù gánh chịu bao nô dịch, nhưng vương quốc Champa vẫn còn tồn tại, vì Po Saong Nyung Ceng rất quan tâm đến phong tục tập quán Chăm.

Cuộc khởi nghĩa của Ja Lidong 1822

*11. Nasak thaih [athaih] Po Ceng nés pabha,
Mbaik Kalin lac ka, Ja Medong kieng ngap mathuh,,*

Vừa nghe tin Po Saong Nyung Ceng băng hà¹⁷ vào năm Ngọ lịch Chăm (1822)¹⁸, quan Mbaik Kalin cho biết là Ja Lidong¹⁹ đang chuẩn bị cuộc khởi nghĩa.

*12. Phaok Klen daok pak Hué ni truh,
Ja Medong kieng ngap mathuh, gham mâk palei Pacem
[Bicam],,*

Lợi dụng sự vắng mặt của phó trấn vương Po Klan Thu (Nguyễn Văn Vĩnh) bị giam giữ ở Huế, Ja Lidong muốn vùng dậy để tấn công thôn Bicam²⁰.

*13 Ong Klen nduec harak harei malam,
pathau patao lac Cam, pa-mblaong kalin mang likuk,,*

¹⁷ Tác phẩm ghi : *Nes* (tiếng Phạn : *nāsa*) « chết ». *Nes pabha* là cụm từ có nghĩa « từ trần ».

¹⁸ Biên niên sử Việt Nam cho biết Po Saong Nhung Ceng băng hà tại Phan Ri vào tháng 6 năm Nhâm Ngọ (1822). Xem DNTLCB (II, tr. 332 ; VI, tr. 74), DNNTC (XII, tr. 41), Po Dharma (1978, tr. 151-152 ; 1983, tr. 258).

CM 20 (2) và CM 30 (14) cho rằng sau ngày từ trần của Po Saong Nyung Ceng, triều đình Huế muốn đưa Bait Leng lên ngôi, nhưng Lê Văn Duyệt từ chối.

¹⁹ Tác phẩm ghi : Ja Medong, trong khi các di bản khác viết : Ja Lidong.

²⁰ DNTLCB (VI, tr. 90) cho rằng có cuộc vùng dậy của dân tộc miền núi ở khu vực Cam Khoái đặt dưới quyền chỉ huy của Tà La Mân vào tháng 8 năm Ngọ (1822).

Nghe tin này, trấn thủ²¹ Bình Thuận ngày đêm tìm cách cho vua Minh Mệnh biết rằng người Chăm đang chuẩn bị cuộc khởi nghĩa.

*14. Phaok Klen daok pak Hué dom ka-uk,
patao mak blaoh pok, brei janâng Klen Thu,,*

Trong lúc ở Huế²², phó trấn vương Po Klan Thu rất lo ngại về tình hình ở quê nhà. Vua Minh Mệnh quyết định tôn ngài lên làm Trấn Thủ²³, tức là quốc vương Champa.

*15. tabiak merai pa-nder mak nyu bi hu,
mayah mathuh alah di nyu, mak akaok ba merai,,*

Từ Huế, quốc vương trở về Champa ra lệnh dẹp tan quân phiến loạn, chặt đầu Ja Lidong cho bằng được, dù cuộc hành quân bị thất bại đi nữa²⁴.

*16. pa-ngap buol Panrang Kraong Parik Pajai,
buol bhap pok hadai, paruh gep nao mathuh,,*

Sau khi tụ họp binh lính Chăm thuộc khu vực Panrang (Phan Rang), Kraong (Long Hương), Parik (Phan Ri) và Pajai (Phú Hải), quốc vương Champa ra lệnh cho họ tiến quân đến chiến trường.

*17. buol Li Dong nao dahlau deng panâh,
ciip saong Yuen oh sanâh, alah nduec calah caluen,,*

²¹ Tác phẩm ghi : *Klen*, tiếng Việt « trấn ».

²² Biên niên sử Việt Nam cũng xác rằng Po Klan Thu có mặt tại Huế kể từ tháng 4 năm Ngọ (1822).

²³ Tác phẩm ghi : *Klen Thu*, tiếng Việt « trấn thủ »

²⁴ Theo DNTLCB, cuộc hành quân này diễn ra vào tháng 2 năm Quý Vị (1823).

Ja Lidong ra lệnh tấn công nhưng bị thất bại, vì không chống cự nổi với đoàn quân Champa có sự yểm trợ của binh lính triều đình Huế²⁵.

*18. ba buol wek marai gi-ndeng nager,
harak patao tuer ka Cam, tak kuyau ngap papan,,*

Quốc vương Champa rút quân về và thanh bình trở lại trên vương quốc. Sau đó, vua Minh Mệnh ra chỉ thị cho chính quyền Champa phải nộp thêm cống.

*19. dom buol grep palei mbuah ker,
duh di ray Po Klen, nyo [kho] ri-mbah glaih hareh,,[3]*

Trước nô dịch quá nặng nề, quần chúng Champa bày tỏ lòng bất mãn đối với chính sách của Po Klan Thu.

Cuộc vùng dậy của Nduai Kabait 1826

*20. nasak manuk balan mat [mak] nan mathuh,
ngap buol ribuw rituh, kieng ba tama tuei angaok,,*

Tháng 12 năm Dậu lịch Chăm (1826)²⁶, Nduai Kabait²⁷ vùng dậy. Quốc vương Champa gọi đoàn quân hơn ngàn người lên khu vực miền cao để tấn công quân phiến loạn

²⁵ Biên niên sử Việt Nam cũng xác nhận cuộc hành quân này. Vào tháng 2 năm Quý Vĩ (1823), Tà La Môn (Ja Li Dong trong biên niên sử Chăm), vùng dậy chiếm đồn Thị Linh. Thái Văn Thuận, phó quản cơ Thuận Nghĩa (Bình Thuận) đem 100 binh lính người Kinh hợp lực với quốc vương Po Klan Thu (Nguyễn Văn Vĩnh) để dẹp quân phiến loạn. Cũng nhờ sự can thiệp của Lê Văn Duyệt ở Gia Định Thành, Tà La Môn (Ja Li Dong) chấp nhận đưa lực lượng hơn 400 người qui hàng trước chính quyền Gia Định Thành.

²⁶ Dưới triều đại Po Klan Thu chỉ có một con giáp năm Dậu (1826). Biên niên sử Việt Nam cũng viết rằng vào tháng 1 năm Bính Tuất (1826), triều đình Huế ra lệnh cho trấn thủ Bình Hòa (Khánh Hòa) là Nguyễn Văn Quế, trấn thủ Phú Yên là Trương Văn Chánh và quốc vương

21. *nao tel Ndaong Nai Ja Phik Akaok,
tiap buol nao luak, ba jalan nao bi hu,,*

Khi đến khu vực Đồng Nai²⁸, Ja Phik Akaok ra lệnh cho quân trình sát tìm đường đi tiến quân.

22. *marai pathau lac jalan jhak lo,
mayah kieng nao jang o hu, nao tui jalan ala,,*

Quân trình sát tâu rằng đường xá miền cao quá khó khăn, đề nghị tiến quân dọc theo đồng bằng.

23. *Ndiew Mbat palue kalin blaoh da-a,
nyu peh pa-mbeng [ba-mbeng] ndong paha, ka nyu marai
ciip tapak,,*

Trong khi đó quan lại Champa tên là Ndiew Mbat đưa ra chính sách chiêu hồi, sẵn sàng mở cửa đồn lính để quân phiến loạn vào qui hàng.

24. *tama abih karek pa-mbeng [ba-mbeng] mak hu,
duah mak halei po, kalin hu dua urang,,*

Champa là Nguyễn Văn Vĩnh (Po Klan Thu) xua quân chống quân phiến loạn. Xem QTCB (tr. 130), MMCY (V, tr. 117-118).

²⁷ Nduai Kabait không có trong câu này, nhưng xuất hiện trong câu 30. Ngược lại, CAM 29 (2) và CM 20 (2) viết : Ndak Bait. CM 30 (14) : Ndaw Bait.

Nduai Kabait tức là Cai Đội tên Kabait. Tổ chức quân sự của nhà Nguyễn thường nêu ra Đội Trưởng và Cai Đội, nhưng người ta không biết rõ chi tiết về hai chức vụ này. Xem Phạm Văn Sơn (III, tr. 128), Đặng Phương Nghị (1973, tr. 128), Phan Khoang (1969, 468), Tạ Chí Đại Trường (1973, tr. 336), MLCB (I-II).

²⁸ Người Chăm chia Ndaong Nai (Đồng Nai) làm hai khu vực : *Ndaong Nai Ala* (Đồng Nai Hạ) là khu vực miền cao nằm giữa đồng bằng Phan Rang-Phan Rí và biên giới Dalat-Dilinh ; *Ndaong Nai Ngaok* (Đồng Nai Thượng) là khu vực Dalat-Dilinh.

Một khi bước vào trong đồn, Ndiew Mbat ra lệnh bắt tất cả quân phiến loạn trong đó có vị chỉ huy.

*25. blah ganiep ba tabiak giep paghang,
mbai athaih ngan limân, abih manâk jang o peng,,*

Ndiew Mbat dùng cây kẹp hai vị chỉ huy để thiêu trên giàn hỏa, mặc dù quân phiến loạn van xin dâng hiến tất cả ngựa voi của họ.

*26. blaoh nyu ew buol kalin deng gleng,
kau giep gep hâ yau nan, tapah sari baik hadei,,*

Sau đó, Ndiew Mbat tập trung quân phiến loạn và tuyên bố rằng đây là cuộc trừng phạt đã man để quân phiến loạn không còn nổi dậy trong tương lai nữa.

*27. nyu giep matai ba tabiak blaoh nyu brei,
jaw ka Cam rabha lisei, sa urang sa ca-ndaih,,*

Ndiew Mbat chặt thi hài của hai vị chỉ huy để phân phát cho lính Chăm mỗi người một khúc.

*28. mathuh blaoh nyu mak limân ngan athaih,
dom buol sa rituh, nyu tiap wek nao palei,,*

Sau khi tịch thu voi ngựa, Ndiew Mbat ra lệnh cho quân phiến loạn trở về quê quán để sinh sống.

*29. Nduai Kabait aden [adar] yah blaoh kakei,
mayah hâ ngap blek yau halei, kau raih mak anâk di tian,,
[4]*

Ndiew Mbat²⁹ vừa giải thích vừa khuyên rằng nếu họ còn ngoan cố, chính quyền Champa sẽ mổ bụng những người vợ của họ để lấy thai nhi³⁰.

*30. blaoh nyu gham Nduai Kabait yau hareng,
dom buol daok peng, hayau klah di metai,,*

Ndiew Mbat hăm dọa Nduai Kabait³¹ như sấm sét. Đoàn quân phiến loạn phải ngồi nghe cảm thấy mình sẽ tránh khỏi cảnh chết.

*31. po praong abih drei sak hatai,
ba buol wek marai, di grep nagar mang gi-ndeng,,*

Sau trận chiến này, quan lại Champa ra lệnh rút quân về và sự thanh bình trở về với vương quốc³².

Chính sách Việt Nam hóa

*32. mada harak patao nduoc ka Klen,
pa-nder mak adat Cam, palue tangi pa-abih,,*

²⁹ Tác phẩm chép : Nduai Kabait là sai lầm, vì tất cả dị bản khác viết : Ndiew Mbat.

³⁰ Những hình phạt này thường xảy ra ở Đông Dương vào thời cổ đại. Nhà thương thuyền Trung Hoa là Tcheou Ta-Kouan cũng nói đến lễ lấy mật của quân phiến loạn ở Campuchia vào thế kỷ XIII. Xem P. Pelliot (1951, tr. 32).

³¹ Theo biên niên sử Việt Nam, thủ lĩnh quân phiến loạn tên là Ma Tráp (tên Chăm là Nduai Kabait ?) bị thất trận và chấp nhận qui hàng. Xem MMCY (V, tr. 119).

³² Theo biên niên sử Việt Nam, cuộc vùng dậy này gây ra mối lo ngại cho triều đình Huế. Chính vì nguyên nhân đó, vua Minh Mệnh ra lệnh chém đầu tức khắc những binh lính nào không làm tròn nghĩa vụ và yêu cầu quan lại phải dập tắt với bất cứ giá nào quân phiến loạn này. Xem MMCY (V, tr. 118).

Sau ngày chinh chiến, vua Minh Mệnh ra lệnh vào năm 1827³³ cho trấn thủ Bình Thuận phải lập tờ báo cáo những gì có liên quan đến phong tục tập quán Chăm³⁴.

33. *blaoh tangi tel ginuor acar biséh [basaih],
tangi adat Cam abih, bither di ngaok tuara,,*

Trước tiên, trấn thủ Bình Thuận muốn biết vai trò của các vị tu sĩ Acar³⁵ Basaih³⁶, phong tục tập quán cho đến khoa học thiên văn Chăm.

34. *ginuor acar po apér [par] ngan adhia,
anyan [akhan] abih di ngaok tuara, bingu rung baoh lingan,,*

Trấn thủ Bình Thuận buộc các vị tu sĩ Chăm Acar, Po Par³⁷, Adhia³⁸ phải khai hết những chức năng và vị trí của ngôi sao rua và sao cày trên trời.

³³ CM 20 (2) nêu ra năm Hợi, tức là 1827.

³⁴ Biên niên sử Việt Nam cũng xác nhận rằng vào năm 1827, vua Minh Mệnh ra lệnh trưng dụng tất cả những tài liệu lưu trữ trong đền chùa hay thành lũy của Việt Nam đưa về Quốc Tử Giám ở Huế. Xem MMCY (V, tr. 86).

³⁵ *Acar* (tiếng Phạn : *âcâya* « người có kiến thức cao, nhà giáo») ám chỉ cho cộng đồng tu sĩ Chăm Bani bao gồm *Acar*, *Katip*, *Imâm* và *Po Gru*. *Acar* còn ám chỉ cho tu sĩ Chăm Bani vừa được tôn chức. Xem E. Durand (1907, tr. 313), Rondot (1950, tr. 26).

³⁶ *Basaih* có hai nghĩa. Thứ nhất, ám chỉ cho cộng đồng tu sĩ Chăm Bà La Môn. Thứ hai, tu sĩ Chăm Bà La Môn vừa được tôn chức.

Nguồn gốc của *Basaih* đã gây ra nhiều tranh luận trong giới khoa học. Một số người cho rằng *Basaih* phát xuất từ chữ « *Baso* » của tiếng Dayak (đảo Borneo) hay từ « *Wasi* » của tiếng Jawa ở Indonesia. Theo A. Cabaton (1902, tr. 20) và P. Rondot (1950, tr. 26), *Basaih* có thể là cách phiên âm của tiếng Campuchia « *Batchici* » hay của tiếng Thái « *Basika* ». Nhưng theo E. Durand (1907, tr. 315), *Basaih* là từ phát xuất từ Phạn ngữ « *vasa* ».

³⁷ Theo E. Aymonier (1906, tr. 290), *Po Par* là chữ viết tắt của *Po Parmagru* ám chỉ cho cộng đồng tu sĩ Chăm Bà La Môn có mặt trong triều đình Champa mà CAM 80 (4) nêu ra danh sách như sau : Po

35. *ginuor acar saong biséh [basaih] po pel [par],
di ngaok tuara yau nan, patuk [batuk] guh ngan kara,,*

Các vị tu sĩ Acar, Basaih, Po Par phải cho biết tất cả chức năng và vị trí của sao kim và sao *kara*³⁹.

36. *saong nyu tangi sa atuk ni tra,
bither mangap yang rija, hu siber ka kajep,,*

Sau đó Trần thủ Bình Thuận còn buộc Chăm phải cho biết tại sao người Chăm phải làm lễ Rija⁴⁰.

37. *biséh [basaih] acar lac Cam hu adat,
ngap yau nan blaoh kajep, mang liwik mang kal merai,,*

Các vị tu sĩ Basaih và Acar trà lời rằng theo truyền thống từ lâu đời, khi gặp bệnh hoạn thì người Chăm phải làm lễ Raja, chỉ có thể thôi.

38. *blaoh tangi tel gрук ra matai,
biséh [basaih] acar nyu akhan, adat ca-mbat drei ka,, [5]*

Ganuer Huer, Po Parmagru, Po Demagru, Po Yang Tapah, Po Sri Tapah, Po Ala Tapah, Po Saban, Po Diyang, Po Kaila và Po Ganuer Bac.

³⁸ *Adhia* (tiếng Phạn : *adya*) là chức sắc tối cao của cộng đồng tu sĩ Chăm Bà La Môn. Liên quan đến *Po Adhia*, xem P. Mus (1931, [47]), E. Aymonier (1891, tr. 42). CAM 72 (8), tr. N59-N61.

³⁹ *Batuk kara* là tên của một vị sao chưa được xác định vị trí.

⁴⁰ *Rija* (Phạn ngữ : *Rajas*, Mã Lai : *Rajas* « lễ bùa chú ») ám chỉ cho những lễ múa của dân tộc Chăm gồm có :

- *Rija Atuw Tathik* và *Rija Atuw Chek* có nguồn gốc từ lễ múa Mak Yong của Mã Lai
- *Rija Nagar*, lễ múa đầu năm do thôn làng tổ chức
- *Rija Harei*, lễ múa do gia đình tổ chức.

Trần thủ Bình Thuận còn hỏi đến đám tang⁴¹ của dân tộc này. Các vị tu sĩ Basaih và Acar phải khai báo cho họ.

39. *blaoh tangi tel danak ngap hamu,
unyin [ukhin] paken [bikal] praong lo, tanyaow pa-ndok
klaik li-a [li-aua],,*

Trần thủ Bình Thuận còn hỏi thêm đến ruộng lệ « *tanyaow*⁴²,
*klaik li-aua*⁴³ »,

40. *nyu tangi tel huak padai da-a,
biséh [basaih] acar ngan adhia, khim klaow blaoh anyan
[akhan],,*

Muốn biết thế nào là lễ « *huak padai da-a*⁴⁴ ». Các vị tu sĩ Basaih, Acar, Adhia mỉm cười rồi khai báo.

41. *blaoh tangi tel lisei ndok tian,
pajuak blaoh tagok di lan, jang nyu tuei thuer [thuai] tangi,,*

Trần thủ Bình Thuận còn hỏi thế nào là lễ « *lisei ndok tian* » hay lễ « *tagok lan* »⁴⁵.

⁴¹ Liên quan đến đám tang của dân tộc Chăm, xem E. Durand (1907), P. Rondot (1950), A. Cabaton (1902, tr. 189), Nguyễn Khắc Ngữ (1957, tr. 629-633), Nghiêm Thâm (1962, XXXII, tr. 215-223 ; XXXIII, tr. 108-123 ; Nguyễn Văn Luận (1968, tr. 123-130).

⁴² *Tanyaow* là lễ kéo rãnh cầu vòng trên đám ruộng trước khi gieo lúa. Xem. A. Cabaton (1902, tr. 15-46), Quảng Đại Chí (1973, tr. 26) Baudesson (1932, tr. 234), Phan Lạc Tuyên (1978, tr. 3-42), Lý Kim Hoa (1978, tr. 67-102).

⁴³ *klaik li-aua* « cày lên » là lễ điền nông trước khi đưa cây vào đám ruộng. Xem Quảng Đại Chí (1973, tr. 26), E. Aymonier (1885b, tr. 243), A. Cabaton (1902, tr. 46).

⁴⁴ Lễ mừng lúa mới diễn ra trên sân nhà sau ngày gặt lúa.

⁴⁵ *Lisei ndok tian* là lễ mừng lúa sắp trở hoa. *Tagok lan* « lên sân » là lễ mừng trước khi đập lúa trên sân. Xem Quảng Đại Chí (1973, tr. 26). Nghiêm Thâm (1962, XXXII, tr. 215-223 ; XXXIV, tr. 108-132).

42. *ginuer acar po apel [par] po gru,
tangi adat biak lo, siber mengap bi-ndi bi-niai,,*

Trước sự hạch hỏi này, các vị tu sĩ Acar, Po Par, Po Gru⁴⁶ không biết phải cư xử như thế nào để làm vừa lòng triều đình Huế.

43. *nyu tangi blaoh pacoh sakarai,
yah anâk Cam hai, sa tapuk rei saong nyu,,*

Theo triều đình Huế, cuộc điều tra này nhằm đưa phong tục tập quán Chăm vào tác phẩm lịch sử của nền minh Việt Nam

44. *ong praong tangi ba tho nan tama,
limah patao lac ka nyu, adat Cam mak abih,,*

Khi công tác đã kết thúc, trấn thủ Bình Thuận báo cáo cho triều đình Huế kết quả điều tra về phong tục tập quán Chăm.

Tranh chấp giữa Minh Mệnh và Lê Văn Duyệt về quyền kiểm soát Champa

45. *Phaok Klen luic ray di nasak tikuh,
patao bi-ndang ew abih, grep ra praong marai kieng biai,,*

Năm Tý lịch Chăm (1828)⁴⁷, quốc vương Po Klan Thu băng hà. Vua Minh Mệnh triệu tập một hội đồng Champa để bàn về việc nối ngôi.

⁴⁶ *Po Gru* là vị lãnh đạo cộng đồng tu sĩ Chăm Bani.

⁴⁷ Biên niên sử Việt Nam ghi là năm Mậu Tý (1828). Xem DNNTC (XII, tr. 42). Cho đến hôm nay, người ta không biết quốc vương Po Klan Thu băng hà ở đâu.

Ariya Po Ceng

46. *mada harak mang Pu [Po] Klen nduoc marai,
likau pathau lac matai, Klen Thu di nager,,*

Sau đó trấn thủ Bình Thuận gửi thông báo cho người Chăm biết về sự từ trần của Po Klan Thu.

47. *paruah mak sa urang daok apan,
brei janâng daok pakreng, nager Cam thuk hatai,,*

Trong khi đó, triều đình Huế yêu cầu tìm một người lên nối ngôi để cai trị vương quốc.

48. *ong Kade daok pak Ndaong Nai,
nyu nduoc harak ba marai, pathau patao lac ligaih,, [6]*

Ông Kade (Lê Văn Duyệt)⁴⁸ ở Đồng Nai đệ trình bức thư lên vua Minh Mệnh cho rằng ông đã tìm được người xứng đáng lên kế vị.

49. *grep praong saong patao o nyin [khin] paplaih,
ong Kade lac ligaih, pok thei blaoh kieng gleng,,*

Các quan lại và cả vua Minh Mệnh không có ai dám phản đối, một khi ông Kade (Lê Văn Duyệt) có ý định đưa người lên làm quốc vương Champa.

50. *ong Kade sa manés oh peng,
lac urang hu kaong, pajaih pajiéng mang ama,,*

⁴⁸ *Kade* trong tiếng Chăm có nghĩa “không có con”. *Kade* ở đây ám chỉ cho Lê Văn Duyệt, một công thần giữ chức Thái Giám dưới triều Gia Long. Thái Giám thường dành cho nam giới bị khiếm khuyết bộ phận sinh dục để chăm sóc và giáo dục các công chúa, nữ tỳ trong cung đình vua chúa Việt Nam. Lê Văn Duyệt là người ái nam ái nữ bẩm sinh chứ không phải tự hoại để làm thái giám.

Ông Kade (Lê Văn Duyệt) dứt khoát⁴⁹ không ủng hộ ai hết, ngoại trừ đứa con của cựu quốc vương Champa là Po Saong Nhung Ceng (1799-1822), người có nhiều công lao⁵⁰ đối với Việt Nam.

51. *blaoh nyu pok janâng Phaok The,
kaong lao mang ama, krung Po Ceng piéh merai,,*

Cuối cùng, Lê Văn Duyệt tự tôn vinh Po Phaok The (Nguyễn Văn Thừa) lên nối ngôi, vì Ngài là con của Po Saong Nyung Ceng đã góp nhiều công lao⁵¹ cho đất nước Việt Nam.

52. *patao sanâng blaoh ginaong buh bai,
kieng pok thei jang o biai, brei janâng klaoh di nyu,,*

Trước thái độ của Lê Văn Duyệt, Vua Minh Mệnh vô cùng tức giận và tuyên bố rằng Ngài không cần hỏi ý kiến ai và có cả quyền cho ai lên ngôi ở vương quốc Champa cũng được.

53. *dom nan mang Phaok Klen Thu,
kakuh pathau blaoh kanâ, urang sa tung saong dahlak,,*

Để làm dịu tình hình, Po Phaok The⁵² cúi đầu tâu với vua Minh Mệnh rằng « Lê Văn Duyệt chỉ là người muốn bày tỏ thái độ thân thiện đối với Ngài mà thôi »

54. *ong Kade ew Cei Dher Kaok,*

⁴⁹ Tác phẩm ghi : *manes* (tiếng Phạn : *manas*) ám chỉ « trái tim, ý thức ». *Sa manes* có nghĩa là « nhất quyết ».

⁵⁰ Tác phẩm ghi : *kaong*, tiếng Việt « công »

⁵¹ Tác phẩm ghi : *kaong lao*, tiếng Việt « công lao ».

⁵² Po Phaok The tức là Ngài Phó Trấn tên là The (Thừa). Trước khi lên ngôi, Ngài giữ chức Phó Trấn Thuận Thành, tức là phó vương Champa. Xem DNNTC (XII, tr. 42), QTCB (196), Nguyễn Đình Diệm (1970, tr. 236).

Ariya Po Ceng

tama marai blaoh kau ngap, janâng ka-nduai nan ka hu [hâ]
”

Sau đó, ông Kade (Lê Văn Duyệt) triệu tập hoàng tử Cei Dher Kaok vào Gia Định Thành để giao cho chức vụ *Ka Nduai* (cai đội)⁵³ nắm quyền phó vương Champa.

55. klaoh tung saong Phaok Klen Thu,
Po Ka-nduai nan kanâ, janâng tok hu angan,,

Vì muốn bày tỏ lòng trung thành đối Po Phaok The⁵⁴, Po Ka Nduai (tức là hoàng tử Cei Dher Kaok) chấp nhận làm phó vương Champa

56. sa drei Phaok Thu baik apen [apan],
pakreng nager Cam halun, lijang daok thuk hatai,,

và chỉ muốn một mình Po Phaok The nắm toàn quyền cai trị vương quốc Champa để hòa bình trở về với đất nước.

Chính sách bóc lột quần chúng Chăm

57. gi-ndi kudha [kadha] bican inâ tui hatai,
habien ma [meng] hu jiên kieng mbai, mang thau ka glac
ngan ligaih,,

Vào thời điểm đó, chính quyền Bình Thuận tìm đủ cách để gây ra vụ kiện⁵⁵. Một khi người Chăm có tiền dứt lốt cho quan lại người Kinh, thì mọi vấn đề đều êm xuôi⁵⁶.

⁵³ Ka-nduai, tiếng Việt « cai đội ».

⁵⁴ Tác phẩm ghi: Phaok Klan Thu (Phó Trấn Thủ), ám chỉ cho Po Phaok The, người đã từng giữ chức vụ này trước khi lên ngôi. Cho đến hôm nay, người ta không biết Lê Văn Duyệt hay vua Minh Mệnh đưa Po Phaok The lên ngôi. Nhưng sau ngày lên nắm chính quyền, Po Phaok The chỉ phục tùng Lê Văn Duyệt mà thôi. Xem QTCB, tr. 153.

58. *o hu kieng luak nan nyu mak nao yam,
glac ligaih ngan siam, nyu yam abih di sang atah,, [7]*

Nếu không muốn đút lót, chính quyền Bình Thuận bắt người Chăm giam⁵⁷ trong nhà tù⁵⁸, không cần biết có tội hay không.

59. *hu kieng luak mang gi-ndi nan drah,
ew merai blaoh taoh, glac di buol mang tangi,,*

Một khi đã đút lót⁵⁹, quan lại người Kinh xóa bỏ vụ án không cần hỏi gì thêm.

60. *dom jièn buol ba mbai gi-ndi,
nyu dak tagok pagep sumu, mang tada caik tanan,,*

Vào thời điểm đó, tiền đút lót cho vụ án có khi chồng lên nhau cao đến ngực,

61. *bala bisan saong gihluw brâng cam,
abih manât [manâk] caik tanan, Yuen Cam mboh sa gleng,,*

chưa nói đến sừng voi, sừng tê giác, kỳ hương⁶⁰ và dây leo⁶¹ được tập trung lại để cho mọi người Kinh đều thấy trước mắt.

⁵⁵ Theo DNTLCB (I, 175) và Phan Khoang (1969, tr. 392), xưa kia, vấn đề kiện tụng giữa người Chăm hoàn toàn do chính quyền Champa xử lý. Vào năm Nhâm Thìn (1712), một hiệp ước giữa quốc vương Champa là Po Saktiraydaputih và triều đình Huế qui định rằng vấn đề kiện tụng giữa thần dân Champa và người Kinh sống trong vương quốc này phải có một hội đồng hỗn hợp gồm có quan lại Champa và triều đình Huế xử lý.

⁵⁶ Mặc dù vua Minh Mệnh có chính sách chống tham nhũng, nhưng không giải quyết nổi những tệ đoan của tầng lớp quan lại người Kinh ở địa phương. Xem Gaultier (1935, tr. 254).

⁵⁷ Tác phẩm ghi : *yam* tiếng Việt « giam »

⁵⁸ Tác phẩm ghi : *sang atah* « nhà dài », ám chỉ cho nhà giam ?

⁵⁹ Tác phẩm ghi : *Luak* « chun, chui », ở đây có nghĩa là đút lót.

62. *pataom ralo ka nyu ba tama gileng,
di grep po pahader, krung gi-ndi yam dahlau,,*

Sau đó người ta đưa những sản vật này vào kho. Chính sách này nhằm vào mục tiêu để quan lại Champa nhớ lại những vụ án đã xảy ra trước kia.

63. *pa-nder ew ba marai baik ka kau,
tangi blaoh pamayau, adat glac nan siber,,*

Những ai không đưa tiền đút lót, chính quyền Bình Thuận bắt họ để điều tra, xem xét tội phạm họ như thế nào,

64. *blaoh kakuh likau po ngap dher,
gi-ndi kudha yau nan, daok pak dhur palak takai,,*

Người Chăm chỉ biết van lạy để xin che chở, bởi vì những vụ án này hoàn toàn nằm trong tay của chính quyền Bình Thuận⁶².

65. *kathaot ri-mbah blaoh oh hu jién kieng mbai,*

⁶⁰ *Gihluw* « kỳ hương ». *Gihluw* Champa là loại gỗ thơm có giá trị nhất trên thị trường thương mại tại Nam Châu Á trước thế kỷ thứ XIX. Xem A. Cabaton (1902, tr. 49), E. Aymonier (1885, tr. 230), P. Y. Manguin (1972, tr. 244-248), Petelot (1954, tr. 65-66).

Trước khi đi tìm gỗ kỳ hương, người Chăm phải làm lễ để tôn vinh Po *Gihluw* (Thần Kỳ Hương). Chuyên gia làm nghề tìm kỳ hương là người Chăm thôn Phước Nhơn, Ninh Thuận. Xem Baudesson (1932, tr. 234), Fillastre (1905, tr. 248), CM 36 (3), tr. 42-45.

⁶¹ Tác phẩm ghi : *brang cam* là loại dây leo dùng để làm cái võng và dây cho việc đồng án. Xem Pételot (1954, tr. 27-33).

⁶² Tác phẩm viết : *dhur palak takai* « bụi bặm dưới bàn chân ». Đây là thuật ngữ khi xưng hô với quốc vương Champa, nhân vật có quyền lực tối cao của quốc gia. Chính vì thế, người dân không thể rờ tới bàn chân của vua chúa Champa, mà chỉ rờ đến bụi bặm dưới bàn chân Ngài mà thôi.

Ariya Po Ceng

apaoh ataong blaoh pabrai, tiap tabiak wek bi drah,,

Vì quá nghèo khổ không tìm đâu ra tiền để đút lót, chính quyền Bình Thuận tha hồ đánh đập người Chăm trước khi đuổi họ ra khỏi tòa.

*66. Yuen pathau pak patao lac nyu mboh,
jién cak yau njuh, dak tagok sumu saong sang,,*

Trong khi đó người Kinh tâu vua Minh Mệnh rằng họ thấy người Chăm có tiền chất đống như củi cao hơn mái nhà.

*67. halei buol duh dak tahu tahang,
nyu paoh ataong blaoh gham, o thau ka glac ngan ligaih,,*

Hết làm nô dịch vô cùng nặng nề⁶³, chính quyền Việt Nam còn tra tấn và hăm dọa người Chăm để rồi họ không còn lý trí để phân biệt đúng hay sai.

Chính sách đàn áp tín ngưỡng Chăm

*68. unyin [ukhin] paken [pakal] nan ra lac ginuer biséh
[basaih],
tel tuk oh ligaih, po asel [par] jang nyu gham,, [8]*

Basaih và Po Par là những vị tu sĩ thiêng liêng. Một khi làm phật lòng chính quyền, phủ Bình Thuận đưa ra ngay lời hăm dọa⁶⁴.

69. anguei mbeng tuei Yuen lac siam,

⁶³ Tác phẩm ghi : *Tahu tahang* « nóng cháy, quá sức ».

⁶⁴ Chức sắc tôn giáo Chăm là cộng đồng tu sĩ mang tính cách thiêng liêng và bất khả xâm phạm. Họ mang cả chức phong Po « Ngài » dành cho vua chúa. Không ai có quyền đụng chạm đến họ. Xem E. Durang (1907, tr. 313), P. Rondo (1950, tr. 43), E. Aymonier (1885, tr. 285), A. Cabaton (1902, tr. 22).

pu porami [purami] ngap ahar, truc nyang mbeng maong nam,,

Triều đình Huế cho rằng sống theo phong cách người Kinh mới là tiến bộ, buộc người Chăm phải làm bánh trái để cúng ngày rằm⁶⁵, phải đốt nhang⁶⁶ ăn lễ ngày mùng⁶⁷ 5 trong tháng⁶⁸.

*70. thei kakuh mang pagé sa tel klem,
porami mbeng rem, subik saong kuya taba,,*

Người Chăm phải cúng rằm⁶⁹ với đồ chay⁷⁰ và bái lạy từ sáng đến chiều.

*71. ruak hakik jang oh mbon rija,
ngap rap pajuw tamia, ka hat mbuai kieng adaoh,,*

Khi bệnh hoạn, người Chăm không có quyền làm lễ Rija, trong khi đó triều đình Huế buộc người Chăm làm lễ múa Pajuw để đoàn hát bội⁷¹ người Kinh có dịp diễn tuồng chung trong rạp.

⁶⁵ Tác phẩm viết *purami* (Phạn ngữ : *purani*) có nghĩa là « trắng tròn ». Theo lịch Chăm, mỗi tháng có 30 ngày chia làm hai phần : 15 ngày thượng tuần (*bingun*) và 15 ngày hạ tuần (*klam*). *Purami* là ngày thứ 15 trong tháng, tức là rằm trong tiếng Việt.

⁶⁶ Tác phẩm ghi : *nyang*, tiếng Việt « nhang ».

⁶⁷ Tác phẩm ghi : *maong*, tiếng Việt « mùng ».

⁶⁸ Tết mùng 5 có thể ám chỉ cho tết đoàn ngọc của người Kinh thường diễn ra vào ngày mùng 5 tháng 5 âm lịch. Xem Louis-Hénard (1975, tr. 47), Toan Ánh (1967, tr. 317), Whitfield (1976, tr. 270).

⁶⁹ Tác phẩm ghi : *rem*, tiếng Việt « rằm ».

⁷⁰ Tác phẩm ghi : *kuya taba* « đồ lạy », ám chỉ cho món ăn chay.

⁷¹ Tác phẩm viết : *hat mbuai*, tiếng Việt « hát bội », có nguồn gốc từ Trung Hoa mà vua Trần Nhân Tông (1278-1293) du nhập vào Đại Việt sau ngày chiến thắng chống quân Mông Cổ của Toa Đô vào năm 1285. Xem Huỳnh Khắc Dụng (1970, tr. 15), Louis-Hénard (1980, tr. 196-199), Cordier (1917, tr. 371-380).

72. *rup marai dhe di sang atah,
tama tabiak Yuen mboh, po Cam ngap karei,,*

Triều đình Huế buộc người Chăm phải thờ⁷² tượng thần linh người Kinh trong nhà. Người Kinh vừa bước ra khỏi nhà, người Chăm lại bung thần linh đi nơi khác⁷³.

73. *po Cam kieng tama tuei drei,
yang rija muk su kei, po Cam klak abih,,*

Cũng vì quan lại Chăm muốn theo tín ngưỡng người Kinh, thành ra họ phải bỏ rơi nghi lễ Rija và tổ tiên Chăm.

74. *po ngap dom anyar [akhar] daok di dui,
adat ca-mbat klak abih, tuei Yuen lac mekrá,,*

Dù có viết bao trang giấy, thì quan lại Chăm vẫn là người phải chịu tội, một khi đã bỏ rơi phong tục của mình để chạy theo cuộc sống tiến bộ của người Kinh.

75. *halei haduis mang dalam tian inâ,
craok sa dui ni tama, njep dua mbeng padak,,*

Vận xấu của người Chăm đã có từ khi nằm trong lòng của mẹ. Tại sao phải gán cho người Chăm thêm tai họa lần thứ hai !

76. *jiéng po adat ca-mbat oh ikak,
pa-nder buol anguei tapak, adat Cam siber mang jiéng,,*

⁷² Tác phẩm ghi : *dhe*, tiếng Việt « thờ ».

⁷³ Liên quan đến thần linh người Kinh, xem Louis-Hénard (1980, tr. 18-22), Huard và Durand (1954), Dumoutier (1907).

Theo phong tục, người Chăm không giám để tượng thần linh nào trong nhà của họ.

Nhân danh quốc vương không quan tâm đến phong tục của mình, nhưng lại kêu gọi người Chăm phải bảo tồn tín ngưỡng này. Thế thì đâu là tương lai di sản văn hóa Chăm.

*77. lihik nager tablek adat tel thun,
ra jaw brei wek ka Yuen, ngap patuei saong tian takrà,,*

Một khi phong tục Chăm bị đảo lộn và vương quốc Champa bị sụp đổ, điều dĩ nhiên là người Kinh phải nắm quyền cai trị quần chúng Chăm theo ý muốn của mình.

Quan lại Chăm tố cáo Po Phaok The

*78. bila bisal [basan] takik min pak Hué,
ralo min ba tama, pak Ndaong Nai ka ong Kade,, [9]*

Người ta cũng không hiểu tại sao triều đình Champa chỉ nộp sản vật sừng voi, sừng tê giác cho ông Kade (Lê Văn Duyệt) ở Đồng Nai, chỉ một số ít nộp cho triều đình Huế.

*79. daok saong Yuen praong anaih oh takrà,
mboh hu ong Kade, daok paceng mang anak,,*

Một khi đã có thế lực của ông Kade (Lê Văn Duyệt) trước mắt, quần chúng Chăm từ già đến trẻ tìm cách bài trừ người Kinh.

*80. grep praong gi-naong mebai nao palaik,
bila bisal [bisan] bither mang hagait, Phaok The oh ba marai,,*

Chính đó là nguyên nhân buộc một số quan lại Chăm tố cáo quốc vương Po Phaok The không nộp sừng voi, sừng tê giác hay các sản phẩm khác cho triều đình Huế.

*81. patao gi-naong blaoh pa-nder hâ mai,
bila bisal [basan] ngan padai, hakak jiâ juai kurang,,*

Nghe tin này, vua Minh Mệnh vô cùng phẫn nộ, ra lệnh bắt Po Phaok The đưa về Huế vào năm 1832⁷⁴ và buộc vương quốc Champa phải trả lại những sản vật như ngà voi, sừng tê giác, lúa gạo.

*82. dom mbai padak thun padak bulan,
ngap yau nan ka mang bak di tian, bila bisal [basan] oh ba
merai,,*

Người Chăm phải nộp cho triều đình Huế hàng năm liên tục để làm hài lòng vua Minh Mệnh về tội không nộp thuế như đã qui định.

Sau ngày từ trần của Lê Văn Duyệt

*83. tel thun nasak ina giray,
ong Kade nan matai, luak yuer di grep libik,,*

Vào năm Thìn lịch Chăm (1832)⁷⁵, Lê Văn Duyệt từ trần, kéo theo sự hóa kiếp người Chăm⁷⁶ thành nạn nhân của sự trừng phạt ở khắp mọi nơi.

*84. patao pathai grep ong praong marai panyik [pakhik],
mak glac ngan suk, nyu ngap kasang tuak di baong,,*

⁷⁴ Theo CAM 29 (1) câu 4, vua Minh Mệnh bắt quốc vương Po Phaok The (Nguyễn Văn Thừa) và phó quốc vương Ka-nduay Ngueng (Nguyễn Văn Nguyên) vào tháng 3 năm Thìn lịch Chăm (1832), và biên niên sử Việt Nam cũng xác nhận rằng biến cố này xảy ra vào Nhâm Thìn (1832). Xem Nguyễn Bửu Cầm (1958, tr. 1246-1249), Từ Nguyên (1959, 43, tr. 969-181)

⁷⁵ Theo biên niên sử Việt Nam, Lê Văn Duyệt từ trần vào tháng 7 năm Nhâm Thìn (1832). Xem QTCB (tr. 153), Gaultier (II, 1935, tr. 99), Silvestre (1915, tr. 19).

⁷⁶ Tác phẩm viết *kuak yuer* « hóa kiếp ».

Vua Minh Mệnh ra lệnh bắt những người Chăm nào theo Lê Văn Duyệt bỏ vào gông cùm,

85. *pa-nder thau taoh janâng gham ataong,
nan mang bak tian gi-naong, ong Kade nan acrih,,*

Cách chức⁷⁷ những quan lại người Chăm đứng về phe Gia Định Thành và tra tấn họ để làm nguôi mối hận thù của vua Minh Mệnh đối với Lê Văn Duyệt⁷⁸.

86. *pa-nder mak kaya akal [akar] pa-abih,
buol bhap limân athaih, tiap tabiak wek marai,,*

Vua Minh Mệnh còn ra lệnh tịch thu tất cả tài sản, voi, ngựa, binh lính người Chăm ở Đồng Nai để đem về Bình Thuận.

87. *grep po praong pakreng di Ndaong Nai,
buol bhap thuk hatai, patapak bi abih,,*

Kể từ đó, các quan lại người Chăm lãnh đạo ở khu vực Đồng Nai cũng như dân chúng bày tỏ lòng vui mừng để xin qui hàng với triều đình Huế.

Chính sách Việt Nam hóa lần thứ hai

88. *blaoh patao ew huer nan merai,
peh tapuk sakkaray, gleng mboh nager ya urang,, [10]*

Sau đó vua Minh Mệnh yêu cầu nhà tiên tri Chăm mở sách tử vi để tiên đoán thế nào là tương lai của vương quốc Champa.

⁷⁷ Tác phẩm viết: *thau*, tiếng Việt «thâu, thu hỏi».

⁷⁸ Sau ngày từ trần của Lê Văn Duyệt, vua Minh Mệnh ra lệnh san bằng mồ mã của phó vương này vào năm 1835 và trừng trị thảm khốc những thành viên trong gia đình của ông. Xem Trương Vĩnh Ký (1875, II, tr. 263), Laborde (1918, tr. 115-116), Silvestre (1915, tr. 21), Phạm Văn Sơn (1960, tr. 602), Schreiner (I, 1900, tr. 192-193).

89. *patao ew abih drei hadom ra praong,
biai gep nao pasrem, Cam pacuk talipha,,*

Vua Minh Mệnh tập trung tất cả quan lại người Chăm và dạy cho họ cách mặc quân của người Kinh.

90. *blaoh pakep ngap yang ngan rija,
mak Cam blaoh ba, sa aia saong drei pabih [pa-abih],,*

Sau đó vua Minh Mệnh ngăn cấm người Chăm cúng tế thần linh hay làm lễ Rija và buộc người Chăm trở thành công dân của quốc gia Việt Nam.

91. *di thun nasak inâ giray balan tajuh,
patao gi-naong di Cam crih, nyu thai dua praong merai,,*

Vì quá phần nộ đối với thái độ của dân tộc Chăm, vào tháng 7 năm Thìn lịch Chăm (1832), vua Minh Mệnh ra lệnh cho hai vị quan lớn người Kinh⁷⁹

92. *nyu mak tho mang Parik sa tel Pajai,
nâh nager wek merai, nâh tho Kraong Panrang,,*

tịch thu tất cả tư liệu sổ sách⁸⁰ người Chăm từ Phan Rí đến Phố Hải, phân chia địa hạt hành chánh ở khu vực này⁸¹, sau đó tịch thu tư liệu sổ sách ở Long Hương và Phan Rang.

⁷⁹ QTCB (tr. 154) ghi rằng vào tháng 10 năm Nhâm Thìn (1832), triều đình Huế ra lệnh cho Lê Nguyên Trung đến phủ Bình Thuận để tổ chức đơn vị hành chánh ở Champa.

⁸⁰ Tác phẩm ghi : *tho*, tiếng Việt « sổ ».

⁸¹ Theo MMCY (VI, tr. 143-144), sau ngày từ trần của Lê Văn Duyệt vào năm 1832, Lê Trung Nguyên phân chia lãnh thổ Champa thành đơn vị hành chánh của Việt Nam, buộc người Chăm phải lấy tên họ như Đào, Mai, Tùng, Liễu, v.v. Sau khi nhận tờ báo cáo, Minh Mệnh quyết định qui tụ tất cả người Chăm vào hai Huyện : Tuy Phong đặt dưới quyền

93. *pa-abih di nager Prangdarang,
kadher [kadhar] biséh [basaih] ngan acar, jaoh taglaoh
ngan ra ruak,,*

buộc các chức sắc Kadhar⁸², Basaih, Acar, những người mù,
tàn tật hay bệnh hoạn đi nữa

94. *kung tangin yap thun papaoh nasak,
abih drei huec tapak, nyu ngap tho ba tama,,*

chấp tay trên ngực khai sự thật như người ta làm bài tính để
quan lại người Kinh viết vào tờ báo cáo.

95. *nao pathau Nyam [Kham] Mang nyu tangi,
mak tho lac hu, hadom ribuw buol Panrang,,*

Sau đó, Khâm Mạng⁸³ hỏi hai vị quan người Kinh việc thống
kê người Chăm kết quả có mấy ngàn người.

96. *dom nan mang Po Nduai Jang,*

điều hành của phủ Ninh Thuận và Huyện Tuy Định thuộc phủ Hàm
Thuận.

Ngược lại, theo QTCB (tr. 154), triều đình Huế chia Champa thành
nhiều đơn vị. Huyện An Phước và Tuy Phong đặt dưới quyền cai trị
của phủ Ninh Thuận. Huyện Tuy Phong và Tuy Tĩnh thuộc phủ Hàm
Thuận.

Liên quan đến địa dư của những huyện này dưới thời Thiệu Trị, xem
DNNTC (XII).

⁸² *Kadhar* là chức sắc Chăm Bà La Môn thường hát tế lễ với cái đàn *rabap*
« đàn nhị cầm».

Đàn *rabap* có hình dáng rất gần gũi với đàn *kanyi* thường sử dụng
trong đám tang. *Rabap* có giây cung hơi chùng trong khi đó *Kanyi* có
có giây cung rất căng.

⁸³ Tác phẩm ghi : *Kham Mang*, tiếng Việt « Khâm Mạng », là người vâng
lệnh nhà vua để thi hành một nghĩa vụ đặc biệt.

Ariya Po Ceng

pathau dom buol Panrang, kieng deng tagok pa-mblaong mathuh,,

Nhân dịp này, Po Nduai Jang cho biết việc thống kê đồng bào rất khó, vì người Chăm Phan Rang đang chuẩn bị cuộc vùng dậy.

97. *Nyam [Kham] Mang kruot tagok gi-naong da-ngih, mak tho oh abih, padep buol pakarang,,*

Nghe tin này, Khâm Mạng nổi nóng chửi bới⁸⁴ cho rằng nếu Po Nduai Jang không làm thống kê toàn bộ, là vì ông muốn giấu giếm phần nào dân số người Chăm ở Phan Rang.

98. *dom nan mang nyu thai krah pakal [pakar], merai wak dom yang, bira thau ngap pasal (?), [11]*

Sau đó, Khâm Mạng ra lệnh cho quan lại thư ký⁸⁵ kê khai những thần linh nương đạ⁸⁶.

99. *ngap tho pa-abih dalam bi-ar, pathau ka dom buol Panrang, dua ribuw sa rituh,,*

Quan lại thư ký thống kê dân số trên giấy tờ, cho biết người Chăm ở Phan Rang chỉ có 2100 người.

100. *praong Yuen nyu gi-naong di Cam hacrih, nyu gham mak acar biséh [basaih], pa-mbeng limaow pabuei ajah,,*

⁸⁴ Tác phẩm ghi : *kruot* (tiếng Phạn : *krodha*) « chửi mắng, la hét ».

⁸⁵ *Krah pakar* còn viết *Krah dikar*, *Krah bikar* ám chỉ cho thư ký hay nhà tiên tri.

⁸⁶ Tác phẩm ghi : *ngap pasal*, không biết ám chỉ gì ?

Nghe tổng số người Chăm quá ít, Khâm Mạng phần nộ và hăm dọa bắt tu sĩ Chăm Bà La Môn phải ăn thịt bò và tu sĩ Chăm Bani phải ăn thịt heo, thịt giông⁸⁷ về tội khai báo không chính xác.

*101. praong gi-naong mak gihluw rai blah,
po bia binân [banân] mboh, nyu ngap kurei adat ca-mbat,,*

Khâm Mạng phần nộ và phá hủy kho kỳ hương đến nỗi bà hoàng hậu Champa cũng đưa ra nhận định⁸⁸ rằng Khâm Mạng đang hành động không đúng với phong tục Chăm.

*102. di grep yang su cei tok cep,
craok merai sa adat, di grep patao mang liwik,,*

mà các bậc tiền nhân đã đề lại cho các vua chúa Champa từ xưa.

*103. pa-nder mak aw ba ka kau,
pacuk blaoh pameyau, dreh patao Cam hai o,,*

Khâm Mạng còn ra lệnh đưa áo mào vua chúa Champa để ông mặc vào rồi hỏi người Chăm xem tướng mạo của ông có giống như vua chúa Champa hay không ?

⁸⁷ Theo tính ngưỡng, Chăm Bà La Môn không nuôi bò và không ăn thịt bò. Vì con bò *Kapil* (tiếng Phạn : *Kapila*) là con vật đưa linh hồn người chết về thiên đường của tổ tiên. Xem Thiên Sanh Cảnh (1972, tr. 11)

Người Chăm Bani không nuôi heo, không ăn thịt heo và thịt giông. Đây là truyền thống chung của Hồi Giáo.

Theo truyền thuyết Chăm, cũng nhờ sự giúp đỡ của con giông mà thiên sứ Mohammed vượt qua bao khó khăn trên xa mạc không nước và không thức ăn sau ngày bại trận chống lại đoàn quân của Medina. Xem Nguyễn Khắc Ngữ và Bồ Thuận (1960, tr. 987), Nghiêm Thâm (1962, tr. 215-223), Dorohiem (1966, tr. 19-21).

⁸⁸ Tác phẩm viết : *banân* « thầy ».

Ariya Po Ceng

104. *dom gaon sanâng ku-nda huec lo,
kaya kal [kar] mang bia po, oh kieng mak ba merai,,*

Nghe lệnh này, người Chăm vô cùng sợ hãi, vì không ai dám lấy áo quần vương mào của vua chúa đưa cho Khâm Mạng⁸⁹.

105. *anguei mbeng daok di ngaok maligai,
nyu ew buol nyu merai, kaong kakuh mang anak,,*

Khi mặc xong vương mào của vua chúa Champa, Khâm Mạng ngồi bệ trên ngai vàng, buộc binh lính và quần chúng Chăm quì xuống bái lạy trước mắt ông ta.

106. *tabiak nao ba bilai tariyuak,
buol meyaom dreh biak, patao Cam mang liwik,,*

Sau đó, Khâm Mạng bước đi vài bước rất dịu dàng trong khi đó binh lính và quần chúng Chăm hô lên: Ngài Khâm Mạng có dáng bước như vua chúa Champa thật sự.

107. *di grep po yang su cei kieng pa-ndik,
pataom merai di grep atuk [tuk], mboh nyu ngap pameyau,,*

Thấy như vậy, các thần linh Champa vô cùng uất ức, vì Khâm Mạng muốn so sánh ông ta với vua chúa Champa.

108. *meyah jak sanak ginreh praok atuw,
hâ mbeng ralaow pabuei ka kau, mang thau ka hatai hâ tapak,, [12]*

⁸⁹ Theo truyền thống, người Chăm không dám đá động đến gia bảo của hoàng gia, vì sợ thần linh trừng phạt. Người có chức năng mới có quyền lấy bảo vật của hoàng gia ra trong ngày cúng tế. Xem H. Parmentier và E. Durand (1905, tr. 1-46).

Nghe nói tổ tiên người Chăm Bani rất linh thiêng, Khâm Mạng cho rằng nếu người Chăm Bani dám bỏ tín ngưỡng của mình để ăn thịt heo, thì họ mới là người trung thành thật sự với triều đình Huế.

*109. nyu puec hamiit tel yang Aditiak,
nabi Ali rai tak, sa kasan oh sumu,,*

Khâm Mạng nguyên rủa người Chăm nghe đến tận tai thần mặt trời. Dù thiên sứ Ali⁹⁰ giáng xuống chém đầu trong tức khắc⁹¹ cũng không kịp bịt miệng ông.

*110. matai blaoh nyu lac Cam ngap jru,
nyu mak krung min o hu, oh thau libik ngap siber,,*

Nghe tin người Kinh chết không biết vì lý do gì, Khâm Mạng cũng kết tội người Chăm làm bùa chú. Một khi cuộc điều tra không có kết quả, người Chăm rất lo lắng và run sợ vì không biết phải đối xử như thế nào.

*111. daok tel balan salipan,
nyu ba dom buol Cam, tabiak nao pak Huế,,*

Ở lại vương quốc Champa cho đến tháng 7 năm Thìn lịch Chăm (1832), Khâm Mạng trở về Huế mang theo nhiều binh lính Chăm.

*112. balan sa pluh patao thei Tuer Phu,
merai daok di sang tâ, ong praong di nager,,*

⁹⁰ Trong tín ngưỡng của Chăm Bani, người ta thường nhắc đến Ali và phu nhân là Fatimah, vì Chăm Bani chịu ảnh hưởng trường phái của Hồi Giáo Shi'ite. Xem A. Cabaton (1927, tr. 540), P. Y. Manguin (1979, tr. 278).

⁹¹ Tác phẩm ghi : *kasan* (tiếng Phạn : *ksana*), « chóc lác, tức khắc ».

Tháng 12 năm Thìn lịch Chăm (1832), vua Minh Mệnh cử Tuần Phủ để thay thế Khâm Mạng. Tuần Phủ⁹² trưng dụng tư⁹³ dinh Champa để làm trụ sở của mình.

113. *caong kieng mboh hadom sang phuel dher,
yang bimong yang kalen [kalan], kieng merai daok pagap,,*

Tuần Phủ muốn thấy nhà *phuel dher*⁹⁴, *bimong* và *kalan*⁹⁵ để nghiên cứu và so sánh.

114. *mabai di Cam jiéng patao sa jala,
balan pak trun li-ava, bia nao trun hatem,,*

Tuần Phủ tức giận hơn một buổi về người Chăm muốn phục hưng lại vương miện vua chúa, tiếp tục làm lễ tạ điền vào tháng 4 lịch Chăm⁹⁶ và lễ *Bia trun hatem* (hoàng hậu cây lúa)⁹⁷.

115. *blaoh thau janâng wek di gaon,
brei ka kuan ké angan, thau hadom Cru Riglai,,*

⁹² Tác phẩm ghi : *Tuer Phu*, tiếng Việt « Tuần Phủ ».

⁹³ Tác phẩm ghi : *tâ*, tiếng Việt « tư ».

⁹⁴ *Sang phuel dher* « nhà phúc đức » vẫn còn sử dụng trong văn chương Chăm, nhưng người ta không biết thế nào ý nghĩa của nó.

⁹⁵ *Bimong* có hai nghĩa. 1). Tên gọi chung của đền tháp. 2). Thuật ngữ kiến trúc ám chỉ cho đền có nhiều cửa ra vào, tức là vào cửa này nhưng có thể ra cửa khác.

Kalen hay *Kalan* là thuật ngữ kiến trúc ám chỉ cho tháp chính chỉ có một cửa ra vào. Tại tháp Po Klaong Garai, đền chính giữa có tượng Po Klaong Garai gọi là *Kalan*. Những đền nhỏ ở phía đông và nam gọi là *bimong*, vì có hai cửa ra vào.

⁹⁶ Tác phẩm viết : *trun li-ava* là lễ dựng chòi gần đám ruộng để tạm trú trước khi cày ruộng.

⁹⁷ Người Chăm không còn biết thế nào là nguồn gốc của lễ *Bia trun hatem* « hoàng hậu cây lúa ». Hôm nay, lễ này vẫn còn thịnh hành ở Đông Dương, nhất là tại vương quốc Campuchia. Xem E. Maspero (1954, tr. 333 ; III, 1959, tr. 29), J. Delvert (1961, tr. 339).

Sau đó Tuần Phủ thu lại chức phong Champa của quan lại Chăm, Churu, Raglai⁹⁸ và lập⁹⁹ danh sách tên tuổi của họ.

116. *blaoh nyu ew Panrang Kraong Parik Pajai,
abih drei trun merai, lain janâng kai taong,,*

Sau đó, Tuần Phủ tập trung những người Chăm đại diện cho Parang, Kraong, Parik, Pajai để lãnh¹⁰⁰ chức vụ cai tổng¹⁰¹.

117. *subik saong lik kleng klum mbien,
nyu brei janâng blaoh pa-aen [pa-auen], brei blaoh nyu
paya,,*

lý trưởng, trùm, biện¹⁰². Sau đó Tuần Phủ đứng ra chúc mừng và qui định nghĩa vụ của họ.

118. *menâng drei mboh janâng nan auen,
menâng drei oh nyin [khin], pathaik drei tuei taha,, [13]*

⁹⁸ Churu và Raglai là hai dân tộc thuộc ngôn ngữ Mã Lai Đa Đảo hiện có mặt tại hu vực Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận.

Liên quan đến Churu và Raglai, xem Lebar, Hickey, Musgrave (1964, tr. 249), Hồ Văn Đàm (1960, tr. 438), Nguyễn Văn Điều (1981, tr. 23-31), Cửu Long và Toan Ánh (1974, tr. 205).

⁹⁹ Tác phẩm ghi : *ké*, tiếng Việt « kê, kê khai ».

¹⁰⁰ Tác phẩm ghi : *lain*, tiếng Việt « lãnh ».

¹⁰¹ Tác phẩm viết : *kai toang*, tiếng Việt « cai tổng ».

Mỗi phủ hay huyện dưới thời nhà Nguyễn chia thành nhiều tổng đặt dưới quyền điều hành của Cai Tổng.

Liên quan đến tổ chức tổng huyện thời Nguyễn, xem Scheiner (1900, tr. 332-333), MMCY (VI, tr. 192), Withfield (1957, tr. 1), Nguyễn Văn Mại (1972, tr. 26), Lê Kim Ngân (1963, tr. 85), HDBD (tr. 211).

¹⁰² Tác phẩm viết : *lik kleng*, tiếng Việt « lý trưởng » hôm nay là thôn trưởng; *klum*, tiếng Việt « trùm », thân hào trong thôn ; *mbien*, tiếng Việt « biện », người thu thuế.

Về vai trò và chức năng của 3 quan lại này, xem Schreiner (1900, tr. 30)

Một số người Chăm trẻ vô cùng hờ hững cho chức vị mới, trong khi đó một số người già không chấp nhận, tìm cách lánh thân.

*119. ruah mak dom urang dem dara,
ngap gruk kieng ka, sa prân saong gep bi samer,,*

Tuần Phủ hô hào cho thanh niên Chăm phải góp phần vào công tác để phát triển nhanh hơn.

*120. anâk Cam abih drei tuei Yuen,
paoh anyaok [akhaok] mbap klum, mbien saong mbép di palei,,*

Một khi đã chạy theo chính quyền người Kinh, người Chăm đánh gõ thông báo¹⁰³ cho trùm, biện và bếp¹⁰⁴ của mỗi thôn.

*121. ngap gruk mang ni sa tel hadei,
aia Yuen ngap kurei, mboh Dreh di mata,,*

Sau một thời gian qui phục, người Chăm thấy rằng triều đình Huế không bao giờ giữ lời hứa đối với người Chăm.

*122. nyu pa-nder mak tho mul tal kami,
ba nao blaoh tangi, muk su kei mang dahlau,,*

Vì rằng Tuần Phủ tiếp tục ra lệnh tịch thu sổ sách *Mul* và *Kami*¹⁰⁵ của người Chăm, yêu cầu họ phải khai báo những nhân vật nằm trong tổ tiên gia đình của họ

¹⁰³ Tác phẩm ghi : *mbap*, tiếng Việt « báo »

¹⁰⁴ Tác phẩm viết : *mbép*, tiếng Việt « cai bếp » nhưng người ta không biết thể nào là chức năng của nó.

¹⁰⁵ *Mul* và *Kami* là tư liệu liên quan đến ruộng đất và tài sản của gia đình, nhưng người Chăm hôm nay không biết thể nào là qui chế của nó.

*123. nyu tangi buol bhap lac o thau,
anyan [akhan] bi njep puec bi yau, di dalam tho kami,*

Tuần Phủ buộc người Chăm phải khai báo đúng sự thật đã ghi trong sổ *Kami*, mặc dù họ không biết gì về lai lịch tổ tiên của mình

*124. biai gep luak ka ong juak hamu,
apan tho nyu tangi, drei ndom siber thi njep,,*

Cầm cuốn sổ *Kami* trong tay, Tuần phủ yêu cầu người Chăm phải trả lời. Vì không thể trả lời, người Chăm bàn nhau là nên đút lót cho vị quan này những ruộng đất cho xong việc.

*125. gep drei buol bhap biai gep,
ngap pabaiy akur manuk, kieng padaong anaih adal [adar],,*

Trong khi một số người Chăm khác đề nghị nên tế lễ con dê, con gà để xin đấng giúp đỡ.

*126. saong tangi ka muk su kei mang kal,
halei halun oh bhian, ndom saong ong haber thi jieng,,*

Khi Tuần Phủ hỏi về nguồn gốc tổ tiên Chăm, người Chăm tâu rằng họ không biết gì, làm sao để trả lời.

*127. puec anaih biruw mang nyu tok peng,
nyu ew gep po bhum, merai blaoh kieng tangi,,*

Trước sự cầu khẩn này, Tuần Phủ chấp nhận nghe theo, nhưng ông lại tập trung chủ nhân ruộng đất để hạch hỏi

*128. kau blek aiek tui dalam tho kami,
tanâh ta-mbok jaik hamu, lijang kau kieng juak,, [14]*

Tuần Phủ cho rằng ông đã đọc kỹ tư liệu *Kami* và yêu cầu người Chăm phải khai rõ đất đai, dù là đám gò nằm bên cạnh ruộng lúa đi nữa,

*129. ba tagok hakak jiâ kieng ka mbuak,
po bhum dom di luak, jiên tabiak yau ra thac,,*

để đánh thuê một cách hợp lý hơn. Thế là chủ nhân đất đai tìm cách mua chuộc bằng cách đút lót tiền bạc như nước chảy.

*130. nyu mbeng blaoh nyu caik yau tho,
nyu nao pathau blaoh kanâ, lac njep yau tho,,*

Một khi đã nhận tiền đút lót, Tuần Phủ trả lại hồ sơ cho người Chăm, sau đó trình lên triều đình Huế cho rằng những gì người Chăm khai báo là sự thật

*131. dua urang gaon merai juak hamu,
nyu ngap tho blaoh paje, ba limah tagok ka kuan,,*

Nhưng sau đó, có hai quan người Kinh khác đến đo lại ruộng đất người Chăm. Khi làm xong công tác, hai quan lại này làm tờ trình cho Tuần Phủ.

*132. anâk Cam di grep palei grep nager,
dom sanâng mbuah ker, haké bhian mboh yau ni,,*

Trước biến cố này, người Chăm trong khắp xứ sở chỉ biết ngồi than khóc cho hiện tượng xã hội mà họ chưa bao giờ thấy trong đời,

*133. tel Yuen mai pa-nder kieng ka hu,
anâk halun ngan po, pa-nder abih biruw mang peng,,*

đó là người Kinh tìm mọi cách chỉ đạo người Chăm từ cấp làm thuê mướn cho đến vua chúa đều như nhau.

Ariya Po Ceng

*134. halei duh dom glaih saong gler,
thiak tabiak di riim pakal [pakar], bi bak hatai Cam ita,*

Hết chịu đựng nô dịch nặng nề, người Chăm lại gặp bao hiện tượng khác trong xã hội vô cùng ngao ngán.

*135. anguei mbeng tuei Yuen sa bla,
takrâ cuk talipha, o kak taniak wak kadung,,*

Hàng loạt người Chăm chạy theo lối sống người Kinh
Họ thích mặc quần người Kinh và bỏ đi trang phục cổ truyền của mình.

*136. blaoh mak grep anâk kai taong,
ka nyu ba nao pathrem, adat ca-mbat paduah anyar
[akhar],,,*

Sau đó triều đình Huế ra lệnh cho con cái của vị cai tổng tập trung để học tập phong tục tập quán, ngôn ngữ chữ viết người Kinh ./.

Ariya Po Phaok

CM 29 (1)

*1. Ni panah tabiak di dalam bal Ca-ndar [Canar]
Po Phaok apan nagar, patuei hadei Ka Nduey Nguen.*

Tác phẩm này viết tại thủ đô Bal Canar (Tĩnh Mỹ, Phan Rí)¹ vào lúc Po Phaok The (1828-2832)² là quốc vương và Ka Nduey Nguen³, tức là Nguyễn Văn Nguyên là phó vương.

*2. dalam nagar baol [buol] sa [su] bhap mbon nyén,
sanang anit lac ka Po daok apan nagar Cam.*

¹ Vào cuối thế kỷ thứ XVII, linh mục F. Fallu (1668, tr. 87) và linh mục Bennetat trong bức thư gửi cho Dufau ngày 20 tháng 6 năm 1746 xác nhận rằng thủ đô của vương quốc Champa nằm ở Phan Rí nhưng không xác định chỗ nào. Theo bức thư của Bentenat, tức là linh mục ở Bắc Kỳ vào năm 1748-1749, thủ đô của Champa vào thời điểm đó nằm giữa thôn Hà Bắc và Ma Ó thuộc khu vực Phan Rí, tức là Palei Canar (thôn Tĩnh Mỹ) mà tác phẩm CM 29 (1) nêu ra.

E. Durand (1905, tr. 384) và J. Leuba (1932, tr. 35) cũng cho rằng thủ đô Champa vào thế kỷ thứ XVII nằm ngay trong làng Palei Canar (Tĩnh Mỹ), ở phía nam của trụ sở huyện Hòa Đa. Thêm vào đó, địa danh Canar còn ghi trên bản đồ của H. Parmentier (1918, PL CIX) và bản đồ Indochine (Phan Thiet Est, 1925).

² Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *Po Phaok*, ám chỉ cho Po Phaok The (1822-1828), tức là phó vương dưới triều đại Po Klan Thu (1822-1828).

³ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *Ka Nduey Nguen*, tiếng Việt “Cai Đội Nguyễn” ám chỉ cho Nguyễn Văn Nguyên, phó vương Champa. Xem DNNTC (XII, tr. 42), QTCB (tr. 196).

Tác phẩm CAM MICROFILM 17 (1), câu 54 và tiếp theo cho biết người Chăm gọi Ka Nduey Nguen là Cei Dhar Kaok.

Ariya Po Phaok

Trong vương quốc, quân chúng Champa bỗng nhiên⁴ nghĩ đến Po Phaok The và Ka Nduey Nguen, là hai nhà lãnh đạo quốc gia⁵.

3. *yah nyu mak dua ni Po ciip matai,
nyu ngap harak brei mai, tayah nagar raong abih.*

Nếu triều đình Huế bắt Po Phaok The và Cai Đội Nguen, chắc chắn hai Ngài phải bị tử hình, bởi vì triều đình Huế đã ra chỉ dụ xóa bỏ vương quốc Champa trên bản đồ.

Minh Mệnh trừng phạt nhân dân Champa

4. *tel thun nasak nagaray balan klau,
harak ni nduec mai dihlau [dahlau], nyu mak ni Phaok Ka
Nduey Nguen.*

Vào tháng 3 năm Thìn lịch Chăm (1832), triều đình Huế ra lệnh bắt quốc vương Po Phaok The và phó vương Ka Nduey Nguen (Nguyễn Văn Nguyên)⁶.

5. *nyu mak hu ba ni nao ka patao,
tanyi blaoh nyu ba nao, palihik dua urang,.*

Triều đình Huế bắt hai ngài đưa đi nộp cho vua Minh Mệnh. Sau cuộc điều tra và thẩm vấn, triều đình Huế kết tội tù đầy hai nhà lãnh đạo này, nhưng người ta không biết ở đâu.

⁴ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *mbon nyén*, tiếng Việt “bỗng nhiên”.

⁵ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *nagar Cam* “vương quốc Chăm”. Thuật ngữ “vương quốc Chăm” ở đây không xác thực cho lắm, vì Champa không phải là vương quốc dành riêng cho người Chăm mà cả dân tộc Churu, Raglai và Kaho.

⁶ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *mak ni Phaok Ka Nduey Nguen* « Bắt Phaok và Ka Nduey Nguen », tức là bắt Po Phaok The và Kai Đội Nguyễn (Nguyễn Văn Nguyên).

Ariya Po Phaok

6. *blaoh nyu brei Yuen angan ja Kham Mang mai,
pa-ngap jiang lang nyu brei angan kai taong lik kleng,,*

Sau đó triều đình Huế ra lệnh cho Khâm Mạng⁷ gốc người Kinh đến Champa để tổ chức làng xã và hình thành các chức vụ Cai Tổng⁸ và Lý Trưởng⁹.

7. *nyu pa-ndar patak kayau ngap tro,
oh thau kieng ngap jeng hanuey [hanruey] , huec di Yuen tak
akaok,,*

Khâm Mạng bắt dân tộc Chăm đốn cây để làm trại¹⁰ quân đội. Vì không biết kỹ thuật xây dựng lều trại này và sợ triều đình Huế chém đầu, người Chăm giả bộ làm người bệnh hoạn điên khùng.

8. *hadiap saong anak hia caok,
ka-nda ka Yuen tak akaok, hia ni ew po lingk,,*

Vì quá sợ triều đình Huế chém đầu, vợ con người Chăm khóc than xin trời ban phúc.

9. *nyu pa-ndar blei ralin ngap manyak saong cay,
mak rasa njuuah di glai, hu di ni ba rai limah,,*

Khâm Mạng buộc người Chăm phải đi tìm sáp và mù thông để làm dầu đốt đèn, bắt con nai, con mang trong rừng cho bằng được để mang lại cho ông ta.

⁷ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *Kham Mang*, tiếng Việt “Khâm Mạng”, ám chỉ cho đặc sứ của vua Minh Mệnh.

⁸ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *kai tong*, tiếng Việt “cai tổng”, tương đương với xã trưởng hôm nay.

⁹ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *lik kleng*, tiếng Việt “lý trưởng”, tức là thôn trưởng.

¹⁰ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *tro*, không có nghĩa trong câu. Chúng tôi nghĩ rằng *tro* có thể viết đúng là *trai*, tiếng Việt “trại”, đồn lính.

10. *yah oh hu kau tak ni kaok hâ talah,
ba marai limah bi drah, kau ba ni nao limah patao,,*

Khâm Mạng buộc người Chăm phải mang lại cho nhanh những sản phẩm này để nộp cho vua Minh Mệnh. Nếu không, ông hăm dọa chém đầu người Chăm.

11. *anak Cam suak yawa mang pabah,
ka so ni Cam o patuah, dues ni sak mang thun halei,,*

Dân tộc Chăm than van cho số phận¹¹ không may mắn, cho tội lỗi này có tự bao giờ.

12. *ay Cei Po anit Cam hai,
Cam halun jéng Raglai, calah caluen nao abih,,*

Xin Cei và Po¹² hãy thương xót cho dân tộc Chăm này, một tập thể đã bị ly tán và biến thành cộng đồng Raglai.

13. *tuk sa caik ni drei kieng ndih,
nyu ataong tagok abih, nyu ew pa [ba] nao hua ahaok,,*

Canh một¹³ ban đêm, người Chăm vừa mới dựa mình để tìm giấc ngủ, Khâm Mạng kêu họ thức dậy để đi kéo thuyền bè.

¹¹ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *so*, tiếng Việt “số” có nghĩa là số phận.

¹² Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *Aey Cei Po*, thuật ngữ cảm thán ám chỉ cho quốc vương Po Phaok The và phó vương Ka Nduey Nguen, tức hoàng tử Cei Dhar Kaok.

Trong tác phẩm CM 29 (1), tác giả muốn gợi cảm tâm sự của mình đến quốc vương Po Phaok The và phó vương hoàng tử Cei Dhar Kaok mà vua Minh Mệnh bắt đưa về Huế vào năm 1832 và kết tội tử hình vào tháng 6 năm Ất Vị (1835), vì tội theo Lê Văn Khôi.

¹³ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *tuk*, ám chỉ cho đơn vị thời gian. Theo truyền thống của người Chăm, ngày và đêm chia thành 16 *tuk*. Mỗi *tuk* có vào khoảng 1 giờ 15 phút.

Ariya Po Phaok

14. *nao tel sait ni khuai apan talei,
tangin ni nyu tacei, hawei nyu brei ni sap bruh tagok,,*

Vừa đến nơi, Khâm Mạng cầm dây điều khiển. Roi cầm trên tay, Khâm Mạng ra tay để cho người Chăm kéo thuyền.

15. *hua oh truh jang ataong Cam rei,
dues ni sak mang ndey halei, ni Cei sanang piéh di tian,,*

Thuyền quá nặng, người Chăm kéo không nổi cũng bị Khâm Mạng trừng phạt. Thế thì tội lỗi này bắt nguồn từ đời¹⁴ nào, xin Cei (hoàng tử) nên suy nghĩ lại.

16. *anak Cam dom di ân raong tian,
Cei sanang di riim pakar, anit anak Cam gila,,*

Người Chăm chịu đựng dù nát lòng. Họ biết Cei suy nghĩ đủ điều về số phận dân tộc Chăm thiếu may mắn¹⁵.

17. *miik [hamiit] sap Cei ni Po deh di bal Panrang,
truh ni thrâh dalam tian, sibar ma [meng] nao kieng ka
truh¹⁶ ,,*

Tuk 1 (canh 1) của ban ngày bắt đầu vào gà gáy đầu tiên vào khoảng 6 giờ 30 buổi sáng và tuk 1 của ban đêm bắt đầu vào khoảng 6 giờ 30 chiều. Xem. CAM 146 (3), tr. 25-27, E. Durand (1907, tr. 337), Nguyễn Khắc Ngữ (1958, tr. 52-53), Thiên Sanh Cảnh (1973, tr. 16), L. Finot (1917, tr. 33).

¹⁴ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *ndey*, tiếng Việt “đời”.

¹⁵ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *gila* “khờ dại, ngây thơ”. *Gila* ở đây ám chỉ cho người Chăm thiếu may mắn thì đúng hơn.

¹⁶ Po Phaok The và Cei Dhar Kaok bị vua Minh Mệnh bắt vào năm 1832 để đưa về Huế nhưng không biết hai Ngài bị giam ở đâu. Có chăng hai Ngài vượt ngục để trở về Phan Rang?

Ariya Po Phaok

Nghe tin Cei và Po có mặt trong dinh ở Phan Rang, người Chăm rất lo mừng không biết làm thế nào để thăm hai Ngài được đây.

*18. tiap nao aiek bi tel dua urang,
yah biak ni deh di Panrang, marai akhan wek bi drah,,*

Tôi có nhờ người ta đi xem có thật là hai Ngài đến Phan Rang hay không. Nếu thật họ sẽ báo lại cho tôi biết.

*19. ga-mbak di Cei nao akhan tel Po,
ra-mbi ra-mbâp biak lo, ka Yuen pa-ndar harei malam,,*

Mong Cei nói lại với Po rằng dân tộc Chăm khốn khổ vì triều đình Huế¹⁷ cai trị họ ngày đêm.

Cuộc vùng dậy của Churu và Raglai 1834

*20. mang di thun nasak athaih lin ni pin [lin tapin],
Cru Raglai ngap kalin, nyu mak Cam tak di saoh,,*

Năm Ngọ (1834) là năm tăm tối, vì người Churu và Raglai sát hại người Chăm không biết vì lý do gì¹⁸.

*21. mbéh [mboh] ya [yau] nan dalam ni tian huec lo,
sanang ka drei oh hu Po, hapak labik kieng ga-mbak,,*

Thấy như vậy, người Chăm vô cùng lo sợ, vì dân tộc này không còn vua chúa không biết nương tựa vào ai.

¹⁷ Tác phẩm 29 (1) ghi: *Yuen*, từ chung ám chỉ người Việt hay quốc gia của dân tộc Việt. Trong tác phẩm này, *Yuen* thường ám chỉ cho triều đình Huế hơn là dân tộc Kinh.

¹⁸ Biến cố này đã xảy ra trong cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa (1834-1835). Xem chương Ja Thak Wa.

Ariya Po Phaok

22. *lakau di Cei nao pathau tel Po,
Cam halun jhak lo, lihik nagar oh hu Po., [9]*

Xin Cei tâu lại với Po rằng người Chăm là cộng đồng không còn quê hương và cũng không có nhà lãnh đạo.

Chính sách chiếm đoạt đất đai và qui chế thuế má

23. *aei Cei Po anit Cam metuei Cam gila,
tanah hamu mada, jang nyu mak abih ka nyu.,*

Cei và Po hãy thương hại cho dân tộc Chăm mồ côi và thiếu may mắn này. Đất đai bao la của người Chăm bị người Kinh tịch thu để biến thành tài sản của họ.

24. *nyu pamasrai y sa ratus jéng rabuw,
nyu mak hamu nao dahlau, ra-mbah ra-mbâp Cam dahlak.,*

Người Kinh cho vây lãi một thành một ngàn, lấy cả ruộng đất để thế chân¹⁹, làm cho người Chăm lâm vào cảnh khôn đốn.

25. *krung jia sa labik sa jak, [10]
nyu mak hakak sa pluh jak wek, nyu paoh ataong Cam dahlak.,*

Thuế ruộng xưa kia mỗi nơi chỉ có một giá. Hôm nay phải đóng thành mười²⁰, nhưng triều đình Huế còn hiếp đáp bà con Chăm.

¹⁹ Theo điều 587 của Quốc Triều Hình Luật, tiền lãi cho vây là 36% mỗi năm. Dưới thời nhà Nguyễn, tiền lãi trung bình là 120% một năm và đôi lúc nâng lên tới 700% một năm. Thông thường, chủ nợ buộc người vây tiền phải giao tài sản cho họ, nhất là ruộng đất để thế chân. Xem Vũ Văn Mẫu (1973) *Philastre* (I, 1876, tr. 161), *Schreiner* (II, 1901, tr.317), *Souvigner* (1903, tr. 380), *Bửu Lộc* (1941, tr. 8), *Nguyen Thanh Nha* (1970, tr. 173), *Dương Trung Tinh* (1952), *Garros* (1905).

26. *oh hakak nyu mak ni dan di pa-ndiak,
blaoh nyu mak ba tabiak, pang jamang nyu ataong paraong
paraih,,*

Nếu không đóng, triều đình Huế bắt người Chăm cột vào cây cọc phơi ngoài nắng, sau đó tra tấn họ dã man.

27. *lakau di Cei nao pathau tel Po,
hiep ni [11] ndap biak lo, sibar ma Cam ciip mang mahu,,*

Xin Cei tâu lại với Po rằng, trước sự hiếp đáp²¹ quá đáng này, làm sao dân tộc Chăm chịu²² cho nổi.

28. *likau di Cei nao pathau tel Po,
yah anit Cam dihlak [dahlak], piéh naong aia ka Po,,*

Xin Cei tâu lại với Po rằng nếu Po thương hại người Chăm, họ sẵn sàng làm nghề gánh nước phục vụ cho ngài.

29. *tadhurw ayuh Cei su Po Dobata,
ngap ni dhar ka anak Cam gila, oh pak libik kieng ga-mbak,,
[12]*

Xin dâng đến Cei và Po Dobata²³ lời cầu chúc đem lại phúc đức cho dân tộc Chăm vì họ không có thời may và một tập thể không biết nương tựa vào ai

²⁰ Qui chế thuế má dưới thời nhà Nguyễn thường đánh vào đất đai, đầu người, sản phẩm và thương mại. Muốn biết thêm chi tiết qui chế về thuế má dưới thời Minh Mệnh, xem MMCY (II, tr. 35), Nguyen Thanh Nha (1970, tr. 35), Louis-Hénard (1975, tr. 359), Nhật Thanh (1970, tr. 478), Gourou (1965, tr. 230).

²¹ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *hiep ndap*, tiếng Việt “hiếp đáp”.

²² Tác phẩm 29 (1) ghi: *ciip*, tiếng Việt “chịu”.

30. *kuk akaok tapak su Po that tiak,
Po ni mak dan di pa-ndiak, Cam dahlak jong [jieng] hilal
[halar],,*

Dân tộc Chăm xin cúi đầu bày tỏ lòng trung thành đối với Po. Dù Po có bắt người Chăm phơi ngoài nắng, họ vẫn chấp nhận tuân lệnh Ngài.

Vai trò của phủ Bình Thuận

31. *Po Yuen di dala [dalam] nagar Mbing Thun,
nyu paoh ataong Cam dahlak, payah galang ba pa [pak]
ngaok,,*

Quan lại người kinh ở xứ Bình Thuận²⁴ không ngừng hiếp đáp người Chăm buộc họ phải phá hủy đồn trại²⁵ để dời đi chỗ khác.

32. *nyu ngap klau ni thun dom hia,
kasaot pa-ndap lo di [13] hia, leng hanuak [hanuk] jang oh
phat,,*

Trong suốt ba năm trường, người Chăm than khóc về sự thống khổ cơ cực, vì triều đình Huế không phát²⁶ cho người Chăm tiền lương²⁷ lao động của họ,

²³ *Dobata* (Phạn ngữ: *devata*) có nghĩa “thần thánh, đáng màu nhiệm”. Trong văn chương Chăm, *Dovata* còn là chức phong danh cho vua chúa. Po Dobata trong câu này ám chỉ cho Po Phaok The.

²⁴ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *Mbing Thun*, tiếng Việt “Bình Thuận”. Bình Thuận là phủ của triều đình Huế thành lập vào năm 1692, tập trung những dân cư người Kinh sinh sống trên lãnh thổ Champa.

²⁵ *Galeng* trong tiếng Chăm có nhiều nghĩa: nhà kho, đồn lũy quân sự, cơ sở hành chánh có an ninh canh giữ.

²⁶ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *phat*, tiếng Việt “phát”

²⁷ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *leng*, tiếng Việt “lương”

33. *nyu phat ka Yuen nyu sa balan sa kajeng [kaje],
jén sa kuan mbeng labaih, ka hadiap saong anak,,*

Trong khi đó, triều đình Huế phát cho người Kinh mỗi tháng một *kaje*²⁸ lúa, tiền một quan, ăn cả gia đình và vợ con cũng không hết.

34. *Cam halun hadiap anak mak janing,
brah oh hu sa panyin [pangin], Yuen pa-ndar harei malam,,*

Vợ con người Chăm không có một chén gạo, đành phải ăn khoai rừng²⁹, trong khi đó người Kinh còn chỉ huy họ ngày đêm.

35. *kana di Cei [14] nao pathau Po hai,
nyu lac ni ha Cam Raglai, patao ni bia hô [hâ] hapak,,*

Xin Cei nên tâu lại với Po rằng người Kinh lúc nào cũng bày tỏ sự khinh khi: “chúng mày là người Chăm và Raglai, thế thì vua chúa chúng mày hiện ở đâu?”

Tham gia chiến trường chống Lê Văn Khôi

36. *patao Yuen pa-nduec harak mai malam,
nyu pa-ndar mak Cam, nao masluh [masruh] Nđéng Nai,,*

Vua Minh Mệnh ra chỉ dụ cả ban đêm buộc người Chăm phải xung phong ra chiến trường ở Đồng Nai³⁰.

²⁸ *Kaje* là thúng dùng để đo lường lúa gạo, vào khoảng 40 ký.

²⁹ *Janing* là loại khoai rừng (*Manihot utilissima* Pohl.).

³⁰ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *Nđéng Nai*, tiếng Việt “Đồng Nai”. Xem QTCB, tr. 196.

Chiến trường Đồng Nai ám chỉ cho cuộc khởi nghĩa của Lê Văn Khôi ở Gia Định Thành.

37. *anak Cam nduec calah tama glai,
Yuen mak anak saong hadiap ba mai, nyu buh taniap
[ganiep] [15] saong anuh,,*

Vì không muốn ra chiến trường, người Chăm chỉ còn cách là chạy trốn vào rừng. Thế là triều đình Huế bắt vợ con của họ bỏ vào gông cùm.

38. *anit hadiap tabiak di glai wek mai,
ciip ka Yuen pamatai, tok ni klah hadiep anak,,*

Vì thương xót cho hoàn cảnh gia đình, một số người Chăm chấp nhận tội tử hình để triều đình Huế không hành hạ vợ con của họ nữa.

39. *nyu mak Cam ngap ni glac ba nao,
nyu pa-nduec harak nao ka patao, pa-ndar ni mak Cam bi
hu,,*

Sau đó, phủ Bình Thuận xin phép vua Minh Mệnh bắt tất cả người Chăm đi chiến trường.

40. *patao pa-ndar mak ni [16] Cam Puriik [Parik] Panrang
Kraong Pajai,
Yuen pataom abih ba marai, ni pacakaong [pacakong] phaw
nao bi drah,,*

Vua Minh Mệnh ra lệnh tập trung Chăm Phan Rí, Phan Rang, Long Hương và Phú Hải để khiêng súng đạn ra Đồng Nai càng sớm càng tốt.

41. *nyu ganaong dalam ni tian biak lo,
nyu kuait ni lac mak po, ba ni nao limah patao,,*

Ariya Po Phaok

Phủ Bình Thuận vô cùng tức giận và nhất quyết³¹ bắt những người lãnh đạo Chăm đệ nộ cho vua Minh Mệnh.

42. *blaoh Yuon pa-nduec harak wek nao,
nyu likau di patao, nyu kieng nao deng masuh,, [17]*

Sau đó phủ Bình Thuận đệ trình lên vua Minh Mệnh để xin phép tham gia vào chiến trường³².

Chính sách tiêu diệt 3 người Chăm mỗi ngày

43. *dom Yuen langiw galeng biak ires,
patao ni brei ka nyu pagleh, klau urang sa jala,,*

Những người Kinh sống ngoài đồn lũy thật khôn³³ được vua Minh Mệnh cho phép chém giết ba người Chăm mỗi ngày.

44. *nyu puec yau nyu anak Dobuta [Dobata],
nyu puec ni blaoh oh huoc [huoc] ka-nda, nagar palei nyu
kieng nao,,*

Tự xem mình là con của đấng Dobata³⁴, người Kinh nguyện rửa người Chăm thậm tệ để rồi dân tộc này không biết đi tìm lánh nạn ở đâu.

45. *lakau di Cei nao pathau tel Po,
Yuen hareh biak [18] lo, nyu kuait paraong Cam dahlak,,*

Xin Cei tâu lại với Po rằng triều đình Huế thật là độc đoán, cố tâm bóc lột dân tộc Chăm³⁵.

³¹ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *kuait*, tiếng Việt “quyết”.

³² Âm chỉ cho chiến trường chống cuộc khởi nghĩa của Lê Văn Khôi.

³³ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *ires* (Mã Lai : *arif*), khôn ngoan, thông minh, cẩn thận.

³⁴ *Dobata* ở đây ám chỉ cho đấng thần linh tối cao trong tín ngưỡng Chăm.

Champa dưới thời vua Gia Long

46. *di ndey patao Ya ni Laong hu mbiak [mbiah],
Parik Panrang Kraong Pajai nyu ew abih, taom marai nyu
pahakak jiâ ma [meng jak, nyu rik ni jén klau tien,,*

Dưới thời vua Gia Long (1802-1820)³⁶, triều đình Huế buộc người Chăm Phan Rí, Phan Rang, Long Hương và Phú Hải phải đóng thuế bằng gạo lúa và ba tiền³⁷.

47. *patao pa-ndar ngap galeng mang di kal,
ngap [19] galeng hatak sai di grep nagar, ba padai hakak
abih sa baoh galang,,*

Vua Gia Long cho trùng tu lại những đồn lũy trong khắp đất nước, mái nhà có chái³⁸ như phong cách thời xưa, sau đó đem lúa gạo lưu trữ trong đồn lũy này.

Chính sách Minh Mệnh đối với dân tộc Chăm

48. *di ndey patao Ming ni Mang ngap pa-mbuak,
jia padai jang hakak, nyu ngap galang grep nagar,,*

³⁵ Đây là chính sách của vua Minh Mệnh nhằm vào mục tiêu trừng phạt những ai có hành động chống lại triều đình Huế. Xem QTCB (tr. 195), MMCY (II, tr. 147).

³⁶ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *Ya Laong*, tiếng Việt “Gia Long”. Về lịch sử của vua Gia Long, xem QTCB, MLCBTN (I), DNTL, Maybon (1919), Gaultier (1935), Schreiner (I, II, 1900-1901).

³⁷ Tác phẩm 29 (1) ghi: *tien*, tiếng Việt “tiền”. Dưới thời nhà Nguyễn, 1 quan có giá trị 10 tiền và 1 tiền có giá trị 600 xu. Xem Nguyen Thanh Nha (1970, tr. 163).

³⁸ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *sai*, tiếng Việt « chái ».

Ariya Po Phaok

Dưới thời vua Minh Mệnh (1820-1841)³⁹, triều đình Huế tiếp tục áp dụng chính sách đóng thuế và xây dựng những đồn lũy khắp nơi.

*49. nyu pa-mbuak sa kawan [cawan] jia jaluk,
nyu ngap di Cam [20] drei pa sruk, nyu maok tabiak blaoh
nyu mbeng,,*

Minh Mệnh tăng thuế từ một tách thành một bác lúa, làm cho người Chăm ngao ngán phải bỏ tài sản của mình cho người Kinh.

*50. akaok Cam nyu rik jén sa urang sa kuan ni klau,
sa urang sa kuan lima, nyu pa-ndar ba tama, limah bi tel
dalam galang,,*

Triều đình Huế buộc mỗi người Chăm phải trả thuế 1 quan 3 tiền, đôi lúc 1 quan 5 tiền và phải đem tiền này nộp thẳng vào kho lũy.

*51. yah karang jén hanring jang o peng,
Yuen ataong pa-apan, panar [pa-ndar] ni nduec [21] duah bi
hu,,*

Chỉ cần thiếu một sâu tiền, triều đình Huế ra lệnh níu người Chăm để tra hỏi và buộc họ phải đi tìm cho bằng được số tiền này.

*52. kuna di Cei nao pathau tel Po,
Yuen ni hiap Cam lo, lihik abih tujuh palei,,*

³⁹ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *Ming Mang*, tiếng Việt “Minh Mệnh”. Liên quan đến lịch sử của vua Minh Mệnh, xem QTCB, MMCY, MLCBTN (1), DNTLCB, Trần Trọng Kim (1964).

Ariya Po Phaok

Xin Cei tâu lại với Po rằng trước sự hiệp đáp của triều đình Huế, người Chăm phải bỏ 7 làng⁴⁰ để đi lánh nạn nơi khác.

53. *Yuen paoh ataong ngap ni jiâ oh hu,
klak palei nduec tama, der dilam [dalam] Cru Raglai,,*

Triều đình Huế trừng phạt những người Chăm không trả thuế, buộc họ phải bỏ chạy đi ẩn náu ở làng Churu và Raglai.

54. *blaoh nyu mak kai ni taong ba mai,
baol Cam hô dep tama Cru Raglai, hô ciip hakak ala ka nyu,,*

Một khi quân chúng Chăm chạy sang ẩn náu với Churu và Raglai, Triều đình Huế bắt cai tổng Chăm phải trả thuế thay cho họ.

55. *kai taong hia ni thau jêh ka drei,
Cam ni nduec klak palei, nyu mak ni Cam pamasrai,,*

Cai tổng Chăm than khóc cho số phận của mình, vì triều đình Huế buộc họ phải đi vay mượn tiền để trả thuế thay cho người Chăm nào chạy trốn.

56. *yah oh ciip Yuen ni dan di pa-ndiak,
klau surei [harei] nyu tabiak, nyu paoh ataong nduec bi drah,,*

Nếu không có tiền trả, triều đình Huế bắt cai tổng Chăm phơi ngoài nắng trong 3 ngày sau đó tra tấn rồi thả cho về.

57. *kana di Cei [23] nao pathau Po hai,
nyu ngap di Cam kieng ka brai, calah anak di ina,,*

⁴⁰ CAM 30 (10) ghi lại 12 làng Chăm bị tiêu diệt vào năm 1835, đó là: Tang Plem, Hamu Klaok, Ca-ndah, Tal Yau, Baoh Masuh, Canah Tang, Baoh Manang, Jawum, Cahok, Bal Mâk, Ula Panrang, Aia Cak.

Xin Cei tâu với Po rằng chính sách của triều đình Huế nhắm vào mục tiêu làm cho xã hội Chăm tan nát, mẹ không còn gần gũi với con.

*58. di ndéy patao Ming ni Mang tagok rai,
nyu ngap harak brei mai, patak kayau saong papan ratus
rabuw,,*

Từ khi Minh Mệnh lên ngôi, triều đình Huế không ngừng buộc dân tộc Chăm phải nộp hàng ngàn khúc gỗ và ván.

*59. nyu tak blaoh nduec harak mai dihlau [dahlau],
nyu paok ni mak kabaw di yau, [24] ni klak hamu luey balluw
[baluw],,*

Một khi đã nộp gỗ rồi, người Kinh còn tịch thu cả đàn trâu của người Chăm, làm cho ruộng nương của họ trở thành đất đai bỏ hoang.

*60. anak Cam mbeng janing baoh kayau,
mabuk hawing oh thau kadrei, blaoh sa [si] krân hadiep
anak,,*

Vì thiếu lúa gạo, người Chăm phải ăn củ khoai rừng hoang, bị trúng độc choáng váng không còn biết vợ con mình là ai.

*61. anak Cam halun kasaot biak lo,
ka Yuen pa-ndar biak kho, lasei o [25] hu buh di tian,,*

Hết khổ đau vì nạn nghèo đói, không chén cơm để ăn qua ngày, người Chăm còn chịu thêm ách thống trị của người Kinh.

*62. kana di Cei nao pathau tel Po,
ra-mbi ra-mbâp biak lo, Yuén pa-ndar harei malam,*

Xin Cei tâu với Po rằng dân tộc Chăm là tập thể làm nô dịch cho người Kinh cả ngày lẫn đêm.

Dự án xây đập Hamu Baruw

*63. Patao Yuén pa-ndar pakuec rabaong,
pajiéng batau pa-ngap banâk, hamu baré [baruw] nyu pajiak
kieng kadrah,,*

Vua Minh Mệnh ra lệnh cho người Chăm đào mương dẫn thủy nhập điền, thúc giục người Chăm chở đá để xây dựng đập Hamu Baruw⁴¹.

*64. nyu paoh anak Cam dahlak lo mada,
pajieng batau bak jala, matai kabaw dalam rabaong,,*

Chính quyền người Kinh không ngừng ức hiếp người Chăm, buộc họ phải chuyên chở khối đá cả ngày cho đến khi trâu kéo xe của họ phải chết lụi trong mương nước.

*65. Yuen pa-ndar tak kayau ngap anraong,
buh batau di grep galaong, aia ni nduec [27] jang oh klaoh,,*

Chính quyền người Kinh ra lệnh cho người Chăm chặt gỗ làm cái lồng bỏ đá vào để ngăn chặn nước ở đập đang xây dựng.

*66. bek oh klaoh nyu mak ni mai nyu ataong,
aia ni nduec grep galaong, pa-ndar ni bek kieng ka klaoh,,*

Chính quyền người Kinh buộc người Chăm phải làm thế nào ngăn chặn cho bằng được nước sông đập, nếu không họ ra tay trừng trị.

⁴¹ Theo E. Aymonier (1885a, tr. 22), đập Hamu Baruw nằm giữa thôn Ca Bangu và Ragaok ở Phan Rí.

Ariya Po Phaok

67. *Yuen mak Cam ataong paraong paraih,
ngap sibar kieng lagaih, bek ni aia kieng hu,,*

Chính quyền người Kinh hành hạ người Chăm quá đáng đến
rồi họ không biết phải làm thế nào để ngăn chặn nước ở bờ
đập.

68. *balan sa grâm manyi aia mai,
taloh banâk brai rai, nduec ni jéng kraong riya,,*

Tháng giêng sấm sét gầm lên báo tin cho mưa lũ về, cuốn trôi
cả đập để rồi nước chảy thành sông ngòi⁴².

69. *Anuw Wa si wang ni gruk suak yawa,
mang pagé tel jala, daok sanang dom di ruow,,*

Anau Wa⁴³ ngồi ngẫm nghĩ từ sáng đến trưa, càng nghĩ càng
thêm rầu rĩ⁴⁴ không biết phải xử lý như thế nào.

⁴² Trong quá trình lịch sử, dân tộc Chăm chuyên về nghề xây dựng đập
nước và hệ thống dẫn thủy nhập điền. Đập Hamu Baruw đã từng xây
dựng dưới thời Po Klan Thu (1822-1828), nhưng không thành, vì lũ
nước của sông quá mạnh, phá vỡ cả bờ đê của đập. Nhưng không biết
tại sao triều đình Huế buộc người Chăm phải thực hiện cho bằng được
dự án này?

Liên quan đến kỹ thuật dẫn thủy nhập điền ở Champa, xem CAM 79
(2), Phan Lạc Tuyên (1978, tr. 3-42), Vũ Lang Nguyễn Khắc Ngữ
(1957, tr. 1045).

⁴³ Trước năm 1975, mương đập là hệ thống dẫn thủy nhập điền có một qui
chế riêng biệt nằm trong luật tục nhằm phân phát nước cho từng đám
ruộng của người Chăm. Kể từ đó, mỗi đập nước đều có một chủ nhiệm
gọi là Ông Banâk (cai đập) có trách nhiệm đứng ra tổ chức các tế lễ, tu
bổ mương đập và đưa ra lịch trình để phân phát nước đồng đều cho chủ
nhân của ruộng đất.

Tác phẩm 29 (1) ghi *Anuw Wa*. Có chăng đây là tên của ông Cai Đập?

⁴⁴ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *ruow*, tiếng Việt “rầu”.

Ariya Po Phaok

70. *anak Cam sa palei dak thau,
piéh pa-ndar phak batau, di dalam babah [pabah] rabaong,,*

Người Chăm không phân biệt thôn xóm, phải có nghĩa vụ đục đá để làm bờ đê cho sông ngòi.

71. *Yuen pa-ndar phak batau nan paraong,
sa balan sa ka-ndaom, Yuen pa-ndar blaoh ataong, harei
malam dom di hia,,*

Chính quyền người Kinh ra lệnh cho dân tộc Chăm phải đục tảng đá cho mòn, dù cả tháng chỉ lấy được một bụm tay đi nữa. Nếu không họ sẽ trừng trị người Chăm.

72. *grâm mai di balan sa dua,
po [pok] ni sep suak yawa, ni klak hamu Cam abih,,*

Tháng giêng tháng hai, trời gằm mưa lũ quay về, nhưng người Chăm chỉ biết ngồi than thở vì họ không có thời gian để cày cấy nuôi thân,

73. *Yuen pa-ndar ngap [30] banâk wek ka,
Cam halun aek lapa, brah padai o hu sa [si] mbeng,,*

Chính quyền người Kinh buộc người Chăm phải xây mương đập cho xong, không cần nghĩ đến người Chăm đang đói rét, không có gạo lúa để ăn.

74. *tuk sa cang nyu ndih peng jua,
krâh malam blaoh ba, grep palei dep abih,,*

Chờ người Kinh ngủ ngon vào canh một ban đêm, người Chăm rủ nhau cả thôn để chạy trốn.

75. *nyu wang mak abih grep palei,
caok ni hia lakei kamei, klak ni sang dep majua,,*

Thế là chính quyền người Kinh lùng bắt người Chăm trong khắp thôn xóm, càng làm cho người Chăm bỏ hoang nhà cửa để đi tìm nơi khác nương tựa.

*76. hadiep [31] anak hia ni caok suak yawa,
banâk ni krung ra taha, oh sei urang kieng ngap jiéng,,*

Vợ con người Chăm than khóc, vì những chuyên gia Chăm thời trước đã có công trình xây đập Hamu Baruw này, nhưng không thành.

*77. mang di ndey Po Klan ni Thu ngap oh jai,
pajum ni mak Cru Raglai, Cam dahlak ratuh rabuw,,*

Vì rằng, quốc vương Po Klan Thu (1822-1828) đã điều động hàng ngàn người Chăm, Churu và Raglai để xây dựng đập này, nhưng không đạt được kết quả.

*78. Klan ni Thu wang ni gruk [32] kaik canuw,
aia ni sua tuk klau, talah banâk thek kayau, nao abih tama tasik,,*

Po Klan Thu ngồi cắn móng tay để suy nghĩ tại sao khi mưa lũ về, đập Hamu Baruw bị phá vỡ, nước cuốn cả cây cối trôi về phía biển đông.

*79. Klan Thu ew ni Cru saong Raglai,
phat sara brah padai, nyu tiap tagok cek abih,,*

Không thực hiện nổi dự án, Po Klan Thu chỉ còn cách là phát lương thực cho Churu và Raglai để họ trở về nhà làm ăn.

Tham gia chương trình đóng tàu bè

80. mada surak mang patao brei mai,

Ariya Po Phaok

nyu pa-ngap [33] ahaok galai, nyu mak ni Cam tak tamaih di cek kalaong,,

Hết công trình xây nương đập, Vua Minh Mệnh lại ra lệnh yêu cầu người Chăm phải đi đốn gỗ “*tamaih*”⁴⁵ ở núi Kalaong để đóng tàu bè.

*81. tak blaoh nyu mak pahua gan kraong,
nyu mak ni Ca [Cam] blaoh ataong, si bar oh hua trun bi drah,,*

Khi chặt xong, người Chăm phải kéo cả khúc gỗ qua sông. Nếu không làm cho nhanh, chính quyền người Kinh ra lệnh trừng trị họ.

*82. hua libuh takaprah prah karan plak [plek] likuk,
nyu paoh ataong tuei kaduk, Cam halun [34] biak ra-mbah,,*

Kéo không nổi, người Chăm té lên té xuống trong khi đó chính quyền người Kinh cầm roi đánh theo sau lưng⁴⁶, thật là tội nghiệp cho dân tộc này.

*83. Yuen pa hua krâh harei brok dayep,
kuk akaok blaoh hatep, ka Yuen pander prew ha-ew,,*

Chính quyền người Kinh buộc Chăm phải kéo gỗ từ sáng đến chiều. Người Chăm chỉ biết cuối đầu qui phục và nghe những lời chửi mắng.

*84. batuh [patuh] tangin hiak ni sep puec o truh,
anak Cam halun danuh, dues ni sak ka Yuen pa-nder,,*

⁴⁵ *Tamaih* là thuật ngữ ám chỉ cho cây cột hạng nhì trong kỹ thuật kiến trúc Chăm.

⁴⁶ Tác phẩm 29 (1) ghi: *takaprah karan* ?. Thuật ngữ *karan* chưa lần nào xuất hiện trong văn chương Chăm.

Ariya Po Phaok

Làm nô dịch phòng cả bàn tay, ran cổ họng, những người Chăm mang tội lỗi gì để cho người Kinh cai trị ?

85. *kana di Cei nao pathau bi tel Po,
Yuen [35] pander biak lo, halei nagar Cam kieng nao,,*

Xin Cei tâu với Po rằng chính quyền người Kinh thẳng tay ức hiếp, để rồi người Chăm không biết tìm nơi đâu để nương tựa,

Chế độ nô dịch quá đáng

86. *patao Yuen pa-nduec harak mai pa-nder,
ni mak Cam Parik Panrang Kraong Pajai, pataom ni gep ba
mai palei Parik pak galeng,,*

Vua Minh Mệnh ra lệnh người cho Chăm Phan Rí, Phan Rang, Long Hương và Phú Hải phải tập trung tại kho đồn lũy ở Phan Rí.

87. *hadiap anak hia ni caok biak seng,
pataom abih pak galang, nyu ngap [36] ni mak ling pasram,,*

Vợ con người Chăm bắt đầu than khóc vì thành viên gia đình của họ bị triệu tập tại kho đồn lũy để huấn luyện quân sự⁴⁷Tá.

88. *Yuen pasram riim ni thun riim bulan,
hadiap anak daok di sang, aek lapa klaoh tian, oh thau hapak
kieng duah ni mbeng,,*

Chính quyền người Kinh huấn luyện Chăm từ tháng này qua tháng khác. Ở nhà vợ con đói khát không có gì để nuôi thân.

⁴⁷ Tác phẩm 29 (1) ghi: *ling*, tiếng Việt “lĩnh”.

Ariya Po Phaok

89. *kana di Po nao pathau blaoh akhan,
nyu luai ni Cam patak papan, nyu rik ni jén wek sa urang,
tjjuh [37] kuen dua tian tien,,*

Xin tâu với Po rằng chính quyền người Kinh bỏ nô dịch nộp
gỗ ván để thế vào đó qui chế thuế má buộc mỗi người Chăm
phải đóng 7 quan 2 tiền⁴⁸

90. *nyu rik di Cam riim ni thun riim balan,
kana di Cei nao akhan, ra-mbah ra-mbâp Cam dahlak,,*

Chính quyền người Kinh yêu cầu Chăm đóng thuế suốt năm
tháng. Xin Cei trình lên Po về sự thống khổ của dân tộc này

91. *Yuen patak njuh ni tapa-am [pa-am] akiak,
kasaot pa-ndap Cam baik, ni mbeng janing saong habe,,*

Chính quyền người Kinh buộc người Chăm phải nộp củi để
đốt lò gạch, làm cho người Chăm đói rách, phải chịu ăn khoai
rừng và khoai lang.

92. *Po ni Cei nao aiép di [38] grep nagar,
sang ni Cam dahlak ni sei, oh mboh sa baoh sang akiak,,*

Cei và Po đi khắp xứ sở để xem có nhà người Chăm nào có
mái lợp ngói.

93. *nagar Cam halun kathaot praong biak,
sang hatak mang agak, haluh ni maong mboh sa [si] gleng,,*

Quê hương Chăm đói khổ, nhà lợp bằng tranh lũng lổ mà ai
cũng thấy như vậy.

⁴⁸ Tác phẩm 29 (1) ghi: *tian tien*, hai từ có nghĩa như nhau.

Ariya Po Phaok

94. *Po saong Cei mai Panrang sa [si] tel Parik,
kalabak rah tathik, sang Cam dahlak hapak,, [39]*

Đi dọc theo bãi bể từ Phan Rang cho đến Phan Rí, Cei và Po có thấy người Chăm nào ở gần bờ biển đông⁴⁹?

95. *tanah siam hamu ni dhaong Yuen mak ka nyu,
dom hamu tanah hamu kanu, jaw ni wek ka Cam dahlak,,*

Người Kinh chiếm trọn những ruộng đất phì nhiêu có hệ thống dẫn thủy nhập điền chỉ để lại cho người Chăm những đất khô cằn.

96. *Yuen i thaik ni nyu lac ni nyu hu patao,
Cam halun biak hagaw, po ganuer jeng oh mbéh,,*

Người Kinh ý thế⁵⁰ là dân tộc có vua chúa, còn dân tộc Chăm là tập thể không may mắn vì quan lại cũng không còn.

Chính sách bóc lột Churu và Raglai

97. *mang di kal liwik Cam dahlak mbeng kleng [40] biak,
seng patao pa-ngap jé [jieng] galang, nyu mak ni kleng jaw
ka Yuen, ni Cru Raglai nyu mak abih di drei,,*

Xưa kia, người Chăm hưởng qui chế bổng lộc bằng gạo lúa⁵¹. Triều đình Huế trưng dụng hết gạo lúa này để đem vào kho

⁴⁹ Trong cuộc khởi nghĩa của Katip Sumat (1833-1834) và Ja Thak Wa (1834-1835), Minh Mệnh ra lệnh đốt tất cả làng Chăm gần bờ biển và ngăn cấm họ sinh sống trong khu vực này.

⁵⁰ Tác phẩm Cam 29 (1) ghi: *i thaik*, tiếng Việt “ý thế”.

⁵¹ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *kleng*, tiếng Việt “thường”.

Trong quá trình lịch sử, sở hữu đất đai của Champa chia thành nhiều loại. Đất đai chung của nhà nước, đất đai của tư nhân, đất đai thuộc thôn làng, đất đai của đền tháp và thánh đường, đất đai dành cho các bậc tu sĩ, v.v.

Ariya Po Phaok

rồi phân phát cho người Kinh mà còn bắt cả Churu và Raglai làm nô lệ nữa.

98. *Cam dahlak ndik ni cek blei kabaw,
nyu mbeng jén dak takai, sa ni drei sa pluh kuan,,*

Mỗi lần gười Chăm lên khu vực miền núi để mua trâu, thì họ phải trả thuế mỗi con 10 quan,

99. *nyu pakep anak ni Cam di riim surei,
tagok ni [41] cek blei basei, thra [sa] la-ua [la-ua] jeng oh brei,,*

nhưng người Chăm không được phép lên khu vực này để mua sắt⁵² dù chỉ một bó⁵³ đi nữa,

100. *nyu pakep Cru Raglai ngaok cek,
há mboh ni Cam ngaok cek, há mak bi hu ba ka kau,,*

vì triều đình Huế đã ra lệnh cho dân tộc Raglai phải bắt những người Chăm nào lên miền núi mua sắt để đem nộp cho chính quyền.

101. *Yuen nyu ndik ni cek blei kabaw pabuei ratuh rabuw,*

Mỗi làng có đất đai chung để phân phát cho những gia đình nghèo khó hay cho những ai có công phục vụ cho làng này. Chính đó là qui chế “thường bổng lộc” mà tác phẩm CM 29 (1) nêu ra.

⁵² Vào thời điểm đó, phong trào Ja Thak Wa và Lê Văn Khôi vẫn chưa dập tắt. Chính đó là nguyên nhân giải thích tại sao vua Minh Mệnh cấm người Chăm lên miền núi để mua sắt, có thể dùng vào mục tiêu chế tạo vũ khí để chống lại triều đình Huế.

Liên quan đến cuộc vùng dậy của Ja Thak Wa, xem CM 24 (5), CAM 30 (10), CAM 30 (17), CAM MICROFILM 66 (2), CM 32 (6), CAM 167 (6), CAM 198 (1).

⁵³ *La-ua* phát xuất từ gốc từ *ndua* “đội trên đầu”, ám chỉ một bó đội trên đầu.

Ariya Po Phaok

klaoh ni yaom nyu thau, puec ka Yuen sa baoh panuec,,

Người Kinh lên miền núi để mua hàng trăm hàng ngàn con heo và trâu, nhưng người Raglai không giám lên tiếng để phản đối.

*102. Yuen [42] tagok thau di Cru bala basan,
mbeng di Cru di riim pakar, pabuei kabaw tiap ka nyu,,*

Người Kinh lên miền núi ăn dầm dề cơm nước của người Churu để thu⁵⁴ ngà voi, sừng tê giác; mua cả trâu heo và còn buộc họ phải mang đến tận nhà.

*103. kana di Cei nao pathau tel Po,
brah padai nyu mbeng lo, guuy ni trun ba ka nyu,,*

Xin Cei tâu Po rằng người Kinh ăn hết cơm gạo, nhưng còn đòi dân tộc miền núi phải mang xuống đồng bằng cho họ.

*104. nyu ngap hiep Cam ni saong Cru biak lo,
nyu lac nagar oh hu Po, mbéng [43] paraong mbeng paraih,,*

Người Kinh hiếp đáp Chăm và Churu quá nhiều, chế nhạo họ là dân tộc không có vua chúa, nên người Kinh phải tàn phá gia sản của họ tối đa.

*105. nyu ngap di Cru pablei anak saong hadiap tan wan,
nyu thau ni jia bala basan, nyu nduec tama Kahaow Banaow,,*

Người Kinh làm cho Churu phải bán cả vợ con gậy bao tan tóc⁵⁵ trong gia đình. Hết thu thuế ngà voi, sừng tê giác của

⁵⁴ Tác phẩm 29 (1) ghi: *thau*, tiếng Việt “thu”.

⁵⁵ Tác phẩm 29 (1) ghi: *tan wan*, tiếng Việt “tan vang”.

Ariya Po Phaok

người Churu, người Kinh bắt đầu vào vùng người Kaho ở Banaow⁵⁶.

106. *sa mbaik bala sa mbaik basan,
sa urang halun nyu ngap sa cakun [cakan], Cru Raglai dep
[44] abih,,*

Người Kinh buộc mỗi gia đình phải nộp một ngà voi, một sừng tê giác và một người nô lệ. Chỉ cần thực hiện một chuyến⁵⁷ như vậy đủ để người Churu và Raglai trốn hết vào rừng.

107. *Yuen pa-nder thau bala basan hua mai,
ra-mbah ra-mbâp Cru Raglai, calah caluen nao abih,,*

Người Kinh ra lệnh cho Churu và Raglai phải nộp ngà voi và sừng tê giác, gây ra cho họ bao khổn đốn.

108. *klau ndey patao ni Yuen biak mbul,
nyu mak Cam saong Cru jéng halun, klaoh cu gi masluh
[masruh] lima pluh pak thun ma ni,,*

Ba đời vua người Kinh thật là khôn khéo⁵⁸. Họ bắt người Chăm và Churu làm lính xung phong vào chiến trường, đúng một chu kỳ⁵⁹ là 54 năm⁶⁰.

⁵⁶ Banaow là tên địa danh mà văn chương Chăm không nêu rõ vị trí nằm ở đâu.

⁵⁷ Tác phẩm 29 (1) ghi: *cakan*, từ không có trong văn chương Chăm.

⁵⁸ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *mbul* “thật sự”. Trong tác phẩm *Sah Sakei* (câu 68) có đoạn: *urang gheh mbul sa drei Ja San Wa* “người khéo léo nhất là Ja San Wa ».

⁵⁹ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *cu gi*, tiếng Việt “chu kỳ”.

⁶⁰ Ba đời vua ở đây có thể là Quang Trung (1788-1792), Gia Long (1802-1820), Minh Mệnh (1820-1841). Nếu chu kỳ này tính từ vua Quang Trung là 54 năm thì tác phẩm này có thể viết vào năm 1842, dưới thời vua Thiệu Trị (1841-1847).

Ariya Po Phaok

Chương trình xây dựng cung đình Huế

109. *mang dihlau Ya ni Laong tagok [45] rai,
jiéng patao nyu ngap surak brei nao, di grep nagar jéng nyu
thau,,*

Khi Gia Long lên ngôi, Ngài ra lệnh cho toàn thể quần chúng Chăm trong nước

110. *blaoh nyu ngap kai ni nduey ganuer jang patak kayau,
kraong [kaong] yau ratus rabuw, klau ni thun klau balan, pa-
ngap galang patao Yuen,, [46]*

kể cả quan Cai Đội, tập trung hàng ngàn người phải làm nô dịch đi tìm gỗ để xây dựng cung đình của Gia Long ở Huế trong vòng 4 năm và 3 tháng trường.

111. *tak blaoh pa-nduec harak mai,
cang nyu mak Basaih ngan Car [Acar], paniip [patrip]
radaih saong kubaw,,*

Chặt cây xong, người ta chờ *Baisaih* và *Acar* làm lễ giỗ xe trâu và con trâu.

112. *patao Yuen pa-nder ngap radaih klau ratus thruh,
pajéng kayau pa-abih, pahacih mai mang glai,,*

Vua Gia Long yêu cầu làm 300 chiếc xe trâu⁶¹ để chở những gỗ đưa vào kho đôn lữ.

⁶¹ Dân tộc Chăm nổi tiếng chế tạo xe trâu có bánh bằng gỗ nhưng rất kiên cố. Đây là một nền kỹ nghệ đặc biệt chỉ tìm thấy ở Champa. Theo A. Cabaton (1907, tr. 133), xe trâu đã từng sử dụng làm quà tặng trong ngày đám cưới giữa công chúa Champa là Daravati và vua Majapahit của quốc gia Mã Lai Đa Đảo vào thế kỷ thứ IV. Và xe trâu này nhận cả chức phong của Mã Lai: *Kiat Jebat Tetris*.

Ariya Po Phaok

*113. matâh jalan jaoh [47] radaih matai kubaw,
nyu brei harak wek mai, nyu mak anak Cam dahlak,,*

Một khi xe trâu bị gãy và con trâu bị chết giữa đường, triều đình Huế ra lệnh bắt người Chăm trị tội.

*114. Yuen pajum radaih kabaw daok di sang,
gam manues [manuis] gam urang, labaih sa drei ong taha,,*

Triều đình Huế trưng dụng cả xe trâu của tư nhân và cả chủ nhà để làm nô dịch chỉ chừa lại nhữn ông già để giữ tư gia.

*115. hadiep anak lakei kumei caok hia,
dalam nagar [48] halun majua, oh hapak labik kieng payau,,*

Vợ con, trai gái người Chăm than khóc vì xứ sở vắng bóng, không thể so sánh với quốc gia nào,

Lời tâm sự của tác giả

*116. kuna di Cei nao akhan blaoh bican,
anak ni Cam halun hal, maong akaok Po marai,,*

Xin Cei cho biết dân tộc Chăm rất nóng lòng, đang mong chờ Po trở về để giúp đỡ họ.

*117. aey Po Cei anit Cam hai,
ra-mbah ra-mbâp dep di glai, hadiap anak oh mboh mata,*

Xin Cei và Po thương hại cho người Chăm, vì quá khổ cực nên trốn thoát vô núi rừng để rồi vợ con phải đợi chờ.

*118. Cam halun o pagom tra ka drei,
sa [si] mboh nagar saong palei, suk di kal yua Po,,*

Ariya Po Phaok

Nếu người Chăm không còn cơ hội⁶² để thấy lại vương quốc của họ, thì tội lỗi này cũng do Po gây ra một phần nào.

*119. sanit ginreh Po samu Dobata,
nao pathau pak aia, nagar ni Cam halun lahik,,*

Po có tài phép như đấng Dobata nên cho 4 quốc gia⁶³ biết về sự tan nát của vương quốc Champa.

*120. Po nao mang pur tel pai,
di grep ni cek tapa glai, ra-mbah ra-mbâp [50] Po su Cei,,*

Po và Cei đi từ phía đông cho đến phía tây, băng qua núi rừng thật là tội nghiệp cho hai Ngài.

*121. Po kalibak mang ni cek tel tathik,
Po ni deh di Parik, Cam halun aen tabuen,*

Nghe tin Po băng rừng núi đến miền duyên hải, rồi Ngài dừng chân ở Phan Rí, dân tộc Chăm lấy làm vui mừng hơn hở.

*122. kuk akaok hia sanang huec di Yuen,
mboh nyu puec ruen patuen, ka-nda nyu mak Cam ataong,,*

Cũng vì quá sợ người Kinh, dân tộc Chăm chỉ biết cúi đầu than thở. Chỉ nghe người Kinh nói chuyện ồn ào, người Chăm khiếp vía vì sợ bị bắt để truy tội.

⁶² Tác phẩm ghi: *pagom*, từ không có trong văn chương Chăm. Chúng tôi tạm dịch “cơ hội”.

⁶³ Không biết 4 quốc gia ở đây ám chỉ cho vương quốc nào. Ngược lại, trong tác phẩm *Ar Bangu* (thuật ngữ đẹp) như CAM 164 (7), CAM 142 (2), CAM 151 (22) thường nhắc đến đến 4 quốc gia, đó là Champa, Laow (Trung Hoa), Siam (Thai Lan) và Yuen (Việt Nam). Nhưng điều khó hiểu tại sao có Việt Nam trong danh sách này?

Ariya Po Phaok

123. *Cam halun huec sanang grep [51] galaong,
ka-nda ka nyu mak paoh ataong, lac dahlak tapak su Po,,*

Người Chăm phải suy nghĩ đủ điều, lúc nào cũng lo âu vì sợ bị bắt để hạch hỏi về tội trung thành với Po.

124. *Po Cei ngap ni sang daok karei,
anak ni Cam lakei kumei, thot [that] biyak khuai limah,,*

Nếu Po và Cei xây dựng dinh thự ở riêng. Người Chăm trai gái xin qui lạy để phục dịch cho hai Ngài.

125. *Po ni Cei juai ni cap anak gala,
Po ni mai sa mbeng tra, [52] likei kumei jang hilal [halar],,*

Po và Cei không nên cô chấp⁶⁴ người Chăm khờ dại. Nếu Po trở lại một lần nữa, trai gái Chăm đều cố gắng phục vụ cho Ngài.

126. *Po tiap Cei nao ra-mbi ra-mbâp sa drei,
Cam halei oh brei, lasei aia nyu oh brei manyum,,*

Po ra lệnh cho Cei ra đi một mình thật tội nghiệp, vì người Chăm không dâng cho Cei chén cơm để ăn, nước để uống⁶⁵.

127. *Po su Cei puji ni maong di hatai,
matâh ni Cam matâh Raglai, ni Cei sanang caik di tian,,*

Po và Cei rất cảm thông cho hoàn cảnh đất nước bị chia đôi, một nửa người Chăm một nửa người Raglai.

128. *kana di Cei nao pathau that tiak,*

⁶⁴ Tác phẩm ghi: *cap*, tiếng Việt “chấp”.

⁶⁵ Câu này rất tối nghĩa, vì không biết tại sao người Chăm có hành động đối xử quá tồi tệ đối với phó vương Champa.

Ariya Po Phaok

ka [53] anak Cam dahlak, khin nao hapak jang oh truh,,

Xin Cei nên cho người ta biết thật sự về người Chăm muốn đi lánh nạn ở đâu, nhưng không tìm ra giải pháp.

*129. kana di Cei nao pathau pak aia,
ka anak Cam gila, Yuen mak abih ngap halun,,*

Xin Cei nên cho 4 quốc gia biết rằng dân tộc Chăm quá khờ dại để rồi người Kinh biến họ thành người nô lệ.

*130. kana di Cei nao pathau pak aia,
tanah patao bhodara [bhodaraha], Yuen ni tiap mak abih,,*

Xin Cei nên cho 4 quốc gia biết rằng người Kinh chiếm trọn đất đai của vua chúa Champa⁶⁶

Cầu nguyện Đấng Allah ban niềm tin

*131. tanah patao mang [54] ni pur tel pai,
Nosarawan ni biai, saong ni huer Darjimah,,*

Nosarawan⁶⁷ nói với nhà tiên Darjimah⁶⁸ rằng đất đai của vua chúa Champa chạy dài từ đông sang tây,

132. kami halun jéng patao apan nagar,

⁶⁶ Tác phẩm CM 19 (1) ghi: *Bhodaraha*, thuật ngữ để ám chỉ cho tên gọi của vua chúa.

Trong quá trình lịch sử, quốc vương Champa là người làm chủ trên lãnh thổ của vương quốc và mang chức phong *Po Tana Raya*, tức “Ngài chủ nhân của đất đai”. Xem G. Maspero (1928).

⁶⁷ *Nosarawan* (tiếng Ba Tư: *Nusirwan*) là hoàng đế của vương quốc Ba Tư (531-579). Trong văn chương Chăm, *Nagar Nosarawan* thường ám chỉ cho vương quốc Champa. Xem E. Duarand (1907, tr. 321).

⁶⁸ Cho đến hôm nay, văn chương Chăm không nói rõ về lai lịch của nhà tiên tri Darjimah

Ariya Po Phaok

Aluah Tala ni patel, apan tangin tanang urang,,

“Vào thời buổi tôi là người cai trị vương quốc này, Allah Tala yêu cầu tôi phải sống ôn hòa với nước láng giềng”

*133. ew huer Darjimah marai bican,
kami ni jéng patao [55] apan nagar, sibar ni mai suk [chuk]
ya ni,,*

Nosarawan hỏi nhà tiên tri Darjimah “tôi là người lãnh đạo quốc gia, vì vấn đề gì mà tôi đã vấp phải bao sai lầm như thế?”

*134. huer gleng dalam tapuk sakirai [sakarai],
patao po bia trun di rai, madhir riya jaw ka sei,,*

Sau khi mở sách *Sakarai*⁶⁹ ra xem, nhà tiên tri Darjimah hỏi Nosarawan rằng sau ngày từ ngôi, Ngài và hoàng hậu giao dinh thự và ngai vàng cho ai?”

*135. madhir riya Aluah Tala ngap pa-mbiah,
patao ni nao sur [suer] makhah [makah], ndua ni dat [56]
pak Nabi,,*

Vì rằng dinh thự và ngai vàng do Đấng Allah xây dựng⁷⁰, thành ra Ngài phải đến thiên đường Mecca⁷¹ để học hỏi thêm giáo lý của Đức Giáo Chủ.

⁶⁹ *Sakarai* (Phạn ngữ: *Sakaraja*) có nghĩa là “niên đại vua chúa”. Trong văn chương Chăm, *sakarai* ám chỉ cho “lịch sử, triết lý, sách tử vi”.

⁷⁰ Câu “dinh thự và ngai vàng do Đấng Allah xây dựng” ám chỉ Champa thời đó đã chịu ảnh hưởng nặng nề của nền văn minh Hồi Giáo, gia nhập vào vương quốc này kể từ thế kỷ thứ XVI.

⁷¹ Trong văn chương Chăm có hai thuật ngữ *Makah*. 1). *Makah Danah* ám chỉ cho Mecca và Medina ở Saudi, nơi thánh địa thiêng liêng của Hồi Giáo mà không ai có thể đến đó, vì quá xa. Kể từ đó, người Chăm có thành ngữ: *nao makah nao danah* “đi Mecca, đi Medina”, tức là ra đi

136. *huer Darjamah tuei patao,
Nosarawan nao, matuei sa jalan taom ni gep pak Mekah,,*

Sau cuộc đàm thoại này, Nosarawan và Darjimah cùng nhau sang thánh địa Mecca.

137. *dua urang nao ra-mbi saong ra-mbah,
njap jalan adhua atah, sa bulan biruw mang truh,,*

Trên đường đi, hai người gặp bao khó khăn bởi vì đường xá xa xôi, phải đi trong vòng một tháng mới đến thánh địa.

138. *Nosarawan atak ni kal blaoh tadhuw,
pok tangin [57] samok lakau, halun ni tok mboh mata,,*

Vừa mới đạp chân lên đất thánh địa, Nosarawan chấp tay cầu nguyện⁷² cho Đấng biết về sự có mặt của Ngài.

139. *patao Nosarawan khuai di mbeng [ba-mbeng] blaoh hia,
hec ni Po Ramada, halun marai tuei tapak, thot [that] biyak
Po Nabi,,*

Vua Norsarawan quỳ lạy trước cửa thánh đường than thở: “O Ngài đặc sứ⁷³, con thật tình đến đây chỉ nhằm xin phục dịch Po Nabi (Thiên Sứ)”.

140. *patao Nosarawan pok ni sep tapah sari,*

biệt tích không có ngày trở về. 2). *Makah*, ám chỉ cho thánh địa Hội Giáo ở tiểu vương quốc Kelantan (Mã Lai), nơi mà Po Rome (1627-1651) đã từng sang du học. Hôm nay người Mã còn gọi là *Serembi Makah* “mái hiên của thánh địa Mecca”.

⁷² Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *samok*, thuật ngữ không có trong văn chương Chăm.

⁷³ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *ramada*, thuật ngữ ám chỉ cho “người giàu có, quan lớn, đặc sứ”.

Ariya Po Phaok

lac halun ni iniai di Po Nabi, sa baoh nagar [58] halun ciep danuh,,

Vua Nosarawan lên tiếng xin chừa và nói rằng “con đã làm phật lòng Ngài Thiên Sứ, con xin nhận mọi lỗi lầm trước thần dân của vương quốc này”.

*141. halun suk (chuk) dues ni sak dua urang,
lakau ni peh mbeng [ba-mbeng] jang, adei sa-ai halun tama,,*

Con và Darjimah xin nhận mọi lỗi lầm. Xin Ngài Thiên Sứ mở cửa để hai đứa con vào thánh đường

*142. Po ew Bar Patri dalam sang,
tabiak ni peh mbeng [ba-meng] jang, ka patao tama marai,,*

Thiên Sứ sai Bar Patri⁷⁴ mở cổng thánh đường để vua Nosarawan vào.

*143. Nosarawan talabat blaoh bican,
Po anit ngap dhar, brei halun lakau [59] pujo [puji] pak takai Nabi,,*

Nosarawan qui lạy rồi thưa: Xin Ngài Thiên Sứ làm phước, con xin kính cẩn⁷⁵ trước bàn chân của Ngài.

*144. Po ew Bar Patri pok tabiak,
mboh kamar dreh sa pak, patao pok ndua di ngaok akaok,,*

Thiên Sứ sai Bar Patri ẵm đứa bé vừa mới ra đời có hình dáng giống thật Nosarawan. Sau đó, Nosarawan nâng niu đứa bé trên đầu.

⁷⁴ Văn chương Chăm không cho biết lai lịch của nhân vật *Bar Patri*.

⁷⁵ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *puji* (Phạn ngữ: *puja*) có nghĩa “tôn thờ, kính cẩn”.

145. *patao léh [leh] trun huer pa-ndok ndua,
ni gam halun ni suk [sup] maklam dulam [dalam], lakau
ndua ngaok akaok,, [60]*

Nosarawan vừa hết bông đũa bé là tới phiên nhà tiên tri Darjimah. Hai người thay nhau bông suốt đêm và xin đội đũa bé trên đầu.

146. *tadhuw sanit ginreh su Po Dobuta [Dobata],
siam halun hadah mata, huer ni thampurrana⁷⁶,,*

Xin cảm tạ Po Dobata, Đấng thần thông đã giúp con thấy ánh sáng của sự thật và giúp nhà tiên tri Darjimah tìm được sự hoàn hảo.

147. *daok tanan taom ni thun wek mai,
baol nga bhap jang brai, madhir riya jang majua,,*

Sau một năm lưu lại ở Mecca, Nosarawan trở về xứ sở trong khi đó dân chúng đang lâm vào bối cảnh tang hoang và dinh thự vua chúa Champa vắng bóng người.

Mong ngày trở về của quốc vương

148. *kana di Cei nao pathau pak aia,
nyu mboh ya [yau] nan [61] nyu oh ka-nda, kieng mak nagar
Cam ka nyu,,*

Xin Cei trình lại với 4 quốc gia rằng người Kinh chẳng sợ ai cả và quyết tâm xâm chiếm cho bằng được vương quốc Champa

⁷⁶ *Thampurrana* (Phạn ngữ: *sampurana*) có nghĩa “hoàn hảo, chân chính, tốt đẹp”.

Ariya Po Phaok

*149. Po kalibak tijuh ni thun di grep nagar,
Po ni ndih jang oh wer, anit anak Cam su Cru.,*

Trong suốt 7 năm⁷⁷ bôn ba trên khắp sứ sở, Po ngủ không yên vì quá thương xót cho thân phận người Chăm và Churu.

*150. Po ndih sa malam sa tuk,
Po tagok wang gruk, daok sanang dalam hatai.,*

Mỗi đêm Po chỉ ngủ một canh. Khi thức dậy, Po ngồi xo ro để suy nghĩ.

*151. Po nao sanang wek kieng [62] ka drah,
nda ka anak Cam ra-mbah, Yuen pander tuei likuk.,*

Po ao ước được trở lại quê hương càng sớm càng tốt, vì quá lo âu cho dân tộc Chăm thống khổ bị người Kinh năm đầu.

*152. Po su Cei nao Cam halun biak ka-uk,
nda nyu mak tuei likuk, Po ni nao truh palei.,*

Po và Cei ra đi, dân tộc Chăm vô cùng lo âu, cứ e sợ bị người Kinh trừng phạt theo sau trong lúc Po không còn ở Champa nữa.

*153. hia ka Po saong lima urang Cei,
ra-mbi ra-mbâp di grep palei, lasei o hu buh di [63] tian.,*

Người Chăm không ngừng nghĩ đến Po và 5 vị hoàng tử⁷⁸, chịu khốn khổ trong cuộc hành trình để rồi không có hạt cơm để ăn no bụng.

⁷⁷ Bảy năm ở đây ám chỉ cho Po Phaok The lên ngôi năm 1828 và bị từ hình vào năm 1835.

Ariya Po Phaok

154. *Po su Cei ra-mbah ra-mbâp sa jalan,
nao sa drei riim pakal [pakar], sudiap anak jang oh thau,,*

Po và Cei thật khổ nhưng chung vai sát cánh trên đường, hai người ly hương quên cả vợ con.

155. *ain [auen] ka Cei lac kieng wek nao palei,
oh hu hagait kieng brei, payua panuec ngan kadha,,*

Xin mừng cho Cei muốn trở về xứ sở. Chúng tôi không có gì để trao tặng ngoài đôi lời cầu chúc.

Hoàn cảnh cơ cực của người Chăm

156. *di ndey Yuen ni nyu puec saktijai,
ngap [64] hamu o hu padai, hajan angin jang karang,,*

Trên đời này, hết đối phó với người Kinh ăn nói xác xược, người Chăm làm ruộng thất mùa vì thiếu mưa gió điều hòa.

157. *anak Cam malam harei o ndih di sang,
huec di aia klaoh kadang, matai padai Cam abih,,*

Người Chăm ngày đêm vắng mặt ở nhà, vì sợ nước không có trong đám ruộng, làm hư hỏng mùa màng.

158. *hamu kanu tuei ni aia jang o hu,
hamu ni dhaong nyu mak ka nyu, aia ni nduec abih ka Yuen,,
[65]*

⁷⁸ Cho đến hôm nay, người ta không biết 5 vị hoàng tử này là ai? Có chăng họ là những đứa con của quốc vương Po Phaok The (Nguyễn Văn Thừa) bị bắt vào năm 1832 để đưa về Huế

Ariya Po Phaok

Ruộng gò của Chăm tưới nước rất khó, nhưng ruộng sâu có hệ thống dẫn thủy nhập điền bị người Kinh chiếm đoạt làm gia tài của họ.

Cuộc sống an bình dưới thời Gia Long

159. *di ndéy patao Ya Laong biak min,
nyu brei janang Saong Mbing, nyu thang di grep nagar jang
nyu thau,,*

Dưới thời vua Gia Long, triều đình Huế thăng⁷⁹ chức Saong Mbing⁸⁰ cho quan lại Chăm mà ai cũng biết.

160. *blaoh nyu phan kaoh nagar,
brei jang [jieng] sa baoh nagar, Cam Panrang gam Cru
Raglai Sraoh Karang,,*

Sau đó triều đình Huế phân⁸¹ chia lãnh thổ trong đó có một khu vực dành cho Chăm Phan Rang và Churu Ragalai ở Sraoh Karang⁸².

161. *daok di wak po sa urang sa bulan, [66]
baol nga bhap daok di sang, duh ni dak jang o hu,,*

Mỗi người Chăm chỉ làm phục dịch một tháng cho quan lại của mình, trong khi đó dân chúng không có việc gì khác ngoài ở nhà nuôi vợ con.

⁷⁹ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *thang*, tiếng Việt “thăng”

⁸⁰ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *Saong Mbing*, tiếng Việt “Thống Binh”. Theo Génibrel (tr. 845), Thống Binh là sĩ quan cấp tướng trong quân đội. Trong lịch sử Champa, Po Saong Nyung Ceng (1799-1822) đã nhận chức Khâm Sai Thống Binh Cai Cơ của triều đình Huế (DNTLCB, II, tr. 124).

⁸¹ Tác phẩm CM 29 (1) ghi: *phan*, tiếng Việt “phân”.

⁸² *Sraoh Karang* là tên địa danh của Churu và Raglai, nhưng không biết nằm ở đâu.

162. *putao dihlau jéng o ka hu,
hu dom nyu brei janang Po Cang, di grep nagar jang nyu
thau,,*

Gia Long là vị vua đầu tiên ban cho người Chăm chức Po Cang (ngài chuông cơ) mà ai cũng biết trong khắp xứ sở.

163. *patao phan blaoh nyu ew mai,
nyu brei ni thau Parik saong Pajai, ni Cru Raglai jang abih,,
[67]*

Một khi đã phân chia lãnh thổ, triều đình Huế thông báo sự việc cho đồng bào Chăm ở Phan Rí và Phú Hải cũng như người Churu và Raglai.

164. *blaoh nyu brei Kai Nduey phan kli thuok ni kuan,
ganuer urang sa palei, sa urang daok di war po ganuer,,*

Sau đó, triều đình Huế ban cho chức Cai Đội⁸³, phân chia Tri Thổ Quan⁸⁴, mỗi thôn có một ông quan lại.

165. *thuk di kal mang ni Cru sa [si] tel Cam,
janâk [ganâp] meda sang lam, duh ni dak jang o hu,,*

Người Churu và Chăm hưởng bao tốt lành, người có tiền của xây dựng cả nhà “sang lam”⁸⁵ và nô dịch cũng không có.

166. *kuna Po nao pathau pak aia*

⁸³ Tác phẩm 29 (1) ghi: *Kai Nduey*, tiếng Việt “Cai Đội”.

⁸⁴ Tác phẩm CM 20 (1) ghi: *Kli Thuok Kuan*, tiếng Việt “Tri Thổ Quan”, chức quan lại dành cho dân tộc Thổ, tức là người Chăm.

⁸⁵ *Sang lam* là một kiểu nhà sang trọng và kiên cố, dành cho những người giàu có và quan lại.

Ariya Po Phaok

Cam [68] su Cru ganâk [ganâp] mada, mang di ndey Po Su Mbing Po Neng,,

Xin Po cho 4 quốc gia biết rằng dưới thời Po Su Mbing và Po Neng⁸⁶, người Chăm và Churu làm ăn rất an bình và thịnh vượng.

*167. dua Po Yuen ni brei sa janang,
ngap ni mbeng biak lanang, baol nga bhap suk hatai,,*

Po Su Mbing và Po Neng là hai quan lại do triều đình Huế bổ nhiệm giúp người Chăm, Churu làm ăn phát đạt và an vui.

Thống kê dân số dưới thời Minh Mệnh

*168. dua Po trun di rai jang brai,
baol nga bhap jang matai, calah caluen ka abih,,*

Khi Po Su Mbing và Po Neng hết nhiệm kỳ, mọi việc đều tan vỡ. Quần chúng chết chóc, chia cách nhau mỗi người mỗi nơi.

*169. di ndey po Phaok Yuen [69] nyu mak Cam biak,
Yuen ataong paraong paraih Cam dahlak, lima ni pluh pak thun mang ni,,*

Dưới thời Po Phaok The, người Kinh nắm quyền trừng trị người Chăm tính ra gần 54 năm qua⁸⁷.

170. pak ndey putao sa ratuh thun mang ni,

⁸⁶ Cho đến hôm nay người ta không biết Po Su Mbing và Po Neng là ai. Có thể hai quan lại này được triều đình Huế bổ nhiệm sau ngày vương quốc Champa bị xóa bỏ trên bản đồ vào năm 1832?

⁸⁷ Câu 180 của CM 20 (1) viết rằng ba đời của vua người Kinh thật là khôn khéo, họ bắt người Chăm và Churu làm lính xung phong vào chiến trường đúng một chu kỳ là 54 năm.

Ariya Po Phaok

Cru Raglai Cam Buni [bani], calah caluen nao abih,,

Bốn đời vua kéo dài gần 100 năm⁸⁸, Churu Raglai, Cham và Bani hoàn toàn bị chia cách nhau

*171. tadhuw ayuh Cei su Po Dobuta [Dobata], [70]
sa [si] mboh nagar nés pabha, ni thak [tak] di kal kayua Po,,*

Xin gửi chúc tụng đến Cei và Po có đủ quyền thần thông, nếu vương quốc Champa bị sụp đổ thì lỗi này cũng do Po một phần nào.

*172. di ndey Yuen pangap ni so grep nagar,
ba ni mai ka nyu apan, o brei labaih sa urang,,*

Chính quyền người Kinh ra lệnh thống kê dân số người Chăm không chừa một người nào.

*173. lima sa tian jang nyu ngap so bu-ar [ba-ar],
Parik Panrang Kraong Pajai, di grep [71] palei jang hu,,*

Mỗi làng người Chăm từ Phan Rí, Phan Rang, Long Hương, Phú Hải, phải thống kê dân số, dù gia đình có 5 anh em ruột cũng phải có tên trên danh sách.

*174. Yuen paguen sa bulan biak sang,
taom abih pak galang, di grep nagar ka nyu karii karia [kahri
kahra] takai baol,,*

Chính quyền người Kinh hẹn một tháng sau để tất cả người Chăm phải tập trung tại nhà kho đôn lữ hầu kê khai dân số.

175. kuna di Po nao akhan pa-abih,

⁸⁸ Người ta không biết tác giả ám chỉ cho triều đại nào?

Ariya Po Phaok

*Yuen karia [kahra] tah katih, nyu thau ni jon [jén] di [72]
Cam yap akaok,,*

Xin Po cho mọi người biết rằng chính quyền người Kinh tính số dân với bản tính sau đó bắt người Chăm phải đóng thuế từng đầu người.

*176. Parik Panrang Kraong Pajai hia caok,
Yuen nyu rik grep akaok, di riim ni thun riim bulan,,*

Bà con Chăm Phan Rí, Phan Rang, Long Hương, Phú Hải khóc than về chính quyền người Kinh đóng thuế từng đầu người cả tháng, cả năm.

*177. anak Cam biak gula [gila] caik o thau,
Po ni mai kal dihlau, kieng ngap ni dhar wek ka nyu,,*

Người Chăm khờ dại không biết xử lý như thế nào, chỉ chờ Po làm phước thành để bảo vệ cho họ.

*178. Po su Cei kakabak [kalabak] aiek palei, [73]
anak ni Cam lakei kumei, klak ni sang dep majua,,*

Po và Cei cứ đi xem từng làng để biết trai gái Chăm bỏ nhà trốn đi nơi khác.

*179. anak Cam daok ka-ndaong duessak [duissak],
Po ni dang di pa-ndiak, Po ni piéh dalam hatai,,*

Những người Chăm còn sót lại thật là tội nghiệp. Có đứng ngoài nắng, Po mới biết thế nào là khổ đau.

Lời cầu ước của tác giả

*180. Po sanang dalam ni tian piéh ka,
Po ni mai sa mbeng tra, anak [74] ni Cam thau ka drei,,*

Ariya Po Phaok

Những gì Po nghĩ về Chăm nên giấu kín trong lòng. Kỳ sau Po trở lại, có thể người Chăm mới biết mình là ai.

*181. anak Cam ni biak truh gala,
Aluah ni tiap ramada, mai pasiam nagar ita,,*

Cũng vì dân tộc Chăm quá khờ dại, thành ra Đấng Allah phải sai quan đặc sứ đến hướng dẫn dân tộc này.

*182. Po su Cei maong di ngaok tuara,
Po lakau Dobuta, ngap ni dhar wek ka Cam,,*

Po và Cei nên xem sao trên trời để xin Đấng thiêng liêng ban đức thành cho dân tộc Chăm.

Khí hậu mùa màng thất thu

*183. di grep nagar Parik Panrang Kraong [75] Pajai,
nagar Parik Panrang Kraong Pajai, thei ra thau sakirai, mak
tabiak blaoh panah,,*

Tại xứ sở Phan Rí, Phan Rang, Long Hương và Phú Hải⁸⁹, những ai biết thực trạng của dân tộc Chăm nên chuyển tải đến người khác.

*184. paran per luec ni phun tel hajung,
di grep nagar jang tarung, thei sanang baik bi mboh,,*

Đi từ địa đầu cho tới điểm cuối của vương quốc, quần chúng đều thấy xứ sở lâm vào tình trạng rối ren.

185. ndey ni la-ua tanah pala tangoy [tangey],

⁸⁹ Câu 183 lặp lại hai lần: *Parik Panrang Kraong Pajai*.

Ariya Po Phaok

drak [76] ratak hajan angin jang jhak, hajan tanran jang karang,,

Trên đời này, người Chăm cày đất trồng đậu trồng bắp, nhưng không có mưa thuận gió hòa.

*186. anak Cam daok sanang blaoh hia,
lakau di Po Dobata, oh mboh jalan trun marai,,*

Người Chăm than thở cho trời không có mưa, chỉ còn cách là xin Po Dobata giúp đỡ

*187. anak Cam daok sanang huec lo,
lac [77] nagar o hu po, tangoy [tangey] ritak matai abih,,*

Người Chăm lúc nào cũng lo âu, một khi vương quốc bị sụp đổ, mùa màng bị tiêu hủy.

*188. nagar Cam halun ni lahik ganuer iw hanuk,
hajiéng nagar praong suk [chuk], Aluah Tala pakarang,,*

Một khi vương quốc Champa vương phải sai lầm, quan thần Champa cũng biến mất và quyền lực của Đấng Aluah Tala cũng giảm đi.

*189. balan pak aia ni kraong thu ca-ndang,
kabaw manues [manuis] ngan urang, thu o hu kieng manyum,,*

Vào tháng 4 mỗi năm, nước sông khô ráo, thiên hạ và súc vật không có nước để uống.

*190. nagar Cam dar ni dua canah kraong dol [duel],
hajiéng lahik po ganuer, baol nga bhap jang karang,,*

Ariya Po Phaok

Vương quốc này nằm giữa hai nhánh sông bị lấp đất. Chính vì thế, quan lại và quốc vương không còn, dân số càng ngày càng ít.

*191. ga-mbak di Po saong ni Cei nao pathau,
kraong ni Cam halun oh hu haluw, Po sanang hai ka Cam,,*

Xin Po và Cei nên thông cảm rằng sông ngòi của người Chăm cũng không có nguồn.

*192. nagar Cam lahik abih ganuer acar,
klaik di Yuen sa pakar, lac ni piéh mbeng ka Po,,*

Vương quốc Champa mất hết quan thần, người Chăm phải đánh cắp một món đồ của người Kinh để dành cho Po.

Chính sách chiếm đoạt ruộng muối

*193. Yuen parok hamu sara dar kraong,
nyu [80] ngap di Cam kieng karaong, ra-mbah ra-mbâp âk
[ek] lapa,,*

Người Kinh lấy đất để xây dựng ruộng muối lấp cả con sông làm cho người Chăm khổ cực và đói khát.

*194. adat Cam khin [ukhin] bikan lo mada,
kraong ni oh truh yawa, Po sanang dalam hatai,,*

Phong tục Chăm có lễ điều kiêng cử làm cho con cá hồng⁹⁰ thờ cũng không được. Po nên suy nghĩ lại trong lòng

195. mang kal dihlau hamu sara Cam macai,

⁹⁰ Tác phẩm 29 (1) ghi: *kraong* ám chỉ cho « cá hồng ».

Ariya Po Phaok

nyu tiap tagok [81] daok di glai, Yuen mak hamu sara ka nyu,,

Xưa kia, người Chăm hoàn toàn làm chủ trên ruộng muối⁹¹. Sau này người Kinh đuổi họ lên rừng núi, để lấy hết sở hữu ruộng muối của dân tộc này.

*196. kana di Po nao pathau pak aia
Cam ni hai hamu sara, Yuen ni mak abih ka nyu,,*

Xin Po tâu với 4 quốc gia rằng, người Kinh lấy hết ruộng muối của người Chăm.

*197. ndey patao Cam mak ni Yuen pakhik darak,
Yuen mabai nyu [82] ngap jhak, nyu mak ni Cam jiéng halun,,*

Xưa kia, vua Champa bắt người Kinh làm người gác gian cho chợ búa. Hôm nay người Kinh trả thù bằng cách bắt người Chăm làm nô lệ cho họ.

* *

*198. mayah Po anit Parik Panrang Kraong Pajai,
Cru Raglai ew abih taom marai, ni thot [that] biyak Po su Cei,,*

Nếu Po còn thương hại cho Parik, Phan Rang, Long Hương và Phú Hải, chúng con sẽ tập trung hết những người Churu và Raglai để phục dịch cho Po và Cei.

⁹¹ Trong quá trình của lịch sử, người Chăm chuyên về nghề khai thác ruộng muối trong khu vực Cà Ná và Nại (Ninh Chữ, Phan Rang). Năm 1832, vua Minh Mệnh ra lệnh cấm người Chăm sinh sống gần bờ biển và tịch thu toàn diện ruộng muối của họ.

Ariya Po Phaok

199. *Po nao ra-mbi ra-mbâp di riim thun bulan,
sa [83] baoh nagar Nosarawan, abih lijang alin ka Po,,*

Po ra đi hàng năm hàng tháng với bao khôn khổ, chúng con xin dâng xú sở Nosarawan⁹² cho ngài.

200. *tadhuv ayuh Po sumu Dobuta [Dobata],
Po ni daok tel taha, nagar ni Cam halun ga-mbak,,*

Xin chúc Po được sống vạn thọ để vương quốc Champa được nhờ.

201. *jhak dihlau tel hadei jiéng Nuerapa [Norapa],
mang di kal dit diya, baol [84] nga bhap kumei lakei aen
[auen] tabuen,,*

Vào những thời xa xưa⁹³, người Chăm thường có câu: gặp tai họa trước sau này trở thành vua, có như thế dân chúng được hưởng nhờ những an vui.

202. *di grep nagar Cam Buni [Bani] oh thau sa [si] auen,
tel ra mai hadei pajhen, ho [hâ] ni maik yau liman,,,*

Trong khắp vương quốc, Chăm và Bani không biết gì là an vui. Một khi người Kinh bắt đầu lấn áp⁹⁴ người Chăm, dân tộc này mới biết thế nào là thân phận của họ ./.

⁹² Tác phẩm 29 (1) ghi: *Nagar Nosarawan*, ám chỉ cho vương quốc Champa. Xem CAM 64 (7), CAM 142 (2), CAM 151 (22).

⁹³ *dit diya* ám chỉ “xưa kia, đất nước”. Trong câu này, *dit diya* có nghĩa: xa xưa, trước kia”

⁹⁴ Tác phẩm 20 (1) ghi: *pajhen* “lấn áp”.

Lịch trình biến cố theo niên đại

Champa trong quá trình lịch sử

- Năm 192
Sự ra đời của vương quốc Lin Yi (Lâm Ấp).
- Năm 629
Danh xưng Champa xuất hiện lần đầu tiên trên bia ký của vua Sambhuvarman ở Mỹ Sơn.
- Năm 667
Danh xưng Champa xuất hiện trên bia ký Ang Chumnik của Campuchia.
- Năm 758
Tên gọi Lin Yi (Lâm Ấp) biến thành Hoàng Vương.
- Năm 817
Tên gọi Panduranga xuất hiện trên bia ký Champa.
- Năm 877
Tên gọi vương quốc Hoàng Vương biến thành Chiêm Thành, phiên âm từ thuật ngữ Champapura « Kinh Thành Champa ».

Mối liên hệ giữa Panduranga và Champa

- Năm 1050
Cuộc vùng dậy lần đầu tiên của tiểu vương quốc Panduranga chống triều đình liên bang Champa.
- Năm 1074
Vua Harivarman cho rằng Ngài xuất thân từ hai dòng máu: dòng tộc cây dừa ở miền bắc theo huyết thống của

Lịch trình biến cố theo niên đại

cha và dòng tộc cây cau ở miền nam theo huyết thống của mẹ.

Champa dưới thời kỳ đô hộ của Campuchia (1145-1203)

Năm 1145

- Campuchia xua quân xâm chiếm Vijaya, giết quốc vương Jaya Indravarman III ở chiến trường. Người lên kế vị là Rudravarman IV.

- Vì không chấp nhận chính sách xâm lược của Campuchia, vua Rudravarman IV chạy sang Panduranga lánh nạn.

Năm 1147

Ở miền nam, Vua Rudravarman IV xin thoái vị. Con của Ngài là hoàng tử Sivanandana lên ngôi với danh hiệu là Jaya Harivarman I.

Năm 1148

Ở miền bắc, vua Campuchia tôn em rể của mình là Harideva lên làm quốc vương Champa ở Vijaya.

Năm 1149

Vua Jaya Harivarman I từ miền nam tiến quân sang Vijaya giết hoàng tử Harideva gốc người Campuchia và thống nhất đất nước.

Năm 1151

Dân chúng Randaiy (Radhé) và Mada (Bahnar ?) ở khu vực Tây Nguyên lên án vua Jaya Harivarman I là nhân vật miền nam sang tiếm ngôi Champa ở miền bắc. Họ vùng dậy tôn vinh hoàng tử Vançaraja, anh rể của vua Jaya Harivarman I, lên làm quốc vương Champa, nhưng không thành.

Năm 1190

Vua Campuchia xua quân xâm chiếm Champa và phân chia vương quốc này thành hai miền nam-bắc:

- Vijaya ở phía bắc đặt dưới quyền cai trị của hoàng tử In, gốc người Champa nhưng là anh rể của vua Campuchia.

Lịch trình biến cố theo niên đại

- Panduranga ở miền nam đặt dưới quyền cai trị của Suryavarmadeva gốc người Tumpraukviyaya (Bình Định), nhưng đã từng lánh nạn ở Campuchia từ 1182.
- Năm 1191
Hoàng tử Rashupati kêu gọi dân chúng Vijaya nổi dậy chống lại hoàng tử In, là anh rể của vua Campuchia.
- Năm 1192
Lợi dụng tình hình rối ren ở miền bắc, vua Suryavarmadeva ở Panduranga tiến quân sang Vijaya giết được hoàng tử Rashupati và tự phong cho mình là quốc vương liên bang Champa.
- Năm 1203
Vua Campuchia là Jayamarman VII gọi một đoàn quân hùng mạnh sang tấn công Vijaya. Bị thua trận, vua Suryavarmadeva chạy sang Đại Việt để lánh nạn.

Sự ra đời của biên niên sử Panduranga

- Năm 1203
Sau ngày lánh nạn của vua Suryavarmadeva ở Đại Việt 1203, biên niên sử (*sakarai dak rai patao*) viết bằng tiếng Chăm nói đến vị vua đầu tiên của tiểu vương quốc Panduranga tên là Sri Agarang lên ngôi vào năm 1193 hay năm 1205 tùy theo dị bản.

Tình hình Champa 1471-1771

Nam tiến của nhà Nguyễn

- Năm 1471 (Tân Mão)
- Tháng 3, Lê Thánh Tông xua quân xâm chiếm Vijaya (Đồ Bàn), bắt được vua Champa là Trà Toàn, dời biên giới Đại Việt đến đèo Cù Mông, phía bắc Phú Yên.
- Bồ Trì Trì, một vị tướng Champa chạy sang miền nam lánh nạn và xin vua Đại Việt tấn phong quốc vương Champa.
- Năm 1478 (Mậu Tuất)

Lịch trình biến cố theo niên đại

- Champa tiếp tục trao đổi phái đoàn ngoại giao với Trung Hoa.
- Năm 1543 (Quý Mão)
 - Trung Hoa vẫn tiếp tục trao đổi mối liên hệ với Champa. Nhưng sau năm 1543, tài liệu Trung Hoa không nhắc đến vương quốc Champa nữa.
- Năm 1611 (Tân Hợi)
 - Chúa Nguyễn xua quân chiếm Aia Ru (Phú Yên).
- Năm 1653 (Quý Tị)
 - Chúa Nguyễn xua quân chiếm Aia Trang (Khánh Hòa).
- Năm 1658 (Mậu Tuất)
 - Chúa Nguyễn xua quân chiếm Sai Gòn.
- Năm 1692 (Nhâm Thân)
 - Chúa Nguyễn xua quân chiếm Champa, xóa bỏ chủ quyền của vương quốc này, biến tên gọi Chiêm Thành thành Trấn Thuận Thành.
 - Chúa Nguyễn phong cho Po Saktiraydapatih làm quan quản trị Trấn Thuận Thành.
 - Chúa Nguyễn hình thành phủ Bình Thuận trên lãnh thổ Champa tập trung những người Kinh sinh sống ở vương quốc này.
- Năm 1693 (Quý Dậu)
 - Quần chúng Champa nổi dậy chống cuộc xâm lăng của nhà Nguyễn.
- Năm 1694 (Giáp Tuất)
 - Trước sức ép của cuộc vùng dậy của nhân dân Champa, Nhà Nguyễn chấp nhận tái lập lại vương hiệu Champa, buộc vương quốc này phải công nhận phủ Bình Thuận thuộc về chủ quyền của nhà Nguyễn.

Tình hình Champa 1771-1799

Cuộc chiến giữa Tây Sơn và Nguyễn Ánh

- Năm 1771 (Tân Mão)
 - Đánh dấu cuộc khởi nghĩa của Tây Sơn. Champa trở thành bãi chiến trường của cuộc chiến giữa Tây Sơn và Nguyễn Ánh.

Lịch trình biến cố theo niên đại

Năm 1790 (Canh Tuất)

Po Saong Nyung Ceng (Nguyễn Văn Chân), vị quan lại gốc người Chăm chạy theo Nguyễn Ánh ở Gia Định, được phong chức Khâm Sai Thông Binh Cai Cơ.

Năm 1793 (Quý Sửu)

- Nguyễn Ánh tấn công Tây Sơn trên lãnh thổ Champa, bắt quốc vương Po Tisuntiraidapuran do Tây Sơn tấn phong đưa về Gia Định và sau đó kết tội tử hình.

- Nguyễn Ánh phong cho Po Ladhunpaghuh (Nguyễn Văn Hào), người đã từng tham gia phong trào chống Tây Sơn, chức Chương Cơ có trách nhiệm cai trị vương quốc Champa.

- Kể từ năm 1793, Nguyễn Ánh làm chủ tình hình ở Champa.

Năm Giáp Dần (1794)

Nguyễn Ánh phong cho Po Saong Nyung Ceng (Nguyễn Văn Chân) chức phó vương Champa dưới triều đại Po Ladhuanpuguh (1793-1799).

Năm 1796 (Bính Thìn)

Tuan Phaow, người đã từng sinh sống ở Makah (Kelantan, Mã Lai), tổ chức cuộc vùng dậy nhằm giải phóng Champa ra khỏi ách thống trị của Tây Sơn và Nguyễn Ánh.

**Champa dưới triều đại Po Saong Nyung Ceng
(1799-1822)**

Năm 1799 (năm Mùi lịch Chăm)

Tháng 7, Po Po Ladhunpaghuh (Nguyễn Văn Hào) băng hà. Po Saong Nyung Ceng (Nguyễn Văn Chân) lên ngôi kế vị.

Năm 1802 (Nhâm Tuất)

Nguyễn Ánh đánh bại quân Tây Sơn, lên ngôi lấy niên hiệu Gia Long, phục hưng lại chủ quyền Champa và giao cho Po Saong Nyung Ceng (Nguyễn Văn Chân) quyền cai trị của vương quốc này.

Năm 1807 (Đinh Mão)

Lịch trình biến cố theo niên đại

Champa cung cấp gỗ cho vua Gia Long để xây dựng cung đình Huế.

Năm 1820 (Canh Thìn)

- Champa gặp phải bệnh dịch gây ra thiệt mạng cho hàng ngàn người.
- Vua Gia Long băng hà. Hoàng tử Đạm lên ngôi lấy niên hiệu là Minh Mệnh.
- Khởi đầu cho cuộc tranh chấp nhằm kiểm soát Champa giữa vua Minh Mệnh và Lê Văn Duyệt, tổng trấn Gia Định Thành.

Năm 1822 (Nhâm Ngọ)

- Minh Mệnh tách rời phủ Bình Thuận nằm trong biên giới Champa ra khỏi Gia Định Thành và đặt dưới quyền cai trị trực tiếp của mình.
- Tháng 4, Minh Mệnh triệu tập phó vương Champa là Po Klan Thu về Huế nhưng không giải thích tại sao, trong khi đó quốc vương Po Saong Nyung Ceng đang lâm bệnh nặng chờ ngày băng hà.
- Tháng 6, Po Saong Nyung Ceng băng hà vì tuổi già, trong khi đó phó vương Po Klan Thu vẫn còn ở Huế.
- Vua Minh Mệnh đề nghị Bait Lan, người thân cận với triều đình Huế, lên nối ngôi, trong khi đó Lê Văn Duyệt chọn lựa phó vương Po Klan Thu.

Champa dưới triều đại của Po Klan Thu
(1822-1828)

Năm 1822 (Nhâm Ngọ)

- Tháng 8, Ja Lidong vận động quân chúng vùng dậy chống lại chính sách của triều đình Huế ở Champa.
- Để giải quyết tình hình rối ren này, Minh Mệnh chấp nhận tấn phong Po Klan Thu (Nguyễn Văn Vĩnh) lên làm quốc vương Champa và Po Phaok The (Nguyễn Văn Thừa) làm phó vương.

Năm 1823 (Quý Mùi)

- Tháng 2, Po Klan Thu ra lệnh xuất quân chống cuộc vùng dậy của Ja Lidong, nhưng không thành công.

Lịch trình biến cố theo niên đại

- Lê Văn Duyệt đứng ra can thiệp. Ja Lidong chấp nhận qui hàng với chính quyền ở Gia Định Thành.
- Năm 1826 (Bính Tuất)
Thàng 12, năm Dậu lịch Chăm, Nduai Kabait kêu gọi dân tộc miền núi ở vùng Đồng Nai Thượng, Khánh Hòa và Phú Yên vùng dậy. Po Klan Thu xin triều đình Huế giúp quân để dẹp quân phiến loạn.
- Năm 1827 (Đinh Hợi)
Minh Mệnh ra lệnh cho phủ Bình Thuận triệu tập các chức sắc tôn giáo Chăm và yêu cầu họ phải khai báo những gì có mối liên hệ đến phong tục và tập tục của người Chăm.
- Năm 1828 (Mậu Tý)
Phủ Bình Thuận loan tin quốc vương Po Klan Thu băng hà nhưng không nêu rõ ở đâu và vì lý do gì.

Champa dưới triều đại Po Phaok The
(1828-1832)

- Năm 1828 (Mậu Tý)
 - Minh Mệnh và Lê Văn Duyệt mỗi bên tìm cách đưa người trung thành với mình lên làm quốc vương Champa.
 - Lê Văn Duyệt giao quyền nối ngôi cho Po Phaok The (Nguyễn Văn Thừa) tức là con của Po Saong Nyung Ceng (1799-1822) và đề nghị Cei Dhar Kaok (Nguyễn Văn Nguyên) lên làm phó vương.
 - Kể từ 1828, vương quốc Champa chấm dứt mối liên hệ với triều đình Huế và nhân dân Champa hoàn toàn đặt dưới quyền che chở của tổng trấn Gia Định Thành.
- Năm 1829 (Kỷ Sửu)
 - Kể từ năm 1829, Champa chỉ nộp thuế cho Lê Văn Duyệt ở Gia Định Thành
- Năm 1831 (Tân Mão)
Một nhóm quan lại Champa phản đối quốc vương Po Phaok The về việc ly khai với triều đình Huế để theo Lê Văn Duyệt
- Năm 1832 (Nhâm Thìn)

Lịch trình biến cố theo niên đại

- Tháng 3 lịch Chăm, lợi dụng sức khỏe suy yếu của Lê Văn Duyệt, Minh Mệnh ra lệnh bắt quốc vương Po Phaok The và phó vương Cei Dhar Kaok đưa vào trại giam tại Huế. Kể từ đó, vương quốc Champa không còn chủ quyền nữa.

- Tháng 7 âm lịch, Lê Văn Duyệt băng hà ở Gia Định Thành. Vua Minh Mệnh sáp nhập Champa vào lãnh thổ Việt Nam.

Minh Mệnh trừng phạt dân tộc Champa (1832-1833)

Năm 1832-1833 (Nhâm Thìn-Quý Ty)

Minh Mệnh áp dụng chính sách trừng phạt khủng khiếp dân tộc Chăm về tội theo Lê Văn Duyệt; buộc các vị tu sĩ Chăm Bani phải ăn thịt heo và tu sĩ Chăm Bà La Môn phải ăn thịt bò; ngăn cấm tuyệt đối người Chăm cúng bái theo phong tục của họ; buộc người Chăm phải ăn mặc và sống theo phong cách người Kinh.

Phong trào Hồi Giáo của Katip Sumat (1833-1834)

Năm 1833- (Quý Ty)

- Katip Sumat, người Chăm từng sinh sống ở Makah (Kelantan, Mã Lai) sang Champa để hình thành mặt trận “thánh chiến Hồi Giáo” (*Jihad*) chống lại triều đình Huế.

- Vua Minh Mệnh tung ra “chiến trường đồ lửa” bằng cách đốt phá tất cả làng mạc người Chăm, trừng trị thẳng tay những ai theo Hồi Giáo và tìm cách ngăn chặn sự bành trướng tôn giáo ngoại lai vào Việt Nam.

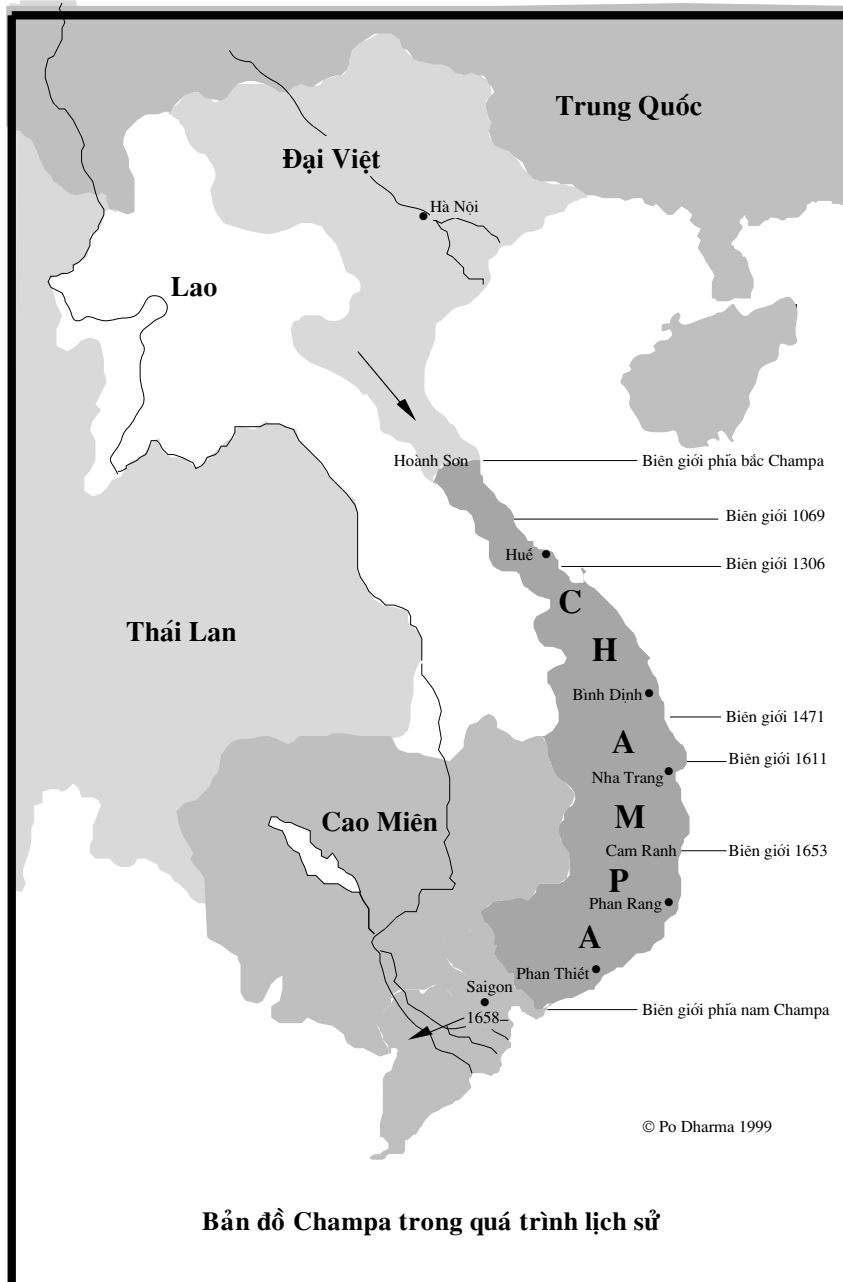
- Tháng 6, Minh Mệnh phong cho cựu quốc vương Po Phaok The (Nguyễn Văn Thừa) chức Diên An Bá với điều kiện là Ngài không tham gia vào phong trào của Katip Sumat.

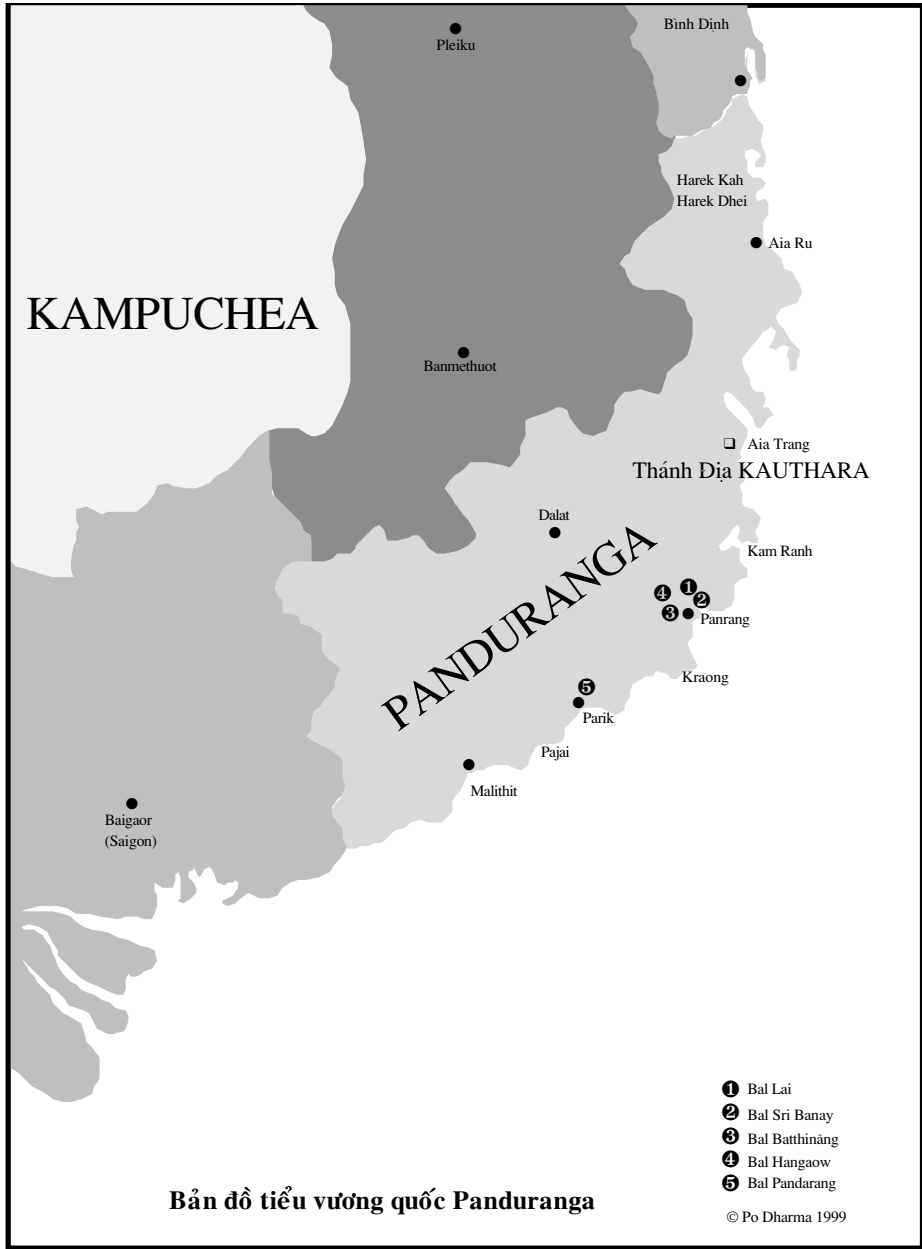
Lịch trình biến cố theo niên đại

- Tháng 7 năm Ty lịch Chăm (1833), phong trào Katip Sumat bị dập tắt, sau đó Katip Sumat trở về Kampuchia.
- Năm 1834 (Giáp Ngọ)
- Mặc dù bị thất bại, thành viên Katip Sumat vẫn tiếp tục đấu tranh nhưng không có viễn tượng tương lai.

Cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa (1834-1835)

- Năm 1834 (Giáp Ngọ)
- Ja Thak Wa là thành viên trong phong trào của Katip Sumat hình thành mặt trận giải phóng Champa.
 - Ja Thak Wa ra mắt chính phủ Champa lâm thời, tôn vinh một nhân vật gốc Raglai lên làm quốc vương Champa với danh hiệu là Po War Palei và một người Churu làm thái tử.
 - Tháng 7 năm Ngọ lịch Chăm, Ja Thak Wa vùng dậy tấn công cùng một lúc khu vực Ninh Thuận, Bình Thuận, Khánh Hòa và Phú Yên.
- Năm 1835 (Ất Vị).
- Tháng 2, Minh Mệnh áp dụng « chiến trường đồ lửa lần thứ hai » bằng cách đốt phá làng mạc, mồ mả vua chúa và đền tháp Champa, ra lệnh cho binh lính người Kinh chém đầu 3 người Chăm vào mỗi buổi sáng mới được hưởng lương.
 - Tháng 4, Po War Palei và Ja Thak Wa bị tử trận trên chiến trường ở Phan Rang.
 - Tháng 6, vua Minh Mệnh đưa cựu quốc vương Po Phaok The ra xử trảm, mặc dù Ngài hứa không tham gia phong trào Ja Thak Wa.
 - Tháng 6 năm Ất Ty (1835) đánh dấu ngày cuối cùng của vương quốc Champa trên bàn cờ chính trị Đông Dương.





KAMPUCHEA

PANDURANGA

Thánh Địa KAUTHARA

Bản đồ tiểu vương quốc Panduranga

- ① Bal Lai
- ② Bal Sri Banay
- ③ Bal Batthinang
- ④ Bal Hangaow
- ⑤ Bal Pandarang

© Po Dharma 1999